

VƯƠNG - HỒNG - SẼN

HỒI - KÝ
50 NĂM MÊ HÁT

TỪ-SÁCH NAM CHI
CƠ-SỞ XUẤT-BẢN PHẠM-QUANG-KHAI

HỒI-KÝ 50 NĂM MÊ HÁT

hồi-ký của VƯƠNG HỒNG SÈN, do
Cơ-sở PHẠM QUANG KHAI xuất-bản
lần thứ nhất. In tại nhà in riêng của
Cơ-sở PHẠM QUANG KHAI, xong
ngày 19 tháng 8 năm 1968. Ngoài
ấn-bản thường có in 50 cuốn đặc-
biệt trên giấy bạch- vân dành riêng
tác - giả và cơ - sở xuất - bản.

VƯƠNG - HỒNG - SÈN

CẢI-LƯƠNG ĐÃ 50 TUỔI

HỒI - KÝ 50 NĂM MÊ HÁT

Tựa của Thuần-Phong

TỦ SÁCH NAM-CHI

CƠ-SỞ XUẤT-BẢN
PHẠM QUANG KHAI
29 Yên Đổ, Sài-gòn
1968



Bài Tựa của Anh Thuần-Phong

Viết đã xong và đóng đã thành tập thiển Hồi-ký 50 năm mê hát, anh Vương-Hồng-Sên trao đến tôi bộ tác-phẩm đặc-biệt nhứt của anh; đặc-biệt, chẳng phải vì tác-phẩm đã viết kỹ, đã đóng tốt, mà đặc-biệt là vì đó là tất cả gan ruột của anh trải qua nửa thế-kỷ say mê thích thú. Tôi vừa rết qua hai pho sách, tôi vừa trầm trồ khen quý, khen hay, nhưng tôi đột nhiên cất tiếng kêu trời, khi chợt thấy ở đầu tác-phẩm hàng chữ viết sẵn : « Bài tựa của anh Thuần-Phong ».

Anh Vương-Hồng-Sên đã từng gởi tiếng tri-âm của anh trong gió sáng điện khuya từ Mũi Cà-Mau chỉ ít lắm là đến sông Bến-Hải; đã mấy lớp sinh viên văn-khoa, từ Bến-Nghé đến Sông Hương, đã từng hợp lấy say sưa những hứng thú của thi-văn Miền Nam và rất nhiều tạp chí đã dọn đài cho hằng vạn độc-giả không biết bao nhiêu văn-phẩm của anh. Anh cần gì phải nhờ Thuần-Phong này đề tựa : Thuần-Phong này sức được bao lắm hơi ? Uy-tin của anh, ai cũng biết, chắc không chỉ nằm bó rọ trong giới-hạn chữ S của nước Việt-Nam ta. Vậy mà anh muốn có ít chữ của Thuần-Phong trước thiển hồi-ký của anh. Anh muốn gán thêm hoa, muốn hương thêm sắc, muốn Bà-Nha có Tử-Kỳ ? Hoa hương đã có thừa trong sự-nghiệp văn-chương của anh, không khéo ngọn gió gọi là Thuần-Phong, sẽ thổi cho hoa bay hương hả ? Hoa chẳng muốn có mặt bạn, thú bạn đồng bịnh tương liên ?

Tuy không từng cần muối chia hai, nhưng đã cùng khóc cười với dân tộc trải bao cơn đau biến, anh với tôi là hai bạn bị lâm chung một bệnh khác thường : bệnh văn-nghe và bệnh đồ cổ. Bệnh tôi nhẹ, mà bệnh anh nặng. Vì vậy, sau Cách-mạng Mùa Thu, tôi được mạnh khỏe, còn anh càng thêm trầm trọng. Bao nhiêu sách vở và đồ xưa của tôi đều ra tro bụi dưới ngọn lửa « bạo Tần », chia sẻ với số phận của tài-sản toàn dân, trong lúc anh còn nguyên vẹn mấy tủ đồ xưa mấy rương sách quý.

Bệnh văn nghe của anh vì vậy mà càng lâm thêm, nên, khi nghe tin cải-lương sắp được làm lễ « kỷ-niệm ngũ tuần », bệnh anh phát xung lên, hành anh khai những bệnh-trạng của anh trải qua năm mươi năm trời : rồi bệnh anh lại khiến một bạn đồng bệnh được nghe trước :

« Đờn Bá-Nha lên dây luống dơi.

« Hỏi bạn Tử-Kỳ ! Tri-âm hỏi có hay ? »

Vậy người bạn đồng bệnh phải hòa đờn phụ âm, mới khỏi phụ lòng hoài-vọng. Gọi là phụ họa, chứ kỳ thiệt « Gió » này chỉ có vền màn sân khấu, đưa hơi đờn và vuốt giọng ca, thôi một cho đứng dây những « hội ca-cầm », những Năm Phỉ, Tư Sạn, mà Hồi-ký 50 năm mê hát đã chấp-chộ hồi-sanh rồi.

Chúng tôi đã sống được quá nửa trăm năm !

Cải-lương đã chào đời được nửa thế-kỷ ! Cúi đầu dưới búa thâu của những chế-độ đã qua, đến nay tôi còn giậm chơn trong vũng bùn văn-nghe của tôi, trong lúc bạn Vương đã vươn lên, rần vươn lên, cứ vươn lên, trên đường ngược đời của đồ cổ và trên sân-khấu loè-loẹt của cầm ca. Rồi từ chỗ anh vươn lên, anh dạy mình lại, vệt lấm lấm nhưng cho bạn đồng bệnh và bạn đồng điệu nhìn lại Năm mươi năm sân-khấu ; chắc ai cũng nóng coi ; chắc ai cũng đòi thưởng thức tức-thì cái duyên thuật chuyện của Vương-Hồng-Sên. Vậy tôi xin trân trọng nép mình.

THUẦN-PHONG

Sài-Gòn, 9-12-1966

Bài tựa của tôi

Năm 1966, tôi đã xin anh Thuần-Phong đề tựa, thì nay tôi còn viết bài tựa nữa làm chi ? Nhưng xin cho tôi mình oan đôi điều :

Tập sách nhỏ này, khi viết bởi không lựa ngày, nên xấu háy tẻ : viết xong từ hôm 4-XII-1966, đến khi muốn xuất bản thì lục đục mãi... Cho đến ngày nay vẫn chưa thành hình. Sách soạn rồi, tôi có việc phải ra Huế. Chờ chi khi ấy, tôi đề nó lại, giao cho một bạn chuyên môn đánh máy giùm thì hay biết mấy. Đáng này tôi không làm như vậy. Tôi làm biếng không muốn tự mình dò xem lại, nên mới ra cớ đổi. Tôi cố nán ở lại Sài-Gòn, để đến ngày 18-12-1966 được nghe nhà học-giả Hồ-Hữu-Tường diễn-thuyết về đề tài « Kỷ niệm 50 năm cải-lương ». Chờ chi tôi đừng đi nghe, chẳng là may cho tôi và may cho cuốn sách. Đến nghe diễn-thuyết nơi trường Quốc-gia Âm-nhạc, tôi gặp y : một cựu sinh-viên trường Đại-học Sư-phạm, nay đã đỗ đạt làm giáo-sư kiêm nghề xuất bản sách. Tự y, y xưng là có học với tôi. Gặp y, cái mới xúi quẩy. Sau buổi diễn-thuyết, y theo tôi về nhà trong Gia-Định, nài lấy cho được tập bản thảo, hứa sẽ cho đánh máy kỹ càng, lãnh bao gồm kiểm duyệt và sẽ rán in cho kịp đề bán sớm dềo trước xuân Đinh-mùi. « Thầy đề người ta thủ lợi, — lời y nói với tôi, sao cho bằng thầy giao sách cho tôi xuất bản, như vậy tình thầy trò thêm mặn mòi, thầy có cơm, tôi cũng có cháo ». Nghe bùi tai, tôi trao bản thảo cho y. Ngày 19-12-1966, tôi lên đường ra Huế, lại có khoe trước với các bạn sinh viên Đại-học Văn-khoa ngoài ấy rằng hãy chờ ít

ngày sách rao bán, nhờ mua giùm, đó cũng là mớ tài-liệu thuộc môn đang học : văn-chương Miền Nam. Đi Huế về, vẫn không tin tức cuốn sách... Pháo Đỉnh-mùi nổ giòn. Tết qua đã lâu hoặc, nóng lòng tôi đi tìm y. « Thầy về đi. — y nói tình khó, — rán chờ đến ngày 2-3-1967, tôi sẽ đem vô nhà thầy mớ nhảm, độ một phần ba tiền nhuận bút. Sách in đã gần xong, chỉ còn độ hai xấp nữa là rồi. Kẹt vì bị nghỉ Tết và thợ bị bắt đi lính bộn ». Cẩn thận, y đưa tôi ra cửa, lại có trả cho tôi tập bản thảo kèm thêm một bản đánh máy. Tôi đem về, đêm ấy đem ra đọc, khiến trọn đêm không ngủ được. Độ lừng chữ thì, trời ời, sách đánh máy sai bét hết, trật ráo hết. Văn tôi vốn là văn Miền Nam, nay đòi thành văn giọng Bắc. Mỗi trang mỗi có bốn năm lỗi. Từ cái « chụp chũa » (tôi viết) đòi ra « cái chũm chọe » (bản đánh máy) : Nguyễn Ánh (viết tay) ra Nguyễn Oánh (đánh máy) : Trần-Ngọc-Viện (viết tay) trở nên Trần-nữ-viên,...v.v. và v.v... Nếu cứ theo bản đánh máy này mà in sách, sắp chữ và lên khuôn, thì cuốn sách in ra sẽ làm cho độc giả cười tôi thúi đầu. Trông đến sáng, 13-2-67, tôi lật đặt vô nhà y, đòi lại tập bản thảo số 11 (phụ lục bài ca), đem hết về nhà, và từ ấy hai tập sách nằm chính lình trong tủ, hời duyên như gái ế chồng, như bánh mắc mưa...Sau đó tôi có gửi cho y hai bức thư đảm bảo, một bức đề ngày 4-3-67, một bức đề 20-3-67, xin y hãy bỏ công đánh máy, bỏ công in mấy xấp dở dang nữa chừng, đừng cho tôi in sách lại, nhưng y không trả lời...Tôi tưởng cuốn sách đã hết xui, ngờ đâu vẫn còn. Sau đó, có người giới thiệu đảng hoàng, tôi giao sách cho một cơ quan xuất bản khác. Sách giao ngày 1-7-1967. Cho đến ngày 13-4-1968, tôi đi mấy lần mới lấy được sách về...Sau khi in mấy hàng khơi màu rao sẽ xuất bản, rồi công việc đâu lại hoàn đó, vẫn nằm ỳ không cựa cựa. Đó là lần nhì cuốn sách sa lầy.

Nay tôi cảm cùi tị đánh máy lầy mà trong thâm tâm lòng tin đã mất. Tôi tưởng hay là số mạng ? Nhớ lại ngày 16-11-1918, có một nhóm ký-giả già tổ chức tại rạp hát Tây đường Catinat (Tự-Do ngày nay) một buổi hát. Theo tôi, đó là buổi hát khởi

đầu khiến người thuở ấy nảy ra ý nghĩ tiếp tục mãi, trình diễn và sửa đổi mãi và mở màn cho lối hát cải-lương ngày nay. Nếu sách tôi chào đời kịp bán lối tháng mười-một năm 1968, thì đúng lúc làm kỷ-niệm 50 năm Cải-lương và tập hồi-ký 50 năm mè hát này cũng chưa là quá muộn. Cho nên tôi nói : « hay là số mạng và tiền định » ?

Nay lời tựa, viết tại ĐẠT-CỒ-TRAI,
Mái Tây VÂN-ĐƯỜNG Phủ,
số 5 đường Nguyễn-Thiện-Thuật (Gla-Đinh)
VƯƠNG-HỒNG-SẼN

Ngày 6-5-1968

CHƯƠNG THỨ NHẤT

MÌNH NÓI, MÌNH NGHE

Độ chừng năm sanh và nguồn gốc cải-lương





MÌNH NÓI, MÌNH NGHE

(Hồi-ký)

Tôi muốn đề lại sau này, những gì tôi biết về hát : *hát bội* và *cải-lương*. Như *cải-lương* đã được 50 tuổi đầu, nên tôi viết về *cải-lương* trước. Rồi nếu thuận tiện và còn mạnh giỏi, tôi sẽ mô tả soạn về hát *bội* sau. Nhưng ý tôi đã chán cái giọng chuyên môn khảo cứu. Ngẫm trước xem sau, làm sao dám nói biết rõ và thấu đáo triết đề hai ngành nghệ thuật sâu sắc, làm rằm luộm nhut, kho nhut trên đời : từ *hát bội*, tuy kịch-cổn nhưng tình ba rất giọng Việt-Nam, đến *cải-lương* ngọt lịm, sắc ben dươn mũi tận tấc ? Như vậy, những trang sau đây, nơi đang lượn, chỉ tóm tắt những hiểu biết gọi là, những nghe thấy qua loa của một tên lão-sanh trọn đời chỉ ham học hỏi và ghi chép mãi không thôi, nay muốn dọn lại, thu xếp lại những gì một mấy suốt năm chục năm dư, từ năm 1915 cho đến hiện giờ, muốn thu thập những gì lượm lặt khi sát cánh gà, khi đứng từ đằng xa nghe ngóng, nhưng luôn luôn suốt một đời, vẫn mê đeo đuổi theo nghề ca hát, nay muốn tu tập những tài-liệu sẵn có ấy làm một thiên *hồi-ký tâm-sự* nhan là :

« *Mình nói, mình nghe* » (Pour moi seul).

Đã gọi là đến tuổi « bất tri thiên mạng », tưởng cũng nên ôn chép lại chơi những gì làm xao động từ năm tuổi 16, hồng bột tuổi 20, qua hồi đàm thắm nhưng chưa chán nản như hiện nay. Gẫm lại, dường có đi mới có biết. Tiếng oanh sắc bướm, nếu có chạm mạnh vào tim, là vào thời buổi nào



kia ? Chờ nay, chỉ cần một chút tình thương chơn thật đậm đà là đủ, hay nói văn-hoa, cần những gì như gung như quế, « *dữ lão dữ tân* ».

Lần thần chút chơi.— Uông cho mình hỏi không sanh con gái ? Nếu có con gái lớn, lúc này không thiếu chi rề Dong-sàng để lựa ? Nói cái tiêng đồn tử sách họ Vương, nay lọc ra một mớ cũng đủ làm của hồi-món câu rề cũ-nhơn, tấn-sĩ ? Ma cớ sao dám học trò cũ đến nhà lòng này quá đóng vậy cu ? Hay là sao Văn-khuc chiếu cửa, muốn phát tương rồi đây ? Đại-học Văn-khoa có, Đại-học Sư-phạm có. Tại lui không ngọt, mà nhà Văn Đường đâu có kẹp mới đào mới nào đâu ! Cạn-thi có, tại ham học quá mà ! Mập lù có, vì ra trường bây giờ phải lo làm hồ lấy lại sức chờ ! Có một anh lý lắc, « *lưng-giát-cấp-bàng-hăm-hở* », tập hút thuốc phun nước miếng pheo pheo ; khiến nhớ lại ai kia thuở bốn chục năm về trước ! chờ chi có con gái, ai chắm thẳng này !

Học trò cũ đến chơi vì nhớ thầy, an tâm thăm về lâu. Mà biết đâu chừng, nay ra trường thành danh, đến viếng thầy, trước thăm lấy thảo, sau xem nhà xem cửa, nghe nói lão có sách và đồ xưa nhiều lắm ! Một người đến cây viết bài cho lapsan của y quản lý. Lắm à ! cái nghề viết mướn như qua, ai cày thì làm ! Đã nhớ tình sư-đệ năm xưa, xin em cứ lại. Duy nhớ cho, tiền nhuận bút răn rạt và sông phẳng nhé ! Khỏi mếch lòng chẳng cũng có bấy nhiêu ! Có một anh đi bằng xe Honda mới toanh, nói chuyện lễ phép, con mắt ưa nháy nháy ! Anh không nói nhiều, cung kính và gãy gọn :

— « Xin thầy diễn-thuyết giùm cho một chuyến. Đề tài :

« *Nam chúc nam kỷ-niệm hát cải-lương* ».

Tôi đã thối thác và đùn anh ra cửa. Đồ thừa đất Sài-Gòn còn nhiều người chuyên môn sành sỏi hơn mình và nhiều tài tử còn mạnh khỏe hiện tại. Gai thông bông cần thận, trở



vào nhà bụng vẫn cười thầm mới thấy khôn lan thư nhất !
Nên hao tháng khi này chịu miệng lỗ, chẳng là tồn oan mang
một bộ đồ lon mượn ủi giát tháng thơm, thêm lòn lên taxi,
— đi ô-tô buýt thì còn gì thẻ thông? Rồi đến nơi nào đó, cười
duyên chào thành giả, ngời nói đồ bọt oap cho họ nghe cho
đã con rầy, mà cơ khô — khen đau không thấy, còn tiếng chề
cỏ nước lấy thùng ma hốt ! Đã ve hươu, thân tan ma dai, con
sinh tài làm chi cho mệt xác, Tue-ngữ vì không sai
« Ở đợt cơ bốn cái nọ — lam mai, lãnh nợ, gác cu, cam châu ».

1) *Lam mai*, kiếm vợ dúp cho nó ư ? Nó chả cảm ơn — ma
chờ. Thấy mình tư đang xa hai đứa nó kéo tay nhau lạnh mặt,
để khỏi tồn diều thuốc thơm. Rồi con đau bị — một ần trước,
nó như ong mai đến ong bà ông vậy !

2) *Lãnh nợ quăm*, xa-nhe (signet) cho nó có tiền xài, mà
ăn cóc khô gì ? Bạc bèo lam mà ! Lãnh nợ cho nó lấy tiền
mua xe mới, cho mình an bui, xuyết can mình là khác. Bằng
như con nợ cứ khời, hen mãi, nó loĩ ca đàm ra tòn, người
lãnh nợ bị trưởng toa xách mé lên tóc ra, kèn lên, nghe phat
ghét. Lãnh nợ mà ăn củ chuối thái phan không ?

3) *Gác cu* đây, vừa nói tới hai chữ này là có người cười,
nhờ qua trò mắt dầy — tiếp xúc với người trưởng thượng mà
gác chơn — tréo càng ngổng lên bán, ngồi vịch đóc phời
« củi căng » (là căng củi, căng thúi). Gác cu đây, tức là thú
tiêu-khiển lớp xưa : làm cái nghề đi bẫy cu trong rừng. Tôi
không nói « đi bắt cu hay bắt cụ » đâu nhé ! Nghề gác cu
phiền phức lắm : phải sắm chim mồi cho tinh khôn, sắm bẫy
cho bền nhay, thí hổ một hai ngày công toi, rông rã phời
nắng ngoài trời, lựa được chỗ nào thuận tiện bèn phở trương
dò trau, lấy bẫy ra gai, kiếm chỗ tốt ần núp, chọc cho
cu nhà nó bo nó gáy, ghẹo cho cu rừng phat tức xuống thí
tài dấm đá cần xé với cu nhà, chờ cho hai con say trận, sẽ
gựt le dây thần thông cho bẫy sụp, bắt được con nào, đem



về lựa chọn kỳ cang, lớp nường nhau tổn sả ớt rượu de, lớp o bẽ đem ra chơi, còn nao mấp giá cũng độ ha-ha các bác là cùng, còn con nao tối mã giọng hay, gáy dôi gáy ba, sẽ dưỡng nuôi càng thêm tổn lua tổn long sơn lục thiếp ! Không chỉ cũng bỏ phi mấy ngày công toi, bao hai ở nhà vợ chờ cơm, con dôi xin tiền hot toe ! Gac eu, cồ-nhon chắm ngu số ba là thắm phải. Như vậy mà mới đây, trong tạp san Constellation số 219 tháng juillet 1966 có bài nói về nghề đi săn ảnh săn hình la. Bài ấy nhan là « la passion merveilleuse des chasseurs-photographes » (thu vui kỳ lạ của những bác thợ săn pho nhom), tôi khuyên các bạn sinh Pháp-van nên kiếm mua mà đọc. Trong bài kể chuyện mấy anh thợ săn giải nghệ, thời nghe sát sinh giết thú vô cớ, các bà vợ mừng chưa kịp no, các anh dôi nghề mua máy chụp hình tối tân vào rừng lam tum lam hăm núp chờ chụp những cảnh la, rình hai con chim hu-hu, hai con ác thú « mần an », phi bòn nam ngay trời dể thân vào máy ảnh bong con hồ dực âu yếm con hồ cau, ảnh con chim gi do bat ran vẽ nuôi con, công phu con kho bang mười nghe đi săn và toi nghiệp các bà mừng hụi, vì các ông chồng con bo vang nhà hơn đi cat bum san ban. Ô hay ! gác eu kiểu mới là làm vậy à ?

4) Đen như nghe thuật cam châu thu khỏi nơi : cam châu dầy la đánh trống châu cho hát bời diễn. Lại mấy ai kien ? Châu ít ư ? Kép hát trong buồng nó xỏ nhỏ cho nghe mà ngộp. « Gĩa mặc dich ! da trâu đầu phải ông cha gì nó ma nó không dám đánh. Hát kho cồ rất hòng ma nó không châu cho an dau mình nhờ ! » Châu rờ rờng ư ? Đánh lung tung, không khéo con me bang ghê dau chưa chi chửn đồng. « Thu do de xom không nen nết ! Đánh lu bu dể ninh con Lưu-Kim Đinh ! Bao hai mình mua ghê mát ngói đây không nghe được cau nao cho đang đồng tien ! ».

Nhưng theo toi, anh học trò cũ đi xe Honda ơ, trong bốn cái ngu cồ-nhon dể lại, sio cho bằng cái ngu tân thời mà tôi



cho là *ngụ bức nhứt*, duy thời xưa chưa có nên không liệt kê vào câu cổ ngữ bất hủ kia thời. Và đó là nghề « *con nháo* », *diễn-thuyết không công* ! » Nếu cho phép, tôi đề nghị đổi câu kia lại là :

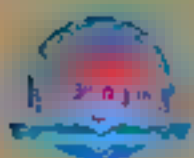
« *Trong đời có bốn cái ngụ — diễn-thuyết, làm mai-gác cu, cầm châu !* »

Những ai san tạnh hiểu cỗi, không muốn bỏ cái ngụ « đi lãnh nợ giùm », xin cứ thêm nó vào đoạn chót, cho số ngụ thêm nhiều. Nhưng còn một ngụ tay trái nữa đó là *nghề viết sách khảo cứu*. Tôi cười người diễn thuyết không công, tôi lại chọn nghề viết sách loại khảo cứu ! Ôm đèn nhà xuất bản, họ xua hai tay như mình om binh dịch vào nhà. Thương tình, họ chịu in và xuất bản được rồi, bán ba năm chưa được một vài trăm cuốn. Có phải là phí sản cả đời đang không ? Duy lấy sách khảo cứu ấy mà tăng biên thu ở thời anh em giành giựt như tôm tươi. Mà tăng không cũng chưa đủ. Phải đề câu « *xin thỉnh giáo* », và phải ký đủ họ tên, họ mới bằng lòng. Chưa hết, rồi họ loan một cuốn sách, chờ chi họ chịu ra quán mua giùm cho mình thâu hồi đòi chút vốn liếng, không dầu, số tiền ấy tha họ mua xăng nhớt, đồ dương tuơ cho được nhà, để lấy chữ ký cần thân. Tôi nói đây là nhậu với anh Honda ! Tôi từ chối sự ngụ diễn thuyết. Nhưng nhờ anh mà tôi có quyền này. Diễn thuyết sẽ vụn nát câu đề. In nhón vào tập san là làm mất màu tăn và cho ai kia hưởng nước nhứt ! Nên thà ngụ cho đủ bộ, tôi viết cho xong tập khảo cứu này. Nghĩ cho công trình cấp ca cấp cảm, sưu tập cốp nhóp — chạy giặc không mất, — ngọt và hơn năm chục năm trời, không lẽ sau này lấy đó làm giấy cuốn kèn liệm theo ? Và mặc dầu tài liệu còn chưa đủ như ý muốn, tôi cũng xin vọc vach bôi lọ trăm trương hiến bạn đọc.

Tôi biết gì về gộc tích hát cải-lương.— Tôi đã cố truy nguyên gốc tích điệu hát cải-lương nhưng rốt cuộc tôi xin chịu



thua, việc làm quá sức, duy tan đem hết ra đây những tài-liệu
thâu thập được để qui về mục đích muốn đạt nam sinh của
cải-lương vào nam nào tùy ý mọi người, chứ riêng tôi, khi
cải-lương ra đời, tôi còn học trường tỉnh Sóc Trăng, chưa đủ
sức hiểu biết và phổ biến. Lúc ấy (từ 1916-1920) việc đi dò
đi đây trong các tỉnh Miền Nam chỉ đi bằng tàu thủy và tin tức
từ tỉnh này qua tỉnh nọ không mau lẹ, dễ dàng như hiện nay.
Con như bây giờ ? Và chàng thời cuộc hiện nay chưa thuận
tiện đi điều tra tại chỗ. Nếu chờ hết chiến tranh sẽ đi từ nơi
tra cứu lại ẽ quá trễ. Ở đây tôi không lên mặt khảo cứu và
chỉ xin tóm gộp các tài-liệu tôi gần giữ được, trình bày ra
đây cho các học-giả chuyên viên sau này bổ túc những chỗ
tôi còn thiếu sót, hơ may sẽ tìm ra đúng ngay sinh của hát
cải-lương. Duy khi đi nghe một học-giả diễn thuyết tại trường
Quốc-gia Âm-nhạc ngày 18-12-1966, gần như quả quyết
cải-lương sinh vào 50 năm trước, tức năm 1916, để có dịp
đạt lễ kỷ-niệm 50 năm cải-lương vào năm 1966 là vừa, tôi
thấy tức. Cho đến nay tôi không dám cãi với ai cả, — mà đầu
cái cũng không lại, một khi báo Thông-tin năm ấy đã làm lễ
kỷ niệm 50 năm cải-lương rồi. Tôi không qui tội công cán
cho ai đã đề ra điệu cải-lương. Nay hát cải-lương đang trong
thời kỳ đặc dụng và chuyển biến mỗi ngày như mây nổi gió
bay... Ai ai cũng mê thích, ai ai cũng vô ngại khoe công ráng
mình nói trước. Cần làm chỉ cho mêch lòng. Cần cứ theo
sách vở thâu thập và những lời của người lớn hơn tôi nói lại,
và nếu tôi không làm thi buổi sơ khởi của cải-lương, là do sự
ngẫu nhiên, sự tình cờ, là do lòng ái quốc mà nên. *Lòng
ái quốc của một số người là mặt nước, cổ tim nổi trôi dẫu lên
dề cho tình thân quốc qua con ton tại.* Người miền Nam có cái
hay là khi biết dùng bạo lực chỉ hai thân vào tù, thì họ
không dùng bạo lực. Họ cố để nên lòng thương nước, chôn
giấu trong một bề ngoài len lỏi chơi bời... Thuở ấy ta phải
biết, bọn lính khui cho sài cũng không vừa, vẫn rình mò
chờ dịp lập công cho Tây... Những người có đầu óc thì kẻ bị
lưu đày bắt bớ, còn sót lại người dư dả, của có thừa, lại giả



kể ăn chơi cờ bạc để đánh bạc đường quân thám-tử. Cũng may thay đồn ca hát bạc thét cũng chán, do đó họ tìm được một mục đích cho cuộc chơi. Và cũng do đó, trong giới đồn ca, thấy nghề của mình hơi bị khinh bạc lại thêm được tọng vọng là khác, nên thường tụ họp trong phòng các nhà khá giả, hoặc chỗ do hội như tiệm hát toe, tiệm hay lò thợ bạc, vừa trau dồi nghệ thuật vừa tập ca cho vui, bắt chước người Pháp gọi đó là « nhạc thanh phòng », dịch chữ « musique de chambre » của Tây chơi là làm gì có phong đặc biệt để chơi đàn ? Trước đó nữa, tại các tỉnh Nam kỳ không có giàn đàn cổ nhạc Việt, chỉ có giàn nhạc lễ (tỷ dụ ở Bạc Liêu có Nhạc Khí), thường dùng vào các cuộc đám ma nhà heo. Mỗi khi có đám tang, vào lúc canh khuya, sau buổi tế buổi tụng kinh, thường có thầy nhạc và thầy chầu hay ra đội chủ nhà nấu cháo trắng để thục sang đêm, và nhón dịp ấy, họ cũng hòa đàn, tập dượt ca cho dung nạp, để đánh con buôn ngủ. Sau thành thói tục, mọi dịp quan hôn tang tế, thậm chí lễ mừng tân quan, tân gia, khai bang, khánh hạ, đám giỗ, đám cưới đều có mời họ luôn cho rôm rả. Người Việt thành để dãi không hay kiêng cử, sau buổi tụng kinh khoe kẻ thi hoa đơn mà đàn bản vui cũng bắt chập, đồ thừa « sư vọng như sư tồn », đồn cho người nằm đó nghe chơi như thể sanh tiền ! Trước năm 1915, chưa có tỉnh nào dám đưa giàn đồn ca lên diễn trên sân khấu công khai. Tỉnh khởi đầu việc này có lẽ là tỉnh Mỹ-tho, vì danh tiếng không thua Sai-Gòn (1). Và giàn

1.— Đề khen phong cảnh Mỹ-Tho, ông Học-Lạc có đề lại bài thơ này :

Trên Sài-Gòn, dưới Mỹ-Tho,
Đầu đầu phong cảnh cũng nhường cho :
Lớn rộng chung rạch chia đôi ngã,
Củ mới phân nhau cũng một đò.
Phố cái vẽ với xanh tợ lục,
Buồm dong lên xuống trắng như cò.
Đặc tình trạo tử quên mưa nắng,
Đàn đối đua nhau tiếng hát hò.

(Học-Lạc. Việt Âm Văn quán, Lê Sam 1919).



đờn tài-tử ra đờn cho công chúng đi xem hát bóng thường thức chờ quay phim, y như giao-dan tuồng bên hát bội là giàn đờn của ông Tư Triều ở Mỹ-Tho. Nguyên câu đến đây cũng đủ ngỡ lòng, vì đồ ai dám chắc ông Triều thứ mấy ? Trong quyển luận-án Pháp-văn « La musique vietnamienne traditionnelle » soạn rất công phu, tác giả là Trần-Văn-Khê viết rằng ông nói mình là Trần-Quang-Điền (1853-1925) (tr. 98) : ± đờn giỏi rồi; cô ruột là Trần-Ngọc-Vien (trang 100); bà này thiên-nghề đàn tranh; 10 tuổi đã ± và cha mình là Trần-Văn-Chiều, tư *Bảy Triều* (tr. 109).

Trái lại, theo ông Trần-Văn-Khải, trong tập khảo cứu in ronéo « Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam » do Thanh-Trung Sài-Gon xuất bản nhưng không ghi năm, 58 tr., thì ở Mỹ-Tho lối năm 1910 có giàn cô-nhạc của *Tư Triều* là Nguyễn Văn-Triều người xứ Cái-thia (tr. 19).

Như thầy cũ tôi là ông Trần-Văn-Chiều, trước làm trên văn-phòng và gác lớp tại Chasseloup, thì

1) *Tư Triều* là cha của cô Hai Nhiêu. Ông thiên nghề cây kìm, nhưng thiên tài lối lạc thu kìm *Bảy Triều*, trung tên và cũng ở Mỹ-Tho như nhau. Cô Hai Nhiêu, từng ca thính-phòng tại nhà hàng Cửu-Long-Giang và đã làm say đàn khách ăn chơi thuở ấy bằng bài « Giang Nam » mở đầu bằng câu : « đêm đêm xuân là đêm đêm xuân », nguyên của ông Phạm-Đặng-Đàng đặt ra.

2) *Bảy Triều*, năm 1912 vô học trường Chasseloup, nhưng chỉ học hai năm và thôi học kỳ hải trường năm 1913. Lúc vào trường, Triều đã được ông Điền dạy đờn kìm rồi nhưng chưa giỏi. Sau nhờ ông Đoi Hồ làm nghề gác của trường, ông có chơi đờn, nên Triều thường lên nhà concierge đờn chơi và nhờ nang luyện tập thêm sau thiên tư trời phú nên Triều đờn càng ngày càng phát. Và dạy Tổ-dan, theo ông Chiếu, thì Triều tìm ra tại trường vậy. Ông Điền có dạy ông Chiếu đờn bản « bài ha ». Con Cô Ba Viên, cô dạy đờn ở



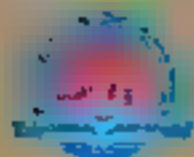
trường ảo thuật nữ học Cửu-Long, do ông Diệp-Văn-Cương đem vợ (lời 1915-1916). Sau Có bị binh ngụy làm quốc sự cùng với em rể là giáo-sư Ba, nên thôi dạy và trường ảo thuật cũng dẹp môn dạy dần dần. Việc Tư Triều đồn rap Thầy Hồ năm 1910 ở Mỹ-Tho có thể đúng. (Thuật theo lời ông Trần-Văn-Chuyên và nghe ngày 13-5-1968 tại phòng phát hưu-hồng Ngân-khố Sài-Gòn).

Rap hát bong thầy Hồ ở sau chợ Mỹ-Tho. Nguyên đời ấy có lão Leopold lập ra rap Casino ở Sài-Gòn (rap ấy ngày nay vẫn còn ở vị-trí cũ là rap Casino đường Pasteur). Leopold bày hát bong thầu tiền, và chính anh ta ra làm ảo-thuật vài lớp trước khi chớp bóng. Thầy Hồ hát chước theo, mời gian đồn Tư Triều đến đồn và ca vài bản trước tấm màn ảnh trên sạp cao mời tôi thử tư và thử bảy. Đây là lời đồn ca trước công chúng và trên sân khấu. Đồng thời trên Sài-Gòn, nhà hàng Cửu-Long-Giang trước chợ Mới, đương Lê-Thành-Tôn ngày nay, mỗi chiều tư tư và thử bảy cũng có đem ca cổ nhạc cho quan khách nghe và uống khai vị. Nhưng như vậy cũng cái-lương còn phôi thai chớ chưa sanh. Thôi chốt câu chuyện, theo tôi, gồm và đo bốn cơ-hội :

1) hát hơi hoai, hát bội mãi, cũng chân tai thet hóa nhảm ;

2) năm 1918, giặc trời Tây gọi Đệ-Nhứt Thế-Chiến (1911-1918), đã về khuya, bỗng Tây thang tran ngang, cho nên mừng qua, toàn-quyền Albert Sarraut nới tay nhằm mắt cho phép bọn tri-thức bày ra một cuộc hát trước lấy tiền dâng mẫu-quốc hàng vết thương chiến-tranh, sau nhứt cử lưỡng tiện, bọn này bày chính đồn biên hát bội ra một nghệ thuật « *cánh tân, cải lương* » khác.

3) ban đầu, hát cà rồn chơi, pha tiếng Tây vào tiếng ta, giều dơi, kiều ngao, Văn-Tiền dúi, Búi-Kiểm dè, kể đo ca bài Đình văn tam-sự của Từ Hải, « *một gông hung, giống Triệu-*



Thương-Sơn » (1). xen giọng ân quốc vào dân ta, sau đó càng biến hóa nữa, biến hóa mãi, để đến Cái-lương này sinh một cách bất ngờ, và bất tư nam nào, nay cũng không một ai dám chắc.

1) Cơ-hội hiếm có và một bất ngờ khác rất may cho tiến đồ văn-văn-hóa nước nhà là người Miền Nam lớp do đã có sáng trí, như dịp loan-quyển Albert Sarraut nơi tay cho phép lập hội lập gánh hát, vì năm 1918, bên Pháp giai đã dứt, ông Sarraut muốn để cho dân ta xu lãng quên việc nước và không làm quốc sự bên cho dân tha hồ hát xướng, thừa dịp đó dân trong Nam bên ta n giờ nghề đơn ca và đưa tài tử salon lên sân khấu...

Nay thử hỏi người đứng đầu công buổi tiên khởi là ai ?

Khó nói cho đúng. Hay là muốn nói ít sai thì phải dài dòng. Sơ khởi nên kể công cho ông Tống-Hữu-Dinh. Kể đó người có gan đưa lên sân khấu thiết thọ, gây dựng thành hình hát cái-lương như ngày nay lại là thầy Andre Le-Van-Thân, quê ở Sa-Déc.

Tống-Hữu-Dinh.— Ấn chơi bạc nhứt đất Vĩnh-Long vào năm 1915-1920, thì có thầy Phở Mười-Hai, mỹ danh Tống-Hữu-

(1) Mặt yêng hung, Mặt yêng hung, Giống Triều-Thương-Sơn, Đường cung kiêu, Cái chu nam nhi, Núi sông là phận, Tư đây quyết, Vẫy vùng cho sông đây trăn a, Bên một trời, Đứng đứng xao động ! Tại oanh liệt, Mây ngọn gươm vàng.

Rách một sự ra Ma đầu ngàn g đóc, Ghe trời đây sợ ai ?

Công hầu vương g, Thả gươm gang hồ, Cay núi tang bồng,

Mặc sự tung hoành, chơi hoành chơi !

Ngang triều-đình, đứng riêng một nơi.

Công hầu khanh tướng, Lạm chi cho nhục Gm thân !

Manh-Tư, Trương Duy Loan (lời 1918 1919) Gánh hát Thầy Năm Tú (Mỹ-Tho), (theo tập lời chép tay y ban của một ban trước học trường Mỹ-Tho).



Đình, gọi thầy Phó, và từng làm phó long đật Vàng (Vinh Long) và gọi Mươi Hai là theo thư hàng trong gia đình. Lúc sanh tiền, thầy hay tổ chức đơn ca tiệc tùng, đa v, bát bae, làm thi, đá lau — kíp oam có gạo 1911-1918. Thầy tổ chức hát đờn quyền trea gup quốc hạo nhưng chưa bao giờ lên hát tại Sai-Gon. Hoa chàng thầy là người ham đờn chơi khắp đó đây, nên thầy từng ghe Mỹ Tho ngụ đêm tại đây để cho sông đập lau hoa lên Sai-Gon như dịp đó có lẽ thầy đã từng xem hát bông có đơn tấu từ tại Mỹ, cũng như thầy từng lên ngôi nong treua nhà hàng như nhà Cửu Long, cũng gốc d'Espagne-Aviateur Garros, nay là gốc Le-Thanh-Lon — Thủ-Khoa Huân, và như tại nhà hàng Thập-Bay-Phượng gọi Lường Hữu khách-sạn dương Carabell nay là dương Nguyễn Thiệp, thầy thấy gian đơn tại tư thầy chụp để bưng lau về nhà bày đơn ca ngồi trên ván ngựa v.v...

Kinh lịch Quờn hay Huon — Cũng một lúc tại Vĩnh Long, thuở ấy có ông kinh lịch Quờn hay Huon. Ông biết chữ Hán nhuen, làm việc tại Lo-An thuở ấy chức gọi kinh lịch hay gọi tắt là «ong kinh». Sở trường đặt bút ca, thuộc thuộc như là bản Tư-Dai-Dan, thanh âm dọng điệu, lưả chú âm đơn. Ông kinh-lịch (tên dùng phai chàng là Trần Quan Quờn ?) từng có sáng kiến vào thời ấy, nghĩ chế ra một cây đàn kim thể cho cây nguyệt cầm cô điển. Ý ông muốn cho cây đơn của ông *keen hơn*, có âm thanh nhiều hơn cây nguyệt san eo. Tiếc thay đơn của ông chế ra, kênh càng không quen mắt nên lâu ngày bị bỏ quên vì không dùng như quan điểm công chúng quen nhìn và quen xai. Cũng tiếc thay nay cây đơn ông kinh-lịch Quờn sáng chế đã thất lạc và kiền vở cũng không còn để lại. Cho chi còn thi cây đơn ấy đang nhập vào viện bảo-tàng âm-nhac. Đến đây mới thấy nước ta còn thiếu một *âm-nhac quốc-gia học-lưu* (conservatoire national de musique) vậy. Và đến bao giờ mới có ?

Phạm Đang-Đang — Cũng tại Vĩnh Long, thuở ấy, còn có ông Phạm-Đang-Đang, một thầy đơn kỳ cựu dật Vàng, có thực



danh cũng như có thực tài, thục nghe cây đèn bầu (độc huyền). Ông gốc gác ở Miền Trung vào, sanh được hai trai, lấy tên xứ đất tên, một người tên *Cau*, một người nữa tên *Long*, vì ông ngụ tại quan *Cán-Long*. Một bài ca tứ đại diện hình, trong bài có câu : « Nên tôi danh sĩ *Đang-Đang*... » đủ chứng minh và đánh dấu bước đầu nghề đơn ca tại tử. Bài *Tứ-Đại* này có in trong bộ « *Thập tài-tử* » xuất bản ngày 15-6-1915 tại nhà in de L'Union, Sai-Gòn, và như vậy, đây là một tài liệu quý chỉ cho ta biết có lẽ nguồn gốc nghệ thuật cải-lương bắt đầu từ những bài ca sản xuất tại đất *Vĩnh-Long* này. Năm 1952, tôi có đem bài này lên ca trên đài *Phát-thanh Sai-Gòn*. Sang bữa sau, chúng tôi nhận được của một vị phu-nhơn « gói tặng 1.000 đồng để uống trà ». Sau ra lai phu-nhơn là á-nữ ông *Tổng-Hữu-Định*. Nguyên văn bài *Tứ-Đại* ấy như sau :

65.— Tặng thầy Phó-tổng *TỔNG-HỮU-ĐỊNH* (*Vĩnh-Long*)
sùng tu văn miếu (*Tứ-Đại*)

Vĩnh-Long tỉnh xưa *Thánh-miếu* quan thờ,
Từ khi thất thủ đến giờ
Hư tề mà không người sửa sang,
Tỷ-diên xui có một chàng,
Tổng đương bản chánh ban *Bình-Long*
Quán làng *Long-Châu*
Tổng-gia-lương ba đời.—
Hiệu Tịnh-Trai
Quyết danh là *Hữu-Định*,
Thi ân ra tài,
Tu cổ miếu hơn xưa
Thêm song đường tra.—
Tổng-gia cảm thánh xưa
Lo hết lòng sớm trưa
Bốn dân mừng cau nhơn-nghĩa
Thánh-minh đã hay đã vững
Hương huê rực rỡ
Từ linh tam tòa



Bởi cảm nghĩ trước nhà
Đạo Nho chẳng hoa
Miếu môn tan bởi tại ai
Dân không ngờ ngày nay
Cò Tổng-gia ra sức mạnh
Tướng chữ ngũ thường
Bảo hộ nghĩa tam cương
Tu miếu vẫn an
Bà quan hỏi ai ai
Xin thương người đừng làm trai
Cho sum vầy trong bốn bề
Chờ buống lời cầu thắng kỷ
Nam kinh dầu mất lễ nay lục còn
Nay Thánh-miếu đã rồi
Xuân tế con noi dân long theo người trên
Sĩ, nông, công, thương,
Khuyến bốn dân nay rõ mặt
Hiệu Tịnh-Trai này
Cầm nghĩa trước đình dương
Mạch nước quân vương.—
Bốn bên mắt mắt xem
Cung viện tường không thua xưa
Anh hùng, Tam hao
Rộng thương lang hoàng thiên cao
Nữ nào phụ sao
Cũng giúp phước như sau
Tống táng có công phu
Hỡi ai ai,
Bất chước người hơn là tu
Đam vàng, vô chùa
Trời Phật dầu hầu tôn lâu
Chẳng bằng khuyên con
Bảo nghĩa thắng vì liên.—



Nay Tổng-gia lập chòi văn màn
Nền tôi danh sĩ Dang-Dàng
Mời phổ ca truyền thiên hạ
Đặng lung người đại danh
Nghĩa ấy hừ sau người Nho-dạo
Nói theo chước này
Sau suy đó nền văn
Cảm ngộ thương rang.—
Phẩm quan chi lễ dân
Cả nước vui hời một nhà
Vĩnh-Long Tổng-gia Tháo-Thước tan trao
Tinh-Trai hiện, danh thanh ngàn nam.

Nhưng theo ý riêng tôi, ba ông Đình, Quơn, Dàng cũng chưa phải là ban-tò ngành cái lương. Tuy tuôn tác lớn, kinh nghiệm nhiều, nhưng ba ông chưa có công chánh thức đem *nghe đồn ca lên sân-khấu Sài-tron*. Đồng thời lúc ấy, trong Nam đang có một luồng gió huyền bí « long âm quốc chòi dây ». Không chống đối nữa, vì danh vẫn không lai, không làm nhà kháng chiến được nữa, thì ngấm ngấm nấu nung long sôi thương nước. Ba ông Đình, Quơn, Dàng có công người đặt soạn bài ca ý nghĩa, người lái đưa các buổi đồn ca như vậy đi khắp miệt sông Tiền sông Hậu, từ đất Mỹ-Tho qua Sa-Đéc, Vĩnh-Long. Và nhưn đây là bài sưu tầm về nguyên thủy ngành cái-lương, tôi xin dẹp một bên cái chuyện bề ngoài giả giúp Tây quyền tiến đánh giặc Đức, và chỉ mượn vai gương kin kể như sau làm cái móc chỉ rõ sự biến chuyển của ngành hát bội qua cái-lương.

Hồ-Văn-Trung — 1) Gương thứ nhất là gương ông Hồ-Văn-Trung tự Bưu-Chánh cùng các ban đồng hieu làm việc các ty soái-phủ và tư sở Sài-Gòn cầm đầu là ông Lê-Quang-Liêm, gọi Đốc-phủ Bảy, lập ra gánh hát hát dao tư rap nhà hát Tây Sài-Gòn xuống các chợ Lục-Tinh, hát tuồng « *Giáo-Long tần quốc* ».



Phap-Viet nhưt qua (thuở ấy phải vậy mới được vì không nơi chuyên nhưt già, thì Tây không cho hát) Gánh này diễn nửa hát bội nửa kịch, xiêm y áo giáp thì mượn theo xưa, nhưng diễn tả đã theo tân thời, nơi lời suông rõ ràng cho dễ nghe chứ không hát Nam hát khách. Cũng trong gánh này có các kỳ giả già nháp, to con như tên, như Nguyễn-Viên-Kiều, Đặng-Thúc-Liêng, Nguyễn-Chanh-Sat, Nguyễn-Thành-Phương, thầy Hoai, v.v. (Ông Tống-Hữu-Dinh có lẽ cũng có theo trong gánh). Và đây là một băng cờ khác :

Đặng-Thúc-Liêng 2) « Dem 16 tháng 11 năm 1919, ông
« Đặng-Thúc-Liêng, nhưn đi ngang nhà hát Tây đường Catinal,
« như đến nam ngoai, vùng y toan quyền A. Serrant, anh em
« van hứa lập hội hát khuyến cụng quốc trái lần thứ tư, khởi
« thủ hát tại rạp này trong đêm 16 novembre 1918, mà năm
« nay đêm nay lại vắng tanh, nên cảm xúc cũ mà làm bài thi
« như sau :

« QUÁ SÀI GÒN HY VIÊN CẢM TÁC »

« Nam ngoai đêm này hát rạp Tây,
« Nam nay lưu quanh nghĩ buồn thay,
« Bồn tuong Phap-Viet con roi dẫu,
« Ban kếp cảm ca đã lạc bầy.
« Dịp tốt khiến nên nhiều sự lạ,
« Lòng thành vẫn có mấy ai hay,
« Xin đừng bồn trợn chào Nhưng cũ,
« Mở mắt ngàn thu cuộc hát này. »

Đặng-Thúc-Liêng

(Trích quyển « Việt-Trung tiểu lục » của Nguyễn-Thành-Phương soạn, nhà in Nguyễn-Vân-Cửa, Sài-Gòn xuất bản năm 1920, tr. 53)

Tác-giả có ý xem dịp hát này quan trọng nhiều trong việc chấn hưng nghệ-thuật nước nhà, nên đã viết câu kết bài thi :
« Mở mắt ngàn thu cuộc hát này ».



Tôi lại lập nữa, can cứ theo bài thơ trên đây, vâng thi nhờ giúp quốc-trai, nên toàn quyền A. Sarraut cho phép lập gánh hát, và thừa dịp từ đó ta bên banh trường nghệ cảm can.

3.— Nguyễn-Thành-Phương. — Một công-sư-viên khác nữa của gánh ấy là ông Nguyễn-Thành-Phương, thư-gia, ký-giả, nghiệp-chủ lớn ở Nguyệt-Lang (Tia-Vinh), con đề lại bài thi như sau, cũng đánh dấu buổi phát huy nghệ-thuật cảm-ca buổi ấy :

1) TỪNG KHUYẾN QUYÊN KỊCH XÃ,
QUI-LAI-THUẬT :

« Trót thảng trời đeo cửa hy-trường,
« Nước non lẫn lỏi khắp que hương,
« Bầy tro bán đang người thiên cổ,
« Góp của mua vui khách tư phương
« Tắm màn chung đèn ơn Đại Pháp
« Bùn than riêng chanh buổi Tiên-Vương,
« Ai ôi có biết cho chăng ẻ ?
« Trầu lợn cung hén chịu tiếng thương »

(Nguyễn-Thành-Phương.

— Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.54)

2) VINH HÁT BỘI

« Gương đời trộm thấy cửa ca công,
« Nghĩ kiếp hư-du ngàn ngẫm lòng,
« Sơn phấn là lời đào kếp cũ,
« Nước non trà trộn Tống-Phiên chung ;
« Nồng hơi đua thừa tài cao thấp
« Bội mặt ghình nhau phía nịnh trung,
« Oai thế lấy lưng cơ nghiệp tam,
« Bá-vương rồi cũng phải tay không. »

(Nguyễn-Thành-Phương.

— Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.48)



4) *Thay Hoa* — Cũng trong gánh hát « quốc trái » hát tuồng Pháp-Việt như cũ này, có một công chức tên Nguyễn Văn-Hoài làm sơ tảo tại Sài-Tron, lúc đi hát đóng vai chúa Nguyễn Ánh, đóng hát kèn trống và trò tu lăm, hôn báo-chương Nam-kỳ cày Nguyễn-Thành-Phượng soạn câu điệu văn, câu ấy như vậy :

« Nhẹ cái lược trần, răng剔 tung phư.

Thỉnh mạng :

« Lỡ vai tuồng chính, vì quốc vong gia.

(Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.55)

Tiền đây tôi xin mach về tư liệu cũ, trong tập Nam-Phong số 19 tháng Giêng 1919 có hai ảnh :

a) 1 ảnh Phạm Quỳnh chụp chung với Lê-Quang Liêm, chủ hội Khuyến học Long Xuyên và chung với Nguyễn-Van-Cư, quản-lý Đại-Việt tạp-chi Long Xuyên :

b) 1 ảnh nữa chụp chung các người có chơn trong gánh hát nhấc trên đây, dưới ảnh đề « Phòng tuồng của hội các nhà báo Nam-kỳ đi diễn các nư đề cò-dong về việc quốc trái nam 1918. Gánh này khi xuống diễn tại chợ Sốc-Trảng, tôi có được Ba tôi dắt đi xem. Có người đã khuyên tôi nên lược bỏ đoạn này, vì có ý tán dương một buổi « nình Tây » : nhưng đứng về mặt nghiên cứu, tìm hiểu buổi đầu của hát cải-lương, tôi lại cho tài-liệu này là quan trọng nhất, vì đây là then chốt cho ta thấy nghệ thuật nhờ che giấu dưới « quốc trái, lạc quyền » : nhờ làm thế đó Tây không nói gì, nên sau bành trướng mạnh, càng ngày càng mạnh thêm nữa mà trở nên nghề hát cải-lương ngày nay vậy.

Hát bội hay hát bộ ? Trước là hát bội, sau biến thể ra hát cải-lương, và này nầm rất mạnh. Các kỳ-giả buổi ấy, như Lê-Hoàng-Mưu chẳng hạn, dễ cho thấy có cạnh tân cải cách, bên chối bỏ danh-từ « hát bội », vừa viết trên báo vừa



hồ hào xin thay vào đó và dùng hai chữ « hát bỏ » thế cho « hát bội », như vậy có vẻ mới hơn và tưởng đâu là dùng nghĩa hơn. Cái te-doan mới mới đến thay đổi và dùng chữ không nhằm lỗi nhằm chỗ này cho đến nay vẫn chưa tẩy sạch, và dấu danh-từ « hát bội » là đúng, thanh thoảng vẫn còn thấy hai chữ « hát bỏ » xuất hiện dưới nhiều ngòi bút đứng đắn. Ở đây tôi xin miễn bàn, vì hát nào lại không ra bỏ ? Và câu thơ của Phan-Van Trĩ vinh hát-bội.

« Hèn chi chúng tôi *hội* là *bội* » (1)

đủ chứng minh và tránh cho tôi khỏi nói nhảm.

Sở dĩ tôi nhấn mạnh và lặp đi lặp lại nhiều lần về buổi trình diễn « *hát bội lần đầu có thanh cách như Chanh-phủ Thực-dân năm 1918 (16 novembre)* » là vì tôi thấy đây là cái « mốc » rõ rệt và vững chãi cho « xe tác cầm ca » dựa bám nơi đó mà nở lớn lên ra, lần hồi trở nên ngành hát cải lương thuyết thọ. Nay như xem bỏ sách khảo cứu Pháp-văn của ông Trần-Van Khê « *La musique vietnamienne traditionnelle. — Les Presses Universitaires de France, 1962* », tôi tra nội trang 90 về nguồn gốc cải lương, tôi xin tóm tắt đại khái, trong trang, tác giả viết « *có Ba Đình ca bài Tứ Đại Oán « Bui Kiêm thi rot » tại nhà thầy Phó Mười-Hai ở Vũng-Liêm vào năm 1918* » và tài-liệu này tác-giả trích lục báo Pháp « *La Dépêche d'Indochine* » số 2739 ngày 21-9-1937 bài của ông Nguyễn-Văn-Hanh viết. Theo ông Hanh, lần thứ nhất diễn tuồng hát cải-lương tại nhà thầy Phó Mười-Hai (Vũng-Liêm) là ngày 15-11-1918 kể đó đi diễn nơi Sa-Đéc và Vũng-Liêm.

Ông Nguyễn-Văn-Hanh gần đây đã từ trần. Tôi không biết ông dựa theo tài-liệu nào mà viết rằng tuồng « *Pháp-Việt nhứt gia* » do thầy Phó Mười-Hai viết, và ông nói diễn lần đầu tại Vũng-Liêm đêm 15-11-1918. Căn cứ theo tập « *Việt-Trung tiền*

(1) Tập thơ Phan-Van Trĩ, nhà in Tân-Việt, Nhất Tam sao lục, tr. 16.



lúc » tôi còn giữ được và bài thơ đang tr 20 tập Hồi ký này (thơ Đặng Thúc Lãng) thì tương «Pháp-Việt nhưt gia» lên lần thứ nhất tại Rạp hát Tây đêm 16-11-1918. Con về tại hiệu về việc cô Ba Đình ca hát tại Đại Quán tại nhà Thầy Phó Mười Hai đêm 15-11-1918 và khán sinh cho hát cải-lương từ đây... — việc ấy tôi không chối cãi, và vốn ở ngoài sự hiểu biết của tôi, vì năm 1918 tôi còn học trường tỉnh ở Sóc-Trăng như đã nói nơi đoạn trước. Duy tôi xin mạn phép trích lục đoạn sau đây do một ông bạn họ thành, Cu Trần-Văn-Khai viết

« I. — *Lịch-sử cải lương* — Trước kia ở rải rạc trong các « tỉnh Nam-Phần có những ban tại-tư đơn ca trong các cuộc « lễ tại tư-gia như tân hôn, thăng quan, giỗ quán, v.v... Nhưng « không bao giờ có đơn ca trên sân khấu hay trước công chúng.

« Qua lối năm 1910, ở Mỹ-Tho có ban tại tư của Nguyễn-
« Tống-Triều, người Cai-Thức (1) lúc gọi Tư Triều (đơn kìm),
« chầu Quan (đơn đọc huyền), Mười Lẻ (thờ tiên), Bảy Vô
« (đơn eo), cô Hai Nhiên (đơn tranh) cô Ba Đức (ca). Phần
« nhiều tại-tư này được chọn đi trình bày cổ nhạc Việt Nam
« tại cuộc triển-lãm ở Pháp. Khi về, họ cho biết rằng Ban tổ-
« chức có cho họ đơn ca trên sân-khấu được công chúng đến
« nghe đông đảo.

« Cái ý-kiến đơn ca trên sân-khấu đã phát sinh từ đó. Thầy
« Họ, chủ rạp hát bóng Casino, ở sau chợ Mỹ-Tho, muốn cho
« rạp hát mình được đông khách, bèn mời ban tại-tư Tư Triều
« đến trình diễn mỗi tối thứ bảy và thứ tư trên sân khấu, trước
« khi hát bóng. Lối đơn ca trên sân khấu được công chúng
« hoan-nginh nhiệt-liệt.

« Lúc bấy giờ, lối năm 1912, chúng tôi từng học tại
« tỉnh-lý Mỹ-Tho, có đến xem. Cách chơng dọn sân khấu còn
« đơn sơ. Cái màn bạc dùng lam tấm phong (fond), kể đó có

1) Ông Diệp-Văn-Cương lúc sanh tiền, thường nói : « Khi tôi nghe Tư Triều đơn kìm và Lưu Nam Diem đơn ly rơi, tôi không muốn nghe ai đơn nữa cả » Tr. Văn-Khai.



« lót một bộ ván, trước bộ ván để một cái bàn chum cheo.
« Hai bên sân khấu có để cây kiềng xem rằm đèn và khán giả
« có cảm giác đứng trước một cái phòng khách hàng trung lưu.
« Các tài-tử đều ngồi trên bộ ván và mặc quốc-phục xem
« nghiêm-trang. Có Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài
« cổ-diễn. Nhất là cô ca bản Tứ-Dại oán « Bui-Kiểm
« Nguyệt-Nga » rất duyên-dáng.

Bản Tứ-Dại lớp đầu :

« Kiểm từ khi thi rớt trở về,
« Bui ông mường nhiếc nhún trề :
« Cũng tại mây ham hề vui chơi.
« Kiểm thừa : Tài bất thắng thời.
« Con đẻ nào không lo bé con danh.
« Tuổi con còn xuân xanh.
« Cái ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ơi !

« Đây là một bài ca đối thoát giữa Bui-Ông, Bui-Kiểm và
« Nguyệt-Nga. Nó khơi nguồn cho các soạn-giả đặt những
« bài ca có đối đáp cho điệu Cải-lương sau này.

« Trong thời kỳ ấy, Mỹ-Tho là đầu mối xe lửa đi Sài-Gòn.
« Các du khách ở Miền Tây Nam-Phần như Vĩnh-Long,
« Sa-Đéc, Cần-Thơ, Bạc-Lieu, Rạch-Giá, v.v .. muốn đi Sài-Gòn,
« đều phải ghé trạm Mỹ-Tho nghỉ một đêm rồi sáng đáp
« xe lửa.

« Trong số du khách có ông Phó Mười-Hai ở Vĩnh-Long
« là người ham mộ cầm ca. Khi ghé Mỹ ông nghe cô Ba Đắc
« ca bài tứ đại với một giọng gần như có đối đáp, nhưng cô
« không ra bộ. Sau về nhà ông nảy ra ý kiến cho người ca
« đứng trên van có ra bộ. Điện ca ra bộ phát sinh từ đó, lối
« năm 1915-1916.

« Qua năm 1917, ông André Thân ở Sa-Đéc lập gánh
« hát xiếc, có thêm ít màn ca có ra bộ. Kép có Bảy Thông,
« Tám Cang, đào có cô Hai Cúc.



« Kể năm 1918, ông Nam Tu ở Mỹ-Tho thuộc ban ca kịch
« của ông Thanh và sau thêm tranh cãi, v. phuc, có ông
« Trương-Duy Toàn soạn tuồng Diêu bát cái lương chanh thực
« thành hình tu do. Mỗi tuần gánh ông Nam Tu hát tại Mỹ-Tho
« ba đêm rồi lên rạp Eden Chợ-Lớn ba đêm. Trong it lâu gánh
« Đồng-bào Nam của cô Tư Sự và gánh Nam-dồng Ban của
« ông Hai Cu ở Mỹ-Tho ra đời. Trong đó có nhiều đào kép trư
« danh xuất hiện như cô Nam Phi, cô Bảy Phụng Há, cô Tư
« Sặng, kép Hai Giỏi và Năm Châu, v. v. ».

Từ đó điệu cái-lương càng phát triển mạnh và nhiều
ban được thành lập :

Văn-Hi Ban ở Chợ-Lớn, Lan-phước-Nam ở Sóc-Trăng và
« Sĩ-dồng Ban ở Long-Xuyen v. v. Lan Tần điệu cái-lương đem
« tranh diễn ở Trảng Pháo và Bắc Phan và được đông đảo
« các nơi ái-mô.

(Trích Nghe-thuở sĩn khẩu Việt Nam — Hát bội, Cái-lương,
Thoại-kịch của ông Trần-Van Khải, ban roneo của Thanh-Trung
thư xã Sai-Gon, không đề năm in nhưng 19 và 20)

Bài của ông Trần-Van-Khải rành rẽ, dạy đủ khoảng 9 chỗ
cần được. Nhưng đây là thuen hỏi kỹ nên xin cho tôi tiếp tục.
Tôi có ý sưu tầm bài Tứ-Dai-oán « Bui Kiếm thi rớt ». Thuở
còn đi học, đưa nao cũng thuộc năm ba câu, nay gặp hỏi lại,
ai cũng xưng thuộc, nhưng khi ca thử thì quên đầu quên đuôi.
Người trong điệu, hoặc bìa hoặc chế những chỗ quên, nên
không toàn bích. Tiếc đây tôi xin chép một lớp đầu, một lớp
xang dài I, một lớp xang dài II, và chưa trống đủ chỗ lớp xang
vắn và lớp hỏi thủ, anh em nao còn nhớ xin bổ túc và gởi cho
tôi xin một bản với.

Bài ca BUI-KIỆM THI RỚT, điệu Tứ-Dai-Oán

Lớp đầu. —

KIỆM từ khi thi rớt trở về,

BUI-ÔNG mắng nhiếc nhưn trề

Trách KIỆM rằng ham bẽ ăn chơi

(bản khác — Trách sao chàng ham bẽ vui chơi).



KIỆM thưa : Tài bất thắng thời
Con dám nao không lo bề công-danh
Tuổi con còn xuân xanh
Ơn me cha chưa đền.
BÙI-ÔNG nghe
Tiếng nữ non vuốt ve khuyên KIỆM,
Thời con ở nhà, đừng khuya sớm với cha.

Lớp xang dài I.— Nửa đêm vừa lúc canh ba
Nghe trên lầu kia ai than thở
KIỆM muốn tường trong duyên cớ
Bước lên bên thấy
Một trang má đào.... xụ mày.
Tóc bỏ rối chẳng cài.
KIỆM khen nhan sắc ai tây (...ai hoà) ?
KIỆM giả màu cất tiếng ho
NGUYỄN-NGA đương bán luận so đo
Nghe tiếng ho, giả vui đứng dậy
Chấp tay chào thầy (cất tiếng chào thầy)
Chẳng hay đến chi đây ?

Lớp xang dài II.— KIỆM phân lữ bước thang mây
Về ở nhà nghe cha nói lại
Rằng sẵn lòng có nuôi một gái
Sắc khuynh thành lai thêm biết phải
Lòng đây sở mộ
Hôm nay mới tường.



(trương chưa trống để chép lớp xang văn và lớp hồi thủ :)

Lớp xang văn.—



Lớp hồi tưởng.—



Ngày nay việc cũ trên 50 năm cổ ulur lại, riêng về tỉnh Sóc-Trang là tỉnh lúa gạo nhưu và có nhiều tay khi khai, chính năm 1918 có thầy Cai-long Hai ở Ke-Sach, một mình xuất 10.000 đồng bạc quyền quốc trài kỳ thứ tư (1918) gửi gắm nhứt, làm cho tỉnh Sóc-Trang có tên đứng đầu số các tỉnh Nam-kỳ mua quốc-trái nam ấy. Lối lại như các năm 1915 (kỳ nhứt), 1916 (kỳ nhì) và 1917 (kỳ ba) đề to chức và khuyến khích lạc quyền, lại cho Sóc-Trang và bảy các đêm đặc biệt hát bội hát tại nhà lòng, duy năm 1918 (kỳ tư) mới có mấy ông mấy thầy Sài-Gon xuống hát tuồng Pháp-Việt nhứt gia, Già-Long tầu quốc. Nam trước, tôi nhớ có cô gánh hát bội Cô Ba Ngươn ở Chợ-Lon xuống hát tại chợ Sóc-Trang, và năm ấy ông Phó Tham-hien Nguyễn Phú Quý có dời một gánh hát khác, có cô Sáu Sên làm đạo chánh, đến hát chạng phu hre và hai cô đào, cô Sáu Sen và cô Nam Nhỏ làm vợ kép kho Tran-Nhứt-Chánh, đối đáp nhau trên sân khấu thì đến tại nghe đạo vườn (Sáu Sên) làm mẹ chồng nhứt cây nhứt đàng nang đầu là Cô Nam Nhỏ, cô Nam tại non hơn hát không lại, chỉ còn nước khóc thất tình, « me ơi ! me ! me ơi ! » Khán giả đều rơi nước mắt, tôi cũng cảm lòng không đầu và trách thán người trụng lên với lời sao quá ác. Đầu ngờ mạnh nhà mẹ hát cũng từ đây !

Ông Hai Khi (Bạc-Liên).— Nếu phải kể công đầu, đáng làm hậu-tổ cải-lương nữa thì sao lại không kể ông Hai Khi ở Bạc-Liên ? Nghe đầu ông sống lối năm 1915, đến vài chục năm sau, ông ban Thuần-Phong từng biết mặt. Ông Hai Khi đầu cồ xa, ngón tay có rút và nguo-ngoe rất kho. Thế mà ông có tài riêng, không ai bắt chước được. Ai muốn thử tài cứ đến nhà, ban đầu ông đổ mung cho xem, chỉ thấy trống, kèn, chập chĩa trờ trờ ở trong ấy, thế rồi khách ra ngồi salon, ông Khi chun vô mung, một « minh ền » rồi bồng nghe trọn bộ cở nhạc khua đồng có tiết tấu nhịp nhàng y như có cả bốn năm người hoa tấu : trống xô, kèn thổi, dờn kéo ô-e, chập chĩa lũng-lũng-xoa, các việc đều do một mình ông Nhạc Khi (Nhạc-sanh Khi)



điều khiển. Không ai biết ông làm cách nào mà được như vậy, có người làm tăng nói rằng ông Khi đánh trống bằng ngón chơn kẹp lại, nhưng con tay nào dòn, miệng nào thổi kèn, rồi pheng la, chup chũa không phải tự nhiên nó khua một lượt được ? Quả là diệu thuật, và đối biết ngồi nghe lại ít ai cười hơn.

Trở lại Trần-Van-Triệu ở Bach-Gam (Mỹ Tho). — Tánh tôi không chịu nói cái gì nơi một lần và ra trở đi trở lại. Có người trách như vậy là làm cầm, nhưng trách thì tôi chịu, duy tôi thấy nơi làm vậy mà nhiều người nhò, nên tất lớn tôi vẫn không chịu. Tôi đã được đến viếng tại chỗ, mộ ông Bảy Triều, trên mộ chỉ đề rõ ràng « Trần-Van-Chiều, sanh năm 1897, mất ngày 10-7-1931, tuổi vừa 31. Sao ông Trời sớm cướp thiên tài ? Con ông là Trần-Van-Khe, nếu không có chiến tranh, ắt ở bên này, mai một danh tài. Nay ông ở Pháp, đồ tiến-sĩ văn-chương với luận án khảo về âm nhạc cổ điển Việt-Nam (la musique vietnamienne traditionnelle, les Presses Universitaires de France) và từng lần diễn và làm thom danh Việt-Nam ở khắp trời Âu. Chó xưng danh của ông là quản thủ trưởng Quốc-Gia Âm-Nhạc Sài-Gon. Ông có người em là Trần-Văn-Trach lại chịu chơn vui tài hay trong xứ và nên chịu xuất dương ca hát, tôi dám chắc, cũng như ai, ít nữa khỏi nghèo.

Trần-Ngọc-Vien. — Tôi xin gộp chul tại liền về gia đình nhà tài-tử văn số Bảy Triều. Bà Trần-Ngọc-Vien là chị, nay mộ chôn ở giữa hai mộ vợ chồng em trai Bảy Triều tại làng Vĩnh-Kim. Bà tạ thế ngày 25-8-1911, thọ 60 tuổi. Bà từng lập gánh Nữ Đồng-Ban ở Mỹ-Tho. Bà biết ca và xử dụng cây thập-lục tơi mười. Bà từng làm cách mạng, không sợ vào kham, và đã có nếm cơm tù nhiều lần. Dưng về giới mỹ-thuật và văn-hóa, bà có công đào tạo một mở đào cải-lương và người lợi lạc đề tiếng nhạc đời không ai khác hơn là Cô Năm Phỉ.

Nguyễn-Tri-Khương. — Cậu của Khê và Trach, người này cách nay trên bốn mươi năm vẫn dài tôi và kẻ tôi như em út, ấy là ông xã-trưởng cựu, Nam Khương. Nguyễn-Tri-Khương,



tư trần ngày 6-10-1962 thọ 78 tuổi. Các tài liệu về chữ đề trên mộ chí, tôi đã đọc và chép buổi đi Rach-Gâm ngày 1-1-1965. Ông Khương đơn cày có tuyết đều và thổi tiêu rất hay. Lúc sanh tiền, ông có đặt bút ca « Tây-chay chữ-noa », tôi có chép bên phần tập II, nhưng tập này chưa ất in ra sách. Ông cũng thường xông phong vào những buổi họp bầu nghĩa hiệp. Tại Rach-Gâm tôi còn biết và từng nghe cô Nam Chung là đào hát bội xuất sắc đồng thời với ông Diệp-Van-Cương và vua Thanh-Thái. Cùng với ba Tư Bồn, cô Nam Chung là hai cô đào tiền bối ngành hát bội, cũng như Cô Nam Nhỏ gánh ba Ba Ngoan, cho đến nay chưa có ai thay thế và sanh lai láng.

Nam Chung, Tư Bồn, Sau Sền, Nam Nhỏ, Ba Quyên là những đào hát bội sanh ra có một lớp do rồi khi tan, không ai thay thế. Để chứng minh lớp sau muốn nổi đuôi lớp trước, tôi xin cử vài ty dụ như cô Kim Cúc gánh Nam Châu là đề phở cô Cúc, vợ Bay Thông gánh thầy Than ; và tề-nội, Nam Sa-Đéc, tặc danh Kim-Chung, là đề nhạc cô Nam Chung xu Rach-Gâm.

Phan-Hiên-Đạo, — Tôn-Thọ-Tường. — Nhạc lai. Tư Triều, cô Ba Trần-Ngọc-Viên, ông Nguyễn-Tri Khương đều có công lớn trong bước đầu ngành cải lương xứ Mỹ-tho. Nói chi đáng, Rach-Gâm giỏi về nghiệp cầm ca, cũng dễ hiểu, vì xét ra đây là quê hương nhau rùn ông Phan-Hiên-Đạo. Trong bộ « Điều cớ hạ kim thi tập » của Nguyễn-Liên-Phong (nhà in de l'Union Sài-Gòn xuất bản năm 1915), tr. 39-40 có viết : « Ông Phan-Hiên-Đạo, người tỉnh Mỹ-Tho, thi đậu tấn-sĩ, hình trang thanh lịch, tánh nết thiệp thiệp thông minh, lúc ngài ra Huế học cử-nghiệp, thì có học đang điệu đờn Huế cũng nhiều, đến khi thi đậu rồi, vua ban cờ, biễn, áo mào cho về vinh quí, đang ít lâu, quyền ngời Đốc-học-chánh tại tỉnh Mỹ, lúc thành môn đệ dòng người, lúc nhà nước lại thâu thủ Nam-ky, ngài với ông Tôn-Thọ-Tường toan bề ra giúp việc nước với langsa, hai ông cùng nhau tro chuyện lấy làm



tương đắc, rồi thì ngài riêng nghĩ phân minh làm sao không biết, ngài trở về làng Vĩnh-kim-đông tục danh là Chợ-Giữa, ngài ben tự tử, còn một mình ông Trương giúp việc nhà nước làm tới đốc-phủ-sư (1). Lép sau ông Phan-Thanh-Giản, duy ngài với ông Trương là văn học phẩm hạnh có tiếng, thân hào trong sau tỉnh có đại bốn câu hát rằng :

- « Lép sau Thanh-Giản tiếng đồn,
- « Là Phan-Hiền Đào với Tôn-Tho-Trương,
- « Ông thời nho nhã văn chương,
- « Ông thời thi phú tốt đường diện công,
- « Ông về thác tại Kim-Đông,
- « Ông ra giúp nước hung đông tương tri,
- « Một còn một mất trọn nghi,
- « Ngàn thu gương tác Nam-ký danh nho.

Thi rằng :

Nổi dẫu văn-tinh rạng vẽ sơn
Rủi ro thời thế tiếng không tròn;
Cõi bờ chủ mới lắm vùn quên
Cờ biển ơn xưa nghĩ héo đon
Tri kỷ mấy lời ghi bụng nhớ
Dạ dai một giấc nín hơi ngon.
Khúc đờn Lưu-thủy trời dòng bích,
Mà giọng kim tranh diện Huế còn.

(tr. 39-40 Điều Cỏ Ha Kim Thi Tập.
Nguyễn-Liên-Phong)

(1). - Tôi có nghe thuật lại nhưng không nhớ tại-hiệu đo ai thuật, rằng ông Phan-Hiền Đào vì mất cỡ bởi một câu nói của ông Phan-Thanh-Giản. Nguyễn Trương và Đào lúc ấy có lòng ra giúp Tây và có vẻ đắc ý lắm. Trước đó Đào ngón ghe đi dự lễ của Pháp tỏ chức, trước mũi thuyền có treo cờ tam-tài. Ông Phan-Thanh-Giản nghe được, trách : « Trương muốn làm gì thì làm vì chưa an lòng triều-đình. Đào không nên làm theo vì Đào là tể-sĩ, có tưng hưởng lộc của vua. » Đào về suy nghĩ lại, hổ thẹn nên tự tử.



Nay tôi cũng không ngờ như nơi chuyen đơn dịch xứ Vĩnh Kim lại kéo ra chuyen ông Tôn-Tho-Tương và ông Phan-Hiền-Dao. Ý tôi muốn nhắc mạnh rằng người Chợ Gừa, Rach-Giảm học đơn có câu hát, có gac gac vì hai ông Tương và Dao có ra học nghề tại Huế và có thợ nghề đồn ngoại ấy. Chuyen theo Tây bỏ ra ngoại, phải như nhân hai người có công đem nghề-thuật đồn vào truyền bá trong Nam. Nhứt là Cầu Ba Tương, ai ai thuộc ấy cũng biết tiếng, ăn chơi hút xách, đồn dịch, bạc bải, tư đồ tương ông nem đủ, vì binh sanh là người bất dục chi, tuy dẫu Tây mà ghé phen giúp bạn, cứu nguy nhiều người, và trốn dơi chui ghẹo không tham của hối, chưa chắc người khác được như ông. Còn tại đồn và làm thi-phủ thi khỏi nói.

Lúc nhỏ tôi được nghe khảo truyện câu dân-diệu này

« Nước Nam có bốn mỹ miều : NGÂN cơ THIẾU vẽ, TAM tiên, DUNG đơn. »

Theo sách khảo cứu Trần-Văn-Khe dẫn trên, tr. 107. Dung và Tam đều là thầy đơn nhạc-sĩ hữu danh thời trước của đất Huế.

Lộc, Lễ, San, Nghĩa.— Trong tập « Cà dao giảng luận » của ông bạn Thuần-Phong, (Á-Châu xuất bản, tr.77) có câu :

« Đồng-Nai có bốn rồng vàng : Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi. »

Trong bốn người, Th.P. ghi Nghĩa là Bùi-Hữu-Nghĩa, đã soạn tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » (1) Theo ông bạn, câu ấy

(1).— Xin mạnh, ông Trần-Văn-Hương, sau khi thôi làm Thủ-tướng, đã bỏ công lơ của cho ra quyển Tuồng bát bội Kim-Thạch kỳ-duyên, có ông bạn Lê-Ngọc-Trụ hiệu-dinh, do nhà Khai-Trí xuất bản — 1966. Sách dày 304 trang, chữ mặt con mắt, rõ ràng và trình bày sang sủa, đang một kỹ công vẽ ấn-loạt và chạnh-tả, chủ thích phân minh, không dư thiếu chữ nào, đúng hết như ông bạn cố-nhân, mập và không ưa nói nhiều. Ấn cần giới thiệu. VHS



xưa và lên đến ông Bùi Hữu-Nghĩa làm sao ? Cho tôi hỏi « Lặc, Lể là hai ông nào ? Đến như Sang, có phải chăng đây là Phụng-Hoàng-San, tác-gia tập « Bản đôn tranh » xuất bản xưa nhất, từ năm 1909 (nhà in Phát-Toàn, Sài-Gòn) và họa may duy có tôi còn giữ được một bản tại nhà. Theo lý Sang đây phải viết không « G », nhưng đặt Nam-ký vào đời ấy cho đến nay cũng vậy, *San* và *Sang* viết lộn xộn lắm, xin hiểu cho.

Và cho phép tôi bàn rộng ra một chút — nên như nhân Phụng-Hoàng-San dân giới, thì câu này nên hiểu mới có gan đây, lối năm 1915 thôi và lo nam do tôi biết có ông *Nghĩa* khác, rất giỏi về thi phú, nguyên là giáo-thọ dạy chữ Nho trường trung-học Mỹ-Tho, có để lại một vẽ dõ, chưa ai dò được

« *Hang-Vô học Ngự Cơ, ngự cu Hang-Vô* » Tên thật của ông là Trình-Hoat-Nghĩa, dòng dõi Trình-Hoat-Dực. Ông có dịch bộ truyện tau « Quan-Anh-Kiệt » ra quốc-ngữ bòn, nhất in năm 1907 (cũng chỉ nhà tôi còn một bộ !) Như vậy trong câu thơ ta biết được hai ông, còn hai ông *Lặc, Lể* nữa chưa biết, thì câu trả lời cũng chưa đủ khoát.

Andre Lê-Văn-Thận. — Trờ lại tìm hiểu hậu-tổ cái lương là ai, xin cho tôi nhận mạnh và ghi công cho ông Andre Lê-Văn-Thận, và ông.

Minh-Tư Trương-Duy-Loan — Ông trước là bạn gánh, ông sau là thầy tuồng bất hủ. Lê-Văn-Thận là một công-tử quê ở Sa-Đéc, an chơi khét tiếng, đam sai hơn thầy Phó Mười Hai, thêm được tuổi trẻ hơn và thuộc nhóm tân tiến có học nhiều năm nơi trường trung học Chasseloup Sài-Gòn. Ra trường, Andre Thận có đi làm « cơ tau » coi sóc một chiếc tau thủy của hãng Tây-chạy đường từ Hậu-Giang lên Mỹ-Tho gọi Messageries Fluviales. Sau đó thôi làm và quanh năm leu lờng chơi bơi, thưởng cùng các thầy đôn và các danh ca đi



từ nhà các địa-diện chủ quen từ tỉnh này qua chợ nọ, tổ chức ca ngâm dân dịch. Sau đó kinh nghiệm và dần dần bên lập gánh và đưa lên diễn trên sân-khấu Sân-tiền, rạp Modern, đường d'Espagne (sau tôi sẽ nói rõ hơn).

Đỗ-Van-Y.— Công dat tướng có ần y, viết câu ca khi khai, an nói ngang lưng điệu

Cường-Đe— Hai Thanh Văn «Tư Hải» nơi đoạn trước, lại là công của ông Mạnh-Tư Trương-Duy-Toàn, một nhà cách mạng từng với ông Đỗ-Van-Y (con sanh tiền) theo pho Hoàng-thần Cường-Đề, lưu-lạc qua tại Đức-quốc, dốc lòng xin viện trợ tính việc chống Pháp, nhưng việc bất thành...Đến đây tôi không vớ kết thúc và xin nhường công trình tìm người khai sanh cho điệu cải-lương cho học giả có tài liệu đầy đủ hơn.

Nay tôi xin tóm tắt những gì tôi biết

a) ở Rach-Gầm (Nam-Giang, Mỹ-Tho, cũng gọi Vĩnh-Kim, Chợ Giữa), nghề đồn đã biết từ ông Phan-Hiền-Đạo, Tôn-Thọ-Tương du học đất Huế và du nhập nghề đồn vào Nam ;

b) ở Bạc-Lieu, có ông nhạc-sanh Hai Kho, thuyên nghề nhiều cây đồn và ông là người Minh-hương, từng tho giáo đồn Tiều (Triều-Châu) tươi mượt đẹp như có gọt « đầu gà dit vịt ». Nhờ pha điệu Tiều nên chế ra điệu Vọng-cỏ Bạc-Lieu sau này.

c) ở Vĩnh-Long, trước có ba ông : Tông-Hữu-Định, Kinh-lich Quơn, và Phạm-Đang-Đang, trau giồi nghiệp cầm ca không cho mất gốc ;

d) ở Sai-tiền, cổ nhiên nhiều người biết đồn, nhưng chỉ đồn salon hay đồn nhà hàng cho khách uống khai-vi, trong số có Nguyễn-Liên-Phong và con là Nguyễn-Tùng-Bá, gọi Tư Bá, là người đi dạy đồn khắp lục-tỉnh nhiều người quen biết ;

e) ở Sa-Đéc, thầy André Lê-Van-Thần lập gánh xiếc pha cải-lương, có ông Mạnh-Tư Trương-Duy-Toàn là thầy tướng, đặt nhiều bài ca ái quốc.



f) cách vài năm sau, gánh thầy Thân rã (rã nam nào tôi không biết) duy nhớ

Thầy Nam Tú, Châu-Vân-Tú (Mỹ-Tho) — ngày 19-3-1922 tôi còn được xem ở Sai-Gòn rạp Modern, dương d'Espagne, thầy Thân đem gánh hát lên diễn tại đây, lieu d'« Cirque Jeune Annam ». Khi gánh thầy Thân rã, thì ở Mỹ-tho có thầy Châu-Vân-Tú gọi Thầy Nam Tú, vớt xác gánh này, rủ hết các tao-tử và chèo luôn tổng tập của thầy Thân rồi lập gánh của mình. Thầy Nam Tú đem gánh hát lên diễn tại Sai-Gòn ngày đầu, kỳ 1922, là 12-11-1922 chiếu theo tờ chương trình lưu hát tôi còn cất giữ trong hồ sơ (tại lưu số 203 trong phần phụ-lục, tập II).— Gánh thầy Nam Tú vào năm 1922 có lên diễn tại Sai-Gòn và cũng diễn trong Chợ-Lớn tôi có đi dự xem, và lúc ấy tôi có gặp được gánh thầy Nam Tú là do gánh André La-Van-Thận sang qua, khải ra gánh. Như vậy, theo tôi, ngày ra đời của Cai-lương, nên tra tìm khoảng giữa năm 1918-1919 chỉ đến năm 1922 là chốt. Theo ý riêng tôi, có lẽ trước năm 1920, vì năm ấy (1920) bọn anh em học ở trường Mỹ-Tho dời lên trường Chasseloup-Laubat đến có trong tập bài ca những bài bắt hủ của Trương Duy-Toán đặt Bui-Kiểm thi tốt, lao quán ca « bánh tôm kho chiên, dầu-cha-quẩy chiên » v.v. . Nhưng nay hỏi lại anh em đều ở ở phần vẫn bắt nhưt. Vậy cần tra cứu nơi xuất xứ, hỏi lại những người còn sống sót ở Sa-Đéc, ở Mỹ-Tho hỏi lại cho chắc. Tôi không muốn nói nhiều vì không muốn len mặt « học giả ». Và cũng vì thế tôi đã tra nhân sách này là tập « Lưu ký của một người mê hát » vậy thôi. Nay tôi cho ghi tha viết này, không cần tở d từ cũng không cần gò bó luyện câu văn, đây là tôi nói sao thì viết vậy kiểu man đàm huồn tra dư thừa hậu. Về gánh thầy Thân, khi diễn ở Sa-Đéc hay ở Vĩnh Long (?) tôi còn nhỏ và còn học trường tỉnh ở Sóc-Trăng chưa được đi xem Duy khi tôi lên học ở Sai-Gòn vào giữa năm 1919, và nhớ khoảng năm 1920-1921



gi đó, tôi có hạn hạnh được xem gánh xiếc André Thén diễn tại rạp Modern-Théâtre ở đường d'Espagne cũ (nay là đường Lê-Thánh Tôn) rạp này sau đó ra cat-phô lần, sau đó là Mac Phsu, nay là chỗ nhai báo « Chanh Đào » và nhà xuất bản « Gao Việt » (thuật theo lời ông Thuận-Phong). Thấy André Thén như đã nói là con nhà giàu xứ Sa-Đéc, biết ăn chơi xài phá như phân đong các câu công-tử « lục tính » còn kinh doanh làm ăn lớn có sổ sách thì zero. Thấy học ở Chasseloup Sarr-Gon, nhưn lúc ấy thấy gánh xiếc Huế-kỳ Harmstrong-circus (có xuống Sóc-Trang và tôi có đi xem diễn với Ba tôi), thấy bọn xiếc Huế-kỳ hát bài, thì thấy này ý bắt chước, về Sa-Đéc quê nhà tu học anh em hay ra rạp gánh hát xiếc.

Hào-Tôn, Thầy Công, cô Cúc, cô Thuan, cô Mão, cô Marguerite Tấn, — v.v... — Trong gánh đại khai có thầy Hào chuyên luyện bập thịt và biến diện vô (nhảy dây, nhào lộn trên đu), thầy Tôn (Lương-Van Tôn) làm trò ảo-thuat và thầy Thông, thầy Công, lúc ấy đều là công-chức kẻ làm bên trường tiền sở địa-hạt, kẻ là em ông kỹ-sư (Lương-Van Mỹ), đều bỏ sở đề lang bát kỳ hồ, đi dạy đi do, ở phòng ngủ sang, ăn cơm nhà hàng Tây (bungalow) và hạnh nghề mới là, đi dây, đánh đu, nhảy vòng lửa, ca hát đơn dịch, khỏe ru sướng quá ! Tôi không dám chắc việc xảy ra năm nào, duy tôi nhớ có từng lần mắt xem gánh thầy Thén diễn tại rạp Modern.

Cô Hai Mão. — Nhưn dịp lễ được nghỉ học, tôi ra trường, mượn phòng tại khách-sạn của ông Trần-Quang-Nghiêm năm xưa lối 1919-1920 ở đường d'Espagne, một dãy với rạp Modern.

Lần đầu tiên tôi dùng đồ gáp một tiên-nữ trần-gian. — Trưa hôm ấy, tôi đi ăn cơm tiệm rồi về phòng nằm nghỉ. Bỗng có ai dầy mạnh cánh cửa phòng, cửa lại không khóa. Thấy tôi linh quỳnh vì ăn mặc quá sơ sài, một giọng cười trong-trẻo



chấm dứt bóng hiện của tiên-nga : cô Hai Mảo, đào đánh đu và đi dây gánh thấy Thân, nhơn chày kiếm con chồn đèn nuôi sứt dây, cô qua phong tời...Dem lai toi đi xem hát thấy lai người tiên buổi ban trưa, nhưng nay bán đồ thun hường sát da, cô đang nhào lòn trên đu, khiến hồn vía tời bay theo bóng cô và hình dáng cô, mãi mấy tháng sau, khi vô tương vẫn chưa nhập xác, đêm nào như đêm nầy tời chiêm bao và khỏi cần lật sách cũng thấy hiện hình một mỹ-nữ nhan như ngọc. Chính đêm nầy, tời được xem thấy Tông hát thuật, trong bụng tời nói cô thua gì lão Leopold, và cô Mảo nhào đu thì khỏi nói ' Đến lớp giễu Bùi-Kiem thu rớt, (tời đã chép bài Tứ Đại, tưởng cũng nên chép ra đây luôn hai Bình-bán vắn, để làm tài-lien : bài ấy như vậy :

Tức tối thay, con thi rớt tức thay
Phải thi tài thi trí con nói chi
Nào hay đâu cứ lo thi tiền :
Ai nhiều tiền hơn thì tên đứng cao '
Con không thêm lo nên mới rớt ngay,
Tấn-sĩ-xu con thà không dàu !
Mua danh vong, con mang chi trong
Xin cha mua hơn cũng đừng giàn chi con !
Còng danh vì không còng báng,
Thà con cam vác cái cây cho xong,
Tiếc bấy lâu hương hỏa dăng công,
Tưởng chiếm nổi khoa đầu khóa nì,
Tài con có thua mắt nào ?
Rủi xuống thi khóa thi lo tiền,
Con thấy vậy đem da thềm ghét
Không thêm lo một xu nữa cha !
Rán khoa sau, thà muốn danh,
Chờ đem tiền đem tiền mãi danh



Thà con cam chẳng chịu đó cha.

Năm nay vì thi không đậu.

Chờ hội sau hầu đoạt thủ-khâu.

(bài số 137 trong tập mê hát số II)

Bài ca này, sĩ-lữ và sinh-viên trường Sài-Gòn lớp 1922-1923 không ai là không thuộc. Thăm chí tui quartier européen, tui Tây lai cũng bập bợ học ca. Có một ông hoang-lữ Cao-miền cũng lơ lơ ca bài binh-ban van Bui-Kiểm thi rớt. Không biết đặt năm nào và ai đặt, nhưng hấp dẫn ghê, đến nay ca lai còn giữ gần như bốn năm chục năm về trước : vẫn mới và vui, thêm rất bình dân và rít giọng Miền Nam.

Trở lại đêm hát, sau lớp xicc, lai bày một lớp tuồng « ca ra bộ », dọn một bộ ván tư, bốn tấm, có chường kiềng xanh bốn góc, ba thầy đèn khau đen áo dài, ngồi kẻ đèn tranh kẻ đèn kim, kẻ khác thổi tiêu, để cho một cô đào hay một anh kép, đứng hay ngồi « ca ra bộ », khi nhấc tay lên khi hạ tay xuống.

Đêm tối xem diễn tuồng « Tuy Kiều gặp Từ Hải » (xem bài Hành-Văn « Mặt yêng hung... » đã chép) chưa phải là dịp đầu tiên tôi được dự khán điệu hát mới có « ca ra bộ » này. Lúc tôi còn học tại trường tỉnh Sóc-Trăng, tôi đã có dự xem đủ bốn kỳ hát quyền tiền giúp quốc-trái chống giặc Đức, những năm 1915, 1916, 1917 và 1918. Ba năm đầu tôi nhớ tình nhà cây gánh hát bội Cô Ba Ngoạn trên Sài-Gòn xuống diễn, có cô Năm Nho xuất sắc trong nhiều vai tuồng đặc biệt vừa thiện nghệ làm Trương-Phí oai vũ, vừa làm đào Laru-Kim-Dinh mỹ miều, duy năm 1918 mới có gánh hát của mấy ông mấy thầy diễn tuồng Gia-Long tàu quốc. Nay tôi rõ lai có ba giai đoạn đánh dấu buổi phối thai của cải-lương :

1) từ 1915, bắt đầu chẻ và đặt bài ca mới, thay những bài đã có từ năm 1909 (tập bài ca in chữ quốc ngữ xưa hơn hết là tập « Bản đơn tranh và bài ca — Chủ bút PHUNG-HOÀNG-



SANG, édité par DINH-THÁI-SUN dit PHẬT-TOÀN, vente et réparation de bicyclettes et vente de livres en quốc-ngữ in lần thứ tư, SALOON, Phát-Toàn, Librairie-Imprimerie, 55-57 rue d'Ormay. Ngoài bìa đề ngày xuất bản là Janvier 1910, nhưng trang trong lại de décembre 1909. Trong tập có nhiều bản đơn và bài ca. Nếu tập « 50 năm mê hát » ban chạy, tôi sẽ in tập nhì gồm các bài ca những năm xưa nay không còn tàng trữ ; từ 1909 đến 1916.

2) cũng lối năm ấy, có lẽ là đến năm 1917, ra doi gánh hầy Pho Mười ở ở Vĩnh Long và gánh Andre Thàn ở Sa-Đéc. Lúc ấy có phong trào hát chước theo Tây, cho rằng như vậy mới sang, con cái đặt tên có tên Thanh đứng đầu « Andre, Philippe » Tại Sa-Đéc có hội lương hữu trí tên là « Sadec-Ami » và đọc lơ lơ theo giọng Tây là Sa-đơ-ka-mi. Thảm chi điệu « ca ra hò » lại bỏ mất dấu và đọc nghe như « carabeau ».

Vua rồi, tôi gặp một thầy cũ gốc gác ở Sa-Đéc có đọc cho tôi nghe câu hề do ông kinh lịch Hối tạng cho gánh hát thầy Thanh khi làm lễ khai trương, trong câu có đủ các tên những kệp chánh Tong, Thông, Hào, nhưng không nhớ soạn năm nào :

Câu ấy như vậy : « LƯƠNG cao TONG mau khai hy-viên,
« THÔNG đặt anh HẢO thế sư vô ». »

Câu này của ông Nguyễn-Văn-Cương giáo-sư dạy vẽ trường Chasseloup-Laubat đọc cho chép như di lệnh lương hữu trí.

3) đến năm 1918 có gánh của Đốc-phủ Bảy và Đặng-Thúc-Liêng làm bầu. Gánh này do mấy ông mấy thầy đóng tuồng và đề tỏ rằng không phải chánh thức hát bội, nên lựa danh-từ « hát bộ » để gọi. Khiến về sau dấu điệu hát này đã chết nhưng danh từ « hát bộ » còn tồn tại rất lâu và khiến nhiều người đã lầm lộn và dùng thay cho danh từ hát bội chính cống.



Các điệu ca ra họ, hát họ và các lương sơn này đều chịu ảnh hưởng các buổi hát những kỳ hát tương do các trường trung-học Taberd, Mỹ-Tho, trường tỉnh Sóc-Trang dưới thời ông đốc Tây François Gros dạy và tập hát theo kiểu hát Tây-phương, sau người mình áp dụng qua điệu hát mới, trước khi đặt tên đó là hát các lương (Ông François Gros bị binh bại bại chưa, nhưng dạy rất giỏi. Tôi còn nhớ một nam học trưởng hồi 1913-1914, ông dạy hết lương tiếng Pháp, có một câu học trò lớp nhất hát y hệt Tây, rất được hoan nghênh, và câu ấy là Trần-Quang-Cánh, không ai khác hơn là cha của kếp Hữu Phước ngày nay đó. Chúng ta không nên vọng bản và quên ơn các nhà tiên bối, phía đông là các giáo-sư trường Pháp, đã có sang đây và đưa đặt và dạy cho ta biết một nghệ thuật hát ca khác với điệu hát họ thời Tây. Tỉnh Sóc-Trang tuy bé nhỏ nhưng đào tạo ra nhiều đào kếp các lương danh tiếng. Vì việc xảy ra lâu qua tôi không nhớ rõ hơn, nhưng nhớ mai mai vào những kỳ hát tương năm 1920 1921 1922, từ trường Sài-Gòn (tôi lên học từ tháng 9 năm 1919), từ trường Sài Gòn trở về xứ, mỗi kỳ tôi đều có xem tập tương hát các lương, trong xem nhà là phía sau trái lưng Mã tá. Đây là bước sơ khởi của gánh ông thầy thuốc Trần-Van-Minh, lương y sở tại. Ông Minh học thuốc ở Hà-nội về. Ông gốc gác ở Mỹ-Tho, cho nên tôi định nhưn một dịp nào đó ông về xứ thăm quê hương, ông gặp cơ hội xem diễn cải-lương. Bàn về Sóc-Trang, sản tiền sản thế lực lại sản thấy nghề mới dễ hút bạc, ông bèn lập gánh. Gánh này lấy hiệu là gì tôi không nhớ, nhưng thấy trong tập «Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam» của ông Trần-Van-Khải trang 20, thấy viết Sóc-Trang có gánh Tân Phước-Nam, tôi định đặt là gánh này.

Cỏ Ba Nhân, Hết Nhỏ, Lá Theo, Bụi Cỏ, Kếp Ta Út (Phồn-Thị-Dầu). — Gánh thầy thuốc Minh diễn được dưới ba năm kể lại không lại các gánh khác nên đẹp, trong gánh tôi còn nhớ



các cô đào như cả đến tên Nhỏ, Theo, Cu, nhưng trời nhưt là cô Ba Nhan, sau đi ginh Tran-Dac va thac sớm va binh ho lao. Ben phe kep co anh Duoc, hoc trò lớp nhưt tương tình, anh giàu tình khô va duyên đang, tưởng co tương lai nhiều, ngờ đâu số không được thọ. Một kep chưa phát và con mai một là Tư Út Phạm-Thế-Dan, về sau là kep nhưt của gánh Phụng-Hào. Tư Út có người anh là giáo-viên dạy ở Ban, Long (Giếng-Nước) qua Long-Phu (Sóc-Trang). Như anh nuôi dưỡng và cho ăn học, nhưng Út có nghiệp To nên thôi học sớm để nhảy qua nghề ca xướng. Cho đến nay tưởng kep Thanh-Duoc chưa hơn ai và người ca hay nhưt vẫn xưng Út Trà-Ôn đề nhạc danh một thiên tài sớm khuất, một ngôi sao rục rở nay đã tắt và chưa có thay thế.

Về thầy tuồng của gánh thầy thuốc Minh, có đến ba người : người lãnh vai đạo-diễn là thầy Tư Quốc, làm y-tá trên đường đường tỉnh lỵ ; ngoài ra có ông giáo Quyền và ông giáo Trần-Tấn-Chức trong nom dắt đề các vở tuồng, cả hai cùng dạy trường tỉnh Sóc-Trang, ông Quyền dạy lớp tư, ông Chức dạy lớp nhũ, cả hai đều học văn uyên thâm. Ông Chức, thầy của tôi, là một người học rộng, giỏi cả Pháp-văn và Việt-ngữ. Tỷ dụ khi ông soạn tuồng Châu-Mã-Thần lý thê, khi ông đặt lời đề vở, ông viết nhiều câu ngo nghĩnh. Tôi nhớ bản Văn-Thiên-Tướng, câu nhưt vở là « *Châu-Mã-Thần kỳ to thơ m...* » và trong một bản Hạnh-Vân khác, ông lại viết « *Hà lý to, v.v...* » « Bỏ rằng là ông đã lốt y và chuyển từ văn-cu Pháp câu « *Je soussigne, etc...* », ngộ chưa ? Có nhien những bài ca của ông Chức và ông Quyền đặt, được nhuận văn chương, tiếc thay tôi khi ấy đã đi học và nên không giữ được bài nào để làm kỷ-niệm. Anh em đồng học với tôi, như ai có, xin làm ơn cho tôi xin một bản với.

Cô Kieu, Boy Cảnh — Cũng trong gánh thầy thuốc Minh ở Sóc-Trăng có cô Kieu ca khá nhưt. Đây là thân mẫu của kep



Hữu Phước của gánh Thanh Minh Thanh Nga. Trong gánh và gian đơn có trống-tơa Cánh (Trần Quang Cánh) là có thanh sinh kép tài danh Hữu-Phước. Cánh Bảy thien nghe cây vĩ-cầm, đơn bản Vọng-cổ diều cu không chỗ che và càng với thầy Bảy Thông dạy trống Bổng-Thảo (Thuần-Hoà, Sóc-Trang) chuyên môn cây mandoline, là hai người dân tuyền phổ nhạc Việt qua đơn Tây chợ Sóc-Trăng thuở ấy.

Trong khi ở Sóc-Trang có ông thầy thuốc Minh lập gánh thi đồng thời có nhiều gánh khác được lập ra, như tại châu-thành Mỹ-Tho, có :

Toàn-nữ-ban Trần-Ngọc-Tiến, trong gánh đào tạo được một ngôi sao rạng rỡ là cô Năm Phi.

Gánh Ông Hai Cù — Tương đương với gánh Cô Ba Viên, có ông chủ lo tho bạc là ông Hai Cù lập trước gánh Đông-Bảo-Nam, dè rồi sau cho ra và lập lại gánh « Hai Đông Ban », vì việc này xảy ra ở Mỹ-Tho, nên tôi không biết tính làm. Trong gánh có kép Giỏi là phát mau, dày hơn hơn và lại hát som. Trong tập « Những mảnh tình Nghệ-sĩ » của Sĩ-Tiến (Chân-Lý, Hà-nội xuất bản, 1952, trang 135 có đoạn viết cam đồng, tôi xin chép y nguyên văn :

« Nói đến đây, Tư út vào mở rương lấy ra một tấm hình « cho tôi (Sĩ-Tiến) coi, rồi nói : — « Đây là hình ảnh Hai-Giỏi, « một kép hát độc nhất vô nhị của sân khấu cải-lương Nam-kỳ. « Người đã chiếm được trái tim cô Năm Phi lần đầu tiên và « diu dắt ngôi sao rực rỡ này trở nên một cô đào có tiếng tăm « lừng lẫy.

« Ở trong tôi một hôm diễn « Tham phu phu bản » anh Hai « Giỏi vì dàn nhạc không thể ra trình bày tại nghe được ; khán « giả la ó, bắt chũ gánh phải khiêng cái thân hình khàng kheo, « với bộ mặt nhún nhò của anh ra sân khấu cho xem rõ mới « chui ngồi cho đến tan, nếu không họ sẽ dời tiền lai.



« Anh đã làm trọn sự mang một khách sĩ tiên phong, cho
« tôi noi theo tấm gương xán lạn.

« Khi anh nhậm mặt xuôi tay trút hơi thở cuối cùng, sản-
« khẩu Miền Nam mất một khách-sĩ hy sinh tận lực với nghề.
« Cả ban đồng nghiệp buổi ngai cầm đông. Nhất là Co Nam
« Phải là người đau đớn vô cùng, vì trên đường đời, không
« những hai người dờ dạng sát cạnh nhau ngắm hoa thơm cỏ
« lạ, mà còn theo một doi tri-kỷ có tâm hồn yêu nghệ thuật
« hơn tình ái. Cô kèn trời giam đất lặn sà vào chiếc quan-tai
« đã phủ che một kiếp tài hoa bạc số mà tương lai còn hứa
« hẹn nhiều với Hỷ-trường.

« Than khóc chan rơi, ý giả muốn ghi lại một kỷ-niệm
« chưa xong những ngày chung sống với người khách-sĩ đại tài,
« cô vô hồn mặt quan tai rút bỏ long ca hết bài « Van-thiên-
« tương Ba Ly-Hề « mà lúc sống anh Hai Giỏi đã tập luyện
« cho Cô.

« Nói xong với cây đèn kim, Tư Ut vừa đơn vừa ca Van-
« Thiên-Tương lớp I cho tôi nghe như sau :

« Vì tình kia, cái thân sanh sao đáng cay ?

« Thương thay ! đương khi gian truân, bấp khuâng trong
« lúc chưa tay, yếm lụy nhỏ cũng chang.

« Vì tình nhà hạn vì, nên mới sanh lý ;

« Đưa nhau bát tay dạn đo, đến lúc đặc lo người có nghĩ
« tới chút tình Tào-Khang ?

« Tay dựng chén này hôm nay, khuyên lương nhân, vững
« lòng ruồi dung vào đến nước Tần,

« Cách nư ần, bước như vục thềm rấn dò,

« Lo trong khi, qua đèo ải ngang gành đá chập chồng,

« Qua đến chốn, sớm thư nhận tả mấy hàng, cho hân, cái
« điều ấm lạnh đường nào,

« Thiệt thắm thiết thương kẻ nhà ngồi trông



« Thiệt rất bản tâm lòng.

« Xa xôi hương thắm cho chồng, lướt bụi hồng dày thân ...»

«Ca dứt, Tư Ut nói : — Cô ca xong bài lời vua ca, mời
« cho phép đưa quan tư ngựa về ra để chiếc xe tang lên
« đường vĩnh biệt. »

(Sĩ Tiều — Những mảnh tình nghệ sĩ, tr 135-137).

Nay trở lại thuật tiếp kể các kếp hữu danh trước có ở trong
gánh ông Hu Cu, còn qu anh Nguyễn-Thành-Châu, Tám Mèo
(nay ở Mỹ-Tho) và Ba Đa. Anh Đa này, chính tôi có nghe anh
hát. Người ta đồn lúc ở Mỹ-Tho, đêm nào không có Du, khán
giả đợi trả giấy, lấy tiền lại vì cách ca đặc biệt của anh : anh
ca le như hát cao, chuy đơn với đơn, nhưng khi tiếng đơn dứt
là câu ca của anh an đơn phong pho. Như là vai Mạnh-Lương
âm nhân, anh làm con tôm lơn (sau Nam Châu có thủ vai này
nhưng không bằng). Nay Du đã ra Bắc, nói nhiều về anh không
tiện.. Tôi xin nhường cho các vị cò cưu xu Mỹ-Tho bổ túc
đoạn này, mà tôi cho là quan trọng nhất, vì sẽ đánh dấu buổi
phôi thai của ngành cải-lương mà nhân dân xuất phát vẫn từ
đây, cũng như các tay rương còt, Nam Châu Cò Nam phi, Cò
Bảy Phụng-Hà đều có ở đây. Một điều cho đến nay tôi vẫn
còn tiếc là tuy tôi được học trường lớn Chasseloup-Laubat ở
Sài-Gòn, nhưng tôi còn tham, ao ước muốn được học Việt-ngữ
với các thầy dạy quốc-văn ở trường trung-học Mỹ-Tho độ đó,
quí ông Nguyễn-Khắc-Huê, Nguyễn-Duy-Tâm, v.v... Thầy dạy
tôi ở Sài-Gòn là ông Nguyễn-Văn-Mai, tuy dạy tất tình, thương
tôi như con đẻ, nhưng lòng tôi cứ mong muốn được học với
ông Yên-sa Diệp-Văn-Cương, khi ấy thời làm quan ở Huế, lui
về làm giáo sư Ông có bằng tú-tài đời Pháp, lại lai thông Hán-
tự, ông dạy trường trung học Chasseloup-Laubat đến khóa
1919-1920 thì về hưu không dạy nữa, thiệt là đáng tiếc. Mấy
lần hỏi trường tại di ngang Mỹ-Tho để đón tôi thầy về Sóc-
Trăng vì thời gian eo hẹp và tiền tài khiêm khuyết, tôi không
được trả lại đây để học hỏi về nguồn gốc cải-lương, sau này
khôn lơn thì đã quá muộn.



Năm 1919 lên học trường Sai-Gòn, một vì không có người bảo lãnh ở đô-thành (correspondant), họ là như Ba tôi cũng con cho tiền bỏ lui khá rơi rớt nên mới chưa nhưt hay ngay nghĩ lẽ tôi đến xin ra, mượn phong tam ngư đề năm « thú ăn cơm nhà mây nước nước phong ; ten » Sai-Gon.

Trần Ích. — Tôi có một bạn học cũ, trước cùng học tỉnh Sóc-Trang và có gia thế hơn tôi nhiều nhưng sau sa sút, cha mẹ mất, anh Trần-Ích bỏ còn, ben bỏ học và nhảy qua tập hát. Trần-Ích có tặng cho tôi nhiều bộ truyện Tân đến nay tôi còn giữ làm của quý, và nhớ ơn xưa. Lối 1919, mỗi lần ra trường tôi đều kiếm anh đề liên lạc, tò hủ tiếu, tách ca-phê, rất là tương đắc. Để đầu anh xuyết lấy tách lang-bat và xuyết chut nữa tôi đã nhảy trường không biết đề từ nên kẹp hát hay khiêng rương và dọn đề-co !

Gành hát Tân-Thịnh. — Anh Chín Ích theo gành Tân-Thịnh, trước khi gành này khá và tân sự-nghiệp ở chợ Sa-Đec thì đóng đồ ở chợ Cầu-Ông Lãnh tôi nhớ mai mai như là mượn phố tập tuồng ở đường Kitchner (nay là đường Nguyễn Thái Học) việc này tôi không dám chắc (1) vì anh Ích thường hẹn với tôi gặp nhau khi tại quán nước khi tại trường Bá-Nghệ Đỗ Hữu-Vi (nay đường Huỳnh-Thúc-Khang) vì có anh bạn chung, Tăng-Thiên-Lãng, học ở đây, hoặc ở trường dạy thêu đường Mac-Mahon (Còng-Lý) mà bạn chung tôi, anh Chín, học với ông Georges Bois, vẽ công nghệ và mỹ-thuật.

Tư Long, Nam Phôi, Hai Thiên. — Tôi nhớ ba anh kép Long, Phôi, Thiên này đều là bạn đồng gành với anh Chín Ích. Anh Chín cặp với một cô đào hát sau này nổi danh tài sắc một thời và khi có danh tiếng rồi thì bỏ rơi anh Chín của tôi vì Chín Ích lục lục thương tài, lạp hoài mà không phát, chỉ đóng

(1) Chỗ này tôi nói sai, sau rõ là Tân-Thịnh tập tuồng đường Bờ Rệt nay Versin.



vai phụ làm đầu đảng lúc làm chủ cho vợ làm nữ soái chèo đầu, chèo nữa cho chú chèo sau đó hát bên theo công tử bết di an nem tre và Thu Đức và họ anh chú tôi không chút ân tình.

Cô Hai Dám.— Cô Hai Dám, cô hồ tóc hoe hoe, các bạn gọi « tóc đỏ », dòng tuồng Tàu rất an den, cô ca giọng khăn khăn, khao khao giọng thơ (cả lúc ngâm mé cô vì giọng đó). Bà lại có nét mặt lạ lẫm, mắt cao mắt sáng, và còn một Lê Mur (Cát-Trang) cho quẹt một màu, khi hát ga lết, khi cá-phê sứt, thêm lại có giọng cô thêu ren dạ các, đã làm cho cô tăng vẻ đẹp không gì. Sau cô lấy chồng giàu có ở Sóc-Trang, rồi thời ngời đó họ bà sai khấu một thời gian rồi họ mở chết nam nào tôi không nhớ.

Văn-Hi-Ban, Võ-Hi-Ban.— Đồng thời với gánh Tân-Thịnh trong Chợ-Lớn có gánh Thầy Mười Vui, làm việc Sở Cảnh-sát, trước lập ra gánh Văn-Hi-Ban, sau tách ra gánh thứ đất tên là Võ-Hi-Ban chuyên về tuồng Tàu.

Gánh-Phước-Cương.— Về sau gánh Cô Ba Ngươn là gánh hát bội, giao lại cho con trai là ông Nguyễn-Ngọc-Cương (mất cuối năm 1915) cũng gọi Cầu Tư Cương làm chủ. Cầu Tư ben lập thêm một gánh cải-lương đặt tên là gánh Phước-Cương. Một mình hai vợ : bên hát bội là chồng Cô Nam Nhỏ, một thiên tài bạc mang truân chuyên, bên cải-lương là chồng Cô Năm Phỉ, đa tình. Gánh Phước-Cương lúc ấy sở trường diễn tuồng Tàu, đặc biệt nhất là tuồng « Xử án Bàng-Quí-Phỉ », trước kia do gánh Văn-Hi-Ban sáng tác.

Bảy Nhiều, Cô Năm Phỉ, Cô Ba Lưu.— Trong tuồng Cô Năm Phỉ thủ vai Bàng Quí-Phỉ nỉ non màu mè tình tứ bao nhiêu, thì Cô Ba Lưu xuất sắc trong vai bà Diên Thiên-Kim bấy nhiêu, thêm kép Bảy Nhiều đương thời xuân trẻ, thủ vai Tống Chơn-Tồn mười mần, làm vua mà như vầy đàn bà không ai ghét.



Bộ ba này quả có máu nghệ-sĩ, cho đến nay hát lại tưởng ấy chưa ai bì kịp.

Tôi quên, viết đa nửa tập mà chưa xưng tên ! Tôi khi còn nhỏ, là con chủ lo thơ học, đã được mấy chú thợ Ba tôi nuôi trong nhà, như chú Hai Yên, dạy tôi rí rã mấy câu Tứ Đại Oán « Gia, Hôn-gia xã tác đồi dờn, Khien nên Đồng-Trac hưng thời... », sau đó anh Tý, anh Hui, anh Sien dạy tôi quét lo dờn độc-huyền và thổi ống tiêu. Nhưng trời khiến tôi học không nên thân bao, đơn thi ngón chài ngắt, ông tiên thi chỉ thuộc mấy câu dân bản Bình bản vắn « Lau tôn lu xàng u, muốn chơi mèo mà sợ đàn c., u » Sau lên học Chasseloup tôi vẫn mang theo cây tiêu và cù tổi tổi, cơm nước xong từ trong nhà ăn ra, khẽ nghe thổi câu « lu tôn lu » hương nào thì biết hẳn có tôi ở đó. Sau đó tôi dời qua học nhạc Tây, mỗi chiều thư năm thảy y phục tươm tất, tranh giấy phép ra cửa, om cây vĩ-cầm (sau bị Thổ cướp ở Thanh-Mỹ-An, Sóc-Tràng) leo lên lầu khách sạn Hôtel de France, dương Catinat, học tron bốn nam với giáo-sư nhạc kiêm thầy gác lớp Sersot, khi ra trường chuyên môn kéo vĩ-cầm với câu « bỏ kéo xe, xe kéo bỏ » ! Đến chừng tôi thôi học đi làm việc cũng còn dờn, (nhờ vậy mà tôi quen với ông Nguyễn-Tri-Khương, anh Ba Hàu và anh Tư Thành...) nhưng khi đi tá lue ăn cơm tháng nơi tiệm thơ học lớn ở dương Bonard (Lé-Lợi) bà chủ nhà là bác Nam Hy nhao tôi « Bộ may có số ăn mây hay sao mà tập nói thơ Văn-Tiên, nói về Bùi-Kiểm, thổi ống tiêu như thằng mu, đơn độc huyền như thằng đui ? Muốn ở nhà tao lâu dài, tốt hơn hãy bán những thứ đồ đó đi, S. à ? » Tôi vâng lời Bác Năm tôi và từ ấy tôi thôi học đơn, cũng rất may cho thỉnh giấc cô học anh em ở chung nhà chung xóm. Tuy vậy tôi còn giữ mãi một tình quen từ nhỏ là tôi ưa thích và cố tìm đề sưu tập những gì tôi mua được, dính lư với hát bội và hát ca. Tôi đề riêng các tài-hiệu về hát bội một khi khác sẽ lấy ra nghiên cứu, nay tôi xin kể ra đây những sách hiếm có tôi đã sưu lượm về hát ca từ trước. Nhờ những tập nhỏ này mà tôi được biết theo nam theo thư tự,



những bài ca cô đã được thông-hành và lưu dụng trong giới
tài tử Miền Nam, em thu kê khai trong tập « hời kỳ II » có lẽ
tôi sẽ in sau nếu biết có người cần dùng và mua, chớ nay
in bất tử e đổ nợ mà khôn.

Sau đây là những bản đơn và bài ca từ năm 1909 đến năm
1915, ở Sài-Gòn và lục-tỉnh, những ai đọc được chữ quốc-ngữ
vẫn mua về và thưởng đơn và ca trong nhà những bản này.
Tôi sao ý nhân sách để làm tài liệu :

Bản đơn tranh và bài ca

Chủ bút : Phung-Hoàng-Sang

Édité par Đinh-Thai-Son, dit Phát-Toán

Vente et réparation de bicyclettes

et vente de livres en quốc-ngữ

In lần thứ tư

Sài-Gòn

Phát-Toán, libraire-imprimeur

55-57 rue d'Ormay

Janvier 1910 (tr. nhĩ lai viết Décembre 1909)



(Từ năm 1909 đến 1915, Sài-Gòn và lục-tỉnh tra đôn và ca những bản này)

| Số thứ tự | Tên bản đôn | Tựa của bài ca | Câu đầu như vậy : |
|--------------|-------------------|---------------------|---|
| 2 | Lưu-thủy-trường | Tài-sắc tương-tư | Ả tình mới tình nửa mừng thêm lo |
| 4 | Phu-lục | Kim-Kiều luận | Thương thay tài sắc Tuy-Kiều |
| 6 | Bách-bán-chấn | Minh-lương hối-ngộ | Ả tiền xuân tiền chí kỳ |
| 8 | Xuân-tình | Xuân-tình diện-ca | Đêm khuya nghe trống từ Nam-lâu, |
| 10 | Bách-bán-vấn | Thái-bình thanh-hồi | Ta cứu trùng khấu đầu hai mang |
| 12 | Bách-mạn tấn-cống | Ngư-chế | Đồng tương bữa cống... hiến lại tàn |
| 14 | Tư Đại | Chiêu-Quản cống Hồ | Ả xu ai xui Hồn-Liên gây loạn |
| 15 | — | Kiều oán | Ả Dương, Liễu-Dương xa cách dăm ngàn |
| 16 | — | Tần cung oán | Ả vang về vang nam thực mây rông |
| 17 | — | Tửu-sắc-tái-khí | Khuyen phu-quan xét thiệp đôi lời |
| 18 | — | Khóc thê | Ả khuya đêm khuya trang gọi bên màn |
| 19 | — | Đổ phụ- | Ả ba canh ba trống điểm tiền lâu |
| 20 | — | Đàn bà ghen | Thời thời chờ nói thêm rầy |
| 22 | Phụng-hoàng | Khúc oán tư | Ả ôm gối loan trâm thắm ngàn sầu |
| 24 | Nam-xuân | Tô-Huê chức cầm | Đây đó danh kết nguyên ban loan |

| | | | |
|----|-------------|---------------------|--|
| 26 | Nam-ai | Tô-Huệ chức cầm | Khí vung chiếu chỉ ra đề cò |
| 28 | Tứ-Đại-Cảnh | Than Túy-Kiều | Than Túy-Kiều, tại sắc nọ... |
| 29 | — | Xưa kia mà | Xưa kia mà, tình thương như |
| 30 | — | Ca khúc cầm | Ca khúc cầm, ngâm câu ly |
| 31 | — | Xa xuôi đường | Xa xuôi đường, xa xuôi ngõ |
| 27 | Nam-ai | Kim-Kiều (I) | Thanh-minh trong tiết, Kim, Kiều, Kim, Kiều tảo mộ... |
| 32 | Tứ-dại-cảnh | Nhớ ai ngơ ngần | Nhớ ai ngơ ngần, ru vào, ru vào chờ đợi |
| 33 | — | Đêm nghe tiếng dè | Đêm đêm nghe tiếng dè kêu sầu |
| 34 | — | Ai ỏi chờ ngủ riêng | Ai ỏi chờ ngủ riêng mình, riêng mình mà lạnh |

1.— Bai Nam-Ai số 27, tác giả sắp lộn sau Tứ-Đại-Cảnh nên sửa lại theo thứ tự
Tập tập Bản đôn tranh và bài c. Phùng-Hoàng-San (Phát-Toan 1910)
Những số 1,3,5,7 v.v. là số các bản đôn nên tới không kể.

Qua năm 1915 rộ lên in ra một loạt đến bốn tập bài ca, mà theo tôi, tác giả những bài ấy không hề danh tánh để lại, ngoại trừ bài nhờ ký thác nên dò ra tên được, như bài cổ câu « *Tôi nay danh-sĩ Dang-Dang* » đã có nơi đoạn trước (tr. 16) hoặc bài Tứ-Dại « *Lục-Vân-Tiên* » có câu

Tây-Minh xem truyện đã tàng, Thanh Phong đạt phổ rõ ràng (tác giả là Thanh-Phong) ; hoặc bài Tứ-Dại khác « *Nay ta người huyện Tân-Hoa, Huấn-Trai tư đạt tánh Hoàng* (tác giả là Hoàng Huấn-Trai) v.v... ký dư tuy đề tập « *Tư-tú-tử* », hay là « *Thập* hay *Lục-tú-tử* » v.v... là để phân biệt cuốn này cuốn nọ, chứ các tên họ đề ngoài bìa thay soạn giả đều không đúng sự thật và có khi bìa đạt cũng chưa biết chừng, tỳ như ông Dang-Tiên-Nhiều, ông Đãng-Dạc-Lơ, ông Đãng-Nhiều-Hơn, v.v và v.v. chung qui, theo tôi, đó là trích-lục-gia hoặc xuất-bản-gia không đề tên thật. Trong phần phụ-lục, « *Hồi-Ký* tập II), tôi cần than cho phép lại đủ các bài ca tôi có, vì đây là những tài liệu có giá trị đánh dấu một thời-dại, các nhà sưu tầm, viết tuồng có thể can cứ vào đó mà xét biết được đường tiến triển, nét bước lùi hồi nhưng rất vững chãi của ý-tưởng và cách thức của người lớp trước đặt đề bài ca từ những năm xưa, mà bản in chữ quốc ngữ xưa nhất, theo tôi là bản in lần thứ tư năm 1900-1910 của Phụng-Hoàng-San, trước đó tôi tìm chưa thấy bản nào.

Dưới đây tôi xin ghi lại theo các tập đã in, những bài ca cũ đã có. Tôi chỉ biên chép những tựa, những câu đầu mỗi bài cho biết. Khi nào các độc-giả cho tôi biết có đủ số người yêu cầu, tôi sẽ in đủ làm tập « *Hồi-ký* II ».



12 Juin 1915.— Tập bài ca « Luc tái-tử » đề ngày xuất bản như vậy, trên bìa đề do Đảng-Tiền-Nhiều và Đinh-Thái-Sơn cho in tại nhà in Imprimerie de l'Union, Sài-Gòn gồm các bài sau đây :

| Số thứ tự | Tên bản đơn | Tựa bài ca | Vở câu đầu mỗi bài |
|--------------|-------------|-------------------------|--|
| 35 | Tu-Dai | Nguyệt-Nga công Hồ Nam, | trăm năm quyết giữ ơn chàng |
| 36 | — | Tông-Tư Vưu | Á khí dương khi trong lúc thừa nhân, |
| 37 | — | Khúc thiê | Á khí từ khi em thác suối vàng |
| 38 | — | Tiền-Bửu đưa đo | Á Giang. Lương-Giang quê quán bấy chầy, |
| 39 | — | Lâm-sau, Xuân-nương | Á khí dương khi...Phân cơ hàng thương nằng Xuân-Nương |
| 40 | — | Vong phu | Á buồn bán buồn đất ế lỗ lời |
| 41 | — | Bach-Viên | Tiền hai tiền bay xuống dương trần, |
| 42 | — | Khen Cò Năm | Trái xem xưa nay trị loạn mấy dời |

| | | | |
|----|-------------|-----------------|---|
| 43 | Phụng-hoàng | Kiều | Kim-lang vi tân qui hương cố |
| 44 | Tu-Dai | Tặng mỹ-nữ | Nghe vẳng nghe rục rờ vườn đào |
| 45 | — | Chiêm bao | Chiêm bao linh ngộ thấy một nàng |
| 46 | — | Bạch-Viên | Á xanh non xanh núi thắm trăm đàng |
| 47 | — | Chọc méo | Xanh non xanh ần đá ngọc lành |
| 48 | Nam ai | Tò-Huệ chức cầm | Khi vung chiếu chỉ rạ dề cờ |
| 49 | Ph. Hoàng | Lục-Vân-Tiên | Ả Tiên, tiếc thương mẫu-thân khử thế |
| 50 | Nam-xuân | Tổ-Huệ chức cầm | Đáy đó dành kết nguyên bản loạn |
| 51 | Tu-Dai | Từ-Thứ qui Tào | Khuàng bàng khuàng ngũ nội tan tành |
| 52 | — | Duyên kỳ ngộ | Nhân nhân duyên thiên lý tương phùng |

Xem số
26

Xem số
24

toàn
chữ

15 Juin 1915.—Tập bài ca "Tháp tại-tử" do Đảng Dắc Lợi, Đình-Thái-Son xuất bản kỷ niệm nhà in de l'Union.

| Số thứ tự | Tên bản dờn | Tựa bài ca | Vô câu đầu |
|--------------------------|-------------|-----------------------|---|
| 53 | Tứ-Đại | Văn-minh | A nay ta nay người huyện Tân-Hòa |
| 54 | — | Hạnh-Nguồn cống Hồ | Nam tram nam quyết giữ đá vàng |
| 55 | — | Than phan | Khô sao kho lăm bờ trời ? |
| 56 xem 18, tr. 115 | — | Khóc thê | A khuya đêm khuya trắng giới bên màn |
| 57 | — | Hoán tính nhưn | A đêm năm canh riêng tưởng chuyện mình |
| 58 | — | — | A xa đường xa cách trở dặm ngàn |
| 59 | — | Kỳ ngộ | Nhau xa nhau xa cách dặm ngàn |
| 60 | — | Ngọc-Dung cống Hồ | A đình linh đình phân gái Hờn- Hồ |
| 61 | — | Văn-Tiền dui | A đau bỏng đau căn bệnh thình linh |
| quan trọng | — | Phụng-Nghi-Đình | A gia Hờn-gia xã-tác đời đời |

| | | | | |
|-------------------|----|--------------|----------------------|--|
| xem 35 tr. 146 | 63 | — | Nguyệt-Nga cống Hồ | Á năm trăm năm giữ vưu ơn chàng |
| quan | 64 | Phụng-hoàng | Vân-Tiên (tiếp theo) | Vân-sinh bi thương chi nan lỗ |
| trong | 65 | Tử Đại | Tăng Tông-hữu-Dịnh | Vĩnh-Long tỉnh xưa Thánh- miếu quan thờ |
| quan | 66 | — | Tây-Nam-Da | Thương ý thương không ngọt cơn sầu |
| trọng | 67 | — | Bài ca di Tây | Xưa, trước xưa sang trọng bạc ngân |
| | 68 | — | Tửu-sắc-tài-khi | Á xưa sách xưa chép đề rõ ràng |
| | 69 | Phu-lục | Chúc thánh-tho | Thiên, dương thiên di hoàng |
| | 70 | Tử-Đại | Tư rã bạn | Dặm xa xuôi Đông-Hơn, Tây nhân |
| | 71 | Lý 6 bài bạc | Khớp ngựa ó | Ngựa ó anh thắng kiệu vàng |
| | 72 | — | Á đi năm nam | Bước lời cây chanh |
| | 73 | — | Á đi năm nam | Trong phủ bước ra |
| | 74 | — | Á đi thời thời | Buong áo em ra |
| | 75 | — | Á đi thương trò | Cho quả bánh bò |
| | 76 | — | Á đi thương trò | Mây áo cho trò |

Trong tập này có nhưn bài quan trọng lắm, như bài :

«*qua Hên qui xã tác dơ dờ*», la trư cút mỗi dịp mỗi đem ra ca, ý than xã-tác
dỗi thay

«*Vĩnh Long tỉnh xưa thanh-miếu quan thờ*», trong bài than vì vận nước...

«*Thương ý thương không ngọt cơn sầu*», có pha nhiều tiếng langsa, bài cổ-
diễn đã biến chuyển.

16 Juin 1945.— Xuất bản tập « Từ tái-tử ».— Đảng-Nhiều-Hơn, Đình-Thái-Sơn.—
de l'Union

| Số thứ tự | Tên bản đơn | Tựa bài ca | Vở câu đầu |
|--------------|--------------|----------------------------|---|
| 77 | Từ-Dại | Ba Nha (kỳ I) | Mượn bút nghiên vội tả vài hàng |
| 78 | Nam-nước | Tịch To-Huê | A chàng, chàng ôi, chiều vua chàng lãnh |
| 79 | — | Ẩn-tĩnh | Đời ta từ sơ giao |
| 80 | Lưu-thủy | Ẩn-tĩnh | A ơi, chàng ôi, sao có bạc tình |
| 81 | Từ-Dại | Bá-Nha (kỳ II) | A thu trong thu này đã đến ngày |
| 82 | Lưu-thủy | Cơ lạc | A ôi chàng ôi, sao chàng cứ thua vậy hoái? |
| 83 | Bình-ban-vấn | Vui-mừng | Vui mừng vui quá vui |
| 84 | Từ-dại | Thoan-Khanh, Châu- Tuấn | Tiền linh trên mở hội cầu hiền |
| 85 | — | Trương-Phi | À Phi, Trương-Phi cứ thủ cổ thiêng |
| 86 | — | Ẩn-tĩnh | Du ký du đời chữ ân tình |

| | | |
|----|---------------------|--|
| 87 | Từ rã bạn tự trảng | Dặm quan san thiên lý dễ với |
| 88 | Đánh đề | Khi dương khí trong lúc thái bình |
| 89 | Ân tình khuyên giải | Giàn trăm năm dòi gổi chung cùng |
| 90 | Ân tình | Khi dương khí trong lúc thừa nhân |
| 91 | Dố phụ | Thời thời chớ nói thêm rầy |
| 92 | Vân-Tiên | Tây, Tây-Minh xem truyện dã tàng, Thanh-Phong đặt phở rõ ràng |
| 93 | Vân-Tiên (tiếp) | Vân-Tiên xin lui bài linh song dương |
| 94 | Ghen | À tưởng trăm năm đây vợ đó chồng |
| 95 | Đào-viên kết nghĩa | À xui ai xui ly loạn cuộc đời |
| 96 | Tuỵ-Kiền (1) | Triều Minh chánh ngôi Gia-Tĩnh truyền bảy |
| 97 | Khuyên mỹ-nữ | Xuân đêm xuân gió giục đầu nhân |

| Số thứ tự | Tên bản đơn | Tựa bài ca | Vở câu đầu |
|--------------|-------------|--|--|
| 98 | Tứ-dại | Ngộ trăm Trinh-An Năm bảy năm biên Sở non | Tần... |
| 99 | — | (tiếp theo) | Nghe hoàng kinh gia-tướng trở về... |
| 100 | — | Vợ Ngũ-I-thuê bị tên Binh, thẹn binh vạn mã phát | cờ |
| 101 | — | Hoàng-Phi-Hồ đầu Khương-bằng khương ngồi dựa Châu | trên lầu. |
| 102 | — | Xứ Bàng-Quai-Phi | Rao hoan quan cung nữ hầu gần |
| 103 | — | Tiết-Cương lễ lão Thiệt-Khưu-phần | Thương mẹ cha ăn thắm uống lớn |
| 104 | — | Trần-Ngọc-Dung trá hôn | Tơ vắn vương con gái họ Trần |
| 105 | — | (tiếp theo) | Lăn ngã lẫn núi áo Phụ-hoàng |
| 106 | — | Khỏ sai Côn-Nôn | Núi Côn-Nôn hải đảo giữa vời |

| | | | |
|-----|---|---------------------------------------|-----------------------------------|
| 107 | — | Phi-Long trả thù | Khen phiên-bang Cửu-Nhĩ có lòng |
| 108 | — | (tiếp theo) | Thương Phi-Long có hiếu thờ chồng |
| 109 | — | Nguyệt-Nga cống Hồ | Ông Kiêu-công ra trấn Đông-thành |
| 110 | — | (tiếp theo) | Mấy trăm năm giữ nghĩa đá vàng |
| 111 | — | Coi lễ chánh-chung gặp mèo | Chơi đạo chơi cho biết đủ dưng |
| 112 | — | Đàn bà ghen | Láo bậy lâu ăn ở dương nòng |
| 113 | — | Tò-Huệ chực cạm hỏi-vấn | Voi thắm thay cách trở dăm ngàn |
| 114 | — | Ilồn Triệu-kinh-Nương đưa Khuông-Dẫn | Triệu nhưn-huỳnh mưa chờ ưu phiền |
| 115 | — | Phân - Lê - Huệ cứu Hồng-thủy-trần | Ơan dày oan buộc trời lấy minh |
| 116 | — | Ngưu-Cao tế mộ | Thương ý thương Cao-dệ anh hùng |

Trở lại bản phiêm. — Trong năm tân cư 1916 tại Sóc-Trang, tôi chạy và đon gia-tai vô ruộng ở Bàng-xa-mo (Bann-Thmo) làng Hoa-Tu (Sóc-Trang) bận về không hao mất vật gì : rồi tháng 3 năm 1917 tôi bỏ sự nghiệp chạy mình không lên Sài-Gòn và ở luôn trên này cho đến nay, gia-tư tế-nhuyên đều để lại ở nhà của Ba tôi và cũng là nhà của các em tôi nay ở chợ Sóc-Trăng. Trong khi vắng mặt, chỉ lạc mất ba tập bài ca nhỏ, sau tôi tìm-kiếm mãi cho đến nay vẫn chưa gặp lại và theo tôi ba tập ấy khá quan trọng vì viết vào lúc biến chuyển, vào giai-đoạn gay cấn của nghề cầm ca trong Nam đang chuyển mình :

1) *Bản dờn kum của Nguyễn-Tung-Ba.* — Tập thứ nhất, mất, là tập bản dờn kum của ông Nguyễn-Tung-Bá, gồm lời hai-mươi bài ca dạy đon kum xuất bản trước năm 1923. Lúc nhỏ, tôi từng biết mặt ông Nguyễn-Tung Bá khi ông « thả cầm thi » xuống chợ Sóc-Trang ngồi dạy đon. Ông trắng người, đồng dầy mình khảnh đẹp trai, đầu tóc đen huyền, nhưng tóc hơi theo xưa hay cắt ngắn nay tôi không nhớ chác, tánh phong lưu luôn luôn thích ngâm xi-ga, khi khạc hút thuốc bao xanh « Bastos » thư không cắt dần dễ y nguyên tra diên thuốc trong ống dốt bọt nước và thỉnh thoảng gât gủ vừa dạy đon vừa nháp ly cò-phạc « sec ». Ông dạy cho biết và họa an nhịp được một bản Tu-dai, ông nhận công nam đồng bạc, trong khi ấy cơm nước ăn ở tại nhà người học dờn, và phải nhớ cung phụng sang trọng có rượu Tây có đồ nháp vĩ vèo nhè ! Năm đồng bạc lúc ấy không phải nhỏ, thêm cơm nước hầu hạ nên người ta ngán... học không bao nhiêu.

Nguyễn-Liên-Phong. — Nguyễn-Tung Bá là một phong lưu tài-tử, dân Sài-Gòn, con ông Nguyễn-Liên-Phong, tác-giả bộ « Diên-cổ ha-kum » thu-tập, in năm 1915. Ông Nguyễn-Liên-Phong cũng là tay đon danh tiếng như Nguyễn-Tung-Bá. Năm ông Ba xuống Sóc-Trang có truyền nghề 'đon tranh cho Cau



Hai Nguyễn-Van-Vinh, cựu xã-trưởng, đại diện-chủ ở làng Hòa Tú. Trước khi về Sài-Giòn ông Bá để lại cho Cao Hai Vinh với giá bảy chục đồng bạc lớn, một cây tỷ-ba thung trạc nguyên cây mọc ruột, mát ngò đồng cổ lên nước thâm đen, phum toản ngà, đầu đơn chạm dơi ngàm lui tuyết kheo, tiếc thay về sau cây tỷ-ba qui này không biết về tay ai, ngay nay một trăm ngàn bạc có thể kiếm được chờ cây đơn ty Nguyễn Tung-Bà kiếm do mất không ra. Ông Nguyễn Van-Vinh học được nghệ đơn của Nguyễn-Tung-Bà về sau có truyền lại như anh Bình Li ban học của tôi lúc nhỏ. Bình chết nam nao tôi không nhớ. Con Cao Hai Vinh, về sau làm ruộng thất bại, gia-dinh suy vi, Cao Vinh mất, vợ con ly tán, sự-nghiep tiều diêu, cây đơn mất tích, thật là rất uổng.

2) *Tập bài ca của Mạnh-Tư Trương-Duy-Toản* — Tập thứ nhì mất là tập bài ca của ông Mạnh-Tư, một nhà văn và nhà cách mạng có đầu óc. Giá tập sách là ba cắc bạc, nay đáng ngàn vàng. Đã mất và không ai có cuốn khác lại càng tiếc thiu. Tôi như lời lẽ câu ca, viết rất hay, rất lung. Nhiều bài rút điển trong nhi thập tu hiên, toàn gương hiền-tử, thanh quan, và có ẩn ý, như bài « hai nuy bát như hồ » tả người đàn bà chồng chết vì hồ an, con cũng chết vì cộp xe, thê mà vẫn ở mãi ở xã học ấy. Đúc Không đi ngang hỏi sao không dời đi xứ khác khỏi nạn cộp, bà trả lời « Ở đây có quan thanh. Sơ hồ không bằng sợ quan tham nhũng ». Mạnh-Tư tiền-sinh từng sinh sống ở Vĩnh-Long, đồng thời với các ông Phạm-Đắc-Đang, Trần-Quang-Quôn, đã từng viết và làm chủ-bút báo Trung-Lập là cơ quan Việt-ngữ của tờ Pháp van l Impartial.

3) *Tập bài ca của Nguyễn Trung-Hậu*. — Tập thứ ba đã mất là tập của ông Thuận-Đức Nguyễn-Trung-Hậu. Ông là bạn tiền bối. Sau tôi có gặp lại tại thị-xã Diêu-Trí của ông Diên-Hương và bà Song-Thanh, ở góc đường Thủ-Khoa Huân và Nguyễn-Dù Sài-Gon. Tôi gặp lại Thuận-Đức một lần nữa trên Thành-thất Cao-Đại Tây-Ninh. Tôi chưa hỏi về tập bài



ca, có biết đâu bữa gặp ở Tây-Ninh cũng là ngày vĩnh quyết. Tôi nay càng tiếc tập nhỏ này, nhớ trong ấy, vẫn chương chôn lợc khác hơn nhiều tập khác. Thuần-Đức là một thi-sĩ có tiếng Miền Nam, một cư-sĩ có đạo hạnh, một người ái quốc chôn chính từng làm thơ và chia nam cơm ăn với nhiều bạn như Trần-Văn-Hương...

Nay nếu cho phép tôi làm cam lơn tập chương rất dài này, gọi giúp ích chút nào trong việc mai sau muốn tìm nhanh mỗi mím sinh của điệu hát cải-lương.

Tôi sẽ kể lại đây và xin các bạn tra cứu kỹ lại giữa những năm 1917 - 1921, vì như đã thấy từ 1909 (xuất bản tập đàn tranh Phùng-Hoang-San) chỉ đến năm 1915 là năm ra một lục hén tiếp bốn tập dạy ca để ngay

12 juin 1915. — 18 bài ca đề « Lục tại tử », ngoài bìa vẽ một độc huyền, một kệp òm cây kim, một đơn cây cỏ và ba cô ca.

15 juin 1915. — 19 bài ca đề « thập tại tử », bìa vẽ một kệp thời tiền, một cô, một gõ sanh, một gáo, một cô đơn tranh, một cô kim, một cô đơn lý-bà, một cô đơn độc-huyền, hai cô ca. Trong tập này có bài tặng ông Tống-Hữu-Đinh, một bài đi Tây với câu « Mìn-nớp-xang, quan tham-biện... » v.v... ấy là những bài thông dụng hơn hết trong điệu ca ra bộ về sau.

16 juin 1915. — 21 bài ca, đề tập « Tứ tại tử » : hai cô, ca, và đơn tranh ; hai đàn ông : kim và cô. Hai-mươi-mốt bài gồm Trương-Phi thủ cô thành ; lịch Thoại-Khanh, Châu-Tuấn ; — Tô-Huệ chue cầm hồi-van ; Ba-Nha Tử-ký ; Đào-viên kết nghĩa ; và chuyện Túy-Kiều ; như vậy đã là linh động lắm, vừa biết lịch củ vừa biết chuyện này, có bài tả cái ghen của đàn bà, bài khác kể gọn lỏn chuyện đổ-phu.

29 aout 1915. — 19 bài ca toàn bản tu-dai, nhan đề « Bát tại tử », bìa vẽ một kệp đơn cô, một kệp đơn gáo, một cô đơn kim, một cô đơn tranh, một cô lý-bà, một cô độc



huyền và hai cô ca. Tập này tôi cho là quan trọng hơn cả vì do nhạc sĩ hữu danh Nguyễn-Tung-Bá soạn và có đề tên hẳn hoi. Trong tập có đủ truyện Tam tích Phi-Long trả thù cho chồng, chuyện vợ Ngũ-Vân-Thiện bị ten, tích Tống Thái-Tổ tuy từu sát tướng (trăm Trịnh-Án), Ngưu-Cao tảo mộ khóc Cao-Lăng loan là tuồng tích bên hát bội có diên, nay phổ vào bài ca, ăn ý khuyến nói gương xưa, lòng nghĩa khí, lòng tru ai quân vương... Một đoạn mới, viết ra bài ca ý nghĩa bình dân, coi là chánh chung gap meo, dân ba ghen...

Năm 1915, có ca chạp, có ca thanh phòng, chưa có ca trên sân-khấu.

Một điều chót xin dân, muốn biết rõ nam nào sanh ra hát cải-lương, tưởng nên đưa tra lai kỹ những chi tiết này :

— Thầy Pho Mườn-Hai, Tống Hữu-Dinh có lập gánh hát không và lập năm nào, ở đâu ?

— Andre Lê Văn-Thân lập gánh nam nào ? Bà nam nào ? Gánh tên gì ? (1) (2)

— Bà Trần-Ngọc-Viên lập gánh Nữ-Đông-Ban nam nào ? Đẹp gánh năm nào ?

— Ông Hai Cu, chủ lo thơ bạc, lập Nam-Đông-Ban nam nào ?

— Năm nào, ông lập lại gánh Lai Đông Ban ?

— Gánh Đông-Bao-Nam và Nam-Đông Ban là một hay hai gánh khác ? Gánh nào có trước ?

(1) Theo bản rơmo Nghệ-thuật sân khấu Việt-Nam c/Trần-Van-khải (Thanh-Trang-Sai-Gon xuất bản) thì : 1917 Andre Thân lập gánh xiếc, 1918 Nam Tư được gánh A. Thân sắm thêm tranh cảnh, có Trương-Duy Toàn viết tuồng, gánh Đông-Bao-Nam của cô Tư Sự...

(2) Ông Duy-Lan nói trên đại phát thanh và hát có đang bao, tháng chạp năm 1900 quả quyết năm ra đời của cải lương là năm 1916.

Theo tôi, lập luận của ai, người đó giữ. VHS



— Gánh Thầy Nam Tu có từ nam nào ?

— Gánh Tap-ích-Ban ở Thốt-Nốt (Long-Nuyên) kẹp chánh là Bảy Nhiều lạp nam nào ?

— Gánh Tân-Thỉnh-Ban ?

— Gánh Vạn-Hỷ-Ban ?

— Gánh Võ-Hỷ-Ban ?

— Gánh Phước-Cường ?

— Gánh Trần-Dắc, Cần-Thơ ?

— Gánh Huỳnh-Kỷ ?

— Gánh Phụng-Hảo ?

— Gánh Thầy thuốc Minh, Sốc-Trang ?

Các lai tử hữu danh còn sanh tiền như cô Phụng-Hải, Bảy Nam (Sài-Gon), Sáu Ngọc-Sương (Vũng-Tàu), Thanh-Loan (ngoài Bắc), Thanh-Tung (?), Marguerite Tân đạo gánh André Thận (Vĩnh-Long)...

Và các anh Ba Vân (con di hát), Duy-Lân (đai phát thanh), Nam Châu (Sài-Gon), Bảy Nhiều bán quán dinh Phú-Hoa đường Trần-Quang-Khai, Nam Nở (?), Tám Mẹo (Mỹ-Tho) ; Tư Trang, đã mất, Tam Danh, Tám Mẹo, con ngoài Bắc, ngoài ra không nhớ hết và không kể xiết...





CHƯƠNG THỨ HAI

BIẾT BAO NHIÊU, NÓI BẤY NHIÊU





BIẾT BAO NHIÊU, NÓI BẤY NHIÊU (Hồi-ký)

11-11-1922, nhằm thư bảy, lễ định chiến Pháp, học trò nghỉ học. Tôi xin ra trường và tối lại tôi đi xem hát gánh thầy Năm Tú từ Mỹ-Tho lên diễn tại rạp Modern, 212 đường d'Espagne cũ. Dẫn tuồng Kiên, lớp Thanh-Minh tôi mới gặp Kim-Trung (xin xem chương trình tôi còn gửi chép nơi phụ-lục, Hồi-ký tập II, trang 410, số 203).

Qua tối thư bảy 25 tháng 11 cũng năm này, gánh thầy Năm Tú lên Sài-Gon nữa, diễn tiếp lớp « Tuy-Kiều kết duyên cùng Bạc-Hành » (xem Phụ-lục, tờ chương trình số 204). Cách ít lâu, gánh thầy Năm Tú lên Sài-Gon diễn nữa, cũng tại rạp Modern là rạp thuận tiện nhất ở Đô-thành thuở ấy. Khỏi nói là tôi cũng tìm thể ra xem cho được. Và tôi đã xem khía hai đêm tối thư bảy và chưa nhứt một thư tuồng « *Trang-Châu mộng hồ-diệp* » (chương-trình số 205).

31-3/1er-4-1923. — Có một đêm không biết 31-3 hay 1-4 năm 1923, có quan khách đến xem chạt rạp, và trong số tôi nhìn biết có mặt Cô Ba Trà là hoa-khôi số Một đời đỏ và một người đàn ông sồn sồn, hỏi ra đó là Sáu Ngộ, vua cờ bạc đương thời. Tôi chỉ là một bạch-diện thơ sanh, đến tháng bảy 1923 mới ra trường, đang chín mới làm nghề cao giấy tập sư, nhưng với mười-chín cái xuân, sản tiền trong túi, vả lại cha mẹ thì xa, tôi hơn quyền ở xa dòm ngó và thêm thường : « *Hơn nửa đời III* » bắt đầu từ đó. Sở dĩ nay tôi nhắc tên hai người Ba



Trà, Sáu Ngo, là vì, tôi xin nhấn mạnh, cái-lương buổi ấy rất liên quan với nhóm cờ bạc và nhóm chơi bời. Chỉ có nhóm đồ bạc có tiền nhiều, ăn chơi như nước chảy và thương cung cấp giấm tiếp cho ca-sĩ hai phái. Điểm cờ bạc cho tiền cho gái, cầm như chịu tiền xấu mà lời hơn vì tuy cũng thua mà vẫn chụp giựt bóc lột chút nào cũng đã tay, họ ít dám rời tôi cái ấy sợ xúi quẩy. Điểm cái không giẩy lại danh tiền nuôi « đực », trước mẹ hát bời, mẹ tháng Lữ Bồ đẹp trai, nay mẹ kếp cái-lương Tiết Giao, trong tấn tuồng đoạt ngọc Lam thời, có Mẹ Tây, có A tú thời lên lưt thẳng Tây tháng chồng bất lực mua vui thắm với trai tân, kếp có sắc. Thắm chí, cái với cái, cũng húc nhau được và một đêm no trên quán nem Thủ-Đức tôi vẫn gặp « nữ công-tử Sáu Hương » chở đào H. đi ăn nem dề lát nữa ca riêng và diễn lại riêng tuồng Nguyễn Thanh-Tôn giều với nữ thừa tướng Lích-Quân-Ngọc (tuồng Mạnh-Lê-Quân giả trai).

Tư Lung, Chin Tửng, Nam Hy, Tư Mầu, Tư Nhơn, Huyền Đước, Sáu Nhiều, Sáu Ngo, tôi đều biết mặt, kể thì tổ chức xuống ghe lớn đi ăn tôm nghe đồn ngoài sông gió mát, kể mời riêng cô X. về nhà, kếp trai thì sản cô Tư Nhi, cô Sáu Hương, đưa xe đi dạo muối, tư mình cầm lái, Delage, Hotchkiss... Riêng tôi vì đề bụng bí cô ba Trí khi dễ một câu . « bọn thầy thông thầy kỹ ăn lương bao nhiêu, ai thêm... » sau tôi gấp lại, có dịp cũng không thêm lại, trả nửa !!

Muốn biết rõ cách ăn chơi thuở ấy, không ai biết rành hơn anh Bảy Nhiều, vì lúc đó anh cũng bị mời, cũng có được mời và tôi xin phép anh Bảy cho tôi trích ra đây bài anh viết trong báo « Buổi Sáng » ngày 1-2-1960 như sau

« Cách đây 48 năm (1922), lúc tôi còn là kếp vườn đi hát « cho gánh Tap-léh Ban ở Thốt-Nốt (Long-Xuyên) ; nhờ « cóp » « được giọng ca Tư-Đai oan pha xuân của kịch-sĩ tiền-phong « Hai Nhiều, đã qua cổ vi binh lao hồi 1921, kếp chánh gánh « Tân-Thịnh đóng vai quan ba trong vở ca kịch



« « Bach-Tuyết kiến trình » của hai cố soạn-giả Lâm-Hoài-Nghĩa
« và Nguyễn Quốc Biền, giọng ca do của anh Ba Lễ dạy cho
« nhiều kịch-sĩ thuở ấy..

« Hồi thuở ấy, ở đâu cũng thích nghe Tư-dại oán giọng
« xuân nên kếp Hai Giỏi (Mỹ Tho) được cái tên vang lừng khắp
« xứ.

« Tôi bỏ túi được mơ nhăm nên cũng được nêu cao tên
« tuổi trong vai Châu-Bá-Hòa trong vở « Châu-Trần phải nghĩa »
« của cố soạn giả Múc Quan Nguyễn-Trọng Quyền (xin lỗi
« không phải khoe) ca Tư-dại xuân trong lớp om mõ khóc
« cha nên người ta nên tên tôi là « Giỏi dư », « Giỏi tron »
« gì gì đó...

« Gánh T.T.B. mon men lên Sài-Gòn diễn tại rạp Modern-
« cinema ở đường d'Espagne (Lê Thánh-Tôn bây giờ). Sau
« rồi đêm diễn vở C. T. P. N. tại rạp « Modern » tôi được Câu
« Tư Lung, câu Hai Mắm và vài câu cô về phong-lưu,
« những tay đồ bác khét tiếng, vô tận hậu-trường rước tôi
« xuống chiếc đò Sài-Gòn thả lều bều xuống lên ăn nhậu. Đêm
« đó không như đêm nào, có trăng sáng phản chiếu trên mặt
« sông Sài-Gòn, thấy nước tung tăng nhiều đợt sóng đưa con
« đò nhấp nhô lan hụp... thấy như dầu. Rồi tiếng đàn nhị
« tiếng thập-lục tiếng tiêu rao lên nghe rả rít véo von buồn dao
« đê ! A ! Thì ra đây cuộc đi chơi thuyền họ đã tổ chức hẳn
« hội đê cho tôi thưởng thức giọng ca của anh Ba Lễ.

« Đây anh Ba Lễ.

« Nếu bạn không biết anh Ba Lễ, mà bạn còn nhớ kịch-sĩ
« Hai Nhiều (Fan-Thỉnh) ca giọng xuân Tư-dại oán một sáu
« một mười với Ba Lễ thì lời nhắc này không ngoa và cũng
« không làm sao tôi tả cho đúng những giọng trầm bổng du
« dương, pha xuân, ai, đảo, oan, lơ, lơ ngan, lơ vòng cầu, lơ
« trầm ngân dài có hột một cách tài tình, mà anh đã sáng chế
« trong các bài oan thuận-túy cổ điển.



« Anh không biết đờn một cây nào hết, anh tư cầm song
« lang và nhịp thật chắc không trật một lá. Tại cái là anh
« đờng ca, anh biết cây đờn nào chỉnh dây hay ông tiền sai
« bực, anh kêu tại từ nói ngay, mà không bỏ qua một chữ ca
« một nhịp nào cả. Để nhắc vài câu ca « Tư-đai oán » hát « *chel*
« *chồng* »... tôi nổi óc !

« *Thân thử thân dạt rông trôi dạt* » — giọng *thở* (uốn ngọt)
« *đến rông* (giọng uốn trầm) đến chữ *trôi dạt* (xuống phù
« và trầm).

« 2. — « *Ra vô luy ừa chín mây* », hai chữ *luy ừa* và *chín*
« *mây* bổng rồi trầm, cái điệu ca có « binh tặc » thật tài.

« 3. — « *Cánh diêm dài chàng đã an thân* », câu thứ ba qua
« tại trong cái giọng nửa xuân nửa đảo thêm hai câu ơ ơ.
« ví dụ *Cánh diêm dài (lợ) ơ ơ chàng đã an thân*. Câu thứ ba
« làm tôi nổi óc, có vài giọng thật là lạ và hay không chỗ nói.
« Như tôi đã nghe Hai Nhiều ca giọng này câu thứ ba kèm Ba
« Lễ xa quá, mặc dầu của Ba Lễ truyền lại cho Hai Nhiều.
« Đến lớp xang dài, anh ca một câu dựng, nghĩa là dứt ba câu
« xang dài, một câu anh chuyển hai giọng, thật xuất sắc, thật
« là một thiên tài. Tư Thạch, Tư Út và Tám Thừa cũng có
« giọng này mà kém rất xa. Đây câu dựng Tư đại : « *Sống sao*
« *thác vậy dẫu rách một manh em cũng còn thờ* » (chuyển luôn)
« *sống sao (thêm) ừ ừ thác vậy, dẫu rách một manh anh cũng*
« *còn thờ* ».

« Không thể viết được nhiều giọng trong hai câu này. Rồi
« lúc anh hưng, muốn kiểu chơi, cũng câu dựng đó anh lại
« thêm *sống sao ý-a thác vậy, dẫu rách một manh em cũng*
« *còn thờ* « *hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ hơ* ». Trong bảy chữ *hơ hơ*,
« anh cho bảy giọng chuyển theo cây đờn « khít nút ». Tôi chỉ
« lắc đầu. Anh đã truyền những giọng ca oán pha xuân, ai, đảo,
« lợ v.v... trong các dấu sắc, nặng, hỏi, mỗi dấu anh uốn nhiều



« giọng quá hay truyền lại cho người thứ nhất là kịch-sĩ Hai
« Nhiên, Ba Nam, Chun Phot, sau, Tư Hiron, Ba Kỳ, Tầm Cang
« và Hạc Giỏi. Đến sau, Tư Thạch, Tư Ut, cho tới Tam Thừa
« đều lại lần không đúng giọng của Ba Lễ. Như Tư Thạch ca
« *Vạn-thiên hương cầu* » « *Nếu ai quan liu ở trong ten dân* »...
« chữ *liu* và chữ *dân*... là của Tư Thạch giống có một phần
« mười, người kịch sĩ ca 4 phần 10 theo giọng của Ba Lễ chỉ
« có Hoi Nhiều và Ba Nam.

« Đến một bài nhỏ như *Ly con sao*, Ba Lễ dạy Tầm Cang
« mà hồi đó Tầm Cang *ly con sao* không ai *ly* được giọng đó
« nhưng anh Ba Lễ bảo rằng « Tầm Cang ca thế đúng giọng
« mà âm thanh sai hẳn. Anh nói « *ly đem con sao sang sông* »,
« Tầm Cang lại phát âm ra « *ly ai đem (ai ma) con sao sông*
« *sang sông sang sang sang sang ai đem con sao sang*
« *sông* ! »... không ai có cho đúng âm thanh của nó vì mỗi
« người ca đều theo đơn, thành ra trật âm mà sai nghĩa. Anh
« giải thích « *Tư tu tai-tử* cho tới thập nhi tái-tử về cò-diễn,
« nó đã có một căn bản thuần túy vững chắc, không phải muốn
« ca sao thì ca, như vậy là mất điệu nghệ tái-tử ».

« Anh chế ra giọng xuân là anh lấy trong ba bài
« lớn Nam-xuân, Ai và Đảo-ngũ-cung đem vào trong bài *Từ-*
« *dại-oan* là vì anh tùy theo trường hợp, tùy theo những người
« nghe ca. Vì trong nhạc điệu bài *từ-dại-oan* kho ca nhất, và
« cái giọng oán của nó, nếu người sành điệu thì thích ca đúng
« điệu, chứ nó là bài « buồn ngủ » nhất.

« Anh nói tùy trường hợp là tùy theo người nghe. Cho
« nên trong bài « *Từ-dại-oan* » anh pha các giọng xuân-ai-đảo.
« trong một vài câu là như uốn giọng, giọng lợ, v.v... cho là
« tai cho đỡ ngủ gục, chứ oán là oán, ai là ai, xuân là xuân,
« v.v... bài nào theo điệu do không được « pha chế », làm mất
« tánh chất thuần túy của cò-diễn thì chưa phải là tái-tử.

« Hồi trước đó mà anh đã có óc nhận thức sân khấu ca
« kịch rất tế nhị.



« Anh nói : « người đạo kép nào dám ca hết bài
« « Tư-dại-oan » trên sân khấu, thì người đó là « thánh ». Vì
« thể anh mới truyền cho các khách-sĩ noi theo những giọng oan
« pha xuân là kéo khăn giả theo dõi với mình lúc đóng tro,
« đừng làm cho khán giả chán.

« Như tôi, đã nghe anh ca nhiều lần nhiều bài về oan,
« như Tư-dại, Phung-hoang, Phung-cầu, Van-Thuận-Tường, v.v.
« mỗi lần ca mỗi lần khác, có nhiều giọng la lung hay không
« tả xiết. Lúc nào, nếu anh có tam sư nào nề sâu muốn thì
« anh ca oan thật oan, một giọng thống thiết bù ai có thể rơi
« lệ khi nhìn cái nét mặt thều nhão của anh, thật là hồn ca
« lai láng. Anh có đại tài. Tật ấy như thi-sĩ Lý-Bạch (có rượu
« thánh mới có thi thần) ? Còn anh, có cò-nhạc, anh ca mới
« trăm hung. Càng nhậu nhiều càng ca hay, uống như hũ chim,
« là cái là uống rượu không biết say.

(trích báo Buổi Sáng, 1-2-1960.— Bảy Nhiều)

II.— « Từ cái đêm đi chơi thuyền, tôi đã mê anh Ba Lễ,
« và hát ở đầu hai câu Lung - Mãn cũng cho xe rước tôi về ở
« đó, Ba Lễ xem tôi như đứa em yêu men, anh thích xem tôi
« hát, tôi mê anh ca, dần dần trở thành đôi bạn tâm đồng.

« Đêm nọ anh đi chơi khuya, trở về với bộ mặt như sương,
« nhưng không chuênh-choáng, anh vui cười vồn vã và bảo
« rằng : « Em nhỏ ơi (gọi tôi), để anh ca ngược và hát Quảng
« cho em nghe nhé !

« Tam tài-tử (thường tục) rao lên và hòa tấu, thì anh
« cho vo hai ly cối cò-nhạc ; tay cầm song-lang... Nè vô :
« tam tài-tử khảy lên bài lưu-thủy-trường. Người ta đón từ
« câu đầu lưu-thủy, còn anh lại bắt đầu dưới ca tôi ! Tôi
« tưởng bữa nay anh tham rượu nhiều say lừ lừ nên
« ca trật ! Tôi chung nghe dồn câu dứt lưu-thủy :
« kim'» lưu lưu phau xư phau lưu ho » song lang cũng vừa xuống



« cái Cốc, thì anh cũng vừa ca dứt câu đầu lưu thủy ' ' » Tình
« mỗi tình như nước thêm lo », rất nó nhập với câu đơn dứt
« lưu-thủy !

« Cả nhà cười to lên. Anh nông thêm hai ly cơi nữa và vui
« cười la lên. Hát Quảng Đông ? Đem vào voi, anh cũng chụp
« ngay : (bài hát)

« Hết trước Minh vừa con cô người Vương ông,

« Sinh đang có ba con ruy út trái nó Văn, Kiêu

« Chị Hai,

« Tiết về vùng...

« Nếu ở cách xa vừa đủ nghe thì đó là hát Quảng Đông chơi
« không phải là bài hát. Khi dứt bài hát, anh nói : « Muốn kiêu
« cô chơi dễ gần khuấy chơi thỏ náo bầy ngã-dối-ha lại ca
« giọng Quảng ? Trong điệu ca lại từ phải phân biệt Bắc và
« Oan đặc biệt ba bài Hài, Thương, Xang xe hay Long đang,
« Vạn giá, nó có hai giọng : theo tài-tử và lễ nhạc, không đem
« giọng lưu-thủy, tây-thị qua bên bài hát được, cũng như Tu-
« đại-oán, Phụng-hoàng không đem giọng qua ba bài Nam-
« xuân, Ai và Đảo-ngũ-cung được.

« Anh Lễ nói tiếp : « Khi nào đi ca đàm, nếu có nhạc sĩ
« khác, thì người tài-tử (ca-sĩ) phải có đủ căn bản vững chắc
« thuần túy cổ điển, nhịp nhàng chắc chắn mới tranh thủ. Bởi
« nghề dờn, người nhạc-sĩ hay thử những tay ca, ai cũng có
« «miếng nghề», miếng nghề đó là hay pha nhau để cho rớt,
« cho trật dăng ra mắt khinh khỉnh kiêu ngạo mĩa mai, nhiều
« khi quan đến...đồ mau. Cho nên người ta hay nói nghe dờn
« của mình « mắc » lắm !

« Hễ dụng đồ với tay là là lo pha, lo chôi rồi chê khen
« nhau ầu tả, không thể dụng hòa do do mà âm thanh sai lạc
« phần mất chất điệu nghệ về âm nhạc cổ điển.



« Có nhiều nhạc-sĩ cũng như ca-sĩ thường hay « sanh
« chừng » và hay chế thêm, ví dụ một câu đơn 7 chữ, họ lại
« thêm vô có thể 10 chữ, như ca cũng vậy, hết rồi sai diện hết.

(trích báo Buổi Sáng 3-2-1960.— Bảy Nhiều)

« Ca hát trên sân khấu dễ dàng hơn ca tại-tử. Bởi sân
« khấu luôn luôn người dờn và người ca phải ăn rap nhau,
« lỡ ca trật và dờn theo thì không ai rầy rả gì cả. Còn ca
« tại-tử, cả hai đơn và ca đều rình rap, có thể thủ, xem chừng
« nhau, nếu bên dờn yếu, thì bên ca phá, bên ca yếu thì bên
« dờn phá, nhân chum nhau giữ, thấp mức số thì, do đó mà
« nghề chơi của ta ít ai tôn trọng.

« Đêm nào tôi cũng nghe anh Ba Lễ kể chuyện dờn ca,
« tôi say mê hàng đêm thức suốt sáng.

« Anh Ba Lễ, trung người, da ngăm, đôi mắt sáng, miệng
« có duyên khi anh cất giọng. Tinh vui vẻ, nhanh nhẹn, tất
« bình dân. Thích chơi với bạn nghèo, không kiêu cách, không
« khoe khoang, không lấy nghề ca để hãnh diện, ít nói mà
« đến lúc hứng, nói, nói quên cơm nước. Người của anh khiêm
« tốn, nề bạn hay kiếm những chuyện vui trêu bạn, dễ mến lắm.

« Ai hiểu anh, anh chơi hết mình, ai ý tiền khinh anh
« (lời ca dao), anh tìm cách lánh xa, không bao giờ lớn cũi
« những người quăng tiền ra để đòi lấy tiếng ca. Vì vậy
« người ta đâm ra ghét anh.

(trích báo Buổi Sáng, 3-2-1960.— Bảy Nhiều).

III.— Có lần, ở tỉnh S., nhân đám tân hôn của một
« giáo viên nào đó (quên tên) người ta lên Sài Gòn tìm hai
« cậu Lung và Mẫn, cho rước anh Ba Lễ và tam tài-tử
« (nhạc-sĩ thường trực) xuống đó để ca giúp vui.

« Đêm tân hôn đủ mặt quan khách sang trọng, phần nghe
« có đơn ca do các tay chững Sài-Gòn xuống, thiên hạ chen
« chân giành chỗ đứng như đám hát cúng đình ? Anh Ba thấy
« cách sắp đặt không đang hoàng, nên cứ ngồi lăm lý uống cạn



« ly này tới ly kia, rỗng la co nhạc do anh đem theo. Các quan
« chức thuở đó trong bản thân đã sẵn chất thực phong, họ
« xem cái nghề xướng ca là « vô loai » cho rằng hơn ca dao
« là phường hạ tiện kiếm cơm !

« Nhưng người ca sĩ Ba Lê không bao giờ hạ thấp nhân
« cách. Khi họ hàng đông đảo, chen chệ trên gổi dựa chiếu
« bông, oai ngầu trong bộ Âu-phục, hách dịch với điệu xì-ga,
« với ly rượu Tây, thì cái đàn tại tử này phải dờn ca giúp vui
« cho họ hàng ăn nhậu !

« Chủ hôn và các ông có mặt mặt bảo anh Ba Lê : « Ê !
« Ba ! Ca lên đi em ! Người khác ra lính — May người tại-
« tử hãy lựa bài nào cho xuất sắc nhé !

« Lộp trong vưa nhậu vừa ăn vưa Thuyết-Dương, Tam-
« Quốc, tuồng ra ò ạt, lộp ngoài thiên hạ chen lấn giành chỗ
« đứng gáy om sòm, anh Ba Lê cứ thản nhiên nhậu dờn nghe
« họ cãi nhau...

« — Úa ! Nãy giờ chưa có câu nào ? Ca lên đi cho !

« — Ca cho ai nghe ? Anh Ba Lê nói. Đơn thì có Bá-Nha
« sẵn đây, mà Tử-Kỳ là ai đâu chờ ?

« — Tại sao thầy nói câu đó ?

« — Vì chưa phải giờ ca !

« — Tới chừng nào ?

« — Chừng nào không còn nghe tiếng người lam ồm ồm,
« mới có thể ca lên để thưởng thức !

« — Ở đây không cần, đàm cười mà ! ! ! Ca cho vui cho
« râm râm mà ! ! !

« Anh Ba Lê đáp : « Vâng ! Nếu ông bảo ở đây không cần
« thì quý ông rước chúng tôi tới đây cũng vô ích. Tôi xin phép
« nói rằng người ca là để cho người biết thưởng thức lang
« nghe, do đó tôi mới nói Bá-Nha đơn phải có Tử-Kỳ nghe, nhờ
« vậy mà tiếng dờn mới xuất thần, giọng ca mới xuất hồn...



« Quý ông lại bảo rằng :dám cưới con gái, mà tại tư không thể
« làm cho rằm dám được. Và lại hỏi nào tại giờ, chúng tôi
« chưa từng đi ca để cho rằm dám ! Nếu quý ông muốn cho
« rằm dám để hòa với những sự nhon nhup on ao thì chỉ có
« hát Sơn-Dong, có trống, có pheng la, có khí mua mới là rằm
« dám ! Quý ông không cần, chúng tôi cũng xin từ biệt ..

« Nói dứt lời, Ba Lễ và ba nhạc-sĩ mang đơn ra xe nhà
« chạy thẳng về Sai-Gòn.

Vang bong một thời rơi chum trong quên lãng.

« Cách hai năm sau (1924), tôi đi khắp Sai-Gòn, Chợ-Lớn
« tìm anh Ba Lễ, nhưng không ai rõ biết anh phen bất phượng
« trời nào !

« Tôi cố gắng tìm những bạn tri-ký của anh mới hay anh
« Ba Lễ làm chứng binh đao gan đã tự già coi đời tại Chợ-Lớn.

« Lúc anh chết, các anh em mạnh ai nấy lo cái sống trong
« lúc thất thối đến không ai biết rõ mặt của người ca-sĩ tại
« danh đó ở vùng đất nào ?

« Mãi cho đến bây giờ cái tên Ba Lễ đã chum theo quên
« lãng.



« Giọng ca của anh Ba Lễ chỉ còn lưu lại một phần mười
« cho Tư Thạch, Tư Út, Ba Nam và Tam Thừa thôi. Bốn danh
« ca này, tuy không được giống như kịch-sĩ Hai Nhuần, Ba Lễ,
« nhưng dư âm và điệu nghệ hãy còn man mác trong tâm hồn.
« Đến nay họ đã nắm tay nhau đi về cõi hư vô cực lạc.

« Nhạc anh Ba Lễ, lòng tôi cảm xúc mến thương. Nhớ đến
« năm bạn danh ca tài sắc lòng tôi sẽ lại náo nung.

« Nam này, nhân ngày tân niên, tôi chanh lòng hoài cảm,
« nhớ anh Ba Lễ, nhớ giọng ca đoc nhut vô nhị của thời xuân
« tuổi trẻ !



« Thân ơi ! một danh ca tài toàn vang bóng một thời không
« con ai nhạc nhỏ, không lưu lại hương vị trâm hương, không
« con giọng oanh vang cho người ca-sĩ nào kẻ nghiệp.

« Nam năm mốt của các bạn nghệ-sĩ hãy con phớt sương
« ấp nắng. Con năm mốt của anh Ba Lê ai có biết ở vùng eo
« tích nào .nên con, chao cũng đã phảng lự ha lãng !

« Như đến bạn xưa, một phút mặc niệm, một nén hương
« long ! Người tri-kỷ ơi ! hãy chứng cho !

Kịch-sĩ Bảy Nhiều

(trích báo Buổi Sáng 5-2-1960. — Bảy Nhiều)

(Cả ba bạn kể trên, đề nhân là « Nam một nhạc người bạn
cũ . Anh BA LÊ, một danh ca doc nhưt vô như . . . Kỳ ức của
kịch-sĩ Bảy Nhiều, viết đề kính viếng hương hồn anh Ba Lê
và đề tặng các bạn nghệ-sĩ danh ca đương thời và tương lai.
Nay tôi xin phép ông bạn Bảy Nhiều đăng vào tạp này, trưng
cửu hơn trên báo.)

Anh Bảy Nhiều, ông bạn Nguyễn-Ngọc-Trung và tôi.

Con người duyên dáng, tác giả bài « Như Ba Lê » di dóm
trên đây, quen với tôi từ buổi thanh xuân, và nay tôi càng
thèm mến vì có cái giọng văn rất nòi Miền Nam như tôi.
Anh đã tự khai trong một bài báo khác đề ngày 31-3-1961
đăng trong LỄ SỐNG, rằng :

— năm 1918, anh đã leo trường trốn học, thả lang bang
theo gánh Đ... vì mê một cô đào gọi « Cò Ba lưu lạc », kể
gia đình hay tin, len bat anh đem vô trường cho học lại (với
tài-liệu này, chúng ta biết thêm nam 1918 đã có hát cải lương
của gánh Đ... nào đây rồi. Như vậy cải-lương ra đời trước
1918 ?)

— năm 1919, náng nọ vớt đơn hơn với chữ, anh lại bỏ
học một phen nữa để bỏ chữ nghĩa thanh-hiến theo nghiệp Tỏ.



— năm 1920, anh lập gia đình, nhưng buồn, vẫn còn mẹ đơn, mẹ « Cô Ba lưu lạc ». Anh nói: « đó là tuồng xã hội của gánh D. (gánh D. nào tôi chưa bàn ra).

— năm 1921 anh lui bộ gia đình, gọi vợ con lui nhà, để đầu quân gánh T. (Tôi định T... đây là Tap-leh-Ban, Thot Nốt, Long-Xuyên phải vậy không ?)

Từ 1921 (ngày 18.10-1921) (ông ban như rất giỏi), anh ra sân khấu vì say mê nghề To chơ chưa biết hát, chỉ ham hát cho to tiếng, giọng co hót, dề... « o meo » (anh rất thật tình, vì tôi biết lúc nhỏ, đi đến đâu nào anh cũng có đề thương dề nhớ nơi tỉnh đó, trong khi anh vẫn còn là con chim giỡn hót giỡn bay và bay chưa mỗi cảnh...)

Bốn năm liên tiếp anh theo nghề hát, nhưng chưa năm được bi-quyết của nghề. Từ anh nhìn nhận hát hay, hay dở không biết (anh nói khiêm nhường ?), « chỉ biết thưởng ấy rần ca lời bằng họng mà không một ai biết vỗ tay khen giùm. » Trong bốn năm ấy anh vì sống chung với anh em đoàn hát, anh vướng nhiều tai xau và đã biết làm nhưn tình với chị à Phù Dung. Anh được tấn phong « kếp nhưt » và vì đẹp trai đã « lam em nuôi », anh viết « lam con » rất nhiều « má ». (Tôi khen anh rất thành thật và dùng chữ rất sát nghĩa. Như tôi nói « em nuôi », anh nói thẳng « lam con » của « má » và thêm câu: Trong đó (chuyện má, con) có nhiều chuyện xấu xa bỉ ổi kể sao cho xiết).

Bốn năm vui say mà không tiến. Nghề dừng một chỗ, trác lãng phí sức khỏe thì nhiều. Cuối năm 1924, anh hồi tiền cho chủ gánh T... Anh thôn lại 2000 đồng một số bạc rất lớn (1) (Câu này cho ta thấy một khía cạnh của cái-lương lớp trước không

(1) — Bạc 1924, tính theo giá gần đây, một đồng an một trăm thì là 200.000 đồng. Như, đối với gia sinh hoạt năm 1968, thì còn nhiều hơn số đó gấp mấy lần nữa — VHS.



có cho kinh tiền trước, không có tiền ký contrat, v.v. vì theo lời anh thuật, 2.000 đồng đây anh lấy, anh mượn thêm để xai hàng tháng...)

Trả tiền cho chủ gánh, tuy chưa đủ thêm nhưng đã thấy chán, anh quay về gia đình và người nghệ-sĩ lang bạt « qui thuan » vợ con gia đình để được nuôi và an bảm. (sic)

Hai tháng sau, đầu năm 1925, anh gia nhập gánh P. (tôi định là Phước Cường ?) và nơi đây anh ký giao kèo được 5.000 đồng (lành trước để trừ lại hơi chớ cũng chưa phải lãnh dứt như hiện tại). Lương mỗi tháng 150 đồng, cao hơn ở gánh T. hơi nhì và làm « xep » các anh em (chợ de troupe). (sic) Để tiện so sánh, tôi xin nói, nếu anh đi dương tháng học đến bằng thành-chung, anh ra làm giáo viên, bắt qua 80 đồng, (có bằng brevet elementaire) anh ra làm thư ký, giỏi làm 65 đồng mỗi tháng (có bằng diplôme) mà hai hàng này đâu có dặt meo như kếp ca-lương đẹp trai như anh thuở ấy ! Tôi đã mạn phép anh, lướt thuật thay anh bước đường trời nổi của anh qua những bài anh viết cho báo Lễ Sóng trong tuần tháng 6 năm 1961. Tôi lướt bỏ những đoạn anh bị hăm chêm hăm cho an theo như sau buổi diễn tuồng « Gô ách Tô-Châu » nơi xứ sở của anh là chợ Long Xuyên. Tôi muốn đề qua tập Hồi-ký về hát bội sẽ nói đến ông Nguyễn-Ngọc-Cường, bầu gánh Đại-Phước-Cường, nhưng biết cuon này có ra đời chăng ? Tiện đây nói phứt, Cường mất cuối năm 1945 và gánh hát Phước-Cường, theo lời anh bạn Sáu Xường (em của Cường), ra đời năm 1925 và khi đó tập tuồng ở đường Lefebvre cũ, (nay Nguyễn-Công-Trư). Xường thì làm chủ gánh ca-lương Phước-Tường, khai trương đầu tiên tại rạp Thanh-Xương năm 1928 do các đào kếp bên Tân-Thịnh qua (Chín Phớt, Ba Ngưu, Sáu Châu, v.v...)

Theo anh Sáu Xường, tôi rõ lai, gánh Tân-Thịnh lúc trước tập tuồng ở đường Boresse, tức danh đường Bồ-Rét là đường có nua đen đỏ, gát an sương nhiều như, Ba Tàu cỡ sau giờ chiều đi ngang là bị kéo cơ vô ngay, chỉ ba các bạc thôi ! Boresse nay là đường bác-sĩ Yersin.



Nhắc Cô Nam Phi, Bảy Nhieu và Bốn Cường, là nhạc đoàn đường của cải-lương ma ba người này có công hoạch định buổi đầu. Ba nhơn vật này có công với ngành cải lương rất lớn. Trong ba người, duy anh Bảy là con, và hiện bản quán cà phê dưới mái đình Phú Hoa đường Trần Quang-Khai, sau khi ăn cơm Lạc-tỉnh, dạo khắp Bắc-Trung Nam qua đến Pháp-quốc. Người nghệ sĩ lao thanh này như con chim mỗi canh về nghỉ nơi mái đình này. Chúc anh mạnh giỏi lâu dài.

Hai buổi hát quan trong 3 và 4 tháng 11 năm 1923.

Có thể nói đây là hai đêm hát đặc sắc và quan trọng nhất, vì phần tổ chức, có ông Cao-Quỳnh Cư trong nom về gian đơn, và ông Cao-Hoai-Sang trong nom về tuồng viết, đưa Lạc-Vân-Tiên lên sân khấu nhà Hát Tây đường Catinat cũ, dưới danh hiệu « đêm da hoi long trong » (soiree de gala), lấy vé (tiền đến nam đông (5-) một chỗ ngồi hàng giữa (fauteuil d'orchestre) giúp các hội : Khuyến học Nam kỳ, hội Patronage laique cochinchinois, hội tục cầu « Ngôi Sao » Gia-Đình. Theo chương trình tôi còn cất giữ (chep qua phần phụ-lục, Hồi-Ký II số 207) thì các diễn viên này tôi xin chép y lại để kiểm điểm người còn kẻ mất :

| | |
|---------------------|------------------|
| Sở-Vương. | Lê-Quang-Lời |
| Thái sư. | Nguyễn-Văn-Chà |
| Thương-thơ. | Nguyễn-Thần-Sang |
| Lạc-Ông. | Nguyễn-Văn Thu |
| Khoa-Lông. | Võ Bửu-Nguyễn |
| Vân-Tiên | Phạm-Trung-Ngo |
| Tử-Trực. | Nguyễn-Dạt-Khanh |
| Hồn-Minh. | Nguyễn-Tổn-Phát |
| Bùi-Kiểm. | Lê-Quang-Nhuận |



| | |
|-----------------------|---------------------|
| Tiểu-dồng. | Dương-Van-Long |
| Trình-Hâm. | Nguyễn-Văn-Toại |
| Ngư-lâm-quân. | Nguyễn-Van-Lợi |
| Lão-bà. | Cô Bảy Huệ |
| Nguyệt-Nga. | Cô Sáu Tô-Ngọc-Điều |
| Huỳnh-Trang. | Cô Tư Quyền |
| Phi-Loan. | Cô Hai Ngọc |

Gian đơn : qui ông Hầu, Lang, Thanh, Phú.

Trên tờ chương trình tôi giữ kỹ, nay tôi còn thấy thủ bút của tôi 45 năm về trước, nhưn thích thú nghe hát trên sân khấu, tôi ngoảnh-ngoaie báng viết may chép được bài thơ như sau, không dám chắc đúng cả nguyên văn, cũng không đủ tài cân xét niệm luật, duy giữ lại làm kỷ-niệm những nét lãng mạng buổi thiếu thời :

Kép ngâm bốn câu đầu :

Thương nhau rồi biệt gặp nhau không ?
Trông buổi chia phôi lụy nhỏ trong.
Vàng đá mông khan day gió bụi,
Sắt cầm bao thuở hẹn non sông.

Đào tiếp bốn câu sau :

(?) (?) kho nhân vừng trắng bạc, (sót 2 chữ đầu)

Đang-cac riêng đau phan ma hồng.
Vô vô một phương trời vắng bắt,
Nợ tình nào hết lúc tương mong !

(Nay đọc lại, thấy thiệt là không có gì tôi chịu bỏ sót !
Và cái nghiệp nhà sưu tập gần có khác các bạn tan tiên là vậy !)
Cô Sáu Tô-Ngọc-Điều (tên đẹp quá) như đóng vai Nguyệt-Nga tình tứ mà sau đó có chồng danh gia và cùng nhau nối tóc mãi đời.



Như đã nói nơi đoạn trước, lời xuất bố tương để đi kiểm lam hồn thất phách của tôi, vì khi xem hát đờ Tây Sơn nơi rạp Modern, tôi bị Cô Hai Miao hút hồn trong bộ đồ thêu màu hường đỏ sặc sỡ. Buổi trưa ở phòng trọ nổi Lục-tính khách lầu, cô làm trò đi bắt chon chày qua phòng ten thơ sanh, báo hai lời mơ màng suốt tháng. Đây là người đàn bà con gái tôi thấy lần thứ nhất khác với những người từng thấy qua, qua lớp áo dài lễ-giao hay quần lãnh đen rộng huyếch. Con mắt tôi ngày nay lệ mãi cũng vì. Trong gánh thầy Tây Sơn vai cô đào hoa-khoi nữa là cô Josephine, này gọn mạnh giỏi ở tại Vĩnh-Long và cô Marguerite Tân, kẻ vẽ thanh danh tài sắc, cô lệ còn tươi hơn cô Hai Miao nữa, vì tôi như trong rạp thấy Tây Sơn vẫn theo vai cang của các khách yền hoa ngồi khen ngợp mắt.

Lối ca ra bộ được đưa lên sân khấu.

Cô đào đứng cùng đờ một chỗ, khi ca, đưa hết tay này kể tay kia lên ngang ngực như cơ lo-xo thục đẩy, bộ tịch thì cứng cong, hoặc có ngời không cựa kích như nhích trên bộ ván lư, bốn tấm. Giá thử diễn lại bây giờ cho thanh niên xem họ sẽ cười cho mà e mặt. Nhưng vào thuở ấy, đã là van minh tốt bụng, làm mê mết xiết bao người, và lần hồi bị các công-tử bớt bớt coi về làm theo theo, duy các cô đào chánh có hơi ban hàn học thư ở lại, nhưng không đủ kéo cho gánh khỏi rơi rã gần lán. Cô Cúc, xuất sắc vai Tuy Kiều và vai vợ Trương-Tử lấy vò đập sán; thương đứng cặp với chồng là kép Bảy Thông, áo dùt và Kim-Trọng, vai Trương-Tử cò hồn, ông Thông cao ráo ngời, màu áo công xanh chích khăn be xem tuyệt thế. Cô Thơm, kép Càng là ban da vàng, thiện nghệ vai Thủy-Vân và Càng thương lắm vai kép vò. Như đã nói thầy tướng gánh thầy Tây Sơn là ông Mạnh Tư Trương-Duy-Toàn, thường mượn câu ca tụng hát đờ gọi lăm lăm ai quốc, kích



thích lòng người lành của công chúng ham mê vật chất quên lãng việc nước nhà. Khi Từ Hải ra ca : « Mặt yên hung, giống Triều-Thường-Sơn » (có chép nơi đoạn trước), mỗi lần đều làm phấn khởi hân hoan y chí bất khuất của các người đã bị mấy chục năm dốt hồ nên dốt. Nhưng gánh thầy Thôn có lẽ vì ăn xài huy hoạt quá, thêm thói cách tranh kẻ khác thấy nghề mới cái-lương dễ kiếm tiền nên ở Mỹ Tho đã mọe ra nhiều gánh và thầy Nam Tư thực hành hơn ai, sản ô của quá làm, bên đông vai chum tu hu. Gánh thầy Thôn vừa rồi, gánh thầy Năm Tú đứng lên với bao nhiêu đao kệp danh tiếng bên kia sang qua, có lẽ đem theo luôn và tuồng tập. Và thầy Nam Tư, như đã nói, là người hết sức thực hành, nên đã biết thật vô dĩa nhưa, và nếu nhà hiên cô nào còn tàng trữ, mỗi lần đem ra quấy hạt, cau khời dầu bắt hu là *Đầy là bán hạt cau lương của Thầy Nam Tư ở tại Mỹ-Tho. Hết cho dĩa Potho Phono nghe chơi ...* »

Những việc thuộc về thầy Thôn và thầy Nam Tư đều xảy ra ở Mỹ-Tho, tôi khi ấy ở xã, hoặc Sóc-Trăng hoặc Sài-Gòn, chỉ nghe khẩu truyền nên không bảo đảm phần thực sự. Như các bậc kỳ cựu cao minh dạy cho.

Một nam quan trọng danh dấu tiền đồ cái-lương : 1921-1922.

Theo ý riêng tôi, tôi cho năm 1921-1922 mới là quan trọng nhất cho nghề-thuật cái-lương. Ở Hà-Nội, các sinh viên Cao-dăng gốc Miền Nam như Nguyễn-vân-Tuệ, Trần-quang-Hiến, Lê-quang-Hồ, Ngô-văn-Nghị, Phạm-công-Bình, Đoàn-quan-Tấn, Châu-hồng-Đào, v.v .. (kể không hết, xin miễn thứ), mấy lần bãi trường trở về Nam-ky khi trở ra Hà-Nội, đều đem nghiệp cầm ca, hát chèo « thả cầm thơ » như dân anh trong Nam và truyền bá diu hát cái lương ra xứ « ngàn nam vạn vật » lần đầu vào kỷ nhập trường năm 1921. Ông Phạm-công-Bình, sau đó làm giáo-sư dạy trường Chasseloup-laubat và trường



Nột-manh Sở-thứ (Ecole Normale d'Instituteurs) lúc ra Hà-Nội học có việc buồn tâm sự riêng, ben lấy đo viết ra tuồng « Tôi-độc phụ-nhơn-tâm » rồi khi bãi trường thì đem bản tuồng ấy về Sai-Gòn. Tháng Chín năm 1922, anh Triều-văn-Yên, lúc ấy còn làm thư-ký toa Nhì đình Thượng-thờ, phình bụng, xuất tiền cho in bản tuồng, nay tôi còn cất giữ được một bản, ngoài bìa có chừa chỗ thân « cấm in lại và dùng bản tuồng này mà hát ». Năm 1923 (Quý-hợi), trường tư-thục Huỳnh-công Phát, 35 đường Kitchner (nay Nguyễn-thái-Học), lấy tuồng này đem ra tập cho các học sinh diễn dịp bãi trường, hát làm ba đêm, có ghi rõ trong chương trình :

— thư bảy 20-1-23 diễn cho quí quan và thân bằng của bản trường xem ;

— thư tư 21-1-23 diễn cho học sinh bản trường xem ;

— thư bảy 27-1-23 : diễn cho phụ huynh và thân bằng của học sinh nơi bản trường xem.

Trên chương trình (Phụ-lục số 208), tôi chép lại không sai một chữ.

Personnages.—

| | |
|--------------------------|---|
| Phan-Hữu-Chí | Dăng-Tấn-Sửu |
| Lý-Ngọc-Thơ | Lê-Văn-Thiện |
| Lý-Công | P. Ng. Hiệp-Nghị |
| Lý-Nương | Hồ-Văn-Chữ |
| Đoàn-Thế-Trung | Lê-Văn-Mừng |
| Câu Hai-Vân | L. Nhường |
| Thắng Quýt | Lê-Hữu-Diên (hề-dồng của Phan-Hữu-Chí) |
| Tấn-Bảo | P. Ng. Hiệp-Nghị |
| Tiền-công | Ng. Văn-Khuê |
| Thắng Bướn | Ng. Văn-Khuê (hề-dồng của Câu Hai-Vân) |



Tự-lê tâm sự.

Tuy trong chương-trình viết làm vậy, nhưng người đóng vai Lý-Ngọc-Thơ, về sau đổi lại do phụ-nữ đóng và ấy là một nữ sinh tài tình nhưng bạc mạng như là tiền định. Nàng trở nên lãng mạn sau những buổi đóng tuồng. Nàng được nhiều người đề ý, và trở nên một nạn nhân của xã hội hư đốn xa hoa. Nàng là cái bông vừa quá búp; bọn đàn ông là bao nhiêu con ong chỉ toan nưt nhụy, ong già có, ong non có, và ong đã nhiễm nọc rồi cũng có. Buồn tình, nàng thả cảm-thơ, có một lúc, trước cửa sân sao không thiếu gì người đưa kẻ đón. Nàng có tên, nhưng nhiều người chỉ biết nàng dưới danh hiệu Lý-Ngọc-Thơ trong tuồng bất hủ « Tối độc phụ nơn tâm » mà nàng đã đóng nam ấy một cách xuất sắc.

Cô nữ-sinh này, tư tay có chép trong tập thơ của tôi, bài bát cú như sau, do cô làm « minh ên », và nay tôi còn cất trong tủ quý.

TỰ THÂN

Một bóng đèn khuya khác lun voi,
Tàn canh say tỉnh gần thay đời
Bụi hồng lấm lức cơn mưa nang,
Ma phấn nhiều phen chịu lấp vùi.
Cầm sát những ngờ xui lá thắm
Tang thương đau hấn phận bèo trôi.
Nào người chung đội trong trời đất,
Gang tấc này xin nhấn một lời.

Trần-Quế-Anh, tự Chín Ènh
(Lý-Ngọc-Thơ) (10-8-1927)

Bài thơ ngay nay tôi còn cất kỹ, chữ viết của cô Chín, mỗi lần thấy, mỗi ngâm ngui. Rõ là một bài thơ khẩu khí « ngàn nam bạc mạng », và đáng kể nhất là bài tự thân ấy, cô say cô khóc, cô làm tại căn phố trệt số 65 đường Bonard cũ nay phố vẫn còn nhưng lot trong hẻm hẹp gần nhà thương



thị Chợ Sài-Gòn. Cô chín ca hay, có chút nhan sắc. Khi gặp tôi đêm 10-8-1927, thì cô đi trau qua buốt hao tay cò mĩ, bạc-sĩ, thơ-ký, và bon công-tử không làm gì hết và chỉ biết phá đời con gái... ; chính cô can đảm, tiếc mình không còn đủ trong sạch nên không tự không nói chuyện kết tóc trâm năm với tên « thơ-sanh-ở-tro, ngủ-ghế-bo, gần-gai » này. Lối 1931, tôi trở lên Sài Gòn, con gặp lại cô Chín cô cười tha thứ, hai đứa mừng mừng tủi tủi, cô thì nhan sắc đã xuống, trở nên người thất tình, bất dục chi, khung ba tròn, khi khóc khi reo cười, không bạn cũ nào dám nhm... ; còn tôi, trong túi không tiền, không đủ can đảm gánh thêm cái khổ của cô, tôi cũng là một thằng dêu khác...

Luôn đây tôi chép một bài thơ chữ của một khách sĩ tình, mến nhớ cô Chín, làm vào một đêm khuya nửa gió nam 1927

Nhưt diêm tàn đang nhưt phũn tình,
Cỏ phong dỗi ảnh ban thâm canh.
Phu trâm lân tư chung kinh hưởng,
Ai oán dòng tường độc điều thanh.
Nguyệt chiếu mầu song vân tán loạn,
Nhơn sầu bán chằm lệ lưu thanh.
Tâm tư vô hạng tùy nhưn thức,
Dạ ... (1) bồi hồi ức Quế-Anh.

Bài thơ chữ ấy, cũng chính tác-giả dịch ra nôm như sau :

Một bóng đèn khuya một tấm tình,
Ngồi than với bóng suốt năm canh.
Bên chầu vắng tiếng chuông kinh đồng,
Ngoài cửa kêu sầu giọng điệu oanh.
Trăng gioi đầy sân mây kéo gương,
Người buồn nửa gối lay trong doanh.
Nỗi niềm biết kể cùng ai nhỉ ?
Ngơ ngàn canh dài vắng Quế-Anh.

(1) Một chữ tên, cũng là tác giả, xin giấu.



Hai chữ « ngơ ngẩn » ở đây thế cho tên của tác-giả, muốn giấu, và từ thơ chưa can, ông, còn làm thêm được hai bài nữa, cũng đề nhớ Cô Chín Ênh.

Đề.— Kla lau ngọn gió thổi hiu,

Biết đâu mưa sớm nắng chiều là đâu ?

Hẹn gió thế trang bề chữ đồng.
Một ngơ, hai giận, bốn ba trông.
Mấy năm linh-tư đồn dài-dặc,
Nửa gánh tương-tư quây nang gòn.
Thương cũng ơn long thời cũng doi,
Oan thì chịn tiếng, miêng thì không.
Mưa du giọt lệ tràn lai láng,
Biển lấp sần un núi chấp chông.

Nhứt da tri tình hỡi Quế-Anh,
Bồng long ư truất lằng không danh.
Xót phần bỏ liễn phần nên bạc,
Tủi kiếp phù hoa kiếp rất mãnh.
Tủi sắc mà chi trời ghét bỏ.
Gió trang cho phải nhụy tan lành.
Trần oan sạch ắt là vương trắng,
E nôi không người phát cỏ xanh.

Trong tập thơ của tôi, Chín đã sửa một bài, nay đọc lại y như lời khóc trước cho thân phận của mình sau này :

Đen bạc xưa nay cái thế tình,
Nghĩ càng ngán ngẫm một đời mình.
Tủi hoa chưa có người vun bón,
Bạc mang danh không kẻ giữ gìn.
Chín tuổi đã cam phai tuyết già,
Trên mồ còn lạnh đám rêu xanh.
Trăm năm đau rõ tình ngang trái,
Rõ dấng hồng nhan vắng lẽ khanh.



Cũng trong tập, tôi có một bài hồn câu, làm trước lúc còn học trong trường ; hồn chữ đầu « Nguyệt-Giang Vương-Hồng », Nguyệt-Giang là tên chữ do đức Minh-Mang dịch hai chữ « Sông Trăng » tức « Sốc-Trăng » quê cũ :

Nguyệt khuyết rồi ra có thuở tròn,
Giang-hồ cốt cách phan con con.
Vương-hầu mặc kẻ say mùi tục,
Hồng tra tram hoa chuồng sắc son.
V.H.S.

Do là một bài nhỏ, tôi làm y như tư thuật. Có viết nổi theo, hoa luôn trong tập, và chép luôn cho tôi

Nguyệt ánh mây che ẩn bóng hình.
Giang-hồ đau đớn lúc linh đình.
Vương sầu xiết kẻ lòng ta thắm
Hồng phấn phôi lưu ngàn nỗi tình.
T.Q.A.

Chữ chỉ có một giọng doan trường họa may còn sống đến nay cũng chưa biết được. Người nào đã biết Cô Chín, đọc mấy trang này, sẽ nghĩ sao ? Tôi không muốn khóc tỷ tẻ và không có quyền đem tâm sự phơi bày trong một tập hồi ký sẽ in thành sách. Duy phải nói kéo nặng bên lòng : Sở dĩ hai tôi không thành bạn trăm năm là tại Cô Chín cao thượng, « đã hư rồi » cô không muốn làm « hư » một người thứ nhì. Nay TÔI VẪN HƯ, còn có đã thạc, thân thể chôn vùi đất tằm, ngày nay e đã bị hột cốt hay nấm mồ sang láng. Tôi có mấy hàng khóc muốn. Xin cô biết cho.

(Có người nói Cô Chín chết và chôn ở Miền Trung ?)



Qua được trường trước con trường sau — Cũng lối những nam do, tôi thường vào cùng Chư Lan, xem voi cạp Cừu Eden, đường Long đoc Phươn, quen gọi rập Tư Đu, nay đã phá cat lại mới đẹp hơn tư cạp Lê Ngọc, 102 đường Tông-dục Phươn ngay nay. Thuở ấy thường có gánh hát Thay Nam Tu hoặc gánh Văn Hy Ban của Truỵ Mười Vuit diễn tại đây. Một đêm, lính cơ hay ba sanch bừa binh, tôi mua giấy hàng nhưt, hàng ghế thứ ba thu tư g đơ khốen tôi được ngồi gần một cô nữ sinh rất đẹp, mặc áo tím tầu v như mau đồng phục lớp do của trường nữ Gia Long Sơn to tư, Trôi Phát-Thánh-Thần đi, đó là Cô Nam PH — lúc ấy cô nghỉ hát ở Mỹ-Tho vì rã gánh, vì vậy cô lên cho Lon, — theo lời cô nói, — « xem người ta diễn mà học thêm » Bữa ấy, trong tư tôi chỉ còn không tư NĂM ĐỒNG BAC, và lính cơ Cô Hai Mảo trở lại với tôi, kỳ này còn dư rập bư và bong bốt hơn trước nhiều. Tôi có chue áo mưa xau xi, đầu có dơ g p như vậy mà mượn đồ via), thoát có một mu già chen vào ngồi ghế bên cạnh, tôi bối rối với chiếc áo kênh cang, có áo tím cừu dong loa và tư tay kéo chiếc áo dat lên đui hai đui, tôi mừng không biết lấy gì mà so sánh, rồi hai đui có cảm tình với nhau tư phút ấy. Mỗi lần ba màn, chung tôi ngó nhau thông cảm. Cô hỏi tôi về lớp màn rồi, tôi vừa khộp vừa run nhưng xem chung những câu tôi trả lời được cô tan đồng. Vẫn hát, tôi không dám mở hơi ướm một lời nào vì tôi nhớ chỉ còn NAM ĐỒNG trong túi. Ra rập, cô bao tôi một chen hột gà chưng, tôi ngồi húp mà rần cảm nước mát, gián mình không có tiền nhiều để mời người đẹp và HU cho đến dỗi dể cho dân bà « bao một chen hột gà chưng » ! Tôi khốn nan đến không dám lấy ví ra trả tiền sợ thảng chee bán lúc tau-chue và cô ngó thấy. Cô còn muốn gì thêm nữa mà tôi vì eo tánh nhưt nhất đã dể mất cơ hội tốt. Hai tôi thả bạch bộ không biết độ bao lan, tôi muốn đưa cô một dỗi dương, nhưng cô tư chối không cho biết nhà,...



kế chưa tay. Từ ấy ngày như đêm trắng, ban ngày tôi đi làm, về thân xác vào sở mà hồn gối đầu đầu. Bỗng được tin cô hát trong Chợ-Lớn. Tôi mượn anh em được nam đồng bạc, đi xe điện vô Chợ-Lớn tiền xe tòn một cắc bạc, mua vé thương hàng vô của một dong hai bạc, rồi vẫn hát tôi lờ lờ bỏ tư dương Tồng-dốc Phường Chợ-Lớn về phố họ Gõ đường Bonard Sài-Gòn, sung sướng như lên mây, vì thấy mặt nàng tiên mơ tưởng. Ganh hát cô dúi vô diễn trong桂-Đinh, tôi lại nhìn an sáng, nhìn liền đề tôi tôi thả bỏ dọc theo đường xe điện vô chợ Bà-Chiễn xem cô diễn. Một hôm được gặp nhau. Tôi bán mỗi đút đơn xin ký tờ công-tra trạm năm thiết tho. Cô cười « Anh an trong TÂM CHÚC, không đủ tôi mua phần ! Rồi vì nghèo ở đút môi với nhau sao được ? Chỉ làm đau lòng nhau, làm khổ cho nhau. Thôi làm tình như vậy, được ngay nào hay ngày nấy. »

Trước năm đảo chánh (1945) tôi được gặp một lần nữa tại tỉnh nhà Sóc-Trang, thì cô đang đi cho gánh quốc-gia kịch đoàn, cô Biền-Chánh Hồ-Vân-Trung làm bầu và một cô-mi theo làm ký-dạ. Cô bắt chấp. Nhưt Bồn địa-phương mới có xem chớp bóng lo thiên diễn lớp thời sự toàn-quyền Decoux đầu hàng. Cô ngồi ghế danh dự, tôi được sắp ngồi kê bên cô. Cô đã thay mấy đời chồng, tôi trải qua hai đời vợ... Trên màn ảnh Decoux quai gối, cô day mặt qua tôi đề nhạc mỗi tình hai-mươi-hai nam trước. Đêm ấy tôi về không nhắm mắt, thăm tiếc mãi người đẹp và mối duyên sul se. Rồi sau đó, cô càng nổi danh, tôi thì gia đình tan rã một lần nữa, thân trở lại « đi làm công » như xưa ! Tôi vì tư cao không bước đến nhà đường d'Ayot, mà cũng vì ghen không nhắm chỗ... Bỗng hay tin dot ngót người đẹp vì bạo binh, ra đi vĩnh viễn dương độ xuân thơ. Tôi không đưa được nửa tácc dương cũng không mềm được nửa nen nhang. Mỗi lần có việc đi ngang nghĩa-địa đồ-thành, tôi đều hee chừng nơi góc phía có cô nằm mà cô mấy biết ? Lối cô cười và thốt nam nào « ĐONG LƯƠNG ANH TÂM CHÚC... » tôi ghừ mặt tam cùn. Gái đẹp đa tình như cô,



coi vậy mà thấy xa. Tôi co tanh chân cho đỡ ngứa mà đã bỏ qua cơ hội duy nhất. Tôi lại không đủ gan để nắm tay ga hữu ý. Có tưởng cô tha cho tôi để tôi hưởng toàn hạnh-phúc. Có nào để cái số của tôi • hạnh-phúc chỉ thấy tự đang xa. » Nay cô nắm yên nơi đó mà tôi còn phải vật lộn với đời đến bao lâu nữa ? Cô dễ thương dễ tức cho tôi, mà thà vậy, còn hơn gan nhau chỉ đang rồi thấy chực bội-tình, be trái !!!

Tôi viết toi mấy chữ « loi tình be trái » thấy khuya xếp tập đi nghỉ, và định sáng ngày sẽ viết qua chuyện gánh hát khác, nhưng kẻ mơ màng thấy như thêu thùa chút nợ gì đối với người ta-nữ • trong bao tôi ăn hơi gì chẳng », và suốt đời chỉ biết thương nhau song qua các tình • hơi gì còn trong vỏ ». Sáng ngày tôi có mấy hàng lệ thề như sau và xin phép đọc giả cho tôi dùng tiếng Tây • « Pour moi Seul ».

Sáng sớm chưa kịp ăn sáng, tôi lục các tài-liệu thuộc về hiền-sử Cô Nam, cắt trong các báo đề danh bấy nay, tôi đọc :

« Nam Phi, người gầy trong hồ ý phúc Trung-Hoa long
« lấy, đang qui let đầu gối lại gần... vừa. Bảy Nhieu • sấm vai
« vun và Năm Phi • sấm vai Bang Qui Phi... mấy chục năm đã
« qua, tôi còn trong thấy rõ rệt • trong diện hồ của Nam Phi
« mặt đầy lệ và cái giọng vo cung áo nào khàn khàn đang ca
« Tír-dai-oán : « *ối thôi ! mau lên cái thân này... nhưn mãi*
« *cho qua... !* » Năm Phi, Bảy Nhieu đã sang Paris và các báo
« chỉ Pháp hồi đó hết sức ca ngợi. Thật là một thien tài, có lẽ
« còn lâu ta mới thấy xuất hiện một người đề so sánh.

(Bác-sĩ Anh-Tuần, báo Ngon-Luan, số 2324, 18-9-1962)

Tôi xếp tập hồ sơ, lật qua tập khác, thấy có người « nịnh » hơn, ton một cô đạo nhỏ có huy chương vàng gánh Thanh Minh Thanh-Nga cho rằng trong dương có Nam Phi ? Tôi đẹp, đẹp một bên, và xo tập này ra góc bàn. Tra cứu đèn tám giờ sáng,



gặp bài cũ trong báo Tiếng Đoi ngày 28-10-1948 của ông Kiều-Quốc-Sĩ, ông này viết :

« Cờ đào hát có thân hình đúng hai chữ « hồ liễu » nhưt,
« ngoài cờ Nam Phi, tương chẳng còn ai (Đến đây toi chiu. — S).
« Cờ Năm Phi, thật ra *không phải là một người đẹp* (1) nhưng
« về tha thướt có lá duyên dang của cờ là một quyen rũ say
« dăm nửa tiền nửa tuc cho ai là người đã xem cờ hát, đã
« được gần gũi quen biết với cờ.

Đọc vừa đến đây toi tức quá, xếp lại hồ sơ này lại, lật
đặt viết le kéo y bay mất. Ai đời cái người mình đang tôn
thờ trong tư mê khoa và trong mặt si tình rằng đó là thần
tượng sống năm 1923-1944 của ai-tình thơ-mong, đẹp như vậy
thời chờ muốn đẹp làm sao nữa, đẹp chưa thấy ai hơn, với
mình là như vậy, thế mà có người này dám nói : « *Không phải
là một người đẹp* ». Toi biết đây là một lời hành văn xảo
«vừa hạ xuống nơi đoạn trên kê tôn lên nơi phoạc nơi đoạn
kế», vừa nỏ cho Cờ Nam vừa nỏ cho ông tác-giả, nhưng toi
vẫn không chiu, vì thử xem kỹ là các em của cờ, náo Bảy,
náo Chín, náo Mười, có ai đẹp hơn nhưt là cờ duyên hơn cờ
Năm ? Hề cái gì không phải của mình là thua, là không bằng
cái của mình có, dẫu có trong một lúc ? Phải vậy không, ông
Kiều-Quốc-Sĩ ?

Toi thú thật, đàn bà V.N. đẹp như cờ Nam là nhưt hàng
rồi, nhưt là theo toi, có có cái quang đặc biệt tình tứ, chàng
những mỗi lần rơi nước mắt du trôi Tây, Chèo vé xu, mà đôi với
người Việt là, nếu có kẻo dủ có người thực kết và «ủ tở» (toi
nói cho toi, cứn thơ-kv phát ngân tính Sa-Đéc). Sau cơn
người ngoại, toi đọc tiếp bài của K.Q.S. thấy mình gần đây,
như nhận có nhiều đoạn đúng với sự thật nên xin mạn phép
K.Q.S. chép ra đây luôn làm pho tại bên về Cờ Năm :

(1) Hàng chữ in nghiêng, không có trong nguyên văn, và chính toi nhấn
mạnh.



« *Cô Nam Phi, một thục tử.* — Từ « Cô dao quen
« biết với cô (xem đoạn trước, đã trình rồi) » một
« tấm thân mảnh khảnh, nhỏ người nhưng không ốm yếu, với
« một đai trần chưa dùng một thông minh không bị bẩn, với
« đôi mắt sáng lấp ửng cả một trời thanh thú, cô là hồn thân
« của tinh tú, của mơ say, của một tâm hồn nghe sĩ. Còn một
« đặc điểm khiến người ta phải để ý đến cô là trái với các cô
« dao khác nổi tiếng, cô có một giọng khàn khàn, cô phải
« giọng đồng chăng ? — như một nhóc, như ghen ngạo, như
« tục tữ, nên nghệ thuật của cô thêm một y-vị đậm đà
« tha thiết.

« *Song Van-Hi-Ban* — Bức thư nhũ sang Van-Hi-Ban của
« thầy Mười Vui, Cho-Lên, tại có một rang dân. Tuy nhiên,
« nghệ thuật của cô vẫn còn theo lệ cũ, chưa thoát chỗ tự do
« phát triển và chưa đủ điều kiện phát huy thiên tài cô được
« hoàn toàn. Những vở tuồng cô đóng với Ba Thê như Triệu-
« Kinh-Nương (đưa Khuông-Đĩnh) chẳng hạn, ngày nay, không
« có mấy người nhắc đến.

« *Nay, hãy xem cô bước.* — Ra chào đời, cô ở trong một
« gia đình công chức đông con ở tỉnh Mỹ-Tho, nơi sản xuất nhiều
« nghệ sĩ anh tài cho sân khấu. — Những anh em của cô đều
« được đi học ít nhiều, hoặc để giữ nề nếp công chức như cha,
« hoặc phát huy tài năng theo sở đặc, chỉ cô cô, hai thay, cô
« vẫn ẩm ực với bình mả chữ nôm theo cô từ nhỏ đến lớn (1)
« và gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho nghệ thuật sân khấu của
« cô. Nhưng trời đã bù lại cho cô một thiên tư một thông minh
« mà hầu hết giới sân khấu chưa để có người bị kịp. Nên cô
« đã thành công, đã nổi tiếng, ầu cũng là... « thiên lý dĩ
« nhiên » vậy.

(1) Điều này rất đúng, bằng cơ là câu ngạn ngữ bất cứ «Souvent mon cheri » sau lưng tấm ảnh ông .. nói với tương 122.—S.



... qua sân khấu. - Nam có 13 tuổi, phong trào ca hát ở
« Vĩnh-Long (gánh thầy Pho Mươi-Hu), ở Sa-Đéc (gánh Thầy
« Thân) vang dội đến Mỹ-Tho. Có hơn theo tiếng gọi thường
« liêng của tâm hồn, bước vào sân khấu của Nam-Đông-Ban, do
« anh em thợ bạc tại tỉnh lập nên.

« Bước đầu ở Nam-Đông-Ban, ngôi sao của cô chưa sáng
« tỏ lắm, vì cạnh cô, còn có một thiên tài, mà hay giờ nhạc
« đến, ai cô dịp thường thừe qua, đều ngấm ngấm thương tiếc.
« Ấy là Kép Hai Giỏi, Huống chi còn có Ba Đa, một anh hề, mà
« lúc ấy đêm nào không có Đa là khán giả đời trả giấy?

« Hai Giỏi! Hai Giỏi! Trong tất cả kép hát, có lẽ chỉ có
« Giỏi là đẹp trai, có sở đạo hoa và có một giọng ca nào nung
« nưt! (Nghệ sĩ sân khấu bấy giờ, ca hay là một giá-trị đặc
« biệt.) Khốn thay, như Rudolph Valentino, vào hồi 18 tuổi thì
« anh mất. Anh chết đi, để lại bao nhiêu ngấm ngấm cho người
« yêu mến anh mà cũng để nhường cho một ban gái một thiên
« tài như anh, có dịp... được này nọ và róng bước tiến lên. Ấy
« là Cỏ Nam Phi.

« ... vào lau đài danh vọng Phước-Cường. — Cơ hội, đối
« với cuộc thăng trầm của mọi nghệ sĩ thật vô cùng quan hệ.
« Cơ hội đến với Cỏ Nam Phi là một cơ hội hân hân đưa cô
« lên đài vinh quang. Người đóng vai tuồng quan hệ trong
« nghệ thuật sân khấu của Cô là ông Nguyễn-Ngọc-Cường.

« Bước thứ ba của Cô, nhờ lay tron ở Vạn-Hi-Ban, đã đưa
« Cô vào một lau đài — không phát kim-cương — mà là nơi
« Cô có đủ điều kiện phát triển hết năng lực sức tích từ lâu.

« Ông Nguyễn-Ngọc-Cường đã dùng Cô đúng với sở-trường
« của cô, ngoài ra ông còn tận lực tìm hết cách phát huy cái
« tài vô song của Cô.

« Huống chi quanh Cỏ Năm, còn bao phủ một vòng những
« ngôi sao đang thời tỏ rạng như Bảy Nheu, Tám Danh, Ba



« Du, Tam-Meo, Ba-Vân, v.v. , một lực lượng vô song san sàng
« nung đo có đến đến nấc thang tuyết với của danh vọng. Nào
« đã ngưng bước ở gành Phước-Cường đầu, Cỏ con bước.
« Phen này Cỏ bước chung với Cỏ Phụng Hả ở ban Phi Phụng,
« một tượng trưng của hai phụng giao đầu. Thêm một nhóm
« hữu tại phụ họa: Tư-Ut, Hai-Tiên, Chín-Môn, v.v... Nhưng
« hai Phụng không thể giao đầu được nữa, nên Cỏ bước thêm
« một bước khác, Đại-Phước-Cường, với cuộc tổng hợp nghệ
« sĩ: Nam-Châu, Bảy-Nhiên, Tư-Anh, Ba-Vân, Ba-Du, v.v...

« Bước đến đây, Cỏ thấy có thể tạo cho mình một cảnh sống
« mới, nên Cỏ đơn thân diu khiến ban Nam-Phi với Tư-Ut,
« Tam-Meo, Duy-Lân, Bảy-Nhỏ. Đây là một bước sang ngang,
« đem lại cho Cỏ nhiều phần vững chắc ở địa-vị kịch trường.

« Gần đây Cỏ có sản xuất một công trình mới. — đoàn
« ca vũ Nam-Phi — chưa có tiếng đo và ảnh hưởng khả quan
« nào, còn chờ thời gian định đoạt.

« *Từ những ngọn vô song.* — Người ta bảo có Nam-Phi là
« hiện thân của sự đau khổ. Lời nói ấy tuy không đúng lắm,
« nhưng cũng tượng trưng được sở trường của cô. Vì kịch
« phẩm là phản ảnh của tâm hồn. Tâm hồn cô là tâm hồn
« của kẻ si tình đam đuổi có thể bỏ tất cả dè-thoá mãi long
« yêu từ sản khấn đến cuộc đời. Cô áp dụng long yêu chán
« chứa trong tất cả vai tuồng thích ứng với lai năng Cỏ. Thêm
« vào đó cái thiên tài trời riêng phú cho Cô. Cô đã tạo được
« nhiều kịch phẩm bất hủ. Vả ai oán nào nung, trong
« *Từ vương đến thư, Lan và Diệp, Bang Quy-Phi*, đường bệ,
« trang hoàng, đại các, như *Tuý-Hoa vương-nữ*, ba huyện trong
« *Vĩ đĩnh mìn mỗ*”, là lướt quyen rũ, đam say như trong
« *Sắc quết người, Phụng-Nghị Đình*, và thông minh ngơ ngẩn
« như vai Mọt trong *Đóa-hoa rừng*, Cỏ Nam-Phi là người
« đồng nhiều vai tuồng, khó cho ai thay thế nhất.



« Sở trường của Cô luôn luôn biểu dương trong các vai
« tuồng chan chứa niềm yêu, tình cảm là nỗi cô lẻ chưa xót
« của cõi lòng. Ta thử nhận thức cái hay trong vai Bang
« Qui-Phi, một vai tuồng sở đặc (1) của Cô, đã từng làm cho
« khán giả ở Ba-Lé mềm lòng và sụt sịt khóc. (Lời của báo
« Intransigeant phe bên trong dịp Phước-Cương di dư cuộc
« đấu xảo ở Pháp năm 1931).

« Cô Năm Phi trong vai Bang Qui Phi, một bà hoàng
« diễm lệ, thướt tha, đa tình, bị xử tử hình vì giữ hiến bỏ trung.

« Trong màn nhà vua vào cung vẫn tới, cô đã biểu dương
« vẻ quyến rũ, mê say một cách tuyệt vời. Khi khăn cầu
« tha thiết, khi tức tưởi nghẹn ngào, khi dọa hủy mình lúc
« nhận biết nhà vua vẫn một lòng yêu quý. Mỗi màn mỗi sắc
« biến đổi tự nhiên làm song lại trong tình sử trong thắm
« cung oai oán. Đến màn Diệt Thái-hậu công đồng xử án, thì
« từ những vẻ âu lo, sợ hãi khi hình trên kẻ tội, nét thất sắc
« khi nghe lệnh xử tam ban triều đình, toàn thân run lay bầy,
« đôi mắt mờ lệ như vào bồn an vua phe, đến nỗi...
« thất vọng hoàn toàn, là một nghệ thuật vô cùng điêu luyện.

« Cái hay của cô Năm Phi trong vai tuồng ấy là cô đã
« thành thật sống, sống hoàn toàn với tâm hồn và tình cảm
« với người xưa.

« *Đen một vai làm be.*— Ca không đang nhịp, học chẳng
« thuộc tuồng, tập dượt cầu thả là những lầm lỗi của cô
« Năm Phi, nếu ở vào một cô đào khác sẽ thành những tai
« hại gớm ghê, nhưng với cô, đó chỉ là một dương tư vùng
« đai không làm giảm bớt nét yêu kiều của bức tranh tô-nũ.

« Cô có những cái hay xuất chúng, làm kinh ngạc mọi
« người, vì cô không còn là cô nữa mà là hiện thân của vai
« tuồng cô đóng trong những giờ trên sân khấu. Nhưng chỉ

(1) Sở đặc ? ? ? : Sở trường phát hơn. —S.



« với những vai tuồng thích ứng với tài năng cô thời, trai
« lại cô sẽ lựa bầu, hôn rồi đến lố lằng khi gặp phải vai tuồng
« không hưng thú, không rung động được lòng cô, không
« làm cô say mê đến xuất thần trong màu sắc.

« *Một phần thưởng tinh thần.* - Nghệ-thuật của cô
« Nam Phi là một nghệ thuật thuần tình cảm. Từ nay cho đến
« ngày cô vang bóng trên kịch trường, một danh dự cao quý
« nhứt của cô là cô chưa bao giờ được cảm tình nồng hậu, một
« hoài tưởng êm dịu trong lòng của khán giả từ phương.

(Kiến-Quốc-Sĩ, trong báo Tiếng Dời, ngày 28-10-1948).

Bài trích lục dài, đọc hấp dẫn, tôi muốn giữ toàn bích, không cắt xen đoạn nào, để đọc giả lấy công làm nhận xét. Trước khi dứt qua chuyện khác, tôi xin ông Kiến-Quốc-Sĩ miễn chấp đã dám « ngày nga » sao ông dám chê pho thần tượng không xinh đẹp, và luôn luôn cũng xin chú đọc giả tha thứ cái tật đa dục của tôi và sau đây, xin vọng hơn người khuất mặt biết cho. Nam nào, đã lâu làm rồi, tôi đi xem cine khuya ở rạp Majestic Catinat, gặp Cô đi với em gái Cô, còn tôi lại đi với người khác, không phải vợ nhà. Cô ngo tôi như với cặp mắt là dame aux caméhas, khi nhận lời cha của Armand Duval nên xa nhau mà đứt ruột, còn tôi tôi lăm lét vì có thùng dầu tại đó hầu up cái lối tày đình, và chẳng tôi cũng không biết dọn thờ...

(Viết thêm sáng 12-11-1966) V. H. S.

Văn-Hi-Ban. — Cùng một lượt với gánh Thầy Năm Tú, có gánh Văn-Hi-Ban của Thầy Mười Vui (Chợ-Lớn) chuyên môn hát tuồng Tàu. Trong gánh có kếp Tư Thạch, buổi ấy tôi chấm là « nghề riêng ăn đứt » những ban oan, như Tư-đại, Văn-Thiên-Trường, nhưng sau rồi lại, khi đọc loạt bài của anh Bảy Nhiều, thì Thạch còn nhường sư-bà là Ba Lễ, một nghệ sĩ ca tài-tử mà theo tu thuật B.N. đang tồn làm thầy cho nhiều thế hệ ca sĩ.



Cô Hai Niêm, Nam Thiên, Cô Hai Nữ, gánh Song Chung, Cô Bảy Phụng Hà. - Cũng gánh Van-Hi-Ban này, cô cô Hai Niêm, gốc ở bên hát bội, nay sang qua cải-lương đầu quân gánh Van-Hi, thủ vai Bạch Thu-Hà, múa theo hát bội và ca theo cải-lương nên thuở ấy ai ai cũng cho là xuất sắc. Tôi nhớ lúc ấy kếp Nam Thiên đóng cặp với cô Hai Niêm thủ vai chanh cơi được đến. Cơ sao nay anh Nam lại lu mờ trong gánh Song Chung? Cô Hai Nữ, lúc đó làm vai tỷ tất lau mặt cho kếp Dương-Tôn-Bảo trong *tuồng Mộc-Quê-Anh* đang cặp cũng là duyên dang lăm. Còn nói gì Cô Bảy Phụng-Hà lúc ấy đóng vai Mộc-Quê-Anh thủ vai là cùng mẹ, ý là lúc ấy Cô Bảy còn nhà quê ẹt! Nhưng khi cô trong buồng bước ra cất tiếng trong-trẻo nói lời :

« Mọc cái-trai mới mình làm chủ, nhóm lau là trên danh
« tung hoành, Cha Phấn-Vương Mọc Võ là danh, thiệp
« Mọc-thì Quế-Anh là bực. Sue cu danh Hàng-Vương còn
« thiếu, (cho) Võ dề thương đủ lực bát san (?) Phi-đao
« phép qui tiên truyền, sa tiên nghề hay quý sơ mà ! Than
« ôi ! Bớt chưa gọt ai người quan tử (?) Nên danh cam an
« thu với chi hung ? Ngay hôm nay vung vẩy với non sông,
« nguồn tâm sự bạn cùng cay cớ.

Tiếp ca vọng cổ : « Toàn long cao sơn lưu thủy, Minh nguyệt
« phi chi với thanh phong. Thung dung nước lĩ với non
« Bồng, Trôi chửa than dung nữ hung. Trước sân tuyết
« diêm ba tung, khi đến vô khi thì ta lại thương hoa. Cũng
« vì trời sanh ta là phàm gai, dầu có biết anh hung trong
« bốn biển là ai ? Bớt vạy cho nên ta có ý xưng vương nơi
« sơn trại .

(Bạt này còn thiếu và không dám chắc đúng với nguyên văn ; xin nhớ cao minh chỉ giáo) : Cô Bảy nói rồi tiếp ca bắt này, thì tôi tưởng lúc ấy ai cũng như tôi, đều nín thở và thầm khen cô đào nào đây nhan sắc và tài nghệ tuyệt trần.



Năm 1624. — Đề thấy cau ngồng cái gần của kẻ này, xin nhạc một việc cũ nay như mà còn then then. Quả không có cái gì mà tôi không muốn không ham. Tham chi tiền không có, bẽ thể cũng không mà đeo bong nhiều việc lều. Ngay mong một thang ba d. 1. 1924, tôi đi xem hát cải lương tại rạp Modern đường d'Espagne Saigon. Tại đây tôi được ngồi gần cô Ba Tra, lúc ấy đang sáng chói trong đèn, trong nhan sắc và sấm xe hơn cô tài xe phu, đề đánh mở cửa. Cô Ba ngồi một dãy ghế thượng hạng với bác sĩ Tinh, Toa Tỳ và Sáu Ngọ. Trơ trều thay, bên tay mặt và sát ghế cô là ghế của kẻ này. Cô ngồi xem mà mũi nước hơn lơn tôi ngáy ngất và khi nửa chừng cô ra về, tôi hết biết trên sân khấu hát cả những gì và khi về nhà, tôi thức trắng đêm đề d. 1. 1924 này nay chép ra đây cho thấy cái tan rã của tuổi xuân liều sắc :

Xem cau lương ngọc mỹ nữ (cô Ba Tra)

Duyên kỳ ngộ gặp nàng quốc sắc,
Khách đa tình ngộ mặt quên nheo !
Mời đây sao lại như heo ?
Giờ de vừa sát, gặp chèo kẻ đang.

Tệ chi bấy ! Ở nàng mặt ngọc,
Khách có phong trần trọc nám canh
Căn duyên sao có mãnh mãnh,
Chưa vui sum hiệp đã đành chia phôi !

Nàng thảo bước, ta ngúi ngúi thắm,
Khách lui chơn, đây dăm ước lời :
« Phiền cô tiện đồ ngồi chơi,
« Cho đây xem thoả, sắc trời phải chăng ?

Khen cha chả ! Khuôn trăng đầy đặn,
Càng nhìn lâu càng mẩn nét hồng
Còn trời, còn biển, còn sông,
Con cau tình ai, con lông tương tư.



Nghĩ cũng lạ sao đi không nói ?
Để lại chỉ mấy đọi sầu phiền.
Vật đi còn chút tình riêng,
Nang đi nằng để cho nghung ngửa lòng.

Lửa đã nhúm khó trông dứt tắt
Kể từ đây bắt bắt giấc tiên
Ngày sầu mấy khắc nào yên
Đêm trong canh hạn càng điên đảo lòng !

Than ôi, đã sa dòng biển ái,
Để gì toan trở lại non nhưn ?
Lòng thương lòng lại há sừn,
Dầu mon hua đã kho khơn lòng thương...
1-3-1921

Cái ngòong còn chưa chịu buông tha, tiền thi trong túi vắng hoe, mà dư thừa thơ thông, Vô sử lam, ở Trương Máy, đường Đỗ-Hữu-Vi, trọn một tuần lễ, bỏ phê hết tất cả mọi việc, rần ề ạch bởi sửa đặt thêm một hai thơ bát cu ma không dám gửi, chỉ cất trong cặp cho đến ngày nay

Mim miệng cười duyên đoá hải đường,
Xui lòng thi khách biết bao thương
Dịu dàng mà dô dào ghen thắm,
Yểu điệu mình mai liễu kềm nhường.
Ngọc lốt Lam - diên ái nài giá,
Hoa tươi Thương-Uyển nức mùi hương.
Cất xong Đồng Tử - chờ tiên nữ,
Nhấn với ai kia chờ gọi thường.



Thơ rồi để đó, lo đi cưới vợ. Cô Ba Trỳ vút vút lên như diều gặp gió, lên xe xuống ngựa mấy chục nam trường. Tôi thì một tương sách một túi áo quần, để sau cùng dùm để ba cái đồ sành tra bề. Bong vai chục nam sau, gặp nhau lại nơi bàn tại-xiu trong Chợ Lớn, sau năm 1915. Cô đã mất phong độ nam nào, nhưng hỏi tôi, hỏi thấy nhan sắc cô nay kem hơn trước thế nào ? Tôi trả lời : « Tôi chỉ biết « người đẹp » có hình chụp treo trong tủ kiếng nhà photo Khánh-Kỳ lúc còn đi học Chasseloup » và « đã khiến tôi thành thi-sĩ, xin lỗi, thành thợ thợ nam nọ » . Cô cười rồi thâu dung tôi làm « bí thư » suốt mấy tháng trường. Cô thuật tiền sử cho tôi lấy notes, vừa thấy hay hay, kẻ cô bán tài-lien cho một ông bạn nhà văn (ông T.T.Q.) tôi không nói gì, nhưng xin ngưng chép chuyện tiền-sử như bã mía, chỉ giữ lại đến hôm nay hình bóng một người năm xưa từng vài bữa bạc trăm bạc ngàn qua cửa sổ, nay không có đèn một xu-ten để cao gió và vẫn nuốt cơm đen kéo dài cái kiếp sống thừa không biết đến chừng nào ? Nhớ một đêm nằm cạnh bàn đèn với Cô Ba, khi chi Phù-Dung đến làm ban « ăm ăm ăm ăm », bỗng thấy ma cô trở nên hồng hào, lòng nheo ướt ướt, mũi dọc dừa, răng còn tốt, nhứt là tuy ít học nhưng ăn nói duyên dáng vô cùng, tôi như lâu bỗng sợ khan, may mà tại gia đã có một ai rồi, không có ai đó, đem ai này về, ắt cái khổ còn ai hơn nữa ! Năm xưa cô là đóa hoa, tôi là « về rác ». Cái năm gặp ở tại-xiu, cô đã thành « về rác », nhưng thà tôi trôi cô-ky, không muốn kết thành bè. Tuy vậy bụng vẫn tiếc, vì bất quá là bà quất, chớ chi hai về rác gặp nhau sớm, ráp lại với nhau, biết đâu chừng biển Đông sẽ ăng bóng ? Không chi cũng biết mũi la dame aux camélias Nam-Việt.

1926.— *Gánh Phước Cường*.— Năm 1926, gánh Phước-Cường lên hát rạp Sài-Gòn — kếp Bảy Nhiêu làm Tổng Chơ-Tôn, Cô Năm Phi thủ vai Bang Quý-Phi, hay đến đôi Chánh-Phủ gọi cả đôi sang Pháp diễn tại Paris dịp đầu năm 1931, ăm



khách suốt mấy tháng tương, tuy khán giả lang-sa không hiểu nổi một câu bân-run hay câu vọng cổ muôn, và chừ hiểu qua màu bộ tịch của đào kép.

Tôi còn giữ được một tấm chương trình gánh Phước-Cương diễn truyện Thuyết Dương, và Ngũ-Vân-Thiên lá tên, Bảy Nhiều bỏ lăm Vân-Thiên, Quả-thu do Cô Nam Phi đóng, hỉ nó ai oan đủ điều (tại-hiệu số 209 Hồi-ký tập II)

Giá chỗ ngồi :

| | |
|---------------------|--------------------|
| Hang nhứt | 1 đồng |
| Hang nhì | 0.60 (sáu cắc) |
| Hang ba | 0.30 (ba cắc bạc). |

1943. — Bẵng đi một khoảng dài, tôi dời về Sa-Đéc (1928 — 1932) Sóc-Trang (1932-1936) và Cần-Thơ (1936-1943), tuy vẫn xem hát như cũ nhưng không gặp chuyện nào gay cấn, cũng những tuồng cũ diễn đi diễn lại. Năm 1943 tôi dời trở lại Sài-Gòn thì lính Nhứt-Bồn dậy dương Đêm thứ tư 13-1-1943, tại rạp Nguyễn-Văn-Hào, có hát Đại-Hội chừ ban, theo chương trình tôi hiên có (số 210 Phụ-lục Hồi kỳ tập II) đủ mặt kép đào danh tiếng :

| | |
|-------------------------------------|------------------|
| Cô Năm Phi và Tám Meo, Năm Dinh ... | gánh Nam-Phi |
| Bảy-Nhiều | gánh Nam-Phương |
| Cô Thanh-Tùng | gánh Thanh-Tùng |
| Tám Danh | gánh Danh-Đàng |
| Cô Mười Truyền | gánh Song Phụng |
| Cô Bảy Nam và toàn ban | gánh Phước Cường |

Tuồng chia làm ba lớp :

1) Vô đầu, chào Thông chế Petam ;

2) diễn tuồng Ngọc nữ báo phu-cru, tuồng Tàn do hai gánh Phước-Cương và Song Phụng đồng hợp diễn (chương-trình, Phụ-lục số 210) ;



3) tuồng chanh « *Tư-dồ-tương* » là một tuồng ruột của gánh Phước-Cường thêm được nghệ-sĩ thượng thông đóng lại vai cũ phải tốt phước làm mới dư khán được những dịp này có Năm Phỉ đóng vai người vợ hiền ; Tám Danh làm anh chồng ghềnh sù sa sùt đến đổi làm phu kéo xe ; các vai khác chia nhau giữa các cô Tư Thanh-Tung, Bảy Nhiên, Tám Mẹo, Năm Đình, v.v...

Giá cho ngồi đa tăng 2đg, 1đg50, 1đg20, 0,70, 0,40.

1926.— *Nghĩa-Hiệp-Ban*.— *Nam-Hưng-Ban*

Cái năm 1926 là năm gì mà tại Sa-Gòn, cờ bạc rần rần, nhà xec Sáu Ngọ gan như con khau, một mình lão này bao-thầu hai chi em Nam và Bảy, hai cô đào danh tiếng, khi vui sấm xồm cả bùm, khi ghen đót áo quần sạch bạch và đánh hoa hết nói bằng roi mây đến rướm máu... Vực cờ bạc Sáu Ngọ lập gánh *Nam-Hưng-Ban*, để người đẹp (cô B.N) làm bầu. Nhưng phần sòng me trong Chợ-Lớn bị chung theo phá, tiền vô không được dôi-dào như trước, phần lỗ lỗ vì bao nhiêu tiền lấy ra hùn lập ngân-hàng Phan-Thiết bị chung sang doat, rồi cuộc tình kho gánh rã và Sáu Ngọ cũng vào tù, khi ra mất mỗi cờ bạc và chết sạt nghiệp... đúng như lời thầy Tư Nền tiên đoán : bàn tay chỉ sanh-mạng đứt, bên tay vợ thì còn nguyên, thế là hai người cách mặt ly thân, chồng sẽ ngồi tù ; người vợ này có tay cầm cửa, nếu ra tù không ở lại nhau thì chồng sạt nghiệp, quả thật S.N. ra tù, trách vợ ngoại tình, không ăn ở nhau nữa, N. đánh me đánh đầu thua đỏ mà nghề chủ chứa lấy xâu đã bị kẻ khác gựt từ lâu, nên con ma nghèo kéo đến trở tay không kịp. Gánh *Nam-Hưng-Ban* chuyên diễn tuồng tàu, N. lại ghen, nên cô đào chánh cũng là bầu B.N, chỉ đóng vai xấu xí - *Chung-Vo-Điểm-da-xoa*, *Đào-Tam-Xuân* nửa mặt thiệt nửa mặt lộ lem, kẹp chánh và đào chánh cầm đứng quá gần, cầm cup lac cầm muối mần trên sân khấu.



Cũng năm 1926, gánh *Nghĩa-Hiệp-Ban* của ông Nguyễn-Văn-Dầu lập ra, chương-trình tôi con giữ (Phụ-lục số 211 tập hồi-ký II), có Nguyễn-Công-Mạnh và Nguyễn-Trọng-Quyền làm thầy tuồng. Phần biên soạn thì vững chắc, nhưng ý phục và cách trang sức kém mỹ-thuật đến gần lỗ lùg kếp võ đao võ mac áo nhung cở bẻ kiểu pyjama chung quanh viền cấp đương biên bằng lông hừu trắng toát, đầu dôi khăn xếp, chơn đi giày Tàu. Thường dùng bát-tất dài nút lên tận hàng, và mặc quần đùi bất chước cách ăn vận của phương tây. Anh kếp chi đao nào cũng có ao choàng và tay cầm đoạn đao hay trường còn. Cũng những tuồng của các gánh khác đã diễn *Anh-hùng náo tam-môn-giải*, *Tang-Dai giả gái*, *Sở Văn tế Lầu*, *Tra án Quách Học*, *Nữ án Bàng Quy-Phi* ..., sau rồi hát không lại các gánh lớn và rã gánh.

Còn nhiều gánh hát nữa sống chật vật, chết vô danh, nay đến tên họ cũng không còn nhớ...

1927. — Năm 1926, tôi cưới vợ. Người câu của vợ (nay hai tôi đã ly-di), ông Dương-Văn-Giáo từng trách yêu tôi : « Thà làm kếp cho hay như Nguyễn-Thanh-Châu, hơn là làm việc cho Tây ! » Câu nói ấy thốt ra đêm Cô Bảy Phùng-Hà hát tại Nhà Hát Tây, cô thủ vai Mỏc-Quế-Anh dâng cây và người đóng cặp vai tướng nhỏ đẹp trai Dương-Tôn-Bảo, không ai khác hơn là anh Năm Châu. Kếp tức thâm, ghen trong bụng, vì lúc ấy cô đao duyên đáng sắp lọt vào tay Bạch-công-tử Phước Georges. Ra diễn trên sân khấu, kếp danh giặc thiết và đánh thất mạnh. Cô đao ban đầu chưa biết, con hý hờn ghẹo : « Ai dám thí mình đờ ! Ai đề hờ ma dám ! » (Cán bèn hát lời đã có). Nhưng kếp hăm hăm, đập giáo nào ở tay giao nấy, cô đao thắm mắt, nước mắt đầm đề : « Công-tử ời ! xin nương tay cho thiếp nhờ ! » Việc năm xưa năm xưa đã trên bốn chục năm, không biết người đương sự còn nhớ chăng ? ?



1928.—1929.

Nấp cạnh gà xem đút mọc rau. — Tôi đòi đi Sa-Đéc làm thơ-ký phát ngân tại Tòa-lo của Bảy Phúng Há xuống điển. Cầu Từ Phước Georges, chủ gánh Hùynh-ký có nhãy mới hai tôi đen xem hạt. Đây là vị cam tỉnh riêng chớ thuở ấy có đủ cách hổi lo, một thông lệ vào con ton tại nhiều nơi là mỗi gánh đen hạt tại tỉnh phải có thu gầy mới đặc biệt ông thông ngôn đứng bán ông chanh, thuy mặt cho sở kiểm duyệt để phòng trong khu hạt có nơi lợi xue phạm chánh-phủ chăng. Mạ he mới thấy thông ngôn thu phải mới đủ cấp, có khi ông ba mác dân chen thu con và bác ta đưa nhau đi xem thế, không cho vào cửa có môn đơn đi. Mọi coi bên Tòa-bố lại phải mới thấy lý làm việc Sở Cam để phòng lính tráng dám chém lăm khô không cho hạt. Nhưng đêm ấy tôi không đi gầy mới mà mua vé đang hoạn, lại vào buồng đứng sau cánh gà để phỉ tình dân đạo và gop ý kiến với Cầu Từ. Nhờ vậy mà tôi mục kích một lớp hai-huê không có trong chương trình. Cô Bảy hôm ấy diện tuồng võ, diện được hai ba màn, thấm mệt, nên khi vô buồng, có tam ngồi trên chiếc ghế mây ma sơ ý nhẹ ngồi dạt nên không coi trước. Một anh kệp võ hết phiên trước có vào buồng nằm xả hơi trên chiếc rương lớn, lúc ấy còn xài rau dán băng keo, nên anh cần thận trước khi nằm đã gỡ râu ra cho khỏi vướng. Đến lượt anh xuất hiện, anh ngồi đây kiểm hoài không thấy bộ râu mình mới để đầu đây, anh chạy giáp buồng hát, miệng lăm lăm « đ.m. thắng nào lấy râu tao !! » Kiểm mãi không có râu và túng qua vì đã đèn phiên mình ra tuồng, anh ben bước dãi ra sân khấu, vừa ca hát vừa lấy tay áo rộng che miệng và cảm. Thoát tới phiên cô Bảy xuất hiện, bỏ râu nhún nhún sau mông cô má cô không hay, cô vừa xây lưng, anh kệp vut thấy bộ râu mình lăm mắt, mừng quỳnh quỳnh nhảy một nhảy chụp vào phía hậu cô Bảy ma rap le vào cảm mình, việc xây râu tu như chụp nhưng cũng đủ cho một mớ khán giả mấy hàng đầu lạnh mặt thấy đủ hết từ đầu chí cuối, không nhịn cười được nên đồng rộ



cười lên gần bề rap. Khởi nói dao kệp trên sân khấu rần rần diễn như thường cho lớp chuyện, nhưng trong màn thay cơ sự « bài hoài ốc trên cả đám » nên lạt nhạt cho họ mìn xuống. Pha này đã có người nghe lom và viết nhai toi, hoặc giả ý cũng đông thấy như toi, tôi không cần biết, đây chuyện có sao nói vậy, con toi cũng không là phần của dộc giả. Lúc này là lúc quần áo kiểu Cát-Tường (Le Mur) thịnh hành và cũng lúc này Co Bảy đương trong thời kỳ đào tiền hơi hơ, có điều tương xã-hội, mỗi lần cất giọng ca Quảng, chốt đuôi câu y-y-y nghe gần bề rap! Ngày nay lớp sau ca tấn phát nhiều. Nghe kỹ lại hơi xưa và so sánh với làn hơi kum thời, thấy nhiều chỗ khác. Về giọng ngâm thơ theo điệu Bạc, nay nhờ Radio đã quen tai, chứ châu xưa duy có Tư Út rả rả câu « con cá vàng và anh Tây đen » là con nghe giọng giống. Nam nào tại nhà toi ở Sóc-Trang Tư Út đen chơi, lấy đĩa « Huyền-Châu-Nữ » quấy nghe lại, rồi Út ca lại bản đó, nhưng đã hơi hơi không bằng khi vào đĩa, Út ngo tôi châu may và chôn luôn con buồn vào ly Bisquit-Soda vàng lờm.

1932-1933. — Những nam này nan kinh-tế khủng hoảng hoành hành nằng nhut trên mảnh đất Miền Nam cũng như khắp hoàn cầu. Chẳng lành thì chờ người cầu ruột thứ nam cử lệ nội đàm mè mồi kệp hát dục. Không nghe lời khuyên gián, đương làm ông viên-ngoại ăn lương « hàm chánh thất » bên xóm Thiềng-Đức ngang chợ Vĩnh-Long, Cau Nam bỏ nhà bỏ vợ con để khăn gói theo anh kệp. Cậu Năm tôi tuy đàn ông và rất đẹp trai, nhưng ăn trầu xía thuốc, khiến tôi nhớ đến ông Cần ở Huế gặp sau này. Cậu Năm gọi bánh trái tôi dám chắc đàn bà không khéo bằng và nghề nấu nướng hơn cả các tay dầu bếp thiện nghệ. Ở không, làm ông nhà giàu ăn lương vợ, Cậu dám chán rồi lấy tiền nhà lập gánh cải-lương, để có dịp theo anh kệp nghe ca, mà lúc ấy phải nhìn nhận anh kệp này có một giọng khác hẳn giọng Út-Chơi-Châu-Thạch. Anh kệp đi thâu đĩa, Cậu cũng đi theo. Anh kệp đến đâu, Cậu theo



đến đó, Gánh hát lỗ lã, Cầu vè vè tiền nhà. Người vợ hiền không cho, Cầu lủ nhờ đến toi. Mãi sau hay tin cầu thất vọng, nổng dọc được và xác chôn trên Nam-Vang. Anh kếp sau làm bầu, nay đã chết. « ...Vang vang tiếng chuông chùa... »

Gánh Hồng-Nhứt. — Một bộ ba chuyên đóng tuồng Tàu lớp Quan Công hiền thanh, Mười Bửu làm vai Ông, Sáu Lục vai Quan Bình, Nam Diệp vai Châu Hương ban đầu công chúng thấy lạ, dò xo đến xem, nhưng sau hơi ngán trách thăm gánh hát gì trịch thượng dân lấy Thân-Thanh làm trò, nên thừa lần. Mười Bửu có tài lấy đất sét nặn tượng rất khéo, sau chết bình trên xír Đa-Lat. Sáu Lục nay cũng là người thien cô, và bộ ba này y như là gánh Hồng Nhứt nên toi không làm. Mười Bửu có giọng ca « đồ hồ » vừa dẻo dặt, vừa du dương anh chịu khó chơi vờ kếp hát Quảng trong Chợ-Lớn và học tập từ lần hơi đen điệu bội, bội Tàu. Mặt anh nó tròn nên dân mắt Quan Công trong y như trong tranh thờ. Trong nhiều vai vò, Mười Bửu ca sang sáng thanh âm cao vọt lạnh lạnh như tiếng chuông ngân thal là xuất sắc. Anh cũng là một tay đòn có tiếng và thích ca trên cây ty-ba những bản xưa Nam Xuân, Nam Ai, Giang-Nam, Trương tương-tư. Chính anh thuộc những bản rất cổ « Tô Huệ chue cầm hồi vân » v.v... ít người dám ca dám đòn. Mười Bửu là một trong những kếp thợ giáo được diện Tàu tập luyện có căn bản và có phương pháp luật lệ nhất định của điệu này. Tuồng Tam Quốc, lớp Quan Công đại chiến Bàng Đức, bộ ba Bửu, Lục, Diệp diễn rồi không có gánh nào diễn an qua được. Trong gánh Hồng-Nhứt có Cô Sáu Nết nổi danh một lúc, sau cô có chồng nên thôi hát, ra làm bà chủ quán dưới gốc cây diệp to đường Hai Bà Trưng, Tân-Định.

Gánh Huỳnh-Kỳ của Cô Bảy Phụng-Hà và Cầu Tư Phước Georges. — Tôi có nhiều cảm tình riêng đối với Cầu Tư. Nay Cầu đã ra người thien cô, tập « hơi-ky » này và chàng là một



« nôi xao ban thap cam », nên xin cho phép tôi nhắc lại vài đoạn đề nhớ « Cầu Tư » cổ hữu :

Bac-Lieu là xứ an chơi, giàu lúa gạo giàu muối gạo tiền. Diêu Vọng-cổ cũng từ tỉnh Bac phát ra . . . Nhưng Bac-Lieu còn lắm thú vui khác : thú an chơi Tiền vui hót vịt muối và cua muối gác khuya, thú xuống biển ăn sò huyết hoặc ăn nhân chín tại vườn, khi ăn dưa hấu tại góc trồng ngoài hai bên. . . và có dịp đề phong xe chạy cho mát, sau đó sẽ lên mở phong tại phố Sóc-Trang. Tại chỗ này, một nam nô có cuộc dựng độ của hai công-tử một chàng đen dưa, thứ ba, sanh trưởng trong ruộng muối tỉnh Bac, nên được người trong xứ gán cho mỹ-hiệu «Hắc công-tử» khi nào trước mặt sẽ nhìn bằng danh từ «Cau Ba H. »; một chàng trắng trẻo, thứ tư, sanh trưởng tại xứ sông sâu nước chảy, trái cây ẻ hễ, đất Tiền-Giang (Mỹ Tho), an chơi hao phong, nên được các tay em tặng hai chữ «Cau Tư» ngọt ngọt, và đề đối diện với chàng Hắc, đây là Bạch công-tử có sở đạo hoa. Người có mưu tính Sóc còn nhớ vài giai thoại lý thú về hai câu thơ cụ viết ra đây nhưng không dám bảo đảm y sự thật, vì việc lâu ngày đã mờ mờ không an khuôn. Ma thiết tưởng không nên quên câu nệ và cũng chẳng cần biết đích xác làm gì, duy nhớ một đêm nọ, Cau Ba ngồi xem hát bang ghê danh dư, Cau Tư vì nể khách và đề tỏ tình thần thiện cũng xuống ngồi gần đàn dạo. Buổi hát đã về khuya gần vãn, Cau Ba lấy vì thuộc ra hát, lấy hoay thế nào mà một tờ giấy con con (nắm đông bạc thuở ấy) từ trong túi bỗng rơi xuống đất, ma quet đem gì cũng không sẵn trong tay, bao hai chàng Hắc-công-tử bất kể giữa đàn hát đang hồi cụp lạc trên sân khấu, chàng ngời chồm hóm xuống đất sờ soạng dưới nền xi-măng dơ dáy như lão thợ may đánh mắt cây kim, bộ tịch lăm lăm ý như lão thợ bới mu mò tiền hoen, trông thật buồn cười. Bạch-công-tử thấy bộ tịch, mắt cứ giùm nên hỏi :



— Toa làm gì kỳ cục vậy ?

— Móa kèm tờ giấy con công, đơn, mớ tờ xuống đây mà mất tiêu như cò ma giấu !

— Xe ! để móa cho mươn cây đuốc ! Núi rọi Bạch công, tử vừa đốt một tờ giấy «cảnh» (vingt, hai chục hai) soi sáng cho Hạc-công-tử thu hồi tờ giấy con công, ngũ y giấy hai chục khi phải việc tôi còn bắt kẻ sát gi, ha huống anh vừa đánh rơi một tờ cón con nằm dòng ma anh đã linh quynh như « ho đạo mắt qu...ần ? »

Cũng tại chợ Sốc-trăng, cách đó không lâu, chàng Bạch-công-tử ngộ nạn một cách gian hiệp. Nam nọ, quên mất nam nảo, Cậu đưa gánh hát từ cho Mỹ-Tho xuống diễn một vòng Hậu-Giang và gánh hát đang phò tá tại chợ Sốc-Trang vừa được một hôm. Vốn người phong lưu hào hiệp nên đi đến đâu Tư Phước có dật bỏ ha em út tay chơn theo đồng lăm. Trong đám, có một anh chàng lai, có Pháp-tích (sau năm đảo chính 1945, từng làm Cảnh-sát-trưởng tại Gò-Cong), lúc ấy anh này chưa gặp thời nên theo núp gió làm ho-vệ cho Cậu Tư, vừa vui vừa học thêm được nhiều việc. Sau mong anh có đeo cộm cộm cây chó lửa, Browning 6m m 35. Sáng sớm bữa đó, Cậu Tư tư lái xe nhà, Fiat Sport, đưa các em út đi ăn sáng. Quán Hải-Nam này làm xiu mai có danh và bán cake đường Đại-Ngãi, nay là Hai-Ba-Trung, quán ở bên kia đường trước đây phố nhà Ba tôi ở. Chiếc xe đầu không được sát lễ, nên có một cai Phù-lich, bấy lâu cà-xắc nội chợ đèn ghel, nay tên cai lại sản si đời biên phát. Cậu Tư, quan tử, nhan lối một cách rất lịch sự. Nhưng Cai nhà ta nhưt quyết định làm biên-bản một đời phạt hai đời phạt cho được mớ láng long. Thấy Cai ta làm quá trớn, anh chàng lai ho-vệ nong cuot binh chủ, ben đứng ra can thiệp. Cho hay, một nam chỉ có một phút rù... Chuyện là chuyện của Cậu Tư, bỗng chuyện qua cho chàng lai chau đứng. Anh Cai sùng nầy giờ, bỗng sẵn số và thách đố.



— Mày ý mày Tây, mày có súng, Mày giỏi bắn tao chơi ?

— Tôi không chơi anh. Có bác coi đồ mà coi ' Ma anh thách tôi, tôi bắn anh à !

— Mày giỏi bắn c.t tao đây nè ! !

Một tiếng súng nổ. Chàng lại bắn không được, quả bắn ngay cho dò. Cả ta nam cho một dòng. Câu chuyện đi an điếm tâm bất thanh. Chàng lại đi ngay lại hot tự nạp mình và trình với Cò. Vì bằng lập không khó, nhân-chương trong quán nước cũng như bang quan lối xóm đều như nhân cơ sự khiến-khích và thách đố của anh Cai ca xóc, v.v... Chàng lại bị tu đã đành, nhưng mãi từ ra, toi vẫn hot tay và chao hỏi nhau, trong nhau, và cử chỉ của chàng ở chợ Sốc-Trang còn nhiều người nhắc nhở. Nếu các bạn có dịp ghé chợ Sốc-Trang hiện giờ trên con đường Hai-Ba-Trung, nếu gặp phố lâu nao hai cán biển thành một rạp chợp bóng nhỏ nhỏ, nhà ấy là nơi nhậu rùn của kẻ viết mấy hàng này, — nhà hương hỏa của phu-thần chúng tôi để lại, và chỗ tên Cai trả nợ làm phách không nên lối, ở về bên kia lẽ phố nhưng tiệm nước nam nọ nay đã trở nên một cửa hàng tạp hóa, nhìn không ra.

1938.— Tôi còn giữ một chương trình băng đĩa Beka năm 1938, ngoài bia có in hình Cò Bảy Nam đang trong thời kỳ xuân sắc và hình Năm Châu con nheo nhéo tờ mang không mập nang như bây giờ. (Tài-liệu số 212 phần phụ-lục tập Hồi-ký II). Năm 1938 là năm ro của các đạo và kếp đang sung sức, thêm như có cách thau âm thanh vào đĩa nhựa nên một đời nhà còn giữ được những giọng hát ca cũ 'tuồng Tuy-Hoa Vương-nữ, sau này đổi lại là « Dân chúng trước pháp-trương »

— Phụ-phang, có đĩa Nam Phi, Bảy Nam, Ba Văn, Năm Châu ca Tây-thí và bản Tàu ; và một đĩa Năm Châu và Bảy Nhiều ca Nam-xuân và Văn-thiên-tường ;



- Sĩ-Vân cùng chưa có Nam Phi và Bảy Nhiều ca Vong-cổ, một đĩa nữa có Bảy Nam, có Nam Phi, Bảy Nhiều ca khúc hoàng-thiên và xuân-nữ.
- Tư vương đen thạc, có Nam Phi và Bảy Nhiều ca Tây-thi và Vong-cổ Nghe đĩa này, nhớ lại tất cả điều bỏ quý phát trang nhã và tinh tu của Anh Bảy và Có Nam, xứng đáng là tiên phương hữu tài của nghệ-thuật cải-lương.

Cũng trong gánh Đa-Phước-Cương này khi ra Bắc, tại rạp Thang-Lang, hàng Bạc, Mười Bốn trọ tại diện tường Quan Công đại chiến Bàng Đức, có Kim Cúc, con Bảy Nhiều đóng vai Quan Bình, và có Bảy Nam hóa trang làm Bàng Đức. Giọng ca của Mười Bốn và có Bảy Nam giọng hét giọng Lầu, thêm được một người nghe-sĩ thối đưa hơi thư ken đàn Lầu gọi « hồ cùn hay nam cùn », nên buổi diễn vô cùng khoái trá.

Cũng năm 1938, gánh hát Phụng-Hào cho thâu đĩa « trông vàng » 21 đĩa: Uyên-ương bát giờ, Hieu tình khó xir, Ái tình giai cấp, Gai tron nghĩa tình, Nỗi đau người mẹ, Đồi oan ra ầu.

Có Bảy Phụng-Hà, Có Ba Huoi, Có Tư Sang, kếp Tư Thạch, Tám Mèo, Bảy Nhỏ, toàn là gạo cội của giới cải-lương thời ấy.

Ngoài ra, hãng Beka cũng thâu đĩa một nhóm danh ca tại-lữ không đứng trên sân khấu cải lương nhưng ăn đứt trong điệu ca « thỉnh phòng »:

- 4 đĩa « Gió bạt lạnh lung » với cô Hai Đá ca Vong-cổ; cô Ngọc-Nữ ca xuân-tình và ca bình-bán-chấn;
- 1 đĩa tuồng « Thương ai ? » với cô Ngọc-Nữ ca tương-lữ, có cô kim phụ họa;
- 1 đĩa tuồng « Đêm khuya » với cô Ngọc-Nữ ca xàng-xê (kìm-violon);

Trong khi ấy, gánh Trần-Đất (Trần-Đất-Nghĩa) thâu hết dào kếp gánh Huỳnh-Kỳ rồi đem về cho mình, y như độ trước



Thầy Nam Tư vót xạc gánh Thầy Than. Gánh Trần-Dật cho thâu đĩa « tròng tím » :

tuồng « Lửa đỏ long sơn », tron bò 1 đĩa :

cò Tư Sang ca Vọng-cổ.

cò Phung-Hà và Nam Châu ca Hạnh-vân đối đáp :

cò Phung-Hà và kếp Tư Út ca Xuân tình ;

cò Phung-Hà, cò Tư Sang, và Nam Châu lý Huê, giao
duyên, ca lưu thủy.

tuồng « Khúc oan vô lượng » cò Phung-Hà và cò Tư Sang ca
Vọng-cổ.

tuồng « Mạnh lực ái tình » : 2 đĩa

cò Phung-Hà — Nam-an, lý-Huê, ca thập tình.

cò Phung-Hà cùng với Tư Út ca Vọng cổ.

tuồng « Tiếng noi trái tim », cò Tư Sang và Tư Út ca Xuân-tình.

tuồng « Huyền-châu-nữ », Nam Châu và Tư Út ca Vọng cổ.

tuồng « Hồn chinh phụ » (1 đĩa) : Phung-Hà Nam-Châu ;

tuồng « Bàng-hữu bình nhung » 2 đĩa : Phung-Hà, Tư Sang,
Nam Châu ;

tuồng « Tề-Quân cọt Khương-Thị » 2 đĩa :

Cò Phung-Hà và Tư Út ca Tây-thi Quảng và cò-bản Quảng ;

Cò Phung-Hà và cò Tư Sang ca bản Tiều và Liễu-
thuận-nương.

Lúc này cò Bảy và Nam Châu sinh tại ca bài « J'ai deux amours », giọng Tây lời Việt. Lại cũng có người chỉ muốn nghe đờn hòa điệu Sài-Gòn, nên hãng Béka không bỏ qua dịp tốt, đã thâu làm 5 đĩa : (tròng tím)

— Tư-dại-oán với tranh, cò, kim, tiều, chuông ;



- Vạn thiên hương, Khúc hoàng thiên Tranh, cò, kim, tiền, chuông.
- Nam xuân, Xuân nữ : Tranh, cò, kim, tiền, chuông.
- Tàu-mã, lục thuận nương, kỳ ba, nhạn lạc vi.
- Chúc ngày Tết : song hỷ, kim-tiền, lạc địa.

Về loại « trống vang », đĩa hoa dờn ra 7 đĩa :

tranh-kim-violon Vọng cò lợp trước và lợp sau
(2 đĩa)

Violon Tây-thí, Xuân-nữ
Kim Hội ngươn tiền
Tranh Lý chuồn chuồn, Tứ-dại.
Cò Bài ba
Tranh Phú lục.

Cũng một lúc, đĩa Beka thau Hát-bói gành Huỳnh-Trí-Phủ thâu đĩa ngâm sa mạc với nhạc sĩ J. Tinh dờn violon và ngâm, cò Chu-thu-Bổn, Chu-thí Năm, Đạm-mộng-Hoàn khi ngâm Kiền, khi sa-mạc, khi bông mac, hoặc nói hoặc mướn hoặc ngâm thi Dương. Người Miền Trung được cung cấp đĩa Huế, khi cò Nhơn, khi khạc cò Sầm, cò tỷ tranh nguyệt nhi bầu đưa hơi : « Bóng trắng tròn vành », « Sầu chong trắng đĩa », « Đạo thuyền dưới trắng », « Sông tương dờn ngã », « Cách trở sông Tương », « Tiếng chuông Linh Mỹ », « Nhơn bất tri », « Xôn xao anh yến », v.v...Hoa dờn điệu Huế, thì có đĩa Cậu Tồn, cậu Út dờn nguyệt hơi Tứ-dại hoặc Nam ai ; cậu Song, và Út dờn nguyệt, nhi bản Nam Bàng v.v...

Cò ba đĩa « bóng châu mới » : cò bóng Mùi rồi bài châu mới Bà (2 đĩa) và « dưng bông, tiền lộc » (1 đĩa). (Những đĩa này mà ban chay, và sang luôn bên Phap cho các bà ly hương.)

Kinh Phât có 5 đĩa :

Giáo thọ kỹ tụng : Kim cương khai xá, Phổ-môn Quan Âm,



Sấm, Đề, phan kinh Đại Bi. Chu nai mo, 12 câu nguyên Ba, 10 câu nguyên thập sư.

Nói thơ điệu kim thời có ba đĩa :

- Cò Thanh-Trà nói giọng Ai . Nguyệt-Nga cồng Hồ,
- “ nói giọng xuân : Phuc Huế-Dung,
- “ nói giọng xuân : Ông tha Tào.

Lớp giễu đặc biệt có ba đĩa :

- Mườn vú nềm sữa,
- Thằng Trám mac nưư, thằng Trường hưởng gia tài ;
- Hồi đố, nói lao, đao điền, thầy Pháp sai đồng.

Bốn đĩa hát hội :

- Phụng-Ngài-Dinh, cò Ba Cang hát dương rượu Nam Ai,
- Dương-Dương Trương Bản — Cò Ba Cang, Hai Chơi :
Tầu-mũ, thần,
- Lưu Kim-Dinh hạ san . Cò Ba Cang hát khách, Nam,
- Đại chuen Vương-Ngan-Nang — Cò Ba Cang, Hai Chơi :
kỹ bái hoa, tầu mũ,

Trước đó và xưa hơn cả là đĩa hát của Thầy Năm Tú hát cho đĩa Pathé, nhưng tôi thiếu tài liệu, dám mong sự bổ túc của hải nội cao minh.

Theo bảng liệt kê trên, nay đọc thấy buồn ngủ nhưng ngờ đâu đó là những tài liệu quý hóa của sự tiến triển của ngành ca hát và giọng phát âm Việt-Nam. Với đà khốc liệt của chiến tranh, làm gì còn lại cho những nhà khảo cổ, khảo về ca hát, làm luận án cao học về tiếng nói v.v..., nghĩ tới thêm buồn.

Năm 1940.- Đêm thứ bảy 6 tháng 1 năm 1940, tại nhà hát lớn đường Catinat (Tự Do) hội Đức-Trí Thề-Dục tổ chức hát giúp hội Bảo-trợ chiến-sĩ, diễn tuồng «Tơ vương đến thác» của ông Ngô-Vĩnh-Khang phóng tác theo tuồng Pháp «la Dame



aux camélias» của kịch-gia trứ danh Alexandre Dumas fils. Tuồng này đã được diễn tại Nhà hát Lớn này một lần vào ngày 11-6-1932 do Ủy ban Mỹ thuật Việt Nam tổ chức (Bai-Quang-Chiêu, Lưu-Văn-Lang, Trần-Văn-Khái). Tuồng «Tơ vương» sau đó được khai thác thành trường múa và mỗi lần hát tất được công chúng hoan nghênh, thậm chí có một cô đào như đóng vai này (là vai an dật cư có Nam Phi đóng cặp với Bảy Nhàn trong Đại-Phước Cường Bản), như đóng vai ấy mà cô này được giới an chơi lấy tên trong vai tuồng đặt tên cho cô luôn từ đó, ấy là Cô Ba Tơ Vương, nổi danh tại sắc một thời, nhưng không khác con bướm hoa hạc, nghe đàn sau đó cô rất khổ sở vì thiếu sự lo xa và cũng vì chút ý tại ý tận. Tuồng «Tơ Vương» năm 1910 khi đem ra diễn, đôi lam tuông «Đoan tơ lòng» cho nghe mới. Trước đó, vào năm 1931, ông Diệp-Văn-Kỳ đã trở lại tuồng trứ tình này và đã đổi lam tuông «Đề ai dầy với» nhưng chỉ diễn được một lần đêm 7-2-1931 rồi dẹp luôn. Rất tiếc tôi không có bản ấy, duy còn ba bài ca nhỏ tài liệu làm kỷ niệm Diệp-quân. Ba bài ấy là :

1) một lớp Tứ-dai-oán «Đời khéo vô duyên»

Nghĩ cho đời khéo vô duyên
Chữ kim tiền đứng đầu nhưn ngãi,
Khách má hồng bình rơi trâm gãy.
Cũng bởi hơi đồng, nó khiến người làm lụy
Còn như tôi phận đào tơ liễu yếu,
Cảnh hàn vi, đeo đuổi gia đình,
Nhưng mà, nếu gả duyên cùng chỗ giàu sang
E đến khi giông tố phũ phàng,
Nó càng thêm càng sanh việc dở dang.
Bây giờ khó nổi thở than,
Lỡ làng duyên, bèo tan mây hiệp,
Tình kia thêm rối tơ lòng.
Nghĩ cùng chẳng thà không,
Đừng huộc dài dòng, sau khỏi ăn năn.



2) điệu xang-xừ-lưu. — kỳ nhứt. — « Trong đời mấy mặt chơi ? »

Trong đời mấy mặt chơi,
Đủ âu yếm lẫn lời, cuộc say tràn cười.
Nào giải nhơn, chơi mỗi dạo má hanh,
Phần diễm, hồng trang, giống tiên điệu loan
Người chung tình, kẻ thanh thú,
Mùi hương trời, dễ yêu dấu,
Khi câu ca, tiếng hát,
Khi chén rượu đầy vơi, thế mới phong lưu.

3) điệu xang-xừ-lưu » kỳ nhì. — « Con người phải mua vui ».

Con người phải mua vui,
Đề tiên khuyển chut chơi, giải khuấy sự đời.
Làng tao nhơn, với cung dân chén rượu,
Cái cảnh phu sanh, có chi lụy mình ?
Nào công hầu, những khanh tướng,
Go đất vàng, nham xương trắng,
Trăm năm trong thắm thoát,
Như giấc mộng Huỳnh-Lương, nghĩ chẳng
ra chi l

(ba bài này chép trong « Đồng Pháp thời báo » và sao lục vào Hồi-ký II dưới số 200 201 và 202). Có phần điều luyện và cách đặt đề lựa chữ vẫn khác với các bài ca đồng thời. Diệp-Văn-Kỳ là con ông Diệp-Văn-Cương, mẹ là cô vua Thành-Thái).

Tôi đã xem kỹ những bài phê bình về vở hát này, vừa bài của giáo-sư Lê-Bá-Cang đăng trong tạp chí Đồng-Nai số 9 ngày 15-6-1932, vừa bài viết kỹ câu văn chọn lọc của người anh cả, ông Đoàn-Quan-Tấn, đăng trong báo Nay số 5 và 6 ngày 23-2-1940 và 1-3-1940.

Năm 1942.— Ngày 25 tháng Chạp năm 1942, binh Nhật đã ngự trấn thành Sài-Gòn, hẻm đường nào cũng gặp bộ đồ kaki xốc xếch nhưng gương mặt hăm hăm, cây gươm đeo lưng lẳng đảm thiệt và chém thiệt. Để đánh lạc tư tưởng người dân bản



xu. Chánh phủ bảo hộ bày ra «Hội Trao-đổi Sinh-viên». Như cơ hội ấy các sinh-viên Đại-học Hà-nội trở xuống Sài Gòn và nhóm Trần-Van-Khê - Lưu-Hữu-Phước gởi thiệp mời (số 213 Phụ-lục Hồi-ký II), tôi đến dự thỉnh tại Nhà Bạt Lơ-đơ-đơ Catinat để nghe : a) một bài diễn-văn về «Thanh-niên hoạt-động» do Huỳnh-Van-Tiến, đại-biên hội Trao-đổi Sinh-viên (AGEL) đọc ; b) tiếp theo đó, có hòa tấu một bản nhạc «Trần-Bach-Đảng» do Nguyễn-Ngọc-Minh, tổng-thư ký AGEL điều khiển có đủ mặt Trần-Van-Khê, Lưu-Hữu-Phước phụ giúp. Thật là một buổi khuya gọi hơn 40 quốc của toàn dân Nam-Việt, sự phấn khởi, lòng hào hức khó tả nên lời. Trong khi hòa tấu, tôi ngồi nghe bao nhiêu đồng bào kinh cảm lòng thanh, như có bao nhiêu hồn linh các tử-sĩ các tran Chu-Hoa, Cần-Giáo hay dàu dàu, hay rạo rạo trên không với tiếng trống re re, tiếng kèn ni non nhập vào hơi thở nồng hức của thanh giả cảm động đến tột độ.

Năm 1943 — 1946.— Những năm này tôi lui về quê cũ Sóc-Trăng, con thuyền bè hoan dã chan, ở chế nãng khoan, thêm đạo thần hồn thúc giục về sống mấy năm với Ba tôi lúc ấy đã trên bảy mươi tuổi. Về quê rồi lại thấy vui vui, quên được mấy năm bươn chải lặn lội giữa đất Đò-thành chật vật. Tôi mượn lại của tỉnh trên đường đi Bạc-Liêu ngang trại lính tập một vuông nhà ngói ba căn có đủ điện nước nhà bồi mà chỉ tốn năm đồng mỗi tháng. Nhà rộng minh mông, thức ăn rẻ rẻ, nên mỗi lần gánh Phụng Hảo xuống, anh em trong bạn hát đều tựu lại nhà tôi bày ăn bánh hỏi tôm cần nướng. Nhờ đó mà tôi quen với Cò Năm Sa-Đéc. Một kỷ niệm nhỏ là Tư Út thích ăn cá bóng kèn kho tiêu, nhưng chơi cha quá vì Út chỉ ăn khúc đầu, khúc đuôi về lại cho người khác ăn, và nài cho được cá làm còn để gan trong bụng chứ không được móc ra. Cò Sáu Ngỗng, tên tuy xấu, nhưng chung tình với Út và thù ghét với Út đến nay. Sáu Ngỗng khen cảnh nhà có vẻ «trang-viên u-tịch». Trưa trưa Út thích ngồi ghế xích đu



nhậu rượu thuốc ngâm nhơn sâm. Có khi ra chuồng gà, lươn
trưng mới, nư tươi ngon lành. Sáng chườm nhưt, út ngâm nhỏ
nhỏ bài « Anh Khóa » đủ một mình toi nghe, hoặc làm tình
những buổi long bát kỳ ho, hoặc nhắc thơ oanh liệt đêm hát
trac táng, em út, mẹ Tây, ngày ngày thuê bi-da, xon bài Mac-
chược, hoặc lên trường đua cho ngựa đá. Út lên hát trên Nam-
Vang, đau ban trái rồi chết vì không đủ thuốc men, chôn sơ
sài dễ sau bà Ngỗng lên lấy cứt hôi hủ đem về, Chánh-phủ
Cờ-me lại làm khó, xương khô đốt nát phải gói chung với tháp
vật lun vun, nói cho dễ đánh lừa ba anh lính Thổ giữ ranh
giới, kỳ thất đã đứt sấp hời lò họ bằng giấy bạc thư thiệt. Tội
nghiep cho Tư Út, Phạm-Vân Dâu, một đời tài ba, con gái
đàn bà mẽ mẽ, nhưng chết không bằng anh bán hàng chợ
đen buổi này. Khi hay tin Út chết, anh Tư Chơi, một kép-
ông-bầu, chủ gánh bi hiên-thẻ bỏ rơi, khoe chơn thành bốn
câu thống thiết ừng khẩu :

Tư Út em ơi ! vội chết dàu ?
Đề cho kẻ thắm với người sầu !
Những thằng đang chết sao không chết ?
Lại chết chi thằng đáng sống lâu !

Kẻ là ám chỉ vợ dàu tang tóc chể, người đây là Tư Chơi
đang gật gù khóc bạn trong cơn tưu nhập.

Cô Tư Thanh-Tùng, Cô Kim-Thoa, cô Sáu Ngọc-Sương, cô
Tường-Vi, mấy cô đều có ăn cơm binh dân gánh Phụng-Hảo.
Cô Thanh-Tùng đẹp như bức tranh, nhưng cô Sáu Ngọc-Sương
vừa đẹp vừa biết đờn, thêm duyên dáng như hoa biết nói.

Năm 1917, Tư Hélène say như như, ngồi ăn canh dàu cá
tra với chúng tôi để giết ngày giờ trên xóm nhỏ nhà lá Cù-lao
Phú-Nhuận, tôi đang buồn vì bỏ nhà ở Sóc-Trăng, nay là thân
vô-tích-sự ngồi chung một bàn cây trắng xập xệ với các ngôi
sao sáng lừng một thuở này, nhớ lại cảnh gia đình tan rã, Ông



trung khiến tôi ca nhỏ nhỏ nhưai giọng van dĩa « Me dạy con » của cô Tư Sang — « nhưt gái lớn hai, nhì trai lớn một, bong bong bộp bộp, một một hai hai, em cũng muốn « u ư » nó dài ' ' » Cô Sáu ngồi xa nghe không rõ, hát tôi ca lại, khi cô hiểu về sau, cô veo về tôi thật mạnh, miệng chữ đồng : « mae dich anh vậy hả ' » Ấy đó, khi chúng tôi không biết làm gì cho nên thân, đã chờ dứt chiến tranh bằng cách ấy, và thân ôi, chúng tôi chờ đến nay đã ngọt trên hai mươi năm mà nào thấy dứt '

Năm 1947.— Năm 1945-1946, mãi lo chạy giặc, giặc Nhật giặc Tây, Giặc Nông-dân cứu quốc, giặc Thổ, v.v..., đầu năm 1947, ở Sóc-Trăng chịu không thấu, tôi đạp xe lô kỳ chót trước khi các cầu nhỏ đường đi xuống Hậu-Giang bị đốt phá, và tôi lên Sài-Gòn trở lại xin một chỗ cùng nhưt nơi viện bảo-tàng trong vườn thảo-cầm. Cô Năm Sa Dec đưa tôi đến dự hai năm cùng Tổ tại đình Cầu Quan (gánh cầu Bàu Thắng, do con là Khánh-Hồng điều khiển). Nơi đây tôi học xem hát bội và làm quen với các kếp có học thục : Tam Tri, Tư Huấn, Sáu Hầu ..) Kỳ cúng Tổ năm 1948, tôi dự kiến một vai tục quán chưa từng thấy. Một điều tôi nhận thục trước tiên là vào những năm đó, việc cùng Tổ là đem một niềm tin vững chắc vào lòng nghệ-sĩ đã trải qua sự thử thách của chiến-tranh ly loạn, không như mấy năm sau này chỉ xem đó là một cuộc vui ăn uống hội ngộ hơn là một kỷ niệm tin tưởng kính thành.

Cúng Tổ năm 1948.— Năm 1948, lễ cúng Tổ rất có trật tự. Hát bội cùng trước, rồi mới đến lượt cải lương, cùng qua ngày khác kể đó. Bữa tôi dự kiến là phiên cúng của nhóm hát bội, kếp và đào tề tựu đã đông, chia nhau theo thứ tự niên kỷ, phân cắt rành rồi cứ đến phiên mình ra hành lễ. Mỗi người tự lựa một câu hát ruột bấy lâu ưa thích nhất để hát lên kính dâng với lòng thành cho thánh Tổ nghe. Thí dụ



Kép Tám Tri, trước ở gánh Cầm-Thơ nay lên nháp gánh Hai Thương định Cầu Quan, y sở tương vai Vương tư-dỗ trong lớp Phùng-Nghị-Đinh, bữa ấy khăn đen áo dài ra xá Tổ rồi chắp hai tay hát câu « Ngọc chỉ trù trù.... » hát dứt câu lay ba lay rồi lui ra nhường cho cho người kế. Tục lệ phải tránh những câu hát tử van hoặc quá thảm thê vì e rúng hệ. Năm ấy tôi nghiệp cho Kép Tư Huân, cũng là tay có hạng, đang đau liệt giường, cũng rần giường cạy người xóc nạch ra lay Tổ. Huân định thẩn, cố hát được nửa câu hát khách, tôi lòng tai nghe kỹ rõ là một thứ tiếng cao vút, nhưng đã không phải tiếng người, có lẽ là tiếng thiêng heng từ đáy lòng nhiệt thành, hoặc từ cõi dưới cõi âm nào đưa đến. Tư Huân hát được nửa vế đầu, rồi hát tiếp không nổi nữa, đuối hơi quá nằm mọp trước bàn thờ, hai hàng lụy nhỏ ròng ròng, khách bàng quan không cầm giọt lụy cũng khóc theo. Sau phải kiêng anh tránh một bèn cho cuộc lễ tiếp tục. Nghe nói không mấy hôm là Tư Huân thở hơi cuối cùng. Cũng dịp ấy tôi nghe nói lại rằng những trường hợp như Huân, nếu có Kép nào tập sự con non nghề mà muốn thọ giao thì hãy lay ra mặt xin trước với Huân bằng lòng cho tôn làm thầy. Khi Huân bằng lòng thì người kia nghiêm nhiên là học trò phải ra công săn sóc cho thầy, chạy thuốc và nuôi dưỡng tử tế. Khi thầy gần hấp hối, thì phải túc trực sẵn gần bên, đợi khi vuốt mắt thì người chết sẽ truyền nghề lại trong mấy hơi thở cuối cùng. Như vậy người học trò sẽ thừa hưởng cái « hơi ấm » và nghệ thuật của thầy để lại. Tôi tưởng nhờ đức tin, nhờ lòng thanh, người mất sẽ thấy như nghề mình chưa mất, và người học trò định mình thầy truyền nghề hay, truyền hơi ấm tiếng thanh cho mình, tức nhiên sẽ trở nên Kép hay Kép giỏi và mỗi lần hát sẽ vững bụng tin có hồn thầy theo phù hộ tự tin lấy mình thêm và hát phát hơn trước. Trong lễ cúng Tổ năm ấy tôi học nhiều về nghệ thuật hát bội và tiếc cho mình bất tài không đủ sức để giúp cái nghề ấy khỏi bước suy tàn trước mắt. Kép Chín Tài, Tám Hiền, Sáu Hầu (vừa mất đầu năm 1968), các cô Hai Nhỏ (đã mất mới đây), cô Ba Đất, cô Ba Út, cũng không tránh được luật đào thải.



Năm ấy tôi đã nghe nhiều câu chương lại như có người lam-lang nói Tô hát bội do Tô hát bởi Tàu sang nên tên họ là « Tô » Tô « Xie », tôi muốn nói sao không gọi « Tô » Tô « Xie », Tô « Xie » chứ ? », nhưng tôi bận vì ngày cũng và hơn khi nào viết tập sau « Hồi-ký về hát bội », sẽ xin trả lại.

Cũng năm 1918, thành lập « Hội nghe-sĩ ái hữu tương tế ». Nhưng cái số đào kép hát bội cũng như cái lương, hay kịch-nghe tàn-tử eme sau bấy, là nhóm kho tánh : khi mạnh lảnh vẫn có tánh và tại ý ta, xem thương sự tương thân tương ái, đèn khu bóng xế chiều ta, Tô không dấn nữa. Khi ấy còn chưa không nơi dấn dấn, ta trích và hơi quên mất, hoặc hội tương-tế có do ma họ ta ta, khi còn nhỏ tuổi như sống đầy mình, thả sản xe hơi mới và thư bị dấn, hội nghe-sĩ tiền nguyệt hiếm giúp cho hơi hoạt động đã có người khác lo giùm, cái tánh không lo hậu là tánh chung của người Việt, cũng không hơi dấn ma trách bạo đông và triết lý.

Năm 1919. — Ngày 6-10-1919 là đúng ngày rằm tháng tám Âm-lịch năm Kỷ-sửu. Đáo lệ giờ Tô. Tôi đến rạp Thành-Xương xem tuồng Thạch-Sanh Lý-Thông do gánh cải-lương gốc người Bắc diễn. Theo chương trình (thấy ghi tên Ba Túy, Hoàng-Giang, Quang-Hữu, Hùng-Cường, Hải-Thọ, Sơn-Minh, Sáu Được, Văn-Bầy, Lưu Lộc, Lưu Lôi và kép Ba Cương ở Pháp vừa về. Bên phe đào có các cô Kim-Anh, Ngọc-Chùng, Minh-Ngọc, Kim-Thanh, Lệ-Thủy và hề Văn-Trình. Lại có tấu nhạc Tây và có nhạc kịch do em Bé Nam Thanh, Kim-Tạo, các cô Bích-Hợp, Lệ-Thủy, Quang-Hữu và nhạc-sĩ Lê-Thương. Những tên và danh hiệu, mỹ hiệu ấy, ngày nay đọc và kiểm điểm lại, không khỏi buồn buồn vì nghệ sĩ không khác linh tu trên không trung, qua một thời gian thử thách có ngôi sao còn sáng chói, có ngôi lại lu mờ, tùy gặp cảnh đêm thanh tịnh hay đêm tối trời chuyển mưa.





Cũng từ năm này 1949, tôi bớt tát sà đa, me hát không nhảm lồi. Có lẽ tôi đã già mà chưa hay? Tôi thay nhe đi những gì lố lùng buổi nhỏ không nằng thả sịch phé cho búa thì đỡ tốn tiền nu cháo; thích nằm nhà vùn nhỏ máy thau thanh vùn vùn tại không tốn tiền lai thau nhiều tiền lợi; tránh binh ngời lâu dau thân đau lưng, tránh quả lưu dau như mũi thiên-oai chờ người bac-mang, thêm tranh khỏi bat tay chào những như vật mình không muốn gặp. Vả chẳng các cô bạn đồng trang lứa đã thồn mồn đi không chờ mình. Chỗ đã trống lắn: kẻ yên giấc ngàn thu, kẻ viễn du biệt xứ, kẻ nào còn lại đã dau con cháu chắt lòng thông. Từ út ngày nay nếu có sống lại, sẽ cười với tôi một bữa ngon lành mà nhìn nhân các cô non trẻ ngày nay ca trôi hơn lớp trước vì đi con đường đã được vach sẵn, duy các kếp ngày nay vẫn chưa sạch cái tật kếp lớp trước là ít biết lo xa, hưởng chỉ kếp xưa tuy lương ít, mà không có thuế, còn kếp nay tốt mã thất nhưng thuế lợi tức vẫn không dung tha và nói nữa thành ra muh làm chuyện và giới tài gánh bần độc mướn.

Chúa nhật 23-10-1949.— Ban chấn-hưng hát bội của hội Khuyến-học, sau lấy tên là Hội khuyến-lê cồ-ca do ông Thân-Văn Nguyễn-Văn-Quí và ông bác-sĩ Võ-Duy-Thạch đứng đầu công sáng lập, bữa ấy tổ chức diễn tuồng Trảm Trịnh-An, do hai bạn Lê-Văn-Kim (nay đã mất) và Nguyễn-Văn-Quí đặt đề sắp tuồng lại gọn hơn trước. Những buổi hát bội có tổ chức làm vậy không khác trận mưa rào, đã làm mất mẻ khán giả không ít, tiếc thay mấy trận mưa văn-hóa như vậy vẫn ít quá không thấm nời cái sa-mạc « xã-hội lạc lỏng » ham mới nời cũ như hiện nay.



22-4-1951 — 17 tháng ba Tân Mão. — Đình Tân An, 36 bis đường Nguyễn Bình khiêm đảo lệ cùng kỷ yên có đến hát bội. Ông Hội-trưởng Huỳnh Minh-Châu (nay đã mất) có mời vợ chồng tôi đi dự.

31-8-1951. — Trong làng Ta Quan ở Góa-Đình đảo lệ cùng gia Lễ-công. Ông Trần-Van-Chu, ngoài gọi ông Phú Kỳ (nay đã từ trần) nam ấy mời tôi xem hát, diện tuồng San-Hau trọn ba đêm 1, 2 và 3 tháng 9 dương lịch.

12-9-1951. — Nam nay Hội Ái-hữu Tương-lễ Nghệ-sĩ tổ chức lễ Giỗ Tổ long trọng tại hội-quán có các kịch gia hát đại-hội hữu Thánh-Tổ, sau đó ban tài-lử Đại Phát-thành và nhóm viên hăng đĩa ASIA hòa ca hợp tấu nhạc cổ-diễn. 8 giờ tối, hát bội hát hai xuất :

a) tuồng Phụng Nghi-Dinh với các cô Nam Đỗ, Sau Bè, các kép Bảy Láp và Nam Kỳ đồng diễn xuất ;

b) tuồng San-Hau thư ba (có Ba Út và kép Chín Tài).

10-2-1952. — Đình Phú-Trung, 162 hẻm Võ-Dĩ-Nguy, Phú-Nhuân, tổ chức lễ giỗ đức Hình-Giang Quận-Công Võ-Dĩ-Nguy :

8-12-1952. — Hội Khuyến-lệ cổ-ca, hội quan 119 đường Bác-sĩ Yersin, ăn lễ lạc thành có giấy Thủ-hiến-phủ chuẩn phê (nghị-định số 2370 đề ngày 6-11-1952).

Trước khi bước qua năm khác, ta hãy ngừng lại đây, thử so sánh sự hoạt động của hai gánh lớn cải-lương trong năm 1952 (theo dõi các báo) :



Gánh HOA SEN (Bảy Cao)
gồm các tài-tử :

Các cô : Bửu-Ngọc, Ngọc-Nuôi,
Ngọc-Miêng, Kim-Luồng,
Phi-Yến, Lệ-Lít . . .

Nghệ-sĩ : Việt-Hùng, Bửu-Tài,
Ba Túy, Văn-Khoê, Hai Su
và Hề : Tư Rơm, Giac, Năm
Hưng.

Các tuồng đã diễn :

Duyên ai, rạp Hòa-Bình
(Xóm Củi) . . . 26-6-1952

Phản gián-diệp
(Nguyễn-Văn-Hảo) ... 5-7-1952

Tiếng nói không gian
(Nguyễn.V.Hảo) . . . 6-7-1952

Chiếc áo mua đồng, Việt-Long
(Bàn cờ)... 9-7-1952

Lá cờ vàng (Đồng-vũ-dài)
Đại-thế-giới... 22-7-52

Gánh NĂM CHÁU
VIỆT KỊCH gồm :

Các cô : Sáu Nết, Ngọc-Đàn,
Hai Nữ, Tổ-Nữ, Sáu Huế ;
Nghệ-sĩ : Ba Thầu, Hoàng-
Kính, Năm Thiên, Ba Vĩnh,
Tư Tâm, Ba Sanh, Bảy
Nhiên và Năm Châu.

Các tuồng đã diễn :

Tâm-tình thôn nữ, rạp Phú-
Hòa (Tân-Định) . . . 11-6-1952

Tơ vương(rạp Aristo) 11-7-1952

Chống thành-kiến (tuồng của
Tư Chơi (Nguyễn-Văn-Hảo) . . .
12-7-1952

Chiếc áo Thiên-Nga
(Ng.V.Hảo) . . . 17-7-chiều

Thiếu tiền phố
(Ng.V.Hảo) . . .17-7-tối

Bến dò ma
(Ng.V.Hảo) . . . 18-7-1952

Hoa cuối mùa
(đình Phú-Hòa) . . . 22-7-1952



4-1-1953.— Hội Khuyến-lê cô-ca hát tại đình Cầu Quin, tuồng Na-Tra loc thut để cô Hai Nhỏ đóng vai Na-Trac xuất sắc. Qua lớp sau diễn tuồng Sáu Hầu có Cô Ba Út đóng vai Nguyệt-Kiều.

9-1-1954.— Hội Khuyến-lê cô-ca hát tu-rạp Aristo, tuồng Trương Phi thủ cô-thanh và Thăn-Nữ dạng Ngũ-hinh-ky, có Sáu Bè và Tiết Ung Lương, có Ba Đạc và cô Ba Út chia vai Thăn-nữ. Vai Lê-Huê do cô Hai Nhỏ đóng còn vai Đinh-San kép lạo do Sáu Hầu đóng.

15-5-1954.— Hội Khuyến-lê cô-ca trình diễn tuồng Trưng-nữ vương do Thán-Van soạn. Tuồng lịch-sử có giá-trị, kép đào xứng vai và màu mè dung điệu. Ý phục sửa lại theo quan niệm mới hợp thời đại: chiếc khăn be, mặc áo rộng màu vàng, v.v... Lính mặc áo tay dỏ nút chỉ theo cổ thon, tay phất cờ đào...

Các vai chia ra :

Trưng-Trắc. Cô Nam Sa-Đéc,
Trưng-Nhị. Cô Ba Út,
Thánh-Thiên công-chúa. Cô Hai Nhỏ
Thị-Sách. Kép Hữu-Thoại
Tô-Định. Kép Chín Tài,
Những vai nữa gồm Sáu Hầu, Lê-Văn-Tần, Nguyễn-Văn-Mách, Bảy Lập, cô Nguyễn-Thị-Ngọc, v.v... Anh Nguyễn-Văn-Thành (nay đã mất) đánh trống. (Nay muốn sắp tuồng như vậy thật khó vì các kép đào đã thừa, lớp cũ ra đi, lớp mới chưa đào tạo).



7-1-1956.— Hội Khuyến-lệ cổ-ca diễn tuồng Sơn-Hầu, lớp Ba, nơi rạp Thống-Nhất :
Ôn-Đình. Chín Tài,
Nhưoc. Sơn Hầu,
Thien-Lang. Tư Tượng,
Tư-Tinh. Chín Luông,
Nguyệt-Kiều. Cô Hai Nhỏ
Ba thư. Cô Huỳnh-Nga
Đổng-mẫu. Cô Ba Sáng

10-11-1956.— Tại Thủ-Dực, nơi quán « Con Gà Quay » bữa nay ăn lễ khai trương. Anh Nguyễn-Ngọc-Minh, bác-sĩ Thu-y là chủ nhơn cho diễn tuồng hát bởi « Phung-Nghi-Đinh ». Tôi đứng trong ban tổ-chức, nhơn dịp có mời ông Phụ-mã Đô-thống-chế cựu triều Đổng-khanh/Khai-Đình, cụ Hường Nguyễn-Hữu-Tiến (nay đã mất) đến dự xem.

Các vai lớp được cắt như sau :

Lữ-Bố. Cô Năm Sa-Déc,
Điều-Thuyền (lớp hát nguyệt). Cô Ba Út,
(lớp bồi yển và hý Nghi-Đinh). Cô Năm Đồ,
Tư-Đồ. Chín Luông,
Đổng-Trác. Tám Mẹo,
Lý-Nhu. Hữu-Thoại,
Quân canh. Thiệu-Của.

20-1-1957.— Hội Khuyến lệ cổ-ca tổ chức tại rạp Bầu Thắng, đình Cầu Quan, buổi hát bội diễn lại tuồng « Ngũ biến báo phu cứu » nguyên là tuồng ruột của cô Năm Nhỏ gánh cô Ba Ngoạn (có bài khen tại Cô Nam nơi phần phụ-lục số 42). Nay hát lại tuồng này, phải chia các vai ra như sau (năm vai của cô Năm



Nhỏ khi trước, bây giờ phải bốn cô đào chánh đóng mới xem được) :

Vai em và dien, hát bài hành khất (khất cái) Cô Nam Sa Đéc
Vai lão trượng Cô Ba Út,
Vai huê hoa thương Cô Cao-Long-Ngà,
Vai Sơn-Đông, mặt vô, có đánh kiếm . . . Cô Nam Đỗ, (2 vai)

Nghĩ cho bốn cô đào này mà tôi chỉ bằng một cô đào lớp xưa, dù thầy công phu dạy luyện và tai nghe xuất chúng của Cô Nam Nhỏ là thế nào. Khi nói cô nam là đào giỏi các vai mỹ miều Lưu-Kim-Đinh ha sao hay Phan-Lê Huê cứu Hong-thủy-trần thì đã danh rồi, nhưng cô Nam có học và giỏi luôn vai kép vô như « Trương Phi thủ cò-thanh » phải thấy cô diễn mới biết tại phi thương vì cò hết và đổi giọng nghe như *kép Hành* trước chứ không biết đó là giọng đàn bà. *Hành* thủ vai Trương Phi hay cho đến đổi về sau, kép nào đóng vai Trương Phi đêm nào thì quen nói « *Đêm nay tôi làm Hành*, thay vì nơi tôi đóng vai Trương Phi » *Hành* đã trở nên « *đồng tư* » thay vì « *danh tư* », lạ thật. Lớp đó (lời 1915 ?) có đến hai kép tên *Hành*, đều đóng vai Trương Phi, không kép nào an qua, và trong gánh gọi *Hành Lớn Hành Nhỏ*.

12-4-1958.— Ban ca-vũ cò-nhạc Việt-Nam, trước kia là ban ca-vũ trong Noi-phủ Huế), dưới sự bảo trợ của Nha Vô-tuyên truyền-thanh và của Nha Quốc-Gia du-học, có tổ chức diễn tại rạp Thống-Nhất lấy tiền trợ giúp trẻ sơ sinh các vùng Dinh Điền. Diễn cả thấy là mười-hai lớp, gồm nhạc-thiếu, múa kiếm, mười bài Phàm-tiết, Mã-vũ-khúc, Múa quạt, Ngũ đối, Phụng-vũ-khúc, vũ Tam Quốc, Tây-Du, Nam-bùng nam-trĩ, Chiến tẩu, Múa bông cũng gọi là « *lục cung* » toàn là những bài bản lạ tại



điệu múa lạ mắt, dân Miền Nam cũ lúc làm an
xưa nay chưa từng thấy, vì là nghi tiết của triều-
đình Huế, bao giờ.

2-9-1959.— Hội Thương-công qui lễ diễn hai ngày giờ cung
Lê thương-công, thầy cũ của tôi, ông Nguyễn Văn
Cung, dạy vẽ trướng Bôn-quốc Chasseloup, làm
hội-trưởng, đứng xây châu cho hát bội diễn và
tỏ ra sành điệu này lắm.

10-1-1960.— Hội Khuyến-lệ cô-ca diễn tại sân khấu trường
Quốc-gia Âm-nhạc lấy tiền tặng Cây Mưa Xuân
cho gia-dinh nghệ-sĩ, tuồng Tống tửu Đôn-
Hùng-Tín.

Qua ngày 17-1-1960, lại diễn thêm một tối, tuồng
« Đãi yến Đoàn-Hồng-Ngọc ».

30-10-60.— Ông Trần-Van-Khe, tu Pháp-quốc gửi thư yêu cầu
tôi cho trích lục vài đoạn trong băng nhựa thâu
thanh bài diễn văn của tôi nói về hát bội, điệu
Nieu-Noi, nay tặng tư tại Nhân-chúng học-viện
(Musée de l'Homme Paris) để ông thuyết trình
cho đài vô tuyến BBC. Tôi nhận lời.

8-10-1961.— Hội khuyến-lệ cô-ca diễn tại trường Quốc-Gia
Âm-nhạc lớp Hoàng-Phi-Hồ qui Châu, trong tuồng
Phong-Thần (xem phụ-lục). Các vai chánh :

Hoàng-Phi Hồ Minh-Tơ
Thái-sư Văn-Trọng Tâm Hiền
Trụ-Vương Thành - Tôn
Tứ đệ Thiệu-Cửa, Bảy Lập, Tư Tần,
Tám Văn.



Giả-thi : Cỗ Ba Út
Đất-Kỷ : Cỗ Năm Đồ
Hoang Quí-Phu : Cỗ Ngọc Lượng
Đôi bảo tín : Cỗ Ba Sáng
Biên tuồng : kếp 4 thu-choai.

28-1-1962. — Hội khuyến học của mọi di dư nhóm tại hội-quan
119 đường, bác-sĩ Yersan đề dư để trao quá Tết
và khoản đãi các nghệ-sĩ trong Hội.

Thang giêng dương lịch 1962 (Tân-Sửn). — Ông Ho-Vân-Lang,
mọi kỳ gia kỳ cựu và lão thành có dư phong
trao tay chày Chu-na năm 1919, có hiệp sức cùng
kếp Thành-Tôn (ban Bần Thắng cũ), soạn tuồng
Anh-hung Nguyễn-Hue đại chiến Go Đồng-Đa. —
Tuồng do nhà in Đức-Hung An-quân, 109 đường
Bui-thi-Xuân, Sài-Gòn, xuất bản. — Tôn trọng
quyền tác-giả, tôi không in tuồng này vào phần
phụ-lục. Qui vì muốn có, xin biên thư hỏi ông
Ho-Vân-Lang hoặc ban Thành-Tôn, theo địa-chỉ
Đại Phát-thanh, số 3 đường Phan-Đinh-Phùng,
Sài-Gòn.

Chúa nhật 5-5-1963 (13 tháng 4 năm Quý-Mão). — Đây là một
bữa kỷ niệm « tam sanh hữu banh », không muốn mà nên. Dầu
dầu thai mấy kiếp cũng chưa at gặp lại. Nguyên lần thứ nhất
tôi đề chơn đến đất Paris, đến bữa nay đã được sáu ngày và
nhớ lại hôm nay là dùng một bữa chúa nhật rồi rảnh trên
đất lang-sa lịch sự. Tôi chưa vội đi tham các nơi quen biết
để cảm ơn giúp tôi có cuộc Tây-du này. Điều tôi nghĩ trước
nhất là nhớ đến ơn thâm của một quý phụ Pháp, bà Christine
Bruel, trước có ở Sài-Gòn, và tuy cùng tôi không đồng quốc-
tịch nhưng đã có can đảm cho tôi mượn một số bạc to, nhờ
đó tôi tạo lập được mai nhà « Văn-Đường » hiện nay che chở



gia-dinh tôi trong Gia-Đình. Hay tin ba bị bạo bệnh và từ trần từ lâu, nhưng không rõ phần mộ ba nằm nơi nghĩa-địa nào. Và chẳng Paris có nhiều nghĩa-địa danh tiếng. Tôi dò chừng theo tiếng gọi của thanh tâm và lòng đau lòng hờn náy thế nào cũng phải đến mộ ba đặt một bó hoa khiêm tốn để tưởng niệm và tri ân. Bó hoa đã mua từ sáng sớm và cứ theo sách dẫn-đạo (guide), tôi đi métro tìm trước nhưt đến nghĩa-địa «cimetiere du Pere Lachaise» trên nong cao nơi góc đường La Roquette và đại-lò Montmartre. Mặc dầu sự sốt sắng và mặc dầu thiện tâm thiện chí của ông quản thủ, chúng tôi tra dò tìm mãi trong các sổ bộ cũ mới nhưng không sao thấy được tấm phiến can cước nhỏ ghi rõ nam mô bà C. Bruel nằm ở khu nào. Ông Quản-thủ cắt nghĩa cho tôi rõ có lẽ nghĩa-địa hữu danh *La Chaise* tuy rộng đến 17 mẫu Tây (17 Ha) nhưng đứng mai tang từ nhiều đời nổi tiếng đã chật nít không còn chỗ trống và Chính phủ đã chi tiền ta lau ngang cho chọn cất nơi đây. Ông khuyên tôi nên chú ý kho đi thăm dò nơi nghĩa-địa *Montmartre*, tại nơi hẻo lánh và có lẽ còn chỗ mai tang. Thế là tôi vâng lời, ta từ viện quản-thủ có lòng chu đáo, ôm bó hoa tươi, lên xe đồ đờng đến được nghĩa-địa *Montmartre* nơi con đường Rachel tôi vừa dọc vừa dò các mộ chi các khu, gặp gần đủ mộ các tên như Pháp có danh ghi trong sách sử, nào Cavaignac, Alexandre Dumas fils, v.v... nay xin miễn kể để tránh rườm rà. Duyệt tìm mãi mộ-chi người thiếu-phụ Pháp án nhân của mình nam xưa mà tìm mãi suốt nửa ngày mà chưa gặp. Khi tôi lẻ bước chầm chầm rung đến khu số 15, bỗng gặp bất ngờ một ngôi mộ thẫm kín nhưng có nét độc đáo, trong thẫm tăm khi vừa thấy tôi đã định cho là không phải một ngôi mộ tâm thương. Qua nhiên khi bước lại gần, tôi đọc kỹ mấy hàng chữ khắc trên mộ chi thì đó là mộ của bà :

Alphonsine Plessis, dite Marie Duplessis,
la « Dame aux camélias », d'Alexandre Dumas fils.
(+ 1847)



Bây giờ mở bà C.B. muốn tìm ma khoa, sao tìm gặp, trước sau chưa lòng ai đợi tiên an. hôn bà có thể xin chứng chiều cho da này. Sau đây gặp bất ngờ mô cụ nào? Bà Hoa-nữ Pháp bày lan minh tưag doc khac truyện tình ai có tưng ly kỳ, và tưng xem mấy phen diễn qua tiếng Việt, nào *Lơ vương đến thực*, nào *Đoan từ long*, nào *Bê ai duy vơi*, nay sẵn bỏ hoa chỉ thành « niệm cửa m » ở hè nề om tư tang tăng sáng, toi ben cung kính đặt lên một da laoh cam thich của bà danh kỹ mặt từ năm 1817 (Thiên-Ty de trit neo) (Đinh-mui), lam râm khấn vãi hôn Đàm Lien Pháp có hay, không gặp mô án-nhân lai gặp mô huê-khoi Đàm-nữ hay là tam sanh liên minh ? đầu sao tôi không tiếc buổi sang quang đăng chi tâm chi thanh, chưa như 5-5-1963 sống giữa hôn ma tại do-thành Paris hoa le

Qua có hai tháng ở Paris, tháng năm và tháng sáu 1963 mà nói chuyện bằng người ta ở suốt đời ở bên ! Bữa tôi còn nhớ rành rành như mới đây là bữa viếng mộ tại-nhơn đã tả. Còn một bữa đi dùng cơm với ông thầy cũ trường Chasseloup, ông Bernard Bourotte, hai ông bà về nghỉ hè hen với tôi và đưa tôi đến một nhà hàng rất sang, ăn chung một phong với một nhóm kịch sĩ tên tuổi de la Comédie Française. Nhà hàng ấy nay cũng không còn nhớ hẳn đường nao, duy nhớ hôm ấy, rươi ngà ngà quên phứt mình ngồi bên trời Pháp nên nói chuyện có hơi to tiếng. Không ngờ đang ăn bên này đang nói bên này bỗng nghe bên kia bên bàn nghề-sĩ chót mũi cao có tiếng vỗ tay, giựt mình ngó như thằng mán ra chợ, sau ông thầy giải nghĩa rằng bọn họ khen mình « thằng ngoại quốc nào đâu nói tiếng Tây khá đến ! Nói họ nghe được và hiểu được ! » Họ quá hợp chăng khi tặng mình « nói khéo như bọn Paris chính cống » ? — Không tôi không dám nhận lời này. Tôi chẳng qua như con ngựa mơ, thưở nay có vào rừng đâu mà biết sợ hãi ! Một lần nữa tôi ví tôi như ngựa mơ, xin chớ nghe làm tưởng đâu tôi dám ví mình với hổ !



Một bữa khác cũng đang kỷ niệm là bữa đi xem hát ở phường nọ tại Paris. Tưởng hễ cái gì ở Paris là lực nhứt. Không de vẽ rap hát, coi vậy mà rap Sài-Gòn cũng có hạng kha đến, một phần nào lại sướng hơn ở Paris. Tôi nói đây là ví phan bọn ít tiền như tôi, ăn trái chuối và tại kinh-do Pháp phải trả gần ba chục bạc ta, dẫn ăn kem với phở-mat cũng hơi hơi ngán quá. Đi xem hát ở đây kho khăn qua, phải mua vé từ mấy ngày trước, đến khi vô cửa phải « li-xi » cho bọn mở cửa, và một tờ chương trình cũng phải « nhăm xa » cho đưa nhỏ phát rô-ram, khi đến chỗ ngồi ao choang ao lạnh, khi gói vào như khi lấy ra đĩa phải có chút tiền mua long, và khi đến chỗ ngồi, cái ghế trơ trơ do thề mà kla khách bước vào, có tên bé choat, no xo của nó kéo ghế rồi nó cũng chìa tay, không cho không được, phải cho em chút này cho em khen qua là khách ăn chơi biết xa tiền. Cái « li-xi », « buốc hoa » (pourboire), làm cho tôi sớm ngau cái nước vô ngoài của cái văn-minh Paris, và hát tôi nhớ lại khi đặt chân lên đất Phu-tang thì lại khác hẳn cũng thì cái « li-xi » pourboire ấy, mà người Nhứt lại hiểu khác, từ chi lun xách va-ly lên phòng khách sạn ở Đông Kinh chỉ đến bạc tại la xe taxi, mỗi khi khách tha phương cho « tiền nước » họ lại tro mát gần như muốn sừng sỏ, muốn « ngầy ngà » chúng tôi cũng là người như ông như bà, nao phải đây tờ nhà ai mà ông hay bà hồng làm phước cách đó, coi rẻ hơn phẩm chúng tôi cách đó ! Thiệt là khó lòng, hen chi có người nói Đông là Đông, Tây là Tây, thậm phải ! Bữa đi xem hát, hát cũng không hay gì hơn những buổi xem diễn ở Sài-Gòn, rap hát tiếng rặng rap tài-tử nhưng trong mắt tôi thấy lòn xồn không khác các rap Xóm Ga, rap chợ Phú-Nhuan bên mình. Cho liễn cũng giản, không cho cũng rầy, thiệt là ra xứ ngoài mỗi mỗi đều khổ tâm. Đỉnh trong bụng, phen này về nhà thà chết rục ở xó nhà mà sướng hơn và hạp với vai tuồng một hàn sĩ như mình. Cho xuất ngoại, dân phải biết trọng nhân phẩm, mà không cho đem tiền túi theo kha khá, thì duy còn đi bộ cho



lã giờ, dừng đi xem hát và đứng ngoài đường ăn bánh ngô, ngô người khác ăn.

18-7-1964. — Tôi đi dự đại hội thi-ca vũ-nhạc-kịch của Đại Phát-thành tổ chức rạp Hưng Đạo. Vì việc rất gần, nhiều người còn nhớ, tôi xin miễn thuật.

29-5-1965. — Ganh Thanh-Minh Thanh-Ngà ăn mừng tại nhà Á-Đông (Chợ-Lớn) lễ gánh được mười-lăm tuốt. Tập sở vàng kỷ-niệm về tôi gửi, có chữ ký các người có mặt buổi lễ vui ấy.

Từ ngày 5 đến 9 tháng 10 dương-lịch 1965 (12 đến rằm tháng 9 Ất-tý), xã Bình-Hoa (Gua-Đinh) cũng lễ kỷ-yen và làm lễ giỗ Tổ linh-thần đình Ngã Năm và lựa hát những tuồng đặc sắc như sau :

5-10-65. — Ngũ Hồ binh Tây (Dịch Thanh lý Thợn) :
Địch Thanh Mười Sự,
Lưu Khánh Tám Văn,
Cấp Man Bảy Lập,
Thoại-Ba công-chúa Cô Năm Đồ,
Tỳ-nữ Cô Ba Sáng.

6-10-65. — Mạnh-Lệ-Quân thoát hải :
Mạnh-Lệ-Quân Cô Năm Đồ,
Hoàng-phủ Trường-hoa Cô Ba Út,
Tò-Ánh-Tuyết Cô Bảy Sự,
Lưu-Yến-Ngọc Cô Ngọc-Lượng,
Mạnh-phu-nhơn Cô Ba Sáng,
Đông-Bình-Vương Minh-Tơ.



7-10-1965. — Ngũ-hồ bình nam. — Dịch Hồ sa đạo. — Đoàn Hồng-ngọc đã cổ-nhạc và Đãi yến Đoàn Hồng-ngọc, hai lớp hát chung một lượt :

Đoàn Hồng-ngọc Cỗ Ba Út
Huỳnh Lan-anh Cỗ Năm Đồ
Dịch Hồ Minh-Tơ
rồi Hoàng Sốc
Dịch Luồng Thành-Tôn.

8-10-1965. — Long-Phụng phối duyên và tòn vương Tống-ngọc-Long Tiểu Anh-Phụng (cũng gọi Tiểu Anh-Phụng loạn trào).

Tiểu Anh-Phụng Cỗ Ba Út
Tống Mỹ-Lan Cỗ Năm Đồ.

9-10-1965. — Hồi châu hát Phụng-Nghi-Đinh

Điều-Thuyền Cỗ Ba Út
rồi Cỗ Năm Đồ
Vương Tư-dó Mười Sự
rồi Chín Luồng
Đồng Trác Thành-Tôn
Lữ Bồ Minh-Tơ.

Thiệt không dè đinh nhò ma có người khéo
lừa tuồng và đạo kép chọn lọc kỹ càng
như vậy.

14-12-1965. — Anh bạn Nguyễn-Văn-Meo ở Mỹ-Tho, là một nghệ-sĩ cổ cự và có công lớn với cải-lương như anh Năm Châu, hôm nay tổ chức một đêm hát tại hi-viên « viên trường » tại chợ Mỹ, đề giới thiệu ban văn-nghệ Lạc-Hồng của anh ra công đào tạo. Anh có nhã ý mời vợ chồng tôi và cô Năm Đồ xuống tăng cường



diễn tuồng bắt hủ Phung-Nghi-Đinh. Các vai khác do nghệ-sĩ chuyên nghiệp gánh Trúc-Viên sau tại chỗ đóng tiếp diễn, chưa hai vai chánh :

Lữ Bố Cô Năm Sa-Đéc
Diên-Thuyền Cô Năm Đồ.

Năm 1966. — Nang nơ tam, ông bà lão thành Nam Châu cho ra đời gánh « Anh Chiêu Dương », tôi chưa kịp đi xem thì đã dẹp. Van-hoa bên xứ ta là vậy, ai thương nó làm thì phải chịu nghèo. Riêng tôi, nhắc đến Anh Nam, bên ta còn vắng vắng lời nhắc của Cậu Ba Dương-Van Giáo : « Nén làm kếp cho xuất sắc hơn làm kỹ quên cho Tay. » Tôi làm kỹ quên thất, nhưng đem năm nghĩ lại, suốt nửa đời làm « bầy tôi » mà lương tâm không then, ngay nay dưới Suối Vàng, Cậu Ba có xét cho chàng ?

Làm cần thêm mấy hàng. — Từ đây, tôi không đi xem hát nữa. Tuổi đã không cho phép xa xỉ sức khỏe. Lại nữa, kịch ngoài đời, có đánh giặc thiệt, xem chưa đủ chán hay sao ? Vô rạp ngồi lau thêm đau lưng lại gập nhiều việc chương Năm nhà, vãn may phát thanh nhỏ nhỏ cũng đủ nghe các giọng quen, lại có quyển vãn tat. Bảy giờ sông tuy nơi lá gan và bao tử, sương chưa ? Tiên-nga, ngọc-dang, cũng bằng thừa Mỹ sắc, mắt xanh đối với tuổi này không khéo là những món giảm thọ. Tiếng trong hát ngọt, nghe rồi hãy bỏ ngoài tai ; kiêng nhé : coi chừng « bình tung khẩu nhập » ! Như ngheo : tuổi già đừng ham nói bầy, không chết cũng ứ-tơ khổ thân : « họa tung khẩu xuất ». Bao nhiêu kỷ-ức, viết đến đây, tôi cho đã là nhiều. Bui lọ giấy trắng là một tội lớn. Tập sổ đã dày, nên xếp lại, nhường cho kẻ khác có chuyện nói hay ho hơn. Bao nhiêu



tội lỗi đã phạm, cũng vì cái tật nhớ dai và ham nhắc việc và người xưa. Lấy binh-tâm ma luân hát bài đã cũ và cũ. Rồi sẽ đến phiên hát cái-lương. Ai lại không chết ; luật tao-hóa đã định, nhưn vát đao đồng. Muốn cho đàn sưa tưa, thì đàn trước phải biết tránh để vết đường đi. Thăm một điều , « Co dẫu co dít co dươi, Mấy thằng dẽ chết hết, ai nuôi co dẫu » ? Ngày nay ta càng thấy rõ vì sao ít người học đàn. Trừ những lực thiên phú ngón tươi, thư « bò kéo xe, xe kéo bò » như tôi đều bị máy thân thanh, máy truyền hình đoạt chỗ. Cái thích thư nắn nót tiếng đồn lưa chữ cho tươi, suy tiêu bỏ ngón nay cũng ít thấy. Hát ca cũng sẽ hết thời. Không có gì tồn tại được lâu. Cầu chưa cay «Thông ngón kỳ lục bạc chue không máng, lấy chồng thợ bạc đeo vàng đồ tay» nay cũng quá mua. Rượu nhà dổi chủ. Trong giới ca xướng cũng vậy. Nam Phi, Tư Ut đã mất. Những người còn lại, cô Bảy Phụng-Hà, Năm Châu thì già nửa. Ut Tra Ôn, Thành-Dược, Hữu-Phước, Thanh-Nga hay các cô đào khác hiện còn quá sớm chưa phê bình được.

Bao Tin Sớm số 562 ngày 21-10-1966 cho hay tin thành lập Hội Nghe-sĩ nhưng nay cũng đã chum trong bóng tối. Xưa tôi nhìn cơm, đi hò, dẽ tiền xem hát. Nhưng nay tuổi đã già, háng hái không còn.

Thương ai tức ai ? - Tôi muốn dùng thi giờ buổi chiều lặn đề nhạc người xưa. Tôi đã cố tránh không viết «*thiên khảo cửu*» đề được tự do, mặc tình lặn thân trong «*thiên hồi ký*». Bởi là hồi-ký, tha hồ nhớ được mớ gì buồn ra mớ ấy, biết bao nhiêu nói bấy nhiêu, nói không biết chừng nào thôi mà cũng không cần biết còn thứ gì để nói nữa. Chớ chi tôi vỗ ngực khoe đây là tập khảo cửu «*chac mềm như cua tối trời*» thì trách tôi được. Đang này tôi viết «*hồi-ký*» để một mình tôi đọc, một mình tôi nghe «*Pour moi seule*», nữ nào trách tôi ? Tôi tâm sự, kể lể, mặc toi. Tôi viết lộn xộn, nhưng đó là tất thuở



này, bảo chữa là chữa làm sao? Theo ý tôi làm làm sao cho người đọc thấy vui vui mà phần lớn lại cười — người ấy đã học mà không để rơi dỏ, học nhưu du tới hai lòn, lòn cười rồi ghét cái gì mới thử đến — n ăn — ung vậy, trên màn phải cho tôi lừa tôi gọt mòn áo từ ý tôi, như vậy mới có bông thú, chứ cạp tôi ăn xong một món, đâu ngon tôi cũng chán như thường. Sở dĩ tôi kéo dài là để nhưe nhưng, Tôi không như những người có cho ăn cả ngon, đã có đũa-vì. Tánh tôi ưa nơi pha lừng nên bình sinh tôi thích trên sân khấu vai hề giễu. Và vai Trình Giáo Icon vơng tục, tôi thấy thú hơn vai vua vai tướng quá ngluem, qua buồn. Trong đời tôi không ưa những cái gì có sắp đặt trước cho công có phong tung bất ngờ mới có tự nhiên và có nên thơ. Ghét nhất là cái người ta làm sẵn rồi sửa mũi mác, làm tại khon, chờ gọi gì cái chê khen vô lối.

Các vai hề tuy không quen cho vẫn chịu về duyên dáng. —

Tôi chằm nhut là Ba Vân. Nhưng «khen phò-mã lỗi áo» có ích chi? Và luôn luôn người có tài nhiều khi thường quá hợp.

Sáu Được, trước theo gánh « Tân-Đông Ban » của Lê-Quang-Sô, giễu cò duyên. Thêm duyên cho tuồng « Ai ban ân tình » của cổ soạn-giả Sau Hải. Rồi lui về pha cà-phê mái đình Phú-Thành (Chợ Dũi). Nay còn ở đó chăng?

Tư Róm, sân khấu Việt-Hùng-Minh Chi, giễu tình. Vai Nhứt-Đông trong « Người đẹp bán tơ ». Tư Róm đứng chung với kệp Vân-Trình, lại là cặp bài trung ấn ý nhưt : « Đường lên xứ Thái » và « Đông sông hứa hẹn ». Choe chúng cười được thì phải có từng qua tuồng « nghèo ». Phải biết khóc thẳm không cho ai thấy, trước khi tìm ra thang thuốc « trường sanh » không tốn tiền mua : choe chúng cười.

Hề Trường, Hề Ty, cò duyên và choe cười đáng mức (gánh Tân-Hi, Mộng-Vân, Phát-thanh) : tuồng « Đêm kinh khủng », « Thuyền về », « Sự chiến thắng của trái tim »



Lê Tâm, trước đi gánh Hoa-Sen và Thanh-Tảo. Đây là một anh hề phóng túng tài tử. Tai-tử cho đến dồn đánh xe thổ-mộ đường Bà-Queo một lúc. Nhưng ngày nay con ngựa ăn cỏ và ăn lúa thiết đã bị con ngựa « Lam » bang sát gánh đường chay. Quân-tử khi xưa thất thốn, « lên rừng đốt than » như Trần-Khánh-Dư. Lỡ vắn mà không bỏ đồ thi « quạt tra Huế ». Ngày nay tiến hóa hơn, có người lui về « pha cà-phê ». Rất dỗi Bầy-Nhiên, từng đi Tây trước hơn ai, từng ăn cơm quân khắp Trung-Bắc và Nam-kỳ 21 tỉnh, nay cũng phải tuy khách, khi « hạc quây », khi « xiu xiu nai », từ « xít xít » qua tách « thôn-xà ». Như vậy, nghèo mà trong sạch.

Còn hề Phuc-Lai, hề Tư-Vũng, tôi không biết ngay nay ra sao ? Cũng như người chọc tôi cười mấy chục năm về trước, nói làm chi sẽ bị kiếm dượt vì đã đi ra ngoài nư : Ba Du. Ba Du, vai Mạnh-Lương trong tuồng « Mạnh Lương ăn nhai ».

Hề Giắc, tuy hề ma quan tử, không muốn như nhồi anh chi đã giàu. Đi cho gánh Hoa-Sen, rồi Viet-Hùng. Minh-Chu, kể đó bán cháo Tiều, cháo trang dưới dõc câu chữ Y. Khởi nói sau trận dõt kích năm 1968, làm giờ đó được nữa với hòa-pháo, hỏa-tiến buổi chiến tranh tàn khốc này.

Một anh hề hiền nhứt, kỳ cựu trong nghề, là hề Minh gánh Kim-Chường. Đi cho gánh Kim Thoa, rồi Kim-Chường, rồi Thanh-Hương rồi đạo lai Kim-Chường như cũ.

Một tài tử phóng tung, lang bạt kỳ hồ theo cách của mình, trải qua nhiều gánh Mông-Vân, Viet-Hùng Minh-Chu, Xuân-Liêu, Hoa Lan, là hề Hai Vĩnh.

Còn biết bao nhiêu hề chết nghèo vì binh hoạn, chết mòn vô danh sau khi moi ruột gan đem sở trường chọc được tiếng cười giòn tan của khán giả : những Hề Được (gánh thầy thuốc Minh, Sốc-Trăng), hề Lũ, hề Lu, hề Tấn-Lộc chết tại nhà thương Chợ Rẫy. Sáng này tôi xin tưởng niệm các anh bằng mấy giọt nước mắt cảm tình khâm phục đọng bên mi.



Một anh con trai mạnh giỏi, hay đóng vai Lão, tổng ca nay nghe hơi rần hơi mót vì số tuổi tròn thêm tuổi toi, nhưng còn phong độ « Thầy Ba Cha » trong tuồng « Giỗ ngựa truy phong », người ấy chột cười tinh kho, nhưng không bao giờ chui xúng mình là Hề Ba Văn, một nghệ-sĩ tiên phong ban của Tư Út, của Tư-Anh, Nam Nở, Nam Châu... (Các tài-liệu từ Sân Được đến Hạ Vĩnh viết dựa trên theo ông Mông-Long, bài trong Tiếng Chuông 30-1-1962 và xin cảm ơn tác giả, VHS)

Các kếp đẹp trai đang thời sung sức

Tôi không xếp hạng vì sợ mich long. Tôi xin nói về những người tôi từng thấy diễn, hoặc có cảm tình riêng biệt với tôi. Một số khác, tôi viết dựa theo ông Lê Trần, báo Tiếng Chuông 30-1-1962

Út-Trà-Ôn. — Nhạc lại tôi kếp « hương dện » Tư Út Sốc-Trang. Theo anh Lê Ngọc-Tri, một bạn thân kho kiem, thì danh từ « hương dện » do « hương diện » nói trại. Nhưng theo tôi, biết đâu chung « hương dện » do « hương vện » là cổ y nói xấu để co chuyện cười chơi nhưng hoàn toàn không ác ý. Tư Út mặt dài mũi cao, eo số đao hoa. Út Trà-Ôn, trái lại mặt tròn và lành ít na gao thiệp. Cất giọng hát chéo ghe trong « Người bán chiều », năm nhá nghe giọng qua Đài Phát-thanh ham đi hăm lại mỗi trưa trưa, khiến nhớ Trương Chi trong mọi tình lứa đôi với cô liễu thơ dật các trong giả-sử.

Bảy Cao. — vừa kếp chánh vừa giám-dốc gánh Hoa Sen, nhờ như gốc gác xứ Bạc-Lieu thì phải ? Biết viết tuồng, biết « lancer » đao. Thanh công chút nào trên sân khấu : tuồng *Lá cơ vang*, *Chiếc áo mùa đông*, *Tiênq nói không gian*, *Phản gian-diệp*, *Duyên ai và vữa nũa*. Nhưng từ khi chiến tranh năm 1968 làm



cho vùng Phu-Lam nằm trong giới nghiêm 24 tiếng trên 24, không đi được mà biết khơi Phu-Lam đương về Lạc Lĩnh, khu đất khu nhà có bảng lớn HOA SEN ra thế nào ? (Mai 1968).

Bảy Xé. — Không biết nên xếp vào hàng lễ chương trước hay đặt vào chương Kép này ? Đọc trong báo thấy từ lâu « *kép đẹp trai* », với thân hình bao gạo chỉ xanh, đẹp cho nào ? Tánh ưa móc ngoéo, có lúc cao hứng dám đóng vai kho vạt Tào-Tháo bên hát bội, nhưng thỉnh thoảng lại dè từ Lầu Lầu, lại với tánh ham chọc cười, nên tập Hoa-Kỷ có ngay tại bàn, tôi sẽ trả Bảy Xé qua nhóm các anh lễ chương trước là phải chỗ hơn.

Thành-Dược. — Có tiền trong tay thì phung phí : thích bao máy bay taxi và dôi o-tô mới như ta thấy sơ-mi. Ca hay, giọng ấm, đẹp trai. Tình dư và thừa thãi đến không biết trọng môn tính nhá. Cao đại mấy lượt ? Thích bi-da và chơi bong tron Nha mới đẹp bong. Ngồi Ke-Sach (Sóc-Trang), sông sâu nước chảy.

Minh-Chu. — Đứng cấp bầu với Việt-Hung, bầu bẻ, mộng không thành, trở lại kiếp ve, hát ca lãnh lợt. Thế tháng từ phước, vợ nhiều và con bẻ.

Hoàng-Giang. — Đến nhà tôi với Việt-Hung, tôi với Bảy và hát một hơi hết gói Pall Mall của khách. Ngay này, nếu anh còn nhớ, tưởng tôi thế nào ? Dầu sao tôi đã chưa, bỏ thuốc. Thích anh vì vóc tầm thước, mà sao tiếng vô may thâu thanh sang sảng đến có khi cả *Cauchi Nam Hong* năm 1949 từ Bắc vào Nam, đã có tên cả đầu so. Những người kia này đã về đâu ? Trea hai mươi năm theo nghiệp cầm ca, chuyên về vai độc lảng, trai lơ, giọng rang rang khi nhậu đã, (tửu lượng kha), lúc hăng máu nga cũng biết cợt đùa.

Hữu-Phước. — Tôi có cảm tình nhiều khi nhớ đến Cậu Bảy Cảnh, thân sinh Hữu-Phước. Nhớ Cậu Bảy là nhớ một



khoảng đời mền thien, tao luyện ben bàn đon, như vậy là III chẳng ? Nghe trên đài, Hữu-Phước nán nói tu tiếng ca từ chữ ần đon, nen Cau Bảy con at bằng long lam. Hữu-Phước ở có hiều với me, biết thương nghề, hãy rạn tran giới thien. Móm mà có duyên, bởi người cha cũng móm. Bravo ! Hữu-Phước !

Việt-Hung — Biết nhau từ lúc mấy nam đảo chánh ở Soc-
Trang, chuyện cũ nam xưa, V.H. còn nhớ ? Như lúc ấy, V.H.
ca *lả lả ban hung có may người con*, vậy xin hỏi V.H., có
mấy con bay giư ? Ca hay, đẹp tại phát an dưng mỗi câu
thốt ra đều có nghĩa. Dong vai thong Phan thi khó at hát
chước (tuồng Đoan-Tuyệt).

Vai có dao an khách.— Vấn đề này khó nhut. khó nói
đến các cô dao trẻ, cũng như kho nói đến các cô đã bỏ cái
tuổi trẻ lại sau lưng ! Có ai ca mặt câu « Tôi tuổi vừa đôi
mười và đây là mùa xuân » (*L'air vingt ans et c'est le printemps*)
Tủ thuốc nịnh đầm đã cạn.

Thanh-Nga.— Khi tập này chưa in thì cô sang chơi trên
sân khấu, cô chưa chồng. Hát hay thêm được me cưng. Chưa
nằm chen tán khổ...Kể có xuất giá, chẵn dong giới khách-trương
một lúc. Cũng may, nay tiếng súng đã đánh at bao nhiêu dư-
luan kia. Cô có đủ thì giờ để bước vào cuộc đời với một
nhịp điệu khác. Chúc cô thành công. Đeo huý-chương vàng
« Thanh-Tâm » trước hơn ai. Lăn hơi khác biệt, mấy lần đóng
vai « ai », cái tiếng ca nghe như chất chứa bao nhiêu ái-oan-
sầu-tình. Lúc trước, trên sân khấu người nào đứng cặp lam
cô không vừa lòng thì cô vào buồng khóc với me, nay cô khoe
với ai, vì chen tán khổ, kia, ở trước mặt.

Thanh-Thanh-Hoa. — Tên thật là gì ? Tên trên sân khấu
thật là khéo lựa. Cứ theo tên chet tự một cái bóng đẹp



kèm hai bên giọng tốt, mặc sức đẹp như hoa và lãnh lót như ngọc khua chim hót. Chưa chồng còn ken (kề khi viết sách). Rạn o cho tròn chữ hiếu, nữa sao cũng còn tiếng « hiếu-nữ khả phong ». Hát hay, tuổi trẻ, vọt lên hàng đàn như đào Ngọc-Hương tam ấn.

Ngọc Nuôi.— Nuôi bằng gì, xin hỏi V.H. ? Bằng cam-lô, chất sương trong trẻo hưng mãn ngọc giữa đêm thanh ? Bằng kim-cương ? Bằng ngọc pha-ly long lánh ? V.H. nói với tôi Nuôi cũng như người ta, và khi hai người đến nhà chơi, tôi thấy Nuôi : « ăn cơm hai chén lưng lưng, ăn uống cầm chừng vì giữ cái cơ (corps) » (Lo người trách cô lắm oai với V.H., nhưng tôi lán thanh. Tuấn-ma thương biên chung, lòng tay cương thi... sẽ đâm rào.

Kim Hoàng.— Nếu viết không « g » thì là chiếc vòng bằng vàng. Thêm chữ « g » thì phan lai cô đơn. Có « g », hoàng là vàng, mau vàng, vàng như lưu-hoàng men mết, hay vàng như ông hoàng-de san khấu hót ? Tôi lán thân và nhờ lai dơi lán thân của ai làm em dàu cho hui chi Năm và Bảy, đều cô đào danh tiếng. Thoát kéo rã hồ lan, theo đóng cặp kết duyên vợ chồng giả với một cây vợt tennis có hàng đẹp như Mai, cô Kim-Hoàng trên sân khấu, dong vu tình tư còn tình tu hơn ai hết cả. Đã sanh phan gái, thêm là gái đẹp, Hoa công muốn chề bết, bắt ăn toàn dướng nuốt toàn cay. Càng cay đang lán hát càng hay, chữ tình lên can và kinh nghiệm càng thêm !

Út Bạch-Lan.— Kể vẽ hoa lan, tôi thấy trong. Có lan « tô-tâm », « bạch ngọc », « vẹ-hai », lại có lan tu thời, nở hỗn mùa ; có thứ « mặc lan » trung tun lăm lăm đen như rầy mực. Tráng toát tư vành đen ruot thì chưa có. Đa là lan trắng, thêm số ul, thảo nao chàng luy giữa trăn ai ? Phen dàu thoát cảnh chồng lợi dụng sắc tài, phen nhĩ « được » nhưng bắt « thanh »,



đền khi rã rời họ kéo lá tẻ tẻ bằng gong hát trên sân khấu cũng như trên đài, khúc cô cạn ca « *đem cái nơ chông nằm kham* ». Lan tiên để ra bích triêu mà ai ai, hết loan hầu đến thủ vai đạo chánh cho gánh ly C., rồi lại lập gánh cô hồng sen trang điểm. Chử rằng « hồng nhan đa truân », gả thứ « được » mà « thanh » thì cấp ấy có hơn nhân nào bi ? Nhưng sách xưa đã nói : « Minh quân lương tề tạo phung di, tài tử giai-nhơn tề ngộ nano ». Nay cô đã sửa dây đàn khạc chue cô hoa nhịp lâu bền.

Nam Phu, Thanh-Loan, Cô Bầy — Ba người ba tài-nghệ khác nhau. Tôi đã nhắc Cô Nam nhiều rồi, nay không nói nữa. Cô ăn đứt nghệ khạc, vai Bầy Qín Phi là biểu hiện. Cô Bầy Phung-Hà tôi cũng có nói rồi. Tuy tuổi đã cao nhưng tài nghệ vẫn còn, nhiều người biết tiếng đến tôi không nói. Một người nay đã vắng bóng trên sân khấu, nhưng tài-nghệ còn được nhắc là cô Ba Thanh-Loan. Thuở cô đóng vai Lan trong gánh Năm Châu, đóng vai nữ y-tả, hoặc các vai tướng xã-hội khác, mỗi lần xem hát về, tôi mừng mừng thấy bóng một cô nữ sinh áo tím, duy khác một điều là cô giống một học trò ngày thơ trường Gia-Long thật nhưng ăn nói táo tợn hơn bởi phần, thêm ca hay và cái giọng thổ khan khan càng dễ gây thêm cảm tình. Lúc ở Sóc-Trang năm 1917 tôi chạy lên tá túc phố lâu 31 Lê-Lợi, gặp lại cô mà khó nói nên lời. Kể hay tin cô gả nghĩa vợ, một nhà văn viết báo, nhưng cô tâm sự gì cô bỏ ra Bắc. Cô ra ngoài ấy, cái gì còn mãi ở lại đây là gương một người con hy sinh có gánh nặng gia đình cha mẹ anh em, gương một nghệ-sĩ tiên phong có gan có đầu óc, tung chỉ dạy học trò như cô Thanh-Nga,... Trong tuồng « *Vô và Tinh* », trong bao nhiêu vai Thu và vai Lan trong « *Lan và Diếp* », tưởng con lâu mới có người thay thế.

Khóc các bạn đã không còn — Tôi đã viếng các vai hề và kép, lai với vai cô đạo tặc, đứt màn « *ha kim* », nay xin cho tôi « *diễn cổ* » khóc bạn đã quên :



Tư Anh. — Một người tài mẫn và tiếc nhiều là bạn Tư Anh. Tư Anh có vóc mình cao ráo, biết đa hành lại biết danh cờ, Anh có một tát nhỏ, trên sân khấu mọi khi ca tra lắc lắc hai vai, nhưng ít ai để ý, duy thấy anh là kệp bánh trái nhất nhì cỡ ba mươi năm về trước, tiếng ca khăn khăn làm cho các cô ngồi xem đều mê mẩn nhất là với bộ tướng rất « hột » rất « công-tử keng », phải một đêm là thơi ấy dùng chung sân khấu với các ngôi sao sang chơi Tư Út, Nam Châu, Tư Chơi, nên sao Tư Anh phải hết vào hàng nhì. Hát cho ganh Phụng-Hảo, rồi Kim-Hoa, rồi Nam Châu, anh chàng đẹp trai Tư Anh cho đen trắng tươi và khi gần mắt vẫn còn đáng điệu « thư sinh ». Dưới lớp học trò ấy có ai ngờ Tư Anh là một « cây rêu », ổng không thua ai và câu nói ngo nghĩnh của anh tôi còn như là « Cho vô ne ! », « Cho vô một hơi, đừng bỏ rơi một giọt ! ». Tư Anh tốt nết, say rồi đi ngủ, không nói dòng đen ai. Hôm tôi gặp Tư Anh trong buổi hát đình Tân-An (Đất Hò) anh đang say say, van ao thùng khoét chưa tay và vẫn chân Nam-Vang. Anh chào tôi bằng cái bắt tay, không nói nhiều lời, giữa một tình chơn thạt không nói vì trông con nhữn gap gở, đe dọa dọa lại là một lần chót bắt tay vĩnh-quyết. Cậu Minh trong « *Tư Anh Nguyệt* », học trò nghèo trong « *Là nọc cánh rưng* », Cậu Phi có người cha ghen rêu trong « *Khi người diên buet gư* », Tư Anh ôi ! bao giờ gặp lại nhau, dầu trong giấc chiêm bao cũng quý. Từng làm kệp chánh, có lúc làm vua, trên sân khấu, đón bụng, mang hĩa, doi mào, nhưng đó là giả tam ; vai tướng tôi như mãi là vai jeune premier (kệp tở, kệp đẹp), mặc com le, thẳng thơm, rất é le găng trong các tuồng xã hội. Cho tôi nay tôi chưa biết tên cũng com anh là gì.

Huỳnh-Thả-Trung, lung danh Tư Chơi. — Cô K.T. — Trong bài này, tôi khoe và tiếc cho Tư Chơi, và đề trong danh dự



một mình tỉnh lơp tước, nay đã là mang phư phư như một
bạc-sĩ đồng lương, vừa điếu cò vừa hát kìm vào cho tới miến
nhắc lên người cũ của Tư Chơn, mà lỗi tại anh, anh không
biết giữ trọn duyên kìm cầm. Anh te lòn, anh lư có gánh
hát lòn, « trên ô tô dưới thì ca nô » (Hành-vân cũ), anh làm
chủ cả vi-la và ghé chài hát, nhưng anh bán hết lấy tiền gởi
quán rượu, để rồi lòn hơi anh đến quán lai-tai tư lòn tư lòn,
trư cho đến hết. Anh có hai người vợ nữa tiếp, cả hai đều là
học-khỏi và danh ca bạc nhut, nhưng anh không có hảo phư-
thẻ, anh thêm tât lòn lòn chui gánh mà hát đúng tha đưa
nào, luôn cả con doi, vợ đưa dễ eo, thao nào người ta không
chấn ngán anh ? Có P.H. « niệm cựu tình hát phan », con chut
tình thương, lạp gánh mới mới anh dong vai Ly Thái Bạch,
anh thủ vai Ly Tích Tiên nức lá-ve đến say mềm, khi đèn
phien ra tuồng, anh say thật tình chứ không say giả, đến
An-Lạc-Sơn cũng phư lạc đầu ! Bên gánh K.T. thì anh vừa
là bầu vừa là kếp chanh, đi xuống lục tỉnh, hát ma-ti-nê,
đã hơn ba giờ chiều mà chưa có một kếp chanh sấm tuồng
vi mặc mở phòng hu hy với con doi, nay nói lại còn mất
cỡ ! Sao anh không nhớ phong đo cũ, tuy chữ Tây H,
chữ thuở ấy anh biết chữ Anh « một cây » thêm anh thông
thuở chữ Hán, vì me rượu và cái kìm mà anh hạ phẩm gia
anh, B.C. con gái anh nay đã ở dưới Huỳnh tuyền, xưa ở cơ
hiền với anh thế nào ? Tuồng đất vưng chân, anh mất mấy
nam tao loạn, anh không để lại cuốn nào. Anh không nhớ thuở,
trước kia nhờ cay dớn đoản, anh lòn tại gọn như danh lữ,.
trước cùng Co Bay, sau duyên nợ lạt thanh, anh gặp một
mình-tinh vừa chơn nỏ, anh dạo tao đến thanh ngời sao sáng
sán khấn cả lương, trước đui đất là thầy với trò, sau mười
mẫu đến con be con lủ. Sau thời hát eo vẽ lạp quán bán rượu,
anh lai lai vắng, uống đến quán và anh đều « sập-thần-vi ».
Có trở lại hát, anh nhe nhe theo, hết tình con hén... trách sao
không chấn.



Nhắc lại chuyện cũ, trước đó mười nam, có một cô gái trạc mười-hai, mười ba tuổi, xinh như hoa ấu Hầu-Giang, tròn cha mẹ, đến bến tàu Cần-Thơ để tìm cách theo ghe hát. Cô gái nhỏ trốn trong các hành các thùng hàng hóa để dọc long lên theo với chị là cô Kim-Huì, một cô đào hát, đã từng sang chơi một thời-gian trong gánh Trần-Dật và gánh Huỳnh-Kỳ. Năm mười-bốn tuổi, cô gái nhà quê đã tập ca và ca được va ra hát với vở tuồng tiên-tri « *Lữ tuy trót đa nhun chum* ». Tư Chơi lúc ấy làm thay tuồng cho gánh Văn-hy-ban, thấy sắc, thấy bộ, rắp tam giúp cô thêm một chữ tại (tài nghệ, tại hạ ; nhứt phiến tài tình, thuyên cô huy) Một ngôi sao đã lộ dạng trên sân khấu cải lương rồi đó. Caong oanh hấp dẫn, bộ tịch khéo và tròn trịa, không mập cũng không ốm, vừa đẹp vừa thôi đầy mảy, cô gái như que này là đào mơ vẫn chưa có tên. Để theo tên các chu (Tàu) thì bớt duyên, trừ phi tên bà Phụng-Hà ; cũng chưa biết lựa tên cho kêu như trong tiểu-thuyết mới, Bạch-Nga, Bạch-Thủy, ben lấy mà dịch tên Tàu kia ra «den một chước vong van», « *Th này hát được hư không, biết dân Hiệp-Phổ mà mong chầu ve* » (kien) Chứ lot chữ Kim, em cũng lot chữ Kim, xin lot tên đã nói lot tên có rồi đó !

Năm năm tạo luyện trên sân khấu Hiệp-Thành ở Hạ-nôn, cô lúc ấy sở trường các vai buồn, và các bà chích khăn mỏ quạ, nhuộm răng đen cũng như các cụ ao the khăn đóng, đen mè mèt với một cô gái Miền-Nam hát rất giọng Nam, đang mơn mớn đảo lợ, giọng trong trẻo, nét duyên đang thêm ần mẩy chữ ngân « *có hot* » chơn chơn cam tình. Cái-lương đã dần dần quen thu ả đào, nhà trọ và cô là tại đây ! Nhưng cô gái Hầu-Giang dần dần ngưng chơn nơi đó. Anh Tư Chơi chưa hề bối như lúc sau, càng thêm gang con ; tạo luyện cho giọng ru cảm kia trở nên sắc ben như ngọn dộc kiem trong giới « *thả cầm thi* ». Trong nhiều vở ngày này không biết ở đâu còn sót mà sưu tầm, « *Tôi xin chầu* », « *Hạt mặt con trư* », những nhan đề còn sót lại trong hồ sơ đủ cho tôi tiếc hùi hùi và như



trong trí những bước lông lẩy của cô học trò ngọan đã đóng trong các tường đất để bởi một ông thầy có tuấn mĩ nhiên tất. Lúc ấy nhạc các phụng chộp bông nơi vườn dâm dục Sa-tôn, và được Tư Chơi áp dụng vào các tường ca-kịch của anh vừa soạn xong và trong « *Tôi vẫn chưa* » .. đến « *Hai mặt con trư* » đã được khai thác triệt để tại nghe chồm nở của cô gái trẻ xứ hoa sung Miền Tây, đẹp riêng biệt với sắc đẹp « *Hàn-Giang* » của cô gái Việt có chút màu Tàu trong huyết quản.

Hằng đĩa Beka do đó cho ra đời một mơ đĩa thần tiếng hát của cô gái này qua các bài ca Việt đem nhạc Tây, trước xa lắc đĩa cô Ai-Liên gái Bắc.

« *Tiếng nhàn kêu sương* » là một tác phẩm huyền phương trong giới nhạc ca-cách. Gánh K.T. tuyền thêm giai nhạc ma-ni (1) Benito để làm xôm thêm cho gánh Lão thầy tuồng Tư Chơi hợp tác với nhà lão thành Nam Châu đã biết khai thác nghệ thuật điêu luyện và giọng oanh đóc-đào của cô gái tam giãu tên. Tư Chơi cho ra tuồng « *Em muốn tự do* » để trình bày nét đóc-đào trên sân khấu của một tài tử biết lột hết ý nghĩa bản tuồng qua vai một thiếu phụ lông lỏn như con tuấn mã đứt dây, lang loan như Trong khi ấy, không chịu sụt kém, Nam Châu soạn tuồng « *Nợ máu* » đưa ra những hăm hục chán chường của một đời tài-tử đã tã tã bong xể, và hai ban đồng nghiệp tài ba, một ở An-Hóa (Ben-Tre) là Tư Chơi một ở Mỹ-Tho cũng xứ « *sông sâu nước chảy* » là Nam Châu, cả hai người đã nhớ tài đặc biệt của cô gái quê sớm phát triển xuất tại tỉnh, cả hai đưa lên sân khấu khía cạnh và tâm trạng của tâm hồn phụ nữ, trải qua nỗi u-buồn khổ tả sau buổi hoan lạc bờ vờ của kiếp đàn bà. Tuồng càng khó, cô gái quê diễn càng hay. Cô đóng xuất sắc vai « *Mã-Lê công-chúa* », để hát bài « *Buồn tan thư* » và đóng xuất thần một vai trong « *Đêm đông* », để hát bài « *Hồn Vong-phu* ».

(1) Nay đôi lại gọi Phi-luật-lân.



hơi du dương hòa với hơi thở lấy hơi, tiếng ấm áp tỏa ra sâu sắc và khiến gợn đã «cắm» sâu vào trái tim thơ mộng của một sinh viên trường thuốc, sau này trở nên bao chung tình trăm năm. Nói chi tình cô muốn trung thành với chồng, nhưng Tư Chơi hư đến càng ngày càng tệ. Tôi cho cô có lý khi cô lựa và biết nghe theo tiếng nói trái tim. Chỉ tiếc sân khấu đã mất bóng một sao, một ngôi sao xuất chúng trên vòm trời ca kịch.

Tư Út, Phạm-thế-Dầu.— Tôi viết hỏn khóc anh Tư Chơi vì tiếc và giận anh Tư, vì tư ý tàn, ham nhân lam sao đến mất sự nghiệp, mất luôn cả vợ, để trở nên một «Lưu Linh miễn tử» đi đến đâu anh em đều sợ và lánh xa đến muốn hóa ra xấu bụng. Bài thơ Tư Chơi khóc Tư Út nói đoạn trước quả là tiếng hơai thống thiết của anh vừa khóc bạn cũng vừa khóc cho mình.

Tư Út là người ở Sóc-Trang lên, có danh ở Sài-Gòn và tôi hãnh diện thêm lạ vì tôi cũng là dân tỉnh Sóc.

Ở Mỹ-Tho, năm chue nam về trước, có kép Giỏi, tài ba nhưng mang bac, chết yểu họ gánh Nam-Đông-Ban mất một cột trụ và bỏ cô Nam Phi mất chồng mất một kép tâm đầu y hiệp, đứng hát cấp xưng sắc xưng tài. Bỗng đâu từ Sóc-Trang lên chàng này, cũng một gương mặt có cặp mắt sang, đẹp trai như Giỏi không kém một nét nào. Tài ca đã trời các ban đồng trang lứa đến nên dùng danh từ «xuất chung» cũng không then, thêm trời già riêng tặng một duyên dang phi thường, thêm chũm cút «nói chơi lên miệng, không sợ mịch lòng», anh em cũng đều cười và không hơi đau trách móc... Từ gánh Thiệu Thuốc Minh, Sóc-Trang, như câu Bảy Cảnh ông thần Hữu Phước dạy luyện dạy ca chạc nhịp, lột chữ tai tình, hơi ấm và quyến rũ, bỏ tích hao hoa phong nhã, «đắc mèo», nên gái thi cô số hương nhan, ngất nói là trai, nên



gọi có số đào hoa, nhưng phu thân quá cỡ cho tôi đây đó là « hương đèn » ! Từ già gánh Sốc, qua gánh Tân-Hương, dùng đó và dùng cặp voi kệp Tu-Thạch, an dật van-thien tương và tư đại oán, và cùng voi cõ Ba Huôi (Huôi hay Hui ? vì đó là Kim-Huê, dịch ra tiếng Việt) ? Đã sẵn sáng trí thêm có bút tu « hễ thấy thư bát chước được lên », và lại được đi chung gánh với toàn bọn « gạo coi », thảo vào Tư-Út nghề cũng dần luyện thêm. Rồi tu Tân-Hương nhay qua gánh Tái-Đồng-Ban, nơi đây dùng đó với tài tư thương thông Nam-Chân, Tám-Mèo (hai cậu học trò cũ trường Trung-học Mỹ-Thảo họ trưởng đề đi theo nghề cầm ca) và gặp có Box-Phua, Hui-Nghê nghiệp mấy người này đồng phát triển như nhum Việt Nam đây, đang đang đứng, tôi xin trích lại một đoạn báo này đề bổ túc mô tả hiện riêng của tôi về ban thân Tư-Út :

« Van-Phước một cuộc làmreo cao trọc daut. Một
« người kệp dưng ra làm chủ một ban hát, Tư-Út là
« người đầu tiên. Gánh này là gánh « Van-Phước » do
« một gian-nhơn (1) yền nghệ-thuat, đã xuất một số
« von rất lớn cho anh diển khiển với Tám-Mèo (2), Ba
« Cường, Mười-Bửu, v.v.,. Nhưng vì tuổi trẻ, thiếu
« kinh nghiệm, nên Van-Phước không sống được bao
« lâu và đã gây nên một giải thoát vô cùng lý thú
« cuộc làmreo có một không hai mà cũng là kỳ dị
« nhất trong các cuộc làmreo (grève) Để chông lại
« chủ-nhơn, «

« dài, bịt khăn đóng, nên vỏ tằm hay cổ y, lúc đánh
« giã lợn xôn, rot mất khăn, phờ những cái đầu
« trắng bóc.

(Trích Tiếng Dời ngày 25-11-1918,
bài đề ngày 30-12-16, ký tên K.Q.S.)

Tư Út, nhắc lại, khi đã gánh Vạn-Phước lui xung phong
vào gánh Tân-Thịnh, Trần-Dat, Phi-Phung, Phung-Hảo, Nam-
Phi, Con Tằm, và kết liễu cuộc đời nghệ-sĩ tại ba mang bạc
đười là cờ « Phung Hảo » trong tuồng « *Một đêm trong
ngư-vườn* », vai Ngô-Trung-Cảnh, một sư thần tinh tú, nên
diễn lại, ắt không ai thay thế cho bằng.

Nói về sở trường thì Tư Út được trời phú cho một cái
duyên thiên-nhiên, Tư Út nói ra là có người cười, rồi có lẽ
cũng không người gán. Được cái duyên ấy bỏ tại ở đời cũng
đủ gây cảm tình và đặc mero. Thêm có cái duyên ấy trên sân
khấu thì voi lạp lang đã thuộc lau rồi nay thêm cái duyên trời
cho của Tư Út san eo, cho nên có thể gọi anh là một nghệ sĩ
tốt chủng. Hát hay, gay nhiều cảm tình, rồi quên hoặc sợ sệt,
nhờ duyên đáng che chở, sự phê bình của công chúng nên có
cũng không khe khác.

Nói về sở đoản, Tư Út cũng có chỗ chẳng không, khi bị
hố cây hải mã-chợc hành xác hoặc vì thên cỏ cung cấp nên
bị ngựa đá trên mã-trường, hoặc chỉ vì bị các cô hồ-ly-tính
rút hết nhựa sống của chàng Tiết-Giao Tư Út, nên có đem anh
không nghiền cứu dung mĩc hoặc đã quen, đã sợ, đã cương,
đã chế biến trên sân khấu... Những sợ hãi ấy, thay vì bị
công chúng trách chê, là thay lại làm cho Út được tán
thưởng hoan hô nhiệt liệt, nói theo nghề, ấy là Tổ dãi; nói
theo đời ấy là duyên trời phù hộ, nói theo tuồng lòng là
« có Bà cứu Nĩ » !

Trước khi chết, bay diêm, tại rạp Palukao (Chợ-Lớn) anh
diễn xuất thần vai Nhữ-Nam-Vương Tịnh-Ân, và khi dọn lên



Nam Vang, U bí lên trái trờ rồi tắt hơi trong một miếu nhỏ bé thờ Bà (xem bài Ngọc-Linh viết trong tạp-phẩm Thanh-Minh—Thanh-Nga năm 1965).

Anh Trần-Hữu-Trang, lúc còn ở bên Nam Phi (Trang mất ngoài Bắc năm 1966) có soạn ra tuồng «*Mộng Hoa Vương*» khi sang qua gánh Phụng-Hào, tuồng dời làm «*Một đêm trăng trong ngư-uyên*» vẫn Tư U đóng vai chầu-sứ đại-thần tinh từ Ngô-Trung-Cảnh. Điều mua gạo gạo tay mùa ăn nhup đờn, có «chữn dung» hơn ai cả, trong vai tuồng này Tư U đã lột hết tinh thần trau tượng của nghệ-thuật tuồng trưng ca-vũ Trung Hoa (diệu Bae-Kinh). Đó là nơi về diên hồ hát Tàu. Còn trong tuồng «*Lam va Di po*», vai câu Diệp mơn là xứng nhưt của bao nhạc-khả năng anh kếp đa tinh này. Anh đã làm đổ bao nhiêu nước mắt của các cô tiên thơ khuê-nu Nhĩ Hà, Sông-Hương, Bến Nghé, Hậu-Giang? Khi hát giọng Quảng thì giọng hung dũng, như soi như nổi, như hột ngọc hột xoan ai sao dòng trong bửu tráp. Khi ca bài oán, thì làm ly dẻ yêu, «dẻ ghẻ», «dẻ cau mùn, vẹo tao» dẻ cảm nhưt với diên-bơ nhẹ nhàng như khiến vũ, êm dịu như vũ khue trên bông. Tôi còn nhớ một đêm xem anh đóng vai Nguyên-dế trong tuồng *Manh-Lệ-Quân thoát hui*, có Bảy Phụng-Hà thủ vai Lệ-Quân giả trai thì dậu lam Lịch Thừa tướng. Vua và tôi lễ ngựa rong chơi trong vườn ngư-uyên, hai người đi đến dưới cùm liễu, Nguyên-dế ngờ ngợ, vì một hai Đông-Bình-Vương dẻ quyết lịch-thừa-tướng là gái quân thoa giả trai. Nguyên-dế muốn thử cho biết mặt hoa da ngọc kia là da thiệt hay da có phấn to, bèn giơ roi lên cao voi quất nhanh liễu con mưa đọng trên lá, ngựa lịch Thừa-tướng vừa trờ tới, hạt mưa rơi lên má, Cô Bảy tay gò cương ngựa tay vuốt má, cặp mắt nhìn vua như trách sao «*quân hị thần*»? Nguyên dẻ như tư hỏi bộ tịch ra sao, thừa-tướng trách mặt bằng cử chi âm-thầm ra sao, cả bảy nhiều bộ và tịch ăn rập theo nhup trống đồ dơn reo, không một lời thốt ra, phm cảm ma hay tốt bực đến xuất thần, thiệt là hay không chỗ nói. Không uống tiền khách đi xem mà không uống công



Tư Út và Cô Bảy dày công học tập với kếp Quảng «Bach-Cầm-Dường» từ Hồng Kông sang Sài-Gòn truyền nghề mua cầm cho đồng-nghiệp-hữu Duyệt-Năm Phạm-Thê-Đầu và Trương-Phung-Hảo. Nay Cô Bảy còn do mà Tư Út đã ra người thên cỗi, biết có cơ hội nào xem diễn lại lớp này ? Nói nữa e khó ngân giọt lụy. Nghĩ cho, tại ba lam chỉ, hào hoa phong nhã lam chỉ, mà số kiếp gì, khi vợ hiền lên hốt cốt trên đất Cao-miền đem về, trước phải hòa-tan, mấy bòn Nam-Vang mới ưng thuận cho mang cốt ra khỏi ranh giới, và di-hải Tư Út có còn lại chăng hôm ấy là mấy chiếc răng giấu được trong túi người vợ chung tình ? Buổi sáng 14-5-1961, hải cốt và tro tàn anh Tư Út, dất nằm yên trên đất nghĩa-trang Hội nghe-sĩ ái-hữu Sài-Gòn. Trên hình chụp ngày 18-5-1961 khi lễ an táng xong, đứng trước mộ chỉ như thấy có Nam Châu, Phung Van-Quí, Trần-Tấn-Quốc, Ba Thâu, Duy-Lân, Út (thai viên NSAD), Tiên-Xái (đã từ trần) và gia quyến thân nhưn gồm Chu Linh (con trai) và vợ và đứa cháu nội.

Một điểm son trước khi dứt chương này là chi Tư đối xử với chồng cũng la hiêm co. Lue co Bảy con hát một đôi khi, thì theo có Bảy lãnh tiền chầu ; Có Bảy nghỉ hát thì Chi Tư đi làm phụ làm đồ gốm hay làm chi cực hơn nữa cũng chẳng tư nan, nhưng vẫn tung nhất nhu chung với chồng. Lue tôi còn ở Cần-Thơ, chi dạy khiêu-vũ. Con Út co duyên cho đến chết để lại không biết bao nhiêu la ban, ban gái nhiều hơn.

Còn so soi nhưn. - Nếu kể về tai-tử đã qua vãng hay mai một thì làm sao tôi biết cho hết ? Tôi xin kết một tràng hoa trắng để tưởng niệm các ngươn xấu số, và thanh tâm ghi ân công lao các ban đã đóng góp cho Văn-hoa nước nhà.

Để cho đầy đủ chương này, tôi xin trích sau đây bài của ông ban Thanh-Tâm về ba người tôi không quen biết nhưng vẫn la kếp có hạng (bài trong báo Buổi Sáng ngày 21-9-1959) :



Paul Tấn. — Kịch-sĩ tài hoa, giọng tuồng rất sáng và cô duyên.
« Tai nghe tròn vẹn, biết đủ lối diễn (Fay, Tau kiến hiệp).
« Nồng cốt của gánh 1 — Hoa, được rất nhiều cảm tình
« của cả hai phái Tu chđm ở Hân-Giang, đem náo vang
« Paul Tấn là khán giả náo nức ra guichet trả vé đơ tiên
« Một ca sĩ đặc biệt suốt đời cho đến chết không ca Vong
« cô được, vì hơi nướ không cho phép anh « mười sáu câu »,
« mặc dù vậy, hát cướp được luôn suốt đời do ngang thao
« lung trên sân khấu và vì chính « không hề ca một câu
« Vong-cô và không biết phân tượng cảnh, vì vậy mà nhờ
« cái thên nhún, nhờ biết tại « hát » anh đi từ tạo cho
« anh một địa vị cao trong làng ca hương Nam-Viet »,
« Paul Tấn chết trong khổ sở và cô độc nơi nhà thương
« Thị-Nghê. »

(Theo Thanh-Tâm).

Tấn-Thành. — Có tám thân Hộ pháp. Nói tiếng trước hơn Út
« Trà-Ôn về sáu câu Vong-cô. Nơi sân khấu Tấn-Thành, nói
« tiếng trong vai su-thần Ngô-Trung Cảnh trong vở « Mông
« Hoa-Vương » nhưng so sánh vai này với Tư Út thì còn
« kém Tư Út khá nhiều khá xa. Đặc sắc là tiếng ca rất
« lớn và rõ rệt vì đầu không có micro, ở hàng sau chót
« cũng nghe đủ giọng ca mười lên cao tốt do của anh.
« Hàng ca kéo vì vậy thích Tấn-Thành lắm. Anh đóng
« nhiều vai, đều không xuất sắc lắm, nhưng muốn tìm chỗ
« hỏng » để chê thì cũng khó tìm ».

(Theo Thanh-Tâm).

Kép Nam Bé. — Kể về nghề-nghiệp, Năm Bé còn phải khi ếm
« nhượng đứng sau nhiều ban vào bực dân anh đã kể.
« Nhưng nêu văn hay, nói một bài thơ hay cũng đủ được
« có tên nhắc dờn, thì Năm Bé ăn đứt vai Táo-Thao. Nam
« Bé là kịch sĩ con lưu danh mãi mãi với một vai Táo-Tháo.
« Chỉ nội vai Táo-Tháo kể ơn mà khi sinh tiền, Năm Bé



« đã làm mưa làm gió, làm khó làm dễ đủ điều cho lâu và
« những người mua giàn hát. Hễ đêm nào rao bằng hát
« *Huê-Dung dao* » trên sân khấu « *Tien-Hoa* » mà vắng mặt
« Năm Bè trong vai Tao-Thảo là khán giả đều trả giấy bỏ
« ra về tất cả. »

(thuật theo Thanh-Tâm)

Nếu kể về các tai-tử con hien tại thì khó hơn nữa là chưa
đầy nắp quan, chưa thuộc về sử, càng không nên nói bây giờ.
Nhưng ngựa mung quá cũng phải tìm cách nào để hả hơi.

Cô Sáu Ng. S. — Một người này về ẩn tại Vũng Tàu, chôn nghề
diều luyện và chôn biệt tại ca hát trong bót biển. Giọng cô nào
nùng bí thiết, càng giúp cô xuất sắc trong các vai « ai-bí »
trong các gánh lớn lớp trước đây. Voc người lăm-thước, một
khí cô thủ vai các nữ-hoang, công chúa An-dô, với sông mũi
cao, cặp mắt sáng, ít ai dám bì về nhan sắc. Cô biết đàn nhị,
cô ca ăn đứt nhiều người, cô mang một tâm hồn nghệ-sĩ, cô
muốn dọc ngang theo ý thích để phụng sự nghệ thuật, đang
ăn lương cao, cô không màng, cô sang gánh khác để tìm chơn
đứng cho vừa ý, một sự bất ngờ là cô đi nhiều gánh rồi từ
nhóm « Con Tâm » cô về nghỉ cánh trên Phu-Nhuan trong một
căn phố tĩnh mịch và cao ráo. Sau đó cô trở lại với nhóm Nam
Châu trong vai vở tuồng tại rạp Thanh-Xương. Tài nghệ đang
cao, bỗng cô lui về Phan-Thiết, nơi nhậu run, rồi dùng một
cái, do lời mời của một ban cung nghệ, cô giat phát các công
an việc làm, tức tốc vào Sài-Gòn, để rồi rút lui ra Ô Cấp, vui
với tiếng gió và lan sóng bạc. Người tài-nghen ấy là Cô Sáu
Ng. S.

Tôi không có quyền nói, dầu là khen, các cô Bích-Thuần,
Bích-Sơn, Kim-Chung, Ngọc-Giàu, v.v. . . và xin hẹn qua
dịp khác.



Duy tôi muốn đóng khuôn sáu bức ảnh và hình kẻ sau đây, để chấm nốt chương Hồi-ký lẻ thê này, hai tấm không đang kẻ lúc do vi cat trong bao chí, nhưng nay cũng trở nên hiếm có và đáng để danh đề đánh dấu một thê họ. Ấy là :

1) hình một cô gái con về quê, đầu mượt đen rẽ ba bầy, cổ đeo dây chuyền che khuất hàng một bó hoa cầm trước ngực. Đó là hình ảnh vãng lai trước của đất Mỹ-Tho, nửa mai Việt, nửa mai Tàu — cô Trương-Phụng Hào, mỹ danh bất hủ nhiều người biết hơn là Cô Bảy Phụng-Hà.

2) Tấm hình thứ hai cũng của người tài-nhơn ấy, trong họ quan võ ba lon, đầu dúi kết đai uy, khuôn mặt đã no lại thêm tròn, cũng là Cô Bảy Phụng-Hà.

Còn lại bốn tấm khác, cỡ carte postale, nay vẫn còn rõ rệt chưa phai :

3) Một tấm tôi quý nhưt, vì có chữ viết tay nơi sau lưng « souvenir mon cheri » và ký tên...Đó là hình tài-nữ cô Năm Phi đất Mỹ-Tho, do nhà trư danh Hương-Kỳ, Hà-Nội chụp. Trong ảnh, cô dúi tóc giả, bàn tay dài các móng nhọn mũi viết đưa lên che ngực, cặp mắt mơ màng chưa đựng bao nhiêu nước mắt thấm sâu, hay cả một « biển ái đầy vơi », và đây là cô đóng vai công-chúa Tây-phương trong một bản tuồng nhại Pháp.

4,5,6) Ba tấm sau rốt chụp chung cả hai chi em là cô Bảy Phụng Hà và cô Năm Phi. Đứng cặp, cô Bảy giả trai, cô Năm làm Sĩ-Vân công-chúa, công chúa đã là tha thướt tình tứ lại ngã đầu nghiêng nghiêng vào vai ông Hoàng-tử P.H. quả là đúng với danh từ « *le prince charmant* » (ông hoàng giòn xinh) lại đúng với cái gì ta hiểu qua bốn chữ « phong-lưu công-tử » trong truyện Tàu.

Nam rồi (1966) tôi có dịp ghé thăm Nam Châu tại nhà, anh Năm lúc ấy vừa qua khỏi một cơn bệnh tuy không nặng nhưng



đầy dừa, khi tôi nhắc chuyện xưa buổi nhỏ, nhắc đến hai tai-nhơn này, anh nói nhỏ và tỉnh kho « Co Nam có hơn hơn ! » và đến nay nhiều người còn nhớ tiếc.

Tôi xin mượn làm lời kết thúc chương này.

Với sau bốn anh ấy, mấy chục năm về trước, muốn mua bao nhiêu, cứ đến nhà nhíp anh mà mua. Nhưng sau loạn đảo chính, chính ông bác-sĩ Anh-Tuan từng viết bài nhớ hai cô, cô Nam và cô Bảy, không biết cô còn giữ được bức ảnh nào chăng ? Và các nhà bảo tàng đang ảnh, làm cliché, viết thiên kích-trưng, xin hỏi cô còn giữ tai-hiến hay họ nào chăng ?

Riêng tôi, tôi còn có hình Tư Ut, và các hình bia các tập tuồng có đã mất quên quên — Tư-Anh, Tư Chơi, Bảy Nhỏ, Sau Thục, cô Bảy và đạo kép gánh Trần-Dật... Nhưng làm sao có tiền đủ để làm khuôn chụp lại ? Danh cat do làm tai liệu được lúc nào hay lúc này, một đời khi lấy ra bày cho các thân hữu xem chơi buổi trà dư tửu hậu vậy thôi. Trở lại tai-hiến dùng để viết tập nhỏ này, tôi tưởng nên tin vào một duyên may, vì cơ sao suốt mấy chục năm dư, nhất là trải qua cuộc chạy giặc, mấy năm hết tôi cứ đi cư giày má vụn vạt ấy vẫn còn nguyên, không mất mát ?

Còn như về những bài ca chép lại theo tập của hai đứa tôi chép lúc nhỏ, tôi như nhận có phần « hó lon » thiên trất tư... Nhưng đây là tôi trích lại theo sự tuân tu chép vào lúc ấy. Trong tập cũ, chúng bài ca này, vẫn nhưt cái cũ hơn lại chép sau cái mới có, không đúng theo ngay thang sáng tác, hoặc giả những câu sao lục có sai lạc khác với nguyên văn, tôi cũng xin chú đọc giả vui lòng miễn chấp, một lần nữa tôi xin nói rõ tôi giữ nguyên tác thật trong trong phần tóm gộp tai-hiến, không khác nào tôi đóng vai người đi chợ mua thóc ăn về cho người nàu bẹp hoặc như người thâu chở gạch cho vôi



đem về nạp, đến như việc hay biên làm cho thành cái bánh ngon, xây dựng cho thành một tòa lầu đài khang trang thắm mỹ, vừa đẹp vừa có nhiều phương tiện, những việc ấy, qua sức của tôi, xin nhờ các tay chuyên môn khác, vào thủ hơn, có khả năng hơn, và sản mớ tài-liệu này sẽ khai thác và trình bày lại theo ý muốn của mỗi người, mỗi sở năng

Tôi chỉ là một tên thợ vụng, và đây là một thiên Hồi-Ký không hơn không kém của một học sinh già.

May thời, tập này được tin dùng và bán chạy, tôi có tiền đủ, sẽ cho in tiếp theo một tập *«Hồi ký II»* về các bài ca đã có từ năm 1910 đến sau và nêu con thi gao to sẽ soạn nổi một tập *«Hồi-Ký III»* nói về hát bội và những giá, thoại hoặc những gì tôi hiểu và tôi biết về nghệ-thuật này. Xin thưa trước, toàn là những tập kho khan, bán không chạy, dùng về nghiên cứu chứ xem chơi thì chán phèo.

Viết xong ngày 10 tháng 11 dương-lịch 1966 (18 tháng 9 âm lịch Bính-Ngo) Gồm in một lần vào năm 1967 (tháng Hai); một lần cuối năm 1967, đều không xong. Phen nh, lay về từ tháng Tư d. l. 1968, và từ cầm cụ danh mấy lay nhưng sung vẫn nỏ nha van chảy, biết có in thành sách chăng, xin hỏi ông Trời ? Đánh máy tới trang này vào ngày 21-5-1968 (25 tháng 4 á.l. Mậu-thân)

V.H.S.

Tổng luận. — Thử đánh dấu lịch trình tiến triển của nghệ-thuật cải-lương. —

Hát cải lương là dựa con chơi ác, con tập làng :

— dĩnh-ngộ có thừa, vì cha là các ông đồ đời xưa, sol lui, làm nghề viết báo, van-nhân, mà thuở ấy gọi là chủ bút, viết nhật trình ;



— ngoan-ngoãn, duyên-đang, bời bời-thai do mẹ là người bình dân gốc Miền Nam, nên cái lương nhay hiểu, sáng lúng và hát chước mau, ăn cắp giở những gì từ mình thấy em tai và vui mắt, phát sinh từ hát-bội mà không giống hát-bội, máu huyết do âm-nhạc cung-cấp mà đi xa đường hơn âm-phục, cho nên có thể nói hát cải-lương là âm-nhạc bước tới mãi mãi, không bao giờ đứng chơn và biết mỏi mệt.

Tội một cái, là vì chứng « con không khai sinh », nay lớn khôn muốn lập hộ đời để ăn gia-tài, khiến gặp nhiều bời rồi :

— Một người trong nghề, kéo theo một số nhưn chứng sống thời đó, nói rằng : « phong trào ca kịch có tên là cải-lương đã đâm mạnh như từ năm 1916 ». Tuy nói lắm vậy nhưng « truyền khẩu » (nói miệng) chứ không dùng chứng cớ theo giấy tờ, trình bày trình cớ dịch xạc trước tòa án công chúng. Phàm nói không chưa đủ và không có giấy tờ chứng minh thì phải đánh dấu hỏi, còn ngờ hoặc chờ hậu cứu.

— Một số học giả khác, dựa vào luận-án thi tiền-sĩ của một học giả kiêm nhạc sĩ tru danh là Trần-Văn-Khê (la Musique vietnamienne traditionnelle, les Presses Universitaires de France, 1962), thì định khai sinh cải lương vào năm 1918. Tuy nói vậy nhưng không dùng chứng ra đầy đủ. (Nếu cần, tìm xem bài « Như bạn về nguồn gốc của cải-lương. Thử xét lại một phương pháp Sử học của Huân-Phong trong tuần-bao Hoa-Đồng, số 88 ngày 12-11-1966).

Nhưng như đã nói, bời con không cha, nên mạnh ai muốn khai tên cha mẹ và khai năm sinh tháng đẻ làm sao cũng được. Riêng tôi, một lần nữa tôi xin trình mình không là học-giả hay khảo cứu giả chút nào, tôi xin đóng vai nhưn-chứng giả, biết làm sao nói làm vậy, biết bao nhiêu nói bấy nhiêu, và trước dư-luan ba tánh, tôi khai rằng :

— Vào năm 1916 cho tới năm 1918, nghiệp cầm ca trong Nam vốn vốn có những tai-hiệu tôi biết được và sưu-tầm được sau đây :



— 31 bài đung dăm, cổ-phong, giọng nhà Nho, do Phụng-Hoang-San dạy đờn tranh, nhà in Phát-Toán in lần thứ tư thành lập, ngoài đề Janvier 1910, trong đề Decembre 1909, có lẽ sách cũ nên in bìa lại, và tập bài ca này là cổ nhứt, trước đó tôi không gặp tập nào xưa hơn tập này ;

— 18 bài ca đề « Lạc tân-tử » ngày in đề 12-6-1915 lần thứ nhứt, Đặng tiến-Nhiên, Đinh-Thái-Sơn ;

— 21 bài ca đề « Thập tại-tử » ngày in đề 15-6-1915, lần thứ Nhứt, Đặng-Dạc-Lôi, Đinh-Thái-Sơn ;

— 21 bài ca đề « Tứ tại-tử » ngày in đề 16-6-1915, lần thứ nhứt, Đặng-Nhiên-Hơn, Đinh-Thái-Sơn ;

— 19 bài ca đề « Bát tại-tử », ngày in đề 29-8-1915, bài ca mới (tiếp theo ?) chủ bút Nguyễn-Tùng-Bá, xuất bản Đinh-Thái-Sơn.

Còn một mơ nữa, như bản đơn kìm Nguyễn-Tùng-Bá, tập bài ca Mạnh-Tư Trương-Duy-Toản và tập bài ca Thuần Đức Nguyễn-Hữu-Hậu, tôi đã làm mất kỳ chạy loan 1916-17, nên không trình ra đây được. Tôi xin khai thêm là không có cuốn nào xưa hơn những cuốn kể trên. Và nói 116 bài hết kể trên, cho phép tôi nói rằng cho tới năm 1916-1917/1918 Miền Nam chỉ biết ca khơi khơi và chưa có ca ra bìa.

Phải đợi từ gần dứt chiến-tranh bên Pháp-quốc, tiền bạc trong xứ Đông-Dương bị rục rĩa đã ba phen « quốc-trai », đến kỳ thứ tư, dưới chế-đò toàn-quyền Albert Sarraut, dân được nói rộng cho lập hội hát xướng, nên các chủ bút, ký giả, văn-nhân, thân-hào, tụ tập nhau lại (Huyền Cửa, Bùi-Quang-Chiều, Đốc-phủ Bảy, Ho-Văn-Trung, Nguyễn-Viên-Kiều, Nguyễn-Chánh-Sát, Nguyễn-Tử-Thực, Nguyễn-Thành-Phương, Đặng-Thục-Liêng, vãn vãn) ben chia nhau các vai tuồng và lên sân khấu lần đầu, hát quyền liền quốc-trai, giúp Pháp đánh giặc chống Đức-quốc. Vì chừng thiện chí có thừa, nhưng các người này không phải hết thấy đều thiện nghệ về



hát bội, nên họ ben *canh cải*, chề biền, một mặt dùng viêm y hóa-trang theo cũ, lúc ấy để thấy Ba-Đa-Lộc mang bỏ lễ-phục áo tím của giám-mục đạo Đa-To lên sân khấu đã là « *cải-lương* » lắm, một mặt khác họ nói lối chớ không hát nam hát Khách, cho nên mới có danh từ « *hát bội* » từ đây (16-11-1918, hát tại Nhà Hát Tây Sai-Gon, tuồng Gia-Long tâu quốc, Pháp-Việt nhứt gia).

Bat ben thấy hay hay, từ ngày 16-11-1918 hát tại Nhà Hát Tây Sai-Gon rồi tiếp tục không ngưng, bành trướng không thôi, mơ dân cho nghề mới, lấy nghe *don và ca ra bộ* ra chỉnh đốn, thêm thất mầu, vừa canh tân, vừa cải cách, thậm chí có người không ưa, chê « *cải nẫu canh lương* », nhưng chê bai gì cũng không lại, và còn tập tưng vốn mạnh dân để nuôi nên *cải-lương* thành hoạt lực nào cũng không hay biết và mọc ra như nấm đầu mùa :

- Vĩnh-Long (Vung Liem) có thầy Phó Mười-Hai, Tống-Hữu-Dinh ;
- Sa-Dec có gánh việc phá ca ra bộ rồi cải-lương André Lê-Văn-Thần ;
- Sóc-Trang có gánh Thầy Thuộc Trần-Van-Minh ;
- Mỹ-Tho có nhiều gánh Thọ Ca, Có Ba Viên, Thầy Năm Tú ;
- Chợ-Lớn có gánh Thầy Mười Vui ;
- Sai-Gon có gánh Tân-Thịnh, tập tuồng đương Boresse nay là Dr Yersin ;
- Long Xuyên có gánh Tập-Ich-Ban (Vương-Van-Cổ) ;
vân vân và vân vân...

Nhưng quả quyết những gánh này mọc ra ngày nào và rút lui rồi gánh ngày nào, thì tôi không biết được và xin nhường lời cho nhơn chứng khác.



Nguồn gốc cải-lương — Một lần chốt, theo lời hiểu, thì cải-lương là dựa con « cộ vía », làm chơi mà hoá thiệt, như hát bội tạo nên hình hai nông cốt, nhưng ngày nay và cơ cấu đã này, hồn « tư » sắp và sẽ bị ngoại lai ảnh hưởng và chỉ phớt phơ nhạc mới nhạc lạ nhuộm qua, không biết chừng nào mới chui trọi hình và thuần túy lại. Và nhặng điệu lời khai trên đây tuy voi giọng như bèn cọt, đâu không tương cộ bìn, không dung phong phác cũng trộm trộm không xa sự thật cho lắm.

a) *Chụp nq từ hát bội*, làm đầu vào hát dựa theo khuôn khổ cũ tương viết theo truyền, Trầm Trinh-An, Vơ Ngũ-Vân-Thiền bí tên Cao Lăng vi thiết xạ, Ngưu Cao tảo mo, Thoát-Khánh Châu-Tuấn (từ trước đến 1918...) kể lại xen tuồng xã-hội lối xưa. Văn-Tiên dư, Bạt-Kiem thi rớt (1919) và manh dân trong những hơi cộ lạc trong truyền Thuy-Kiến (1922-1923).

b) Tuy lấy ý từ hát bội, nhưng đã *muốn tách ra riêng*, hát bội tương trưng nhiều quá và là lối lộn tiếng qua, trái lại cải lương ca ri-rã cho thêm mới và bắt đầu chưng tranh cảnh như bên Nhà Hát Tây cho thêm rôm rộ thêm lạ mắt. Từ năm phát nguyên (1916-1917) cho đến năm thành hình (1920-1921), ca thi giữ dung âm điệu, theo chữ bản đồn xưa, bộ tịch thì cứng cồng cứng dờ ý như cộ lo-xo thục dây : hễ đưa tay mắt thì hạ tay trái, giờ tay tả thì bỏ tay hữu xuống, khán giả vừa thấy người người gần chạn, thì gánh hát lại đặt tro lại truyền Tàu (1923-1924) khai thác tuồng Phát (gánh Tân-Thịnh (1924-1925) đã biết dụ khán giả Tàu, Mien băng tuồng Phát)... ; rồi từ 1925 đến 1930 rõ lên không biết bao nhiêu gánh mà đếm. Từ đây *phong-trào cải-lương đã thành hành như ở Nam Kỳ*. Mục đích của nó là bỏ bớt lối tương trưng của nghệ-thuật hát bội cổ-truyền, và thêm vào đó những tình-ba tế-nhi của mỹ-quan Âu Pháp, và điều hòa tất cả với nguồn nhạc cổ-diễn và nhạc tạoi vừa êm tai, vừa hấp dẫn hơn...



Đã khéo dùng một bức tranh linh động để phô diễn một khu rừng hay một lều tranh quán cóc... nên nhờ lúc này là lúc học « nhảy đầm » học khiến vũ và vút ao tai mae cô-xe.

Về âm nhạc thu bộ những lối hát Nam, hát khách, bỏ luôn lối xướng, hach, hường, lán, chỉ giữ và khai thác thêm cách nói lời cho thật muối rệu du-dương hấp với lối âm nhạc tiếng đồn tai-tử rí rả reo tặc... Nhạc phẩm chính còn lại sáu bài Bắc, gia vi thêm nhiều điệu nhạc mạnh và phần khởi bình-ban vãn, kim-tiền, mầu-tầm-tử, Khổng-Minh tọa lâu, và thêm nhiều nhạc êm-ái trữ tình Vọng-cô, Trường tương-tư, Tứ-dại-oán, Văn-thiên-lưỡng, v.v...

Lối 1938-1940, nhạc ganh nhau nghe-sĩ có v cái-cách âm-nhạc Việt Nam Từ Chơn, gánh Kim-Thoa, ban nhạc Benito, nhóm Kim Chung, ban Paul Từ gánh Phương-Hảo, đem những bản nhạc Tây phổ ra tiếng Việt. Và cái lối âm-nhạc Tây-hoa ấy du dần dương mờ lối cho đưa âm-nhạc cái-cách sau này này. (Tuy nhiên, nó cũng gây nên nhiều chuyện đáng buồn cười trên sân khấu, lý do ông vua mae ngu-bạo then rông, mang râu nam chom cẻ nốt mung móm, lại khiến vũ bước điệu tango để tỏ tình « Fe-Vương cợt Khương-thị », hoặc một bà mang-phu, mặc váy đầm, ca bản « J'ai deux amours » trong vai vợ Thôi-Tử khi bị Fe-quân treo ghẹo, kẹp hỏi mặt vắn vắn, bị thọ tiền, mủi ten đâm lũng ngực, còn rần ca du sau câu Vọng-cô thật muối rệu rơi mơi chuu nam xuống sân khấu tư giả cõi đời, v.v...))

Năm 1948, âm-nhạc cái hướng lại tiến thêm một bước nữa các nghe-sĩ thấy rằng âm-nhạc Tây-hoa không phù-hợp với giọng hát của người Việt nên trở lại dùng những nhạc khí cổ-diễn và phổ thêm nhưng bản mới có ten khuấy gọi Phong-nguyệt, Hoá tình, Lạc-xuân-hoa, Tấn-Phong, Chu-làng điệu-khúc, v.v...

Tóm lại, cái hướng Việt-Nam là một nghệ-thuật thuần túy về nhạc, nhạc thính-phong. Một lời nói lời, một câu ngâm, một



câu ca đều là những tiếng nhạc. Âm với tiếng trau, tiếng kìm. Bên bên nghe thuật cải lương, tức là bên bên những bước lên trên và âm nhạc vậy.

Gần đây, nghe thuật sáo kèn và lương đang biến chuyển mạnh về một nét đặc sắc một bước khác, chưa ai dám chắc sẽ đi về đâu và kết quả đúng như ý muốn hay sẽ bại hoại ra sao. Nghe-sáo và lương là một, nhưng những vẻ nhạc mà còn chú trọng về vẻ lời. Lời của cải lương phải là lời nói của thật tế không phải là nhạc. Đó là lời nói, những câu bay bướm nhưng trong mạch. Từ đây nhóm các sĩ hiện «*sân khấu là phản ảnh của cuộc đời*» và những sĩ «*độc lập*» đã biết xác nhận cái chân giá trị của nghệ thuật. Nghe thuật sáo kèn không còn là tạo cho tên khỉ và của một nhóm quan hệ sang tác, của một nhóm người ăn không ngồi rồi, như quon niệm trước kia đã hiểu. Cải lương có cái sự mang màu sắc, phản ánh lên sự thật của xã hội, nhưng trong thời buổi của dân đen, để truyền bá những phương pháp cải tạo xã hội, và gieo rắc tình thân ái và tranh cho dân tộc. Từ đây dọc hướng đến chiếc mà còn biết đem tích. Sau Trưng trả thù, Thập Thung Chánh ban biến lý lấy vợ mình đến sân khấu đoàn thể cải lương tuyên truyền cho lòng ái quốc chung. Cải lương luôn luôn biến chuyển và đúng hóa để trở nên ngành và kịch xã-hội, nhưng biết sẽ dung chon lại do hay sẽ còn thay đổi nữa?

Ngày xưa bên Pháp-quốc, Napoleon đệ nhất bắt cóc đức tào-hoàng đem về Paris, Napoleon đi lên đi xuống như con hổ dữ, bao hao hăm hức, vừa trạch mọc vừa đi dọa, vừa van lơn, rồi cuộc đại tào hoàng không nao nung, (hoặc làm tỉnh?) ha hai chữ như trời đánh, con hổ tự nhiên làm lạnh lại: «*Frappe diante ? Comediant ?*» (Bị-kịch ư? Hài-kịch ư?). Đó là một sen cải-lương bên Pháp, một tấn kịch đi sát với sự bên trời Âu.

Ngày nay, trong ngục tối từ bình tại một tỉnh nhỏ Miền Nam, anh tử tù dùng hai ngón tay thọc vào miệng, hút gió bụi lùa, rồi Tầu-mã, rồi Xuân-tỉnh, anh tử tù ấy trong cảnh



chết đã tượng trưng cho sức mạnh cho sự « sống trường tồn » của linh hồn Việt (xem bên phần « Phụ lục » hai « Tiếng nhạc trong tù »).

Nhã-hồi loài người, hát cu ô dàu, hát sớ và mớ mạc thế nào, cũng biết diễn trò để lừa khiến Dân mọi da đen, sống trong rừng sâu núi thẳm xứ Bắc-Phí cũng có trò « nhảy múa » trong những cuộc vui reo mừng rỡ. Bồ-lac da đỏ đất Mỹ-châu cũng có lối diễn tuồng gọi « đám lửa cam trai » khiến ngày nay khắp nơi hơn « soi con » hát chèo trong những đêm « đốt trại liên hoan ». Loạn người, vừa biết hợp thành đoàn-thể, là đã biết làm « trò diễn giải khuấy ». Duy trò diễn vùng nào là nghệ-thuật hợp nhưt ăn khớp với nhu cầu của trí óc vùng ấy. Từ ngày Đào Duy-Tư, tác giả bài phú Ngọa-long-cương, vì quân sự giúp Chúa Sãi xây « lũy Thầy » ngăn binh Chua Trinh từ Bắc không cho tràn vào Nam, khi ông cho nhập điệu Hát-bội vào Bình-Dinh, ông cải to nghệ-thuật hát tuồng (nay gọi hát-bội Bình-Dinh), và tại sao khi điệu hát-bội này truyền xuống Miền Nam, những Cô là, Trống quân, không theo vào ? (1) Và điệu hát-bội Miền Nam có thể nói có nhiều pha trộn với điệu dân điệu hát Chàm, — trở nên điệu đơn ca xứ Huế, — rồi pha lẫn một phen nữa với điệu du-dương nhạc Miền, nhạc Tiểu (Triều-châu) lại trở nên đơn ca điệu Sài-Gòn, điệu Bạc-Lieu chẳng hạn.

Còn lại là con khôn, con tạp-tang là con ngoan ; bởi mẹ binh dân, cha tư chướng nên sự biến chuyển linh le bay bướm của đũa trẻ hí « cợt vĩa » là Cải-lương vẫn thay đổi biến hóa không ngừng không thôi.

Thăm một điệu và phải nhìn nhận một lần nữa, vì cải-lương không khai sinh chanh thừ, nên mạc ai muốn đặt

(1) Phải chăng vì vấn đề phân biệt ? Nam Bắc phân tranh, tiếng nói cũng qua phân ma điệu hát cũng qua phân ? Bắc nơi « ồm », Nam nơi « dàu » v.v...



tuổi của nó bao nhiêu cũng được. Một nỗi khác nữa là buồn vì nó ít học, chỉ đọc và viết được chữ quốc ngữ. Các thầy tuồng có đầu óc, có chút vốn Nho học như Trương Duy Toàn, Nguyễn-Hữu-Hàn, Nguyễn-Trọng, Quyên, Quốc-Biên, đã không còn. Các tuồng lớp 1925-1935, đi khắp cũng cấp như cau khan giả dòi mòi, một mõi, nên tuồng kèm điều luyện. Một phần do khan giả qua dễ dãi, thêm chi hát không thuộc tuồng, « cương » trên sân khấu cũng khom, thấy ai nói gì, từ ấy cải-lương hờ nên kèm về mix quata đến gần như hỗn tạp.

Nói nữa sẽ chán tai và nhức lơn, và nói cũng không hết. Và cũng không thấy ai chịu viết nên lời dưới lạo vọc vạch mấy hàng, không đi đếm được trên trăm từ, tròn, và biết bao là sai lạc vì có khi chỉ nghe lơn, nhưng dù vậy, cũng xin cho trình bày trót thề, cũng như biết bao tâm sự, ngoài đề, lẽ đáng không nên nói ra, nhưng đã là thườn « hơi-kỳ 50 năm mở hát », xin rộng lòng tha thu trót thề, và chỉ xin nhớ đây là chút ít tài liệu cũ, không còn đâu nữa, và tưởng nên chép lại làm một tập đầu không hay, cũng đang để dành về sau cho hàng thức giả có tài liệu tra cứu.

Gia-Định, ngày 13-11-1966

Tại But. — Từ xuân Mậu-thân, đầu năm 1968, tình hình trong nước càng khắt trương. Bên trời Tây, có cuộc thăm dò Mỹ Harriman Bắc Xuân Thủy; trời Nam, dưới vĩ-tuyến 17, khắp đầu đầu cũng có nhà cháy, người sự nghiệp tiêu tan hoặc, bản thân làm mồi cho súng đạn. Cải-lương đã nằm vì linh giới nghiêm. Nằm nhưng cũng phải ăn để sống, để nghe linh tổng động viên sẽ có. Nếu có, kẹp đi lính, khan giả cũng đi lính, rồi còn ai hát và con ai coi hát? Đen tối quá, nên không đem vào tập hồi-kỳ mở hát này.

Ha hồi phân giải.

Gia-Định 22-5-1968

(26 tháng tư âm lịch Mậu-Thân)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN



Dại cương trong mấy hàng.—

Dễ ghi lại cho dễ nhớ câu chuyện đông-dài luôn-thuôn kẻ-lễ tư trước, cũng gọi chằm dưi thiên « hồi-ký 50 năm mè hát » này, theo ý riêng tôi, có thể nói :

a) cho đến năm 1915, tại Miền Nam, và chính tại Sài-Gòn, các tài-tử còn ca các bài cũ kiểu « đọc thoại » và không bao giờ khi ca có ra bộ ; có thể vì đó là thời kỳ thái ngهن hay tượng hình tượng tượng của ca hát ;

b) bắt đầu từ 1916, có ca đối thoại, nhiều người và gọi đó là « ca ra bộ » điển hình như là bài « Tứ-dại-oán » « Búi-Kiểm thu rơi » phát khởi từ Vung Liem (Vinh-Long) nhà thầy Phó Mười-Hai. Đây là thời kỳ trung nở biến ra nhộng nhưng chưa biết xé tơ ;

c) đêm 16-11-1918, tại Rap Hát Tây Sài-Gòn, có diễn tuồng « Pháp-Việt nhưt gia » cũng gọi « Gia-Long tàu quốc ». Thời kỳ này, con tằm đã biết kéo chỉ, nhưng chưa khéo như sợi tơ tằm « cải-lương » sau này ; tuy vậy nên kể là thời kỳ phôi thai của cải-lương được ;

d) sau đêm 16-11-1918, Andre Thân trước, rồi Năm Tú sau, đưa cải-lương lên sân khấu thiết tho. Năm 1922 chính là năm điển hình, điển tuồng Trang-Tử thử vợ và tuồng Kim-Vân-Kiều mấy phen tại rap Mỹ-Tho rồi lên diễn tại rap Chợ-Lớn và rap Modern Sài-Gòn. Lúc này hát cải-lương đã ra đời và thành hình thật sự. Con tằm đã lanh lén và sợi chỉ đã san, thâu sức lại chắc chắn. Một sợi tơ kéo ra Bắc do sinh viên trường Cao-đẳng. Tính đến 1968, sợi tơ được 50 năm và biển biển hóa hóa thiên hình vạn trạng không biết sẽ đi đến đâu mà đoán trước được ;



c) từ năm 1948 cho đến năm đảo chính 1945, nhóm Kim-Thoa của tư Chơí và gánh Kim Chung tìm cách pha phách nhạc Tây vào câu ca bài bản cũ Việt :

1) sau năm đảo chính (1945) đến năm hòa cư (1946-1947) hát ca hương tân diện và vẫn dùng tuồng cũ đem ra hát lại.

g) hát dân, và năm gần đây ca hương pha thêm có danh họ Tây như kiến, danh chương, và có cả hát giọng Tây giọng Âu-Mỹ... Ca hương do vậy cũng như câu vô-sĩ cũ si dợt mới, do ta ra và một bộ «vũ đạo» «thập cẩm» hay «tập pháp» hỗn độn ca nhạc và thẩm mỹ không khéo cái hương sẽ trở mình đi hoặc quay một góc thời khác... Chỉ có hương-lai mới biết.

1-1-1966.





PHẦN PHỤ LỤC





I.— PHỤNG NGHI ĐÌNH (Tứ-dại)

Ả gia Hôn-gia xã tắc đời đời,
Khiến nên Đồng-Trác hưng thời,
Cơ bở trời, khiến người đảo diên.
Lại thêm có Lữ anh-hùng,
Tánh bạo tàn, trong đời nghinh ngang
Đồ hiền tạt nắng
Cũng một phen gian-thần
Đa khi quân
Bất chước theo
Cái gương Vương Mãng
Sang đoạt cơ-dồ
Vua Hiến-đế gian nan
Chỉ lăm quyết xuống chốn Tường-An
Đập lũy thành nghinh ngang
Ô-mi đều sửa sang
Cũng một phần gia quyến
Tùy cơ ứng biến
Đặng bước lên ngai vàng
Trác dải yến lộ bàn
Văn võ trào dâng
Chực hai hàng nghiêm trang
Ô-dân Bắc-địa nghiêm trang
Trác dẫn ra chém hơn trăm mang
Lữ Bồ mưu thần
Lấy thủ cấp Trương Ôn
Dầu ai trí sáng mưu khôn
Khó giữ phần gian nịnh
Quan Tư-Đồ mưu kín
Trở về suy tính,
Điều-Thuyền con hỏi nghe cha phân trần.
Nay Hôn-thất xây vắn



Vì bởi nịnh thần
Cha đình liền hườn cái kế nay hay
Như con thảo lòng ngay
Cứu sanh linh khỏi cơn nước lửa
Ơn đức này thành
Xin tạc đề tư niệm. —
Trước đưa cho Lữ Phụng-Tiền
Sau quyền cùng Đồng-công
Điều-Thuyền bằng lòng
Nguyên trăm năm báo bổ ân thâm.
Quan Tư-Đồ an tâm
Thỉnh Đồng-công phó hội
Mấy trang mỹ-nữ ca xang
Ca giọng tưng tưng
Khiến chủ càng ngơ ngáo
Điều-Thuyền hầu bàn
Chuyện văn tổ khúc nói
Con này thiệt con tôi
Tôi xin đứng cho quan đại-thần. —
Hồi xa-phu xá kịp ăn cần
Ra đi vừa dặng nửa đường
Lữ Phụng-Tiền chạy theo cản lại
Hỏi quan Tư-Đồ làm sao
Đã gả dươn với ta khi trước
Mà lại quên lời
Đưa cho gã Đồng-công ?
Tư-Đồ tỏ thủy chung
Bổ giận căm lòng này.
Ồi thôi thôi trở lại cự đình
Long nghe thử, sự tình làm sao.

Chú.— Bài ca này coi vậy mà vô cùng quan trọng. Lỗ xưa thường hay dùng mỗi khi có tiệc yến nhông chờ quan



khách thì đem ra đờn ca chơi, cũng như trong buổi hát khi ha mau thay lớp hay khi vắng hát đưa quan khách về, có thể ví như bản «Madelon» lời F.H.S. bản «chào Petain» lời bị Nhật chiếm đóng (1942), gần như bản «Quốc thiều» ngày nay. Ý nghĩa thì ầu, khó nói ra được, nhưng khách bằng quan ngồi nghe đều như nhau hiểu ngôn từ để hiểu «Hồn-gia xã tắc» đây hiểu là cơ nghiệp nước nhà đang bị Tây soạn đoạt, còn Đồng-Trạc, Lữ-Bò thì tuy có tây dờ phượng, tuy cơ-hội, có khi đó là một tên qayen theo họ một mình Tây, hoặc một tên quan lại hành chánh, có dờ hoặc có nhà tạo dờ, hoặc tầm thương hơn nữa có thể viên có một số sát làm giữ tay sát phạt đánh đập một con quan, một con mi tham ăn, một thầy kỳ một chủ cách khách dờ, đều có thể được. Trong khi dờ chúng bị dờ dờ khớp miệng, kèn là không thấy thì đây là bài bình dân nói lên nỗi khổ của một nhóm người bị mất nước, chỉ có người Phương Đông tương tự đó họ áp bức hiểu nhau mà thôi.

V.H.S.

24-5-68

Bài ca trên đây trích trong tập bài ca «Thập tài-tử» của Đặng-Đắc-Lai in ngày 15-6-1915, trang 25 đến 27, là số 62 trong tập Hồi-ký II.

II.— NGÒ TRÂM TRINH-ẤN (tác-giả Nguyễn Tùng Ba, tr. 5-6 7 tập Bát tài-tử xuất bản ngày 29-8-1915. — Bài số 98 tập Hồi-ký II). — *Từ-dại*

Năm, bảy năm biển Sở non Tần,
Tân toàn giày giã công thần —
Cuộc phong trần mấy lần gian nan
Trinh-Ấn mới học bốn tri —
Trước sau phò trợ nghị với anh



Theo chẳng rời bên ăn —
Trải bao nhiêu dặm ngàn.
Tình đệ huynh
Đắc trảo nhà quốc gia an định,
Tại Nhữ-Nam-thành —
Phong trấn thủ vi Vương.—
Tưởng xưa, nhớ, những khi —
Lúc tai nạn y ý
Dầu mắt còn bao quản,
Cơn dữ lành cho dặng hẳn,
Phụng đưa, Sài-Vinh,
Trọn mấy trăng, tất tình.
Trải, núi ải sông đò
Sương sa ngọn gió thổi lò —
Cũng chịu lòng dân đo,
Tạc, gương trung —
Nổi, từ sanh ruồi giông tương công,
Dắt rộng, trời dài —
Không nao núng lạt phai.—
Riêng than, phận dở dang —
Nữ phụ phùng chi đó
Chẳng nhớ bề lao khó
Không tưởng niềm công lớ
Mặt ngơ, lòng ngơ
Ngửa nghiêng xô cỏi bờ.
Lịnh, phóng ra một hồi
Công danh phú quý phải rồi —
Biết, ai mà, kêu oan.
Hề, ai xui —
Ngôi chùa tôi, ối thôi, vĩnh biệt,
Nơi chốn pháp tràng —
Khôn đôi chối thờ than —
Tỉnh say, tỉnh, giấc say —
Ôi thôi rồi ai xui khiến



Rụng rời, rụng rời,
Chơn tay chặt tay chơn
Phải hết sự công ơn —
Xiết bao nhiêu thâm hờn
Tiếc, tiếc bấy dẹ thân,
Mấy lúc toan lặn —
Hủy ai làm nên thế.
Ta hồ, ta hồ,
Ngưỡng diện kiến thiên thương
Sổ hẹ sấm thương —
Ôi, cái số vô thường.
Em ôi, anh đã lỡ ra rồi,
Khí không sóng dập gió dồi —
Anh đã cam lấy thân thế mang
Tấm lòng này nào an
Biết no nao anh em thấy mặt.
Lưỡi mỗi miếng lặn.—
Anh mang tiếng giết em.—
Du du, bỉ quá công —
Cớ, sự nì không dè.
Vời, thâm thay, kêu chẳng thấu trời,
Tượng, cũng bởi,
Anh lầm lỗi say.

Chú.— Bài ca này chưa dứt khoát với hát bội và lấy mượn nhiều đại ý cũng như sự hấp dẫn có sẵn của hát bội. Khi nào bị oan ức, bị một điều bất công khó nói, để giải bày, thì lấy bài này ra ca tả chut tâm sự bên lòng : trên vua hôn ám, dưới cảnh ngộ người có công không được hưởng : Hàn Tín, Trịnh-Ân, Nguyễn-Văn-Thành v.v...

V. H. S.
24-5-68



III. *Từ đại.*— NGÒ TRÂM TRINH-ÂN (tiếp theo) (số 99 tập
Hồi kỳ II) (Bát-lai-tử, tr. 7-8-9)

Nghe, hoàng kinh gia-tướng trở về,
Báo tin phu-tướng phân lia
Tam-Xuân đều tư bề ủ ế
Tiếc thương, thương tiếc, không chừng —
Giàn phùng phùng nghiêm trấn chư quân,
Kéo thẳng vào Trường-Ân —
Tống chúa ra gặp nàng,
Chào em dâu,
Lỗi, bởi anh uống say quá độ
Như dừa, mở hồ
Giết ngự đệ vô cớ. —
Vương huynh, hỡi Vương huynh,
Em không lòng xao lãng
Anh nữ nào không nghĩ
Vội quên tình chung thủy
Vị con hầu yêu,
Phóng lịnh ra chém liễu
Em chẳng xiết nỗi phiền
Nhện sa diềm ứng nhân tiên. —
Song ngữ là vô cang,
Hay đầu họa bất kinh
Hệ khiến xui trở trính máy tạo,
Anh nữ bụng nào
Không nhớ ngôi công lao —
Anh xin thế mang em ỏi —
Vương huynh đã tự hối
Lễ quân thần đâu há lỗi
Em bao đành bất tội
Phận em, làm tội
Dám ép anh thề hời,



Sự, cũng bởi yêu Kiều
Trộm đem của hầu tiên triều.
Ỗ thế quyền ngạo kiều
Tạ, vương huynh,
Xin phải giao MAI, PHỤNG (Hàn-Tổ-Mai và
Hàn-Phụng)

Cho em, trả thù. —
Mà điện lễ tiên phu. —
Phu-lang, hỡi phu-lang
Xót phần chàng, sui đến thế
Thời hề, vãn hề.
Hề dàu, hề bởi dàu.
Trong giây phút, xa nhau —
Bì ưu, vãn tại hãm sầu.
Tủi, tủi, bấy vương huynh,
Thiếp vái, vong linh —
Chốn Dạ-dài cho siêu thoát
Mưa phiền, mưa phiền
Tại thiên mạng, tại thiên
Giọt lụy ứa liên liên —
Mình mình, hân hải nan diễn
Em, thời bớt thăm dừng phiền
Anh giao tặc tử trợn tiền —
Mặc ý em giết tha liệu biện.
Anh dăm nào yếm ần
Tự thích em phần thầy trả gián.
Trợn nghĩa, vợ chồng —
Cho phỉ hện núi sông. —
Cháu thơ hỡi cháu thơ —
Cho lập trước phụng thờ
Yềng, trăm năm tạc dấu công thần
Bia, công trận-
Vẽ với các lân. —



Chú.— Bài thứ nhì « Ngô trảm Trình-Ẩn » này dành cho phụ-nữ ca, trách việc tình duyên bị chia rẽ vì nỗi bất công nào đó. Hát bởi hát lúc này thì cup lạc, gay cấn, hấp dẫn đủ điều. Bên cải-lương sau đó có cô Bảy Nam thủ vai Đào-Tam-Xuân báo phu cứu la hay, nhưng cũng phải mơn lỏ bên hát bội và màu mè đều diễn như bên hát bội : nào diêm nhện sa trước mắt, nào diêm máy mắt thình không, rồi cũng còn đòi chạy báo tin dữ, phát binh bách giáp kéo cơ tráng đòi mang chồng, pha xét thâm cung bắt Hàn-Tổ-Mai, pha Cao-Hoài-Đức một bên vì trung quyết gỡ tội cho vua, một bên vì nghĩa quyết giúp Đào-thị trả thù, làm cho ban mình là Nhữ-Nam-Vương Trình-Ẩn hả da chut nào nơi chùn suối... Tuồng Tàu có thể nói đã ăn sâu vào máu huyết Á-Đông, đâu người theo Tây-học khi xem tuồng Đào-Tam-Xuân báo phu cứu cũng biết khoái trá như xem tuồng Lô Đình (Le Cid) bên tình bên hiếu.

V. H. S.

24-5-68

IV.- *Từ-đại*. VỢ NGŨ THIẾU BỊ TÈN (số 100 Hồi-ký II)
(Bát lai-tử, tr. 9-10-11-12. — Tác-giả : Nguyễn Tung-Bá. — Xuất bản 29-8-1915)

Bình, thiên bình vạn mã phất cơ
Ra vây Ngũ-Thiếu một giờ
Cảm thương vì vợ chàng yếu thơ
Có thai thêm cực nỗi mình,
Xong lượt đang ngàn trùng binh oai,
Lánh vóng chồng gai —
Chỉ có hai vợ chồng.
Một cây thương
Vận long đong ruổi giông mây vọng,



Chẳng núng nao lòng —
Phen chi cả trượng phu —
Tiền nghiêm, hỡi tiền nghiêm —
Công dài dầu nơi nguy hiểm
Trấn ải đồng không sao xuyên
Dân an nhân vui thanh yên,
Giân-thần, âm mưu,
Gây hóa ra hận cứu.
Sáu mươi bốn yên trần,
Phản vương mười tám rần rần —
Thiên hạ đều phản vản
Trên chín bề ngổa ngù
Tửu sắc chơi dâm mê vô độ
Tông tồ, cơ đồ
Ra tay quyết đầy xô
Phu nhơn gắng theo yêng —
Sao mặt mày coi nhẵn nhò
Ôi thời rồi lăm sảo
Trước mặt thì binh ngăn cản
Dắt trời có hay
Ai cứu ra khỏi rày
Sanh đẻ giữa chiến tràng,
Quần reo lường ó chát dằng —
Trước sau đều dạn tên.
Thảm thương nàng đơn cò
Vải cao xanh vơi vơi ủng hộ.
May thoát khỏi vòng —
Trong vạn tử nhứt sanh.—
Tên bay, mũi tên bay —
Vợ theo chồng bến gót
Nại hà, nại hà,
Đã mãn nguyệt khai hà
Buồng tiếng khóc tu oa



Bình giặc theo vang dầy
THIỆU trước bụng đai con
Rán triển sức hùng anh —
Mở một đường dào sanh
Ai dè, ai dè
Vợ máu vắn hơn me
Bị tên nằng ủa ẻ
THIỆU trở vô trận đồ
Thương, thảm thương Ngũ Thiệu tại nạn.
Ngỡ vô cứu vợ khỏi nạn —
Nhờ mũi tên hôn phục phách lạc,
Rung rời chơn tay,
Ôm lấy thầy lên yên vọt chạy.
Xa khỏi giặc rồi,
Mới tam táng hiền thê. —
Bỉ thương hỡi thiên thương
Biết bao nhiêu đoạn trường.
Ôi, em ôi số hệ ở trời,
Nơi chiến địa,
Hãy còn, thom rờ.

Chu.— Đây là một bài ca hạp với tâm hồn người Miền Nam đã luôn sẵn từ khi mới sanh. Tâm hồn ấy thêm sự anh hùng của kẻ ra trận và gặp nhiều thử thách. Hết bội trình diễn tuồng có đủ hi vọng an ổn, vừa gian khổ nình làm cho có chiến tranh, vừa gian vì tin cha già bị hại, nay gặp cảnh vợ dễ bị rận chia tay không đành, vui trong lòng vì thấy vợ hiền biết hy sinh vì nghĩa, mừng vì nay có con phải hiền chêt đai con vừa đánh vừa chạy, v.v... có đủ pha gay cấn làm cho tuồng linh động. Nay gom góp lại trong một bài ca nói thẳng với linh hồn bên trong của người cử lúc làm an, chỉ muốn yên để kiếm cơm nuôi gia đình mà cũng không được với sự cao thuế nặng, nợ nần, vợ đau con ốm, chiếc thân bơ vơ như Ngũ



Thiếu bi vậy. Phải có gặp cảnh cảnh khuya đông vắng bỗng có tiếng đờn ông ca từ trong chòi rách « *Ôi em ơi, sao he ở trời...* » thiệt là náo nức và khi ấy mới hiểu lực lượng của bài Tư-dại vừa bình dân vừa cần thiết như cơm của người nghèo : « không cần cơm trắng cá tươi, dầu cho cơm hẩm tiếng cười đủ ngon ! »

V.H.S.
24-5-68

V.— *Tư đại* : trích tập « *Từ tai-tử* » (16-6-1915), tr.33-34-35.— Số 92 Hồi-ky II. Tác-giả xưng tên « Thanh-Phong ». —
VAN-TIÊN

Tây, Tây-Minh xem truyền đã tang
Thanh-Phong đặt phổ rõ ràng
Quán Đông thanh có chàng Văn-Tiên
Theo theo thầy cao san
Có tài tiên phang
Văn võ thông mọi dăng
Tạ thầy lui
Viếng an an cha mẹ tại nhà đang
Phút chốc gặp Hồn-Minh
Bền kết bạn kim lang.-
Nguyệt-Nga, với Kim-Liên
Chị em từ cổ cổ thờ
Bởi vưng lời cha dạy dỗ
Dăm bao nài lao lao khổ
Sầu mang đàn diu bên lòng bên lòng
Oan hỡi oan thân này
Phấn son vui cũng bởi chàng Phong-Lai
Tai-ương đoạn tai ương
Xảy may đâu đâu gặp bạn



Ra oai hùm
Sức bì kip Tử-Long
Cứu rồi xong. —
Nhân, ân ân nhân.
Chữ ân tình, chưa chưa trả
Dặm quê nhà xin quây quã
Lạy cha già từ từ lạ
Tóc tơ cho thỏa tấm lòng, tấm lòng
Thương chinh thương vi tình,
Đề bên mình.
Xuống Suối Vàng chưa tan
Thiên công giặc thiên công.
Khéo lằng lơ chi bấy lệ
Gặp gỡ đôi hồi,
Duyên vội rẽ phụng loan
Dang dở dang.
Ngơ ngẩn ngàn ngơ
Nẻo ra về than than thở
Đeo sầu, đeo sầu.
Ân-nhân hỡi ân-nhân
Tắc đả bàng khuâng
Biết hay chăng hỡi chàng ?
Thôi Kim-Liên, đẩy xe loan.
Trải qua miền dấu thỏ
Ôm lòng, ra về,
Trời xanh hỡi trời xanh,
Rẽ bạn yến anh
Trách sao duyên mỏng mảnh. —
Vạn văn chương trót bạc phong trần,
Lại thêm hiểu nghĩa trăm phần,
Quyết trăm năm, năm chữ dạ



Nào đề lỗi ngời nhân
Dầu ngày sau sau lưu lạc
Liều ủa hoa tàn,
Giữ trọn một với ai,
Chờ đôi hai.—
Ả sinh Văn, Văn-sinh
Biết sao cho trọn tình.
Duyên sao duyên lat lẽo thình lình
Họa hừc trong đề dành ngay sau.

Chu.— Sở dĩ tôi chép bài tư đui này ra đây, một lẽ vì tập «Tứ-tái-tử» ngoài bia đề tác giả là Đang-Nhiễn-Thư, một tên nghĩ là giả-tạo, và chính bài này có xưng tên là Thanh-Phong rõ ràng, khiến tôi phải chép đề hỏi lại những người cổ cưn Sài-Gòn lớn tuổi hơn tôi, phải chăng đây là ông Đỗ Thanh-Phong, tự Giáo Sồi, biệt hiệu là Bồng-Dinh, một nhà thơ khét tiếng mấy chục năm về trước từng dịch truyện và viết báo?

Một lẽ khác là lời thấy bài ca chất phác giọng nói hiền lành y như giọng các cụ già nam sáu mươi năm về trước đất Lục-Tĩnh Nam Kỳ, thêm cái cách lấy đi lấy lại tiếng ca tiếng đồn, tuy tôi không thạo nhưng cũng dám nói là điệu «tứ-dại» «cồ-phong» thời trước. Đồn tuy ít chữ nhưng như lời người quân-tử, không dư lời nào. Khóang như này tiếng đồn lỗ lãng hấp tấp nghe bắt như buổi chạy giặc, buổi bị hổ rập đốt phá lung tung.

V. H. S.

(24-5-68)

V.— *Tứ-dại.*— VẤN-MINH của Hoàng-Huấn-Trai trong tập «Thập tái-tử Đãng-Đặc-Lợi» trương 3-4-5.—Hồi-ký II bài số 53) .

Ả nay ta nay người huyện Tân-Hòa (Cầu-kho)
Huấn-Trai tự đặt tánh *Hoảng*,
Phở văn trắng một bài khuyến ca



Lời dăm khuyến cùng chúng ta
Học đời Đông-A
Cũng giống như da vàng
Bạc đồng bang
Rán mà kêu nhau thức dầy
Lo lắng việc đời
Đừng có ngủ mê mang.-
À bang hỡi đồng bang
Xin bớt lòng tranh làm quan
Hãy hiệp hùn buôn bán
Cho rành nghề tính toán
Rồi cũng thấy vô bạc ngàn
À xem nhăm xem đã nhăm
Của cải muôn vàn
Lại nhiều người khôn ngoan
Khôn ngoan dầu nữ khoanh tay ngồi vầy
Đề khách với Chà
Nó đoạt lợi của ta.—
À ta hỡi chúng ta
Xin bỏ những lời kiêu ngạo
Cùng mấy điều gian trá
Một lòng nồng nả, đừng phể
Dầu muôn việc chi cũng thanh.
À mỗi lợi bỏ rằng dành
Là bỏ rằng dành
Bỏ rằng dành hỡi đồng bang
Đồng bang ôi
Hiệp nhứt tâm vầy nên bon
Thì cũng có ngày
Đại sự phải khả kham.—
À Nam dân nước An Nam,
Thân trâu bò đã định kham
Thôi thôi, thôi thôi



Rán sức hãy rán sức
Làm cho hết sức
Thì mới biết cơ trời
À Tui tui tui than
Hết tui rồi than
Lại nhều lần bầm gan
Dần lòng, dần lòng
Gắng chí hỡi gắng chí
Mưa dưng thời trời
Sau cò lẽ gặp thì
À châu sán chân địa cuộc Nam-ky
Chinois chán ở Liên-ky
Đưa bán cơm cùng thúng bán cháo
Lập lâu dài nghinh ngang
Của chung ta nó đã thâu đoạt
Sắm xe với tàu
Lại vạch mặt làm sang.—
À bang hỡi đồng bang
Xin chờ cớ phản nân
À thứ tự do ta kết một lòng
Ngày sau dựng mở máy Việt bang.

Chú. — Bài ca này may thời tác giả còn để lại danh tánh và ngày soạn : ngày soạn, ta định trước ngày in thành tập 15-6-1915 ; và tác giả xưng tên rõ ràng là Hoàng Huấn-Trai ở huyện Tân-Hòa, nay thuộc vùng Cầu-Kho (Sai-Gòn). Trong bài, tác giả dùng danh-tự, tỳ như «chinois», «bỏ rang danh», «khả kham» khiến ta có thể định vừa biết Pháp-van, vừa sánh Hán-tự lại dùng tiếng «rang» thay vì «lam sao», là một văn sĩ miệt ngoài (Trung) vào đây ; thêm nữa giọng văn đoạn trang lần thứi rất khác giọng Miền Nam trơn tuột nôm na. Nếu không có ngày ghi 15-6-1915, ta có thể lầm văn này rồi. Nhưng đã có danh từ «An-Nam» chứng minh viết trước năm đảo chánh 1945 vậy.



Văn cách nay trên năm mươi năm mà vầy kể là mới lần và đã có sự tỉnh ngộ, cảnh tỉnh đồng bào bớt mê thi đấu làm quan và khuyên chú tâm nhiều vào thương trường thương mại. Bốn năm sau, 1919, xảy ra cuộc tẩy-chạy chi-noa (dễ chế đồ hàng hóa Tàu) là kết quả một phần của bài ca trên đây vầy. Nhưng người chung ta không bền chí - vùng vầy là vì bị hiếp sau chúng du nói ngọt là đầu về đó, thương mại vẫn trong tay người ngoài, mà chẳng những thương mại không thoi dàu.

V.H.S.

25-5-68

VII. — Một bài «Tứ-dại» có pha nhiều tiếng Tây, đánh dấu một thể-hệ mới (số 66 tập Hồi-ky II) (trích tập «Thập-tân-tử» in ngày 15-6-1915, tr. 36-37) :

TÂY-NAM-DU (tứ đại)

Thương, ý thương không ngọt cơn sầu

Sông ngâu dạ muốn bắc cầu

Trách mấy người chẳng lòng em-mé (aimer) aimer thương mến

Năm canh sầu ủ ế

Cái niềm phu-thê

Sao mà muốn kit-tê (quitter) hỡi nàng.

quitter chia lìa.

Vì tai ai la-luy-nơ (la lune) soi tỏ da

la lune : mặt trăng.

Mấy lời nguyện,

Tối hồ với nước non

Son hỡi môi son

Bồ-cu (beaucoup) rông rơi luy

beaucoup : nhiều

Phát-sê (fâcher) người không nghĩ

fâcher : giận, hờn.

Đôi đứa mình còn bờ-ti (petit)

petit nhỏ bé

Trách trời với khiến rẽ phân đôi đàng.

Cũng bởi dây tơ hồng

Buộc không thương

Nên dạ dường dao phân

Công-ti-năng (continent)

continent đất liền,
dại lục.



| | | |
|--|----------------|-------------------------|
| Xan-li-mang (sentiment) | sentiment | cảm tình. |
| Bach-vi-ong (passion) | passion | khát vọng. tình dục. |
| Dau chin đoạn. | | |
| Chẳng phải là người | | |
| Cun-hạp-bi-h-tê (culpabilité) -- | culpabilité | dắc tội. |
| A tim hơi ech tim-mơ (estime) | estime | : lòng qui mến |
| Là mua (l'amour) này em có biết | amour | ai-tình |
| Sa-gơ-ranh (chagrin) càng thấm thiết | chagrin | long buồn |
| Du-lơ (douleur) càng vân vít | douleur | nỗi đau dồn |
| Rơ-gơ-te (regret) cho dơ-r-dơ (deux yeux) | regret | thương tiếc |
| Chảy ròng những lệ mơ (larmes) | deux yeux | : hai mắt |
| Tưởng bấy tiền non Bồng, | larmes | giọt lệ |
| Dạ nảo nong | | |
| Khiến trong lòng không khuấy | | |
| Dây sâu dây sâu | | |
| Dich-xáp-bê (dissiper) | dissiper | làm tiêu tan |
| Đe-si-rê (dechirer) tình mà phau | dechirer | : xé toang |
| Trong cơn sâu tới tác da ghi xương — | | |
| Đêm bằng khuôn vọi tả vôi hang | | |
| Cần phong một bức rõ ràng | | |
| Hột châu rơi tình lụy ha | | |
| Bơ-rô-lê-se (protéger) ngay sau xin chớ phau | protéger | . che chở |
| Là nghĩa sắt cầm | | |
| Tôi tác da xang tang (cent ans).— | Cent (100) ans | trăm năm |
| Dầu nghĩ dầu dầu | | |
| Không ngọt cơn thấm sâu | | |
| Ả dèm năm canh trống trở trên lầu | | |
| Chạnh nhớ ban | | |
| Lụy càng bờ lơ-rê (pleurer) | pleurer | . khóc |



Chú.— Tôi không quên lời. Đây là một bài ca nửa nạc nửa mỡ phong-trào sinh liếng Tây, sau nam độ-nhứt chiến (1918) đến dứt độ-nhị chiến (1945). Tình của anh hồi lấy chị hểp, thăng đực Pháp con me Tây, thầy thông ngôn hu-hỷ với vợ tham-biện lang-sa chủ cũ, khóc lóc bang thứ tiếng mới đánh dấu một giai-đoạn suy đồi, phong hóa đồ up, đánh đi nuôi miệng. Chữ Nho lui về dĩ-vãng, tiếng Tây bọ rọi thanh-hanh hồi lộ cho Tây một con dè, không biết gọi con gì, ben tỏ rõ : « *ném xối xiên da-na bap* » (mène chose chien, il y a barbe) : nó như con chó mà thêm có râu, ấy bài ca này cũng một thứ.

V.N.S.

25/5/1968

VIII.— Một bài «*Từ đại*» khắc pha tiếng Tây (Hồi-ký II số 67) nhan là «*Bài ca di Tây*» (trích tập «*Thập lai tử*» 15-6-1915, trư-ơng 38-39):

Xưa, trước xưa sang trong bạc ngàn
Kẻ lui người tới nhộn nhàng
Lúc đương thời làm thầy giáo quan
Kẻ từ ngày làm việc Tân-An,
Người giàu kẻ sang
Đều tới lui nhộn nhàng
Min-nốp-xăng (1) quan tham-biện
Quan Chánh phê hiền
Đi dấu xảo nước lang-sa
Khi đi dè vợ nhà cho nhạc-gia
Chong tách mình đi tới phương xa
Quyết lư-lạc đi tới nước non với người
Tưởng đi một về mười

(1) Nam dương, tức Một ngàn chín trăm chín (1900).



Qua tới xứ người
Bốn phương trời đều lạ thay
Nhìn xem ra tình kẻ lạ
Người lạ xứ, xứ lạ người
Lòng nhớ đến quê hương
Tàu lui tới Ấng-lê (Anglais)
Tới thành Mac-xây (Marseille)
Cũng gần thành Ba-ri (Paris)
Thiên hạ đồ hội
Chẳng biết bao nhiêu người
Bỗng dưng nam sáu tháng trường
Lâm tẻ ra bạc ngàn
Bị điểm dăm chẳng còn bao nhiêu
Túi ban đi Tây
Ai ai cũng vậy
Miễn tới Tây rồi
Dẫu sống thác cũng ưng
Mãn cuộc đấu đời chơn
Bước xuống tàu rưng rưng
Hai dặng Ba-ri (Paris)
Từ giã Sài-Gòn trở lại
Thương xót nhau vô cùng
Mãn cuộc chơi ra về
Thời thời, thời thời
Người trở về Mỹ-Tho
Kẻ ở lại hết lo
Tới trở lại Vung-Gu
Bỗng về tới quê nhà
Mẹ con cha vợ ra mừng
Vật một heo mà đãi tiệc
Mời tổng mời làng
Thiên hạ đập diu
Đều đông đã nên đông.—
Đến nay tiền hết bạc không



Thầy trở lại Sài-Gòn

Việc làm ăn gia đạo bất bình

Anh em bạn cũ, chàng ai nhưn tôi ai.

Chú.— Bài này sở dĩ chép ra đây là muốn để thấy từ năm 1900 đã có một sinh tiếng Tây rồi. Phong tục thuở ấy nói tiếng Tây là để cho thấy mình ăn học dot một bởi chuyên chữ thữ chữ và thữ tiếng ngoại-quốc ấy quá nên đã quên mất tiếng nước nhà rồi, đã không lấy đó làm nhục lại xem chừng rang vinh, từ vì như lớp trước các thầy đồ háng nói pha chữ Nho vào tiếng nói của ông bà, sao không thấy ai trách? Có người cổ cựu cao niên nào ở Tân-An vui lòng cho biết ông « giáo quan » nào đây? Cứ phần mò theo bài ca « tư-thuật » này : Xưng mình là « giáo quan » thì không phải « giáo làng » rồi. Giáo quan đây, theo tôi, là học trò trường hồn-quốc thi đầu hàng trên nên bỏ ra làm giáo nhà nước hàng kể đó bỏ làm thông-ngon ký-lục, hàng sau rồi sẽ bỏ làm thầy ký các sở như đây thép, trường tiền. Năm 1900, ông nói tiếng Pháp « một cây » cho nên « quan tham-buon, quan chanh pho liền, đi đâu vào nước lang-sa ». Ông qua liền, an chơi « làm ra té bạc ngàn, bị đem dăm còn chàng bao nhiêu ». Buồn cười là ông dốt địa-dư mà cũng không giấu : « tại gần thành Marseille, cũng gần thành Paris » ??, rồi nào có meo dăm, khi chia tay từ giả : « bước xuống lau rừng rừng » ; còn nguyên bài ca có thể nói là ông ứng khẩu khi dờn tôi đầu cao hung ca tới đó cho nên không sắp đặt trước, bởi vậy có nhiều ý từ lặp đi lặp lại, như trên « trước xưa sang trong bạc ngàn », « kẻ lui người tôi nhón nhang », rồi chưa đếm được ba hàng đã nói lại nữa « kẻ gian người sang, đến tại lui nhón nhang », sau rồi ông tả cảnh nghèo túng, lặp lại « đến nay tiền hết bạc không, Thầy trở lại Sài-Gòn, việc làm ăn gia đạo bất bình, anh em bạn cũ, chàng ai nhưn tôi ai ». Nói thật, tôi viết lời chú này, không một chút có ác ý cười ông, mà thậm phục ông là khác. Ông thao dờn, biết đặt bài ca và lời ca không giấu, có sao nói vậy, chớ chỉ



tôi biết đơn và có tài như ông thì tập « hồi-ky » không lẫn
thần làm vậy. Cu Tiên-Điền xưa gần chết muốn đổi tác-phẩm
của mình, thật là có lý,

(Viết ngày 25-5-1968 có hình giới-nghiêm 21/21 trong vùng.)
V.H.S.

IX. — *Bat « tư đại » KHÓ SAI CON NÓN*, tác giả : Nguyễn
Tùng-Ba. — Số 106 hồi-ky II (Tập « Bat tai-tử » xuất bản ngày
29-8-1915, tr. 21, 25, 26) :

Núi Côn-Nôn hải-đảo giữa vôi,
Tội-nhơn ra đó trăm ngàn.
Chịu cơ hàn, nổi nảm nổi ản.
Thương thay cục khờ khờn ngàn —
Sớm đi làm, tối về trời trắng.
Đất trời thiếu chẳng —
Đã năm ba phen loạn
Nào thờ than
Bối rủi ro khiến xui vận hạn,
Nghĩ lại thêm càng —
Tuôn giọt lụy chứa chan —
Tứ vi, nước, mình mỏng —
Đã xa rồi, vợ con
Tối khờn cùng thương nhớ.
Sáng cắt phần, đi làm sở,
Lặn biển, trèo non,
Biết thuở nao vương tròn.
Cách trở xứ Sài-Gòn
Ra đây lưng túi một hòn —
Lui tới đều thon von.
Bặt âm hao —
Vận lao đao, dầu sao phải chịu,
Lặn lội mới chiều —
Cam một nỗi quanh hiu —
Đêm khuya, thấy chiêm bao —



Tỉnh giấc hờ, thao thức.
Xét tội mình không ức
Nhọc nhân đà mỗi sức,
Phép công dành ưng.
Đời tại ta lỗi nghi.
Bỏ xứ sở óng bà
Đói no chẳng biết sự nhà —
Vợ như là Vọng phu.
Biệt quê hương —
Thảm thiết thương khổ sai viên địa.
Công việc nặng nề —
Không xiết nỗi tư bề .—
Tai nghe, mấy vọng canh —
Tiếng vang đầy điều dầu,
Ly sầu, ly sầu,
Thốn thức mắng lo âu
Mặt ủ mày chau —
Biết no nao trở về.
Váng vè lúc đêm khuya,
Trông nỗi nợ kia —
Ngọn gió lò, sương bay.
Cao dày, cao dày,
Xét soi hơi có hay
Ra đến nỗi nay —
Biết thuở nao sum vầy.
Nghe xúp-lê biểu lệnh tàu dò
Ngóng trông thơ cá tin cô —
Mau sáng ra don ren hỏi dò.
Coi tin nhà có không,
Ngò hản cơn thất gia tịnh động
Kéo ngai lấm lòng —
Những thảm bức sầu đồng.—
Thương thiên bỉ du du —
Đa tạo thử lao tù.



Voi thám xa góc biển chơn trời
May thấp cánh,
Bay về thành thoi.—

Chu.— Hòn Côn-Nôn hay Côn-Lôn hải-đảo đề sau gọi là Côn-Son từ sau nam đảo chạnh (1915) là một tử-thành ngục-thất một sáu-thành nưac đến tên này cũng ghê tởm. Một diên là nhứt, ghi lại cho biết, là đảo đã bị Pháp xâm chiếm từ 28-11-1861 đến đến ngày 5-6-1862 mới ký hiệp-truce với Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Thiệp đoạt luôn đất Nam-kỳ sau tỉnh. Những phạm-nhơn của triều-dinh Huế gởi ra (đó non trăm người) được Pháp trả về quan sở tại tỉnh Bình Long (Hà Tiên bây giờ) (theo ông Trần-Van-Quê, Côn-Lôn Sử-lược Thanh-Hương Sài-Gòn, 1961).

Từ năm 1862 cho đến 9-3-1915, Pháp gởi ra đây biết bao nhiêu tội-nhơn bị án khổ sai và các phạm-nhơn chánh-trị không làm tội gì khác hơn là tội thương nước : Thủ-khoa Huân, Nguyễn-An-Ninh, nhóm Đông kinh nghĩa thực và các người hén can án Phan-Xích-Long mà luôn dịp tội ghi ra đây để nhờ vì ít người biết :

— Phan-Xích-Long, chạnh danh là Phan-Phật-Sanh, ngoài kêu là Lạc, bị Pháp đem ra xử buộc tội làm giặc xưng « hoàng-dế » xử toa đại-hình Sài-Gòn từ 5 đến 12-11-1913 ; sau giam kham Sài-Gòn, có nhóm em út là Tư Mất Chợ-Lớn kéo ra phá khám, phá không xuể, Tây bát đem ra xử ban tại Đồng-Tập-Trận Sài-Gòn (cho hương tượng đưa cũ) làm hai lớp : ngày 22-2-1916 đem 38 người ra xử ban tại Đồng-Tập-Trận ; ngày 16-3-1916, ban thêm 13 người nữa cũng tại Đồng-Tập-Trận.

Nghe đâu Pháp dạy ban những người này vì sợ có cuộc khởi loạn có thể xảy ra, chờ kỳ trung sau khi ban rồi thì các hồ sơ đệ lên đức giám-quốc Pháp đều được « ân xá » tội tử



hình thành ra các người này thạc oan, và lúc đó người Pháp dẫn ẻm đi cho ẻm chuyện, duy họ có phat thuyền chuyển các quan địa-phương đã ra lĩnh hành quyết cho thầy có chút công bình... Nếu ta biết tình trạng bối rối lúc trận de-nhut thể chiến chưa ngã ngũ bên Âu-Châu, thì ta mới thấy cái can đảm của Nguyễn Tùng-Bà vào năm 1915 dám soạn bài « Khổ sai Côn-nôn » này. Lời lẽ như ngày thơ, toan thương vợ nhớ nhà, nhưng với tâm lý người Việt, nhà đau mà nước đau, khi cất tiếng ca lên từ nhiên lúc canh sanh tình, lòng ái-quốc phấn khởi và bùng dậy tu day long, cho nên tôi dám nói ảnh hưởng bài tử đại này không sao lường được.

Xưa sư giao thiệp từ Pháp qua đây đều bằng tàu biển, đường đi trên năm sáu chuc ngày kẻ ban đi ban về cho nên mới có chuyện rồi từ ban bừa coi mạng người như mạng thú. Bài ca này nay nghe ca lại còn cảm động

- « Thương thiên lí du du,
- « Đa tạo thử lao tù,
- « Với thâm xa góc biển chơn trời,
- « May, thập cảnh,
- « Bay về thành thơi ».

V.H.S

25-5-68 giới nghiêm 24/21

X. — CỎ-ĐỘNG TRANH THƯƠNG (bình-ban ca), (số 120 tập hồi-ký II):

Dốc một lòng chàng nai thảng bai
Rủ nhau hun thương cuộc tầy chay
Bắc Nam thiếu chi anh tài
Để lam thình, để lại chẳng hay
Khách Lý-Thiên nhiều tiếng dăng cay
Máng chúng ta cho là lũ đại
Người tay mặt nữ xem thanh bai
Tranh thương cuộc kíp lạp hôm nay
Hồi đồng bang tâm chi khoan hoài



Kéo kiều-cư chệt khách chẻ bai
Trên nhờ ơn mẫn quốc thương thay
Dưới tranh thương mới đang chen vai
Hùn bạc muốn tổn hao chớ nài
Dầu môn hơi kèm công bao nài
Giúp xã hội nên cuộc thương-mãi
Ta đồng mua nhau cho chẻ biết oai
Đồng bang, đồng bang, đồng bang,
Khởi huyết thành xin đừng lợt phai
Dây đoàn-thể rắn buộc lâu dài
Sẽ ít năm công thương an bài
Mỗi lợi to chúng ta thâu lại
Phủ đoàn tộc dân Việt Pháp vui thay.

(Bài này ông Nguyễn-Tri-Khương ở Rach-Gầm
cho tôi lần năm 1921-25 và nói làm năm 1919,
khi có cuộc tẩy-chay chi-na.)

XI. — KIỀU KHOC TỬ HẢI (Hạnh-Vân) (số 123 Hồi-ký II)

Lạy đời trông,
Lạy đời trông,
Khóc bạn Từ-công,
Bởi nghe lời thiếp,
Giữa đám quân nhung.
Chôn chân hào-kiệt.
Năm năm bách chiến,
Bây giờ đây phải sạch tay không.
Vì hiếu trung dâng kể phuc tông.
Bá-vương sự nghiệp,
Như bọt ngoài sông.
Thân thể anh hùng,
Phứt thành tro bụi,
Cổ nhân ối ! Từ-công !
Muôn chung ngàn tử,



Tưởng với nhau cùng
Hay nổi phụ lòng
Cuộc trăm năm thành không !
Phân biệt bèo thời chẳng còn mong
Mặt nào trông thấy,
Thà thời một thác cho xong.

Quốc-Biền (Nhật-Tân-báo, 6-9-1923)

XII. KIỀU AN CẤP CHUÔNG .— (Số 126 tập hồi-ký II)

Tạm cái chuông vàng.
Mượn cái chuông vàng,
Khánh bạc này đây.
Lòng tôi đau dăm
Tưởng chuyện gian tham
Nam-mô-a-di-đà-phát !
Vi cơn lũng
Phải đem theo đỡ ngất đường xa
Trời Phật nào đem lòng già phật.
Người mang họa,
Ông Trời, Phật ôi !
Gặp bang hùm,
Còn gì thân phận
Phận hồng nhan, hồng nhan !
Khó sao là khó
Chẳng khác thân bèo
Trôi nổi phong trần,
Cái biển trăm luân, trăm luân !
Mà mặt nào thấy đầu mà di,
Can tràng phận gái,
Đành theo bóng nguyệt hương Tây

(chép theo tập bài ca học trò
trung-học Mỹ-tho lối 1922)



Tiếng nhạc trong tù

Dẫn.— Năm 1946, một số thân hào tỉnh Sóc-Trang, trong đó có tôi, bị nhóm Nông Dân Cứu-quốc tiến quân hành chánh, bắt nhốt trong khám tỉnh-dương, buộc về tôi « lãnh đạm với thời cuộc ». Trong thời gian ngắn ngủi bị mất tự-do, tôi vẫn yêu đời, bằng chứng là bài như sau (đã đăng một lần năm 1965 tập kỷ-yêu Thanh-Minh, Thanh-Nga).

Lúc ấy tôi nhớ trời đã bắt đầu lạnh, bão tin sắp dứt mưa, nhớ mãi mai dầu cũng vào lối hai-mươi tháng chạp. Anh em bị nhốt ngang xương ban với nhau ở bắt tử ở trong này ăn tết cũng chưa biết chừng. Một buổi chiều nọ, chúng tôi ở khám đã được ba bốn ngày, chiều ấy cơm nước xong, một ông bác-sĩ, bạn thân từ lúc nhỏ, nay đồng kết vòng lao-ly, cùng tôi thả bạch bò trong sân khám. Này nghe từ một trại giam có tiếng len dày dờn eo. Anh bác-sĩ lấy mắt hỏi tôi, tôi cười mà rằng : « Thời buổi loạn ly, bọn chúng cho phép mang dờn vào khám thì còn gì trái tự ? Một khi trật tự đã mất, thì đời ta ắt khó trông chờ sự công-minh soi đến rồi ! » Nói vậy rồi cũng quên... Không ngờ qua hôm sau tiếng dờn lại hiện : « Nghe náo-nuột mấy dầy buồn bực, Dương thân mến tấm-tức bấy lâu. » (Tỳ-bà-hành).

Không nhìn được nữa, anh bác-sĩ và tôi phân lần theo hướng có tiếng dờn. Qua khỏi sân nhà lúa và xay gạo, thì đến khám tối giam tôi tử hình. Nơi đây, trong một cửa sổ tối om-om, nghe vọng ra tiếng dờn trong trẻo. Buổi ấy linh tráng dễ dãi. Vả lại chúng tôi, có thể nói, vốn là dân anh trong xứ, một ông là bác-sĩ cầm đầu sở y-tế sở tại, còn tôi mới mấy ngày trước, nói không phải khoe, từng mỗi ngày ký tên vào sổ cơm tù, vì đã được thanh-niên bầu lên làm phó-



tỉnh-trưởng một thời gian, việc con rang rang quá nên « xếp khám » vẫn tha hồ để chúng tôi tự do đi khắp trong khám không nói một lời. Nhờ vậy chúng tôi bước trổ cửa sổ khám lối. Chúng tôi định thần giây lát mới nhìn thấy bóng một người bỏ tóc xỏa trần truồng ngời đũa lưng ra phía chúng tôi, hai chân cùm trong cây sắt to có cườm tay. Tiếng đồn đã bắt từ lâu. Tôi lên tiếng chào và không quên đốt một điếu « bastos » mới, nhâm hưởng người ngồi mà phong mạnh vào. Lẹ như chớp, người ấy một tay chụp điếu thuốc đưa lên môi hít một hơi ngon lành gần như nuốt luôn cả khói, còn lại tay kia với keo mạnh đem rạch che khúc thân quá lỏa lồ, một cử chỉ khéo và thanh khiến tôi ngạc nhiên và nhớ lại cũng vì hương phai phất lọt nên người thiêu-phụ bên Tần Dương mới « đan che nửa mặt » phải chăng ? Rồi người ấy lễ phép thưa : « Đa, ban này không phải tôi dọn. Ấy tôi hút gió miệng ». Nhưn chúng tôi hỏi vì phạm tôi chỉ ma thân bị nhốt khám dữ, người ấy lần-ngần tôi trả lời : « Đa, trước kia làm nghề ở ban cheo mướn theo ghe chài lúa, không dè chuyển đó hết lúa, chủ lấy ghe chở lúa đan được và sừng trăn, khiến Nhứt-bình chân bắt. Nay trọn chủ thuyền và các thủy-thủ khác nhờ khéo lo liệu đều thoát khỏi vòng lao lý, chỉ còn một thân này cô thế, sót lại nằm đây đã mấy tháng, không biết mai sao sẽ ra thế nào ? » Người ấy lại nói tiếp chớ chỉ có được trong tay một cành đuôi trâu hay một chột lá, bất cứ là gì cũng được, miễn cho có và sẽ lấy đó làm « đũa gạo », khi ấy muốn thổi bản nào giọng nào, sẽ giống y không khác nghe đồn cô thứ thiết. Nhưng anh bác-sĩ và tôi, anh em tay không, đành xin cho nghe tam một bản đồn miệng suông. Người ấy gác đầu vàng lờ, thấy y nuốt nước miếng lau miệng rồi bưng hai tay trước mồm, lòn hai ngón trỏ vào trong, rồi vừa thổi vừa hít . . . Chúng tôi ngoài này đứng nghe, quên cả cảnh tù đầy, ngày nay nhớ lại rõ là một diệu-thuật có một không hai. Ban đầu y giả lên đây, ô-e ô-e kiểm bực, kiểm bực xong rồi bắt đầu y rao Nam, rao đã đời rồi, sang



qua bài Ha ní non, rồi nào lầu-mã hững hờn, nào hát khách thực giục, nào Xuân-nữ thăm thề, thật là không sai tiếng dân nhì dòn có một chút nào. Tôi còn gây hai chực trong túp, sẽ lên xếp nhỏ gởi vào. Anh em về khám con trâm tro tiể cho người có tài mà không có tiền. Đêm ấy cửa ngục mở toác cho chúng tôi ra khỏi khám, kẻ sự biến chuyển của thời cuộc nam Át dau (1946) đồn dập tơi tạt tơi hoán, khiến bản thân chúng tôi còn chưa chắc được yên, há huống thân người nghệ sĩ xầu số. Cho đến nay tin tức an hạo của anh chúng tôi cũng không biết va sông hay chết nào hay. Chỉ chỉ chúng tôi hèn thát, nhưng cảnh ngộ như lúc đó muốn làm quân-tử không dễ.

Tai-bút. - Chép lại bài này, tôi hay tin bác-sĩ Nguyễn-Văn-Sang, ông bạn tôi nói trong bài này, đã tự trần và xác đã hỏa-táng vào đầu tháng Giêng Mậu-thân (1968). Thưa anh Ba bác-sĩ anh là một cố nhân, một ân-nhân của tôi; nay anh đã mất, chức hương hồn anh yên vui nơi Lạc-cảnh. Nay tôi sống trôi trôi trong cảnh loạn lạc như vậy, chừng nào mới đến phiên? (Chép sáng 27-5-1968, có tin đình nhau đồng Ông Cò, đồng bào trong xóm tản cư và giới nghiêm 21,24).

V. H. S.

Bốn tám chương trình xưa hơn hết còn giữ được, và sao lục y nguyên-văn đề cho thấy cách đặt đề trình bay thuở ấy

XIV.—

Hát tại rạp hát

Modern Cinéma

ở đường d'Espagne số 212, Sài-Gòn

Ban hát cải lương

Của thầy Năm Tú

ở tại Mỹ-Tho

Mỗi tuần lễ đều có hát hai đêm là đêm thứ bảy và chúa-nhật.



Mỗi bữa thứ bảy đều đối tuồng mới luôn luôn.
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát.

CHƯƠNG TRÌNH

Đêm thứ bảy 11 và chưa hết 12 Novembre 1922

HÁT CẢI LƯƠNG TUỒNG

KIM - VÂN - KIỀU

Hát hai hồi.— Hồi thứ nhất

Tùy-Kiều du Thanh-minh ngộ Kim-Trong

Thanh-minh tiết, Kim-lang phung thục-nữ, Hoan nan
thi, Vương-thị ngộ ma-dầu.

Truyện Kim-Vân-Kiều tưởng khi chàng cần phải nói chi
cho đông dài vô ích, vì có ai là người Annam, mà lại chàng
hiết cái kiêu-thơm của ông Nguyễn-hầu ở triều nhà Lê đây nữa
hay sao ? Vân chương đã phi thường lời lạc, diễn tích trứn
chư tử bá gia ; khắp non sông trái ngọt hoa thơm, đều góp
hết mà kết đơm vào đấy ; làm cho trên từ vua chúa quan
quyền, dưới đến tao nham mặc khách, thậm chí đến phường
khê-nữ thôn-dân, cũng ngấm ngời luàn bản không ngớt.

Ấy vậy sự tích Kiều, tuy ai cũng hiểu thông, mà diễn ra
hát phải cải canh chút ít, bởi thế lời kịch quẻ xin dẫn các lớp
lang, cho chư quý vị dễ coi hơn nữa.

Kéo màn ra, thì Kiều với Vân đang đàm luận cảnh xuân-
thiên, rồi cùng nhau trước hết làm thi, sau lại trở qua cầm rất
thú. Chị em lúc đương vui điệu nghệ, chàng Vương Quan
bỗng bước vào thưa rằng : « Ngày nay là tảo mộ chơi xuân, sao
hai chị cầm thi mãi vậy ? Em sắm sanh lễ vật đủ rồi, lệnh
cha mẹ cũng đã cho phép. Vậy cúi xin hai chị theo em, trước
tảo mộ sau xem phong cảnh. » Kiều nghe nói mới dẹp đòn lập
tức, cùng Vân Quan sắm sửa lên đường.



Đến khi Kiều đồng với hai em tới võ-lu gặp mõ vô chủ; Kiều đồng mới hỏi vì sao mà em họ thay đến sách sẽ, duy mỗi này có rạc con ngựa. Chàng Vương Quan vội vàng trả lời rằng : «Ấy là ma Đạm-Tiên thuở trước. Nàng này xưa là kẻ cù-ân,» Kiều nghe rồi không nói đến chơn, lấy lệ vật cùng người trong bạc, lại làm thơ khoe học một mình. Văn với Quan can dứt Tuy-Kiều, bạc về kéo trời đã muốn tới, Kiều đem thúng chưa về cho tiền, bỗng Đạm-Tiên hồn nhiên ra đồng, thốt hay bỗng giầy tiên vang bạc ; lúc có in mấy dấu giầy đi, trên gò mà rất nên tỏ rõ. Chứng Tuy-Kiều nổi ít văn thơ, lại thút thút khoe thêm chút nữa. Lúc này thiết trời đã chen lam, Văn với Quan mới thức ra về. Ba chị em vừa giỡm trở chơn, bỗng nghe tiếng lạc đầu rồn rảng. Chàng Vương Quan dòm kiểm tứ phương, coi ai cỡi ngựa đầu không thấy. Chàng đi khuất lùm cây gần đó, Kim-Trọng đi xuống ngựa tới chào. Trọng và Quan quen mặt chào mừng, lại Kiều lại chen mình ăn núp. Chứng Kim-Trọng đã từ lên ngựa thì chị em Kiều mới trở gót lui. Kiều tuy đi mà mắt ghé lại sau, làm Kim-Trọng trần trần đứng ngó. Chứng Kiều với hai em đi khuất, Trọng thở than buồn bực trở về.

Kiều về nhà nhớ việc chơi xuân, bèn trằn trọc suy lui nghĩ tới, đến canh khuya mới nhắm mắt yên. Nhưng mà ngủ mới vừa ngon giấc, đã chiêm bao thấy ả Đạm-Tiên. Tiên về nói chuyện số Kiều lưu lạc ; lại đưa thơ thập thủ liên hoàn, biểu Kiều họa thử coi hay dở. Kiều tay hươu một giọt mồ hôi, Đạm-Tiên thấy tai hay cũng hoảng ; mới Kiều từ trở lại âm-cung. Kiều lúc ấy mới gút mình thức dậy, nghĩ điềm kỷ mới khóc òa lên. Mẹ Tuy-Kiều nghe tiếng khóc om, vừa mới hỏi nguyên do tự sự ; rồi khuyên rằng mộng mị đồ xàm.

Còn Kim-Trọng về nhà thôn thức, nhớ Tuy-Kiều không biết làm sao, mới kiểm nhà Kiều dòm ngó tứ phương, thì bốn phía đều then gài cửa đóng, không biết tình phương chi cho liện. Đương buồn bực vừa tỉnh, bỗng thấy gần bên góc nhà



Kiều có một gian nhà bỏ hoang-vu, bên bước tới gõ ngay cửa cái ; một ông già ra tước chàng Kim. Kim hỏi thăm ở đâu với già, thì già vói-vả chim cho Kim ở ; mới dọn sách đèn ở đó ngồi trông.

Bữa kia nghe có tiếng bên rào Kim Trọng mới ra dòm qua bên ; thì chân thấy ai rất tục vô cùng. Đang lăm thăm than thở rồi ro, bỗng ngó thấy một cây trám nọ sao lại ghim trên nhánh cây kia, bên vói tay vói lấy cây trám, đem vó cứ nhún coi hun hít ; chae lăm sao cũng sẽ gặp Kiêu ; vì lẽ là con gái thắm khue, mà mặt trám há bỏ qua choặng.

Vậy Kim-Trọng giữ trám chờ đợi, qua bữa sau có chàng qua tìm. Trọng bên kêu nơi đã được trám, song chẳng biết của ai mà trả. Kiêu nghe nói chịu mình có mất, lại xin chàng cho lại làm ơn. Trọng bên ra chường mặt với nàng hai dằng mới hen hò duyên nợ, Trọng vào lấy xuyên vàng xin đổi. Kiêu bên thâu chiếc xuyên lam tin ; còn Kim lại giữ trám làm chắt. Đổi của rồi Trọng lại mời Kiêu, qua nhà thỏa tình chuyện vãn. Kiêu cao từ hen đề ngay sau, có dịp tốt sẽ qua thăm viếng. Bữa nọ Trọng đang ngồi trông nhớ, bỗng đâu Kiêu hé cửa bước qua. Trọng rất mừng đồng trở vô nhà, làm thi phú một hồi rồi từ già.

Hồi thứ nhì.— Kiêu nữ mại thân cứu phu.

Vì tang chu chàng Kim tình phải đoạn, Bởi cứu cha nàng Tủy nghĩa không tròn.

Lớp này Kim-Trọng mới đưa nàng Kiêu về, bên trở lại chui vô buồng nam mẽ mang. Một chặp Kiêu trở qua nữa. Nguyên bữa ấy, cha mẹ Kiêu đều đi lễ ngày sanh không có ở nhà. Kiêu mới thừa lúc không ai ở nhà đó, mà qua nhà Kim-Trọng. Hai dằng mừng rỡ nhau, lại làm thi hòa đờn đến tối Kiêu kiêu từ Trọng mà về nhà. May đâu về vừa tới nhà lại được tin cha mẹ nhắn về nơi rằng còn ở lại dự tiệc một đêm nữa.



qua sang bữa sau sẽ về. Khi mừng làm vui văng lữ qua với Trọng, vì vậy lúc Trọng vừa mở mắt ra thấy Kiều thì những ngỡ mình chiêm bao mà thôi, chờ đến bữa hôm sau mới tin con trở qua nữa. Đến chừng bữa qua là kiến thức, cho nào phải chiêm bao thì Trọng mừng quinh quăm mới vui văng đôi thêm đến bỏ thêm hương cho thơm. Cuộc mừng nhậu xong rồi, Kiều mới nói rằng : « Trọng lúc nào đó có thấy Trọng-sĩ, đã đoán Kiều sau sẽ bị trốn đến bạc trắng, nên e cho hai đảng sau kho tròn duyên với nhau làm. Trọng nói rằng nếu mình dám đánh liều sanh tử với nhau thì sợ gì là duyên kia chẳng yên. Nay như có sự vậy thì hai đảng hèn cá tọc mà the cho chạc chạc. Kiều nghe nói phải, chầu lên Hai đảng mới dặt bàn hương án mà the. Thử rồi Trọng, Kiều mới dờn ca chơi với nhau. Đến lúc canh khuya Trọng muốn vầy cuộc ai ăn, mà Kiều lấy nhiều lời khôn lanh ngăn cản. Trọng nghe chánh lý chẳng dám kéo mãi, phải xuôi theo mà thôi.

Hai đảng đang vui say ngon luan với nhau, bỗng có người gõ cửa. Trọng mới biết Kiều bước vào trong ngon, đang anh ta có mở cửa coi ai. Bỗng thấy ấy là đưa gái dòng nhà Kim-Trọng nó đến kêu Kim-Trọng phải về lập tức vì chú của Trọng đã chết rồi mà chưa chôn, còn quan tại Lạc-Dương đang chờ. Trọng về hồ táng. Hai đảng lúc này từ biệt nhau rất nên thảm não. Ai coi cũng phải động lòng.

Từ biệt Trọng rồi, Kiều mới vừa về tới nhà, thì cha mẹ đi đám ăn ngay sáng cũng về. Một nhà đương chuyện vẫn mừng nhau, kể ăn ăn ở dẫu sai nhà vô nhà, dẫu soát lục soạn, xóc xồ rường tráp lên hết mà nói rằng : « Có một đứa trốn tơ bắt động tang cơ rõ ràng, nó khai rằng nhà này oai tửr đồ gian cho nó. » Nên bát ông viên-ngoại cùng Vương-Quan dặt đi.

Ấy là thời suy của họ Vương, nên mới gặp cái đám này. Cả nhà đều ta-nha thiết xỉ, nhưng đều là đàn bà, thì có biết làm sao dẫu ; chỉ cứ kêu trời rên siết mà



thời. May dầu trong đóm nhà lại đây lại có một người nhưn đức tên gọi Chung-công, ông này thấy người ngay mạc nạn thì đồng lòng ben ra chu đương lĩnh viên ngoai. Nhưng nó đã định rằng phải có ba trăm lượng bạc đem thề chứng, thì Vương-ông mới ra khỏi.

Đang con tuơng ngặt, nhà đã lại tỉnh thì tức đái con nữa; bởi vậy Tuy-Kieu ra chu bán mình đương lấy số tiền ấy mà chuộc cha cho khỏi. Lẽp này rất dơi ai bi, có một bà già lối xóm đem mối cho một người khách lạ, là tên Mã-Giam-sanh, tới mua Kiều. Tên này khi tới thấy Kiều rồi thì mừng lắm ben biểu làm thi khảo đon, ca cho anh ta nghe thử. Nghe rồi chiu mua đứt giá bốn trăm lượng bạc. Nó chong bạc lên rồi về dơi ngày tốt mới đem lễ vật qua rước.

Bán Kiều rồi có bạc thì Chung-công đem chồng; Vương-ong và Vương-Quan mới tha về nhà. Cả nhà tuy mừng cho viên-ngoai khỏi nạn, mà lại buồn cho Tuy-Kieu phiên lạc.

Đem nợ Kiều buồn rầu như tại Kim-Trong thì khoe ngặt; Tuy-Vân nghe khoe dầy hơi. Kéo thuật hết mọi nơi tình duyên, lại lấy Tuy-Vân mà xin Tuy-Vân thế mat sau khi Kim-Trong có qua, thì trả giùm tình nghĩa cho tròn. Nói như trối vậy, nghe thề thắm phu thườn. Nói riel một hồi tức quá te xỉu xuống, bất tỉnh nhưn sư. Chuơng ông ba mới hay các việc tơ tình của chàng Kim và Kieu nữ, thì Vương-ông hứa se tình toán ven toán cho không sao đau mà ser.

Thu tuơng này thật ai-bi đáo dề, lếp lang sạp dặt rất dôi kỹ cang, lại lời ăn tiếng nói nhacu chỗ có duyên phu thườn, mà tả đang làm cái thần tình nhieu lếp của ông Nguyễn-Du đã dặt, thật là tham thúy vô cùng. Thêm xen vào làm bản ca tao nhã, như Tư-dại, Phụng hoàng, Vọng-phu, Hành-vân, v.v... Quả là một thư tuơng rất đáng mua vui cho chư quý vị vài giờ.



Thiệt là :

Lời lẽ lọc lựa tạo nhạ. Ca ngâm sắp dít đư dưng.

Tuần tới ngày thứ bảy 18 và chúa nhật 19 novembre 1922,
sẽ hát tuồng Kim-Vân-Kiều tiếp theo hồi thứ ba và thứ tư.

Hồi thứ ba : Kiều nhập thành lâu ;

Hồi thứ tư : Hoan-thơ ghen bắt Tụy-Kiều.

Mọi cho ngồi đều có số thứ tự phân minh nên những vị
nào muốn mua giấy trước cho khỏi lộn xộn, thì mỗi bữa hát
đều có bán giấy trước tại rạp hát.

Sớm mai thứ tư 10 giờ tới 11 giờ rưỡi,

Chiều từ 2 giờ tới 4 giờ.

Giá chỗ ngồi :

| | |
|---------------------------|-------|
| Thượng hạng | 1\$20 |
| Hạng nhất | 1,00 |
| Hạng nhì | 0,80 |
| Hạng ba | 0,40 |
| Hạng ba con nít | 0,20 |

Sao y bản chánh gồm 2 trương khổ 21x38
Tôi cố ý chép đủ để biết cách hành văn
thuở ấy và giọng Miền Nam trót thê.
Duy tôi có sửa đưng chạnh tả những chữ
viết sai.

V.H.S.

XV.— Trích sao bản chương trình thứ nhì của gánh thầy
Năm Tú còn giữ được :

Hát tại rạp hát MODERN CINÉMA ở đường d'Espagne
số 212 — Sài-Gòn



Bạn hát cải-lương của Thầy Nam Tú ở tại Mỹ-tho
Mỗi tuần-lễ đều có hát hai đêm là đêm thu bảy và
Chúa-nhật

Mỗi bữa thứ bảy đều có tuồng mới luôn luôn
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát

CHƯƠNG TRÌNH đêm thu bảy 25 và Chúa nhật 26
novembre 1922

HÁT CẢI-LƯƠNG

Tuồng KIM-VÂN-KHÚT.— Hát hai hồi.— Hồi thứ Nam.

Tùy Kiều kết duyên Bạc-Hạnh

Chàng Thúc bát tại, đề Hoan-thi hạnh người chu khổ,
Giác-Duyên sơ ý, gọi Kiều-nhi cho lấy hát lương.

.

Hồi thứ sáu

Tùy-Kiều oán trả ơn đền

Mặc mưa ho Bạc, khách anh-hung bỗng gặp cơn hiền,
Mượn sức chàng Từ, cầu ân-oán phút bên rửa sạch.

.

Tuần tới ngày thu bảy 2 và Chúa-nhật 3 décembre 1922,
sẽ hát tuồng LÂM SANH XUÂN-NUÔNG, là một thủ
tuồng ai ai cũng đều biết, thật là ai-bí đáo để. Dặt ý theo
thơ Lâm-Sanh Xuân-Nuong có nhiều lớp ca và ngâm đối
đáp rất nên tao nhã là thường, xin đến ngày sẽ sơ dẫn
lớp lang cho chư quý vị đang hằng

(xin miễn sao lục lược dẫn sơ tích truyện Kiều).

XVI.— Sao ý nguyên văn ban chương-trình thứ 3 của
gánh Thầy Nam Tú còn giữ được

TRANG-CHÂU MÔNG HỒ-ĐIẾP (số 205 tập Hồi-ký II)

Hát tại rạp Modern Cinéma

Bạn hát cải-lương của Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát



CHƯƠNG TRÌNH

Hát hai đêm ma thoi (đêm thứ bảy 31 mars và chúa-nhật
1er avril 1923)

Hát cải-hương

Tuồng « TRANG CHAU MONG HỒ DIỆP »

(Trang-Châu chiêm-bao thấy bướm)

của ô. TRUONG-DUY TOÀN trước-tác

Tuồng *Trang-Chau mong hồ-diệp* đây tức là « *Trang-Tử cô bông ca* », tức gọi là « *Trang-Tử thư vô* » đó, thật là thư tuồng rất cao thượng trong phong-hóa của phương Á-Đông này xưa nay; cho nên các bạn hát lâu hay hát lâu. Song chẳng hề hát đủ dưới đầu bao gô, họ chỉ hát một đoạn sau mà thôi.

Nay bốn bạn chàng nai kho nhoe đều luôn từ đầu chỉ cuốn, mà rần hát trọn bộ có một đêm, không dám chia ra sợ mệt lòng chừ quý vị chờ đợi, thật là một thư tuồng đáng coi hết sức; đã đạt đề công phu lắm, mà sự tích tuồng cũng thâm thúy phi thường. Vay xin sơ dẫn dưới đây cho chừ quý vị lãm thức.

Thầy Trang-Châu tức kèn là Trang-Tử, vẫn là người nước Tống, ở về đời Mat-Châu, học trò của ông Lão-Tử, bữa kia thầy ngồi coi sách mà ngủ quên bỗng chiêm bao ngộ thấy một con bướm-bướm rất to, bay qua liệng lại trên đầu; đến chừng thấy thức dậy, thì không hiểu diềm chi, bèn buồn bực trong lòng, mới lấy đàn, đàn ca giải muộn.

Lúc ấy ông Lão-Tử đi vân-du về ngang nhà Trang-Tử, nghe tiếng Trang-Tử ca lãnh lớt, thấu đến trên mây, mà trong ấy sao có cái hơi uất-lức, nên Lão-Tử ben ghé nhà thầy, vào hỏi thầy vậy chớ có chuyện chi ức tức đó? Thấy bèn thuật lại chuyện chiêm bao thấy bướm mà không hiểu diềm



chỉ nên, lấy làm tức. Lão-Tử mới dạy rằng « Như vì con xưa là bướm-bướm hóa thân. Bối lúc hồn độn sơ khư, con là một bướm-bướm lớn mạnh me phi thương nên mới bay tuốt đến cung Diên-Ti vào nút nhụy hồng đào của bà Vương-mẫu, bèn bị chim Thanh-Loan giữ vườn nó mổ chết; nên nay tuy hóa thân làm người chớ tinh-thần con mẹ màng như con bướm-bướm luôn luôn.»

Trang-Tử nghe mấy lời của thầy mình là Lão-Tử giải-phân kiếp trước của mình như vậy thì trong lòng hồi lam hết muốn việc chi trong đời này nữa.

Nhưn Lão-Tử là tiên nên khi Trang-Tử hỏi tâm thì Lão-Tử đã hiểu thấu, bèn lấy trong túi ra đưa cho Trang-Tử một cuốn « Dao-Đức chơn kinh » biên phải gia-công luyện đạo, thì sau sẽ biến-hóa như thần tiên đang Trang-Tử lãnh sách. Lão-Tử lui chơn.

Bỗng đâu vua nước Sở là ông Sở-Đại-Vương sai sứ đem vàng bạc đến rước Trang-Tử về làm quan, vì cô nghe danh Trang-Tử lâu rồi. Trang-Tử cáo từ không chịu; lại sợ chung tới rước nữa nên dặt vợ là Diên-thị vào ở trong núi Nam-Hoa sơn mà ẩn tịch. Vô đó yên tĩnh, Trang-Tử mới luyện đạo nhiều phép, cũng nhờ có cuốn kinh của ông Lão-Tử.

Ngày kia buồn Trang-Tử đi xuống núi chơi bèn gặp một chị đờn bà ngồi đương cặm quạt mà quạt mà. Trang-Tử hỏi làm gì vậy? Người đờn bà nọ đáp rằng « Tôi quạt cho mau khô mà chồng tôi đang tôi có đi lấy chồng khác, vì hồi chết chồng tôi có trời, bèn phải đợi cho cái mả nó khô rồi sẽ đi lấy chồng ». Trang-Tử thấy tình đời như vậy thì bất dưng dưng, mới bêu chi nọ đưa quạt cho ông quạt giùm cho. Chị nọ vì quạt đã mỏi tay nên mừng lắm đưa quạt tức thì. Trang-Tử mới dùng tiên-thuật mà làm cho mả khô. Con mẹ kia thấy quạt có ít cái mả mà mả đã khô, thì mừng lắm; mới tạ ơn Trang-Tử rồi bươn bả chạy về đặng có lấy chồng. Trang-Tử thấy vậy bèn xin cây quạt đặng làm



dầu ttech, rồi trở về ngâm một bài thơ nói rằng « Con người ta lúc sống thì ai không nói chuyện ai ăn, mà chửng đã chết rồi thì có ai khỏi quạu mỗ chổng ? » Bà Diên-thi là vợ nghe vậy không hiểu thơ gì mới hỏi gần Trang-Tử, thì thấy nói lại từ đầu chi cuối chuyện con mẹ quạu mỗ chổng cho Diên-thi nghe. Diên-thi giận lắm mắng nhục om sòm rồi sẽ quạu nát tan.

Bỗng đâu Trang-Tử phát bệnh đau nang Trang-Tử lại trở mà nhạc truyền cây quạu. Diên-thi tức tơi nói « Như chổng không tin thì mình tự-van tục thì dạy cho mà coi » Trang-Tử can nói : « Thời miễn là nang tron đao thì đủ rồi, cần chi phải hiểu chết ». Nói rồi Trang-Tử chết, vợ dề tang khóc lóc theo phép.

Cách bảy ngày có một người học trò rất lịch-sự trai đi với một tên tớ gia tơi hỏi thầy Trang-Tử mà học đao. Tên hề-dồng của Trang-Tử chỉ cái hòm mà nói thầy chết rồi.

Người học trò ấy nói : « Tôi là một vị vương tôn nước Sở, tìm đến đây quyết làm đệ tử thầy, chẳng may thầy mất ; vậy tôi nguyện dề tang một trăm ngày, cho thỏa lòng ngưỡng vọng ». Nói rồi lại lay bàn thờ và xin mời Diên-thi ra đặt xin phép dề tang và xin phép ó đo đủ một trăm ngày trước là thọ tang, sau xin có sách vở chi của thầy Trang-Tử để lại, thì cho coi đặt học. Diên-thi thấy vương-tôn này lịch-sự trai quá thì chơi ở. Rồi lần lần hềc ngó nhau ; sau mời cây lão tớ già làm mai, hai đảng cụp lạp.

Đến bữa làm lễ hiệp hôn, uống rượu vừa rồi, sửa soạn vào phòng nghỉ thì Sở vương-tôn nhào la đau bụng. Diên-thi hỏi chi, nói cũng không đặt, vì đau quá. Diên-thi từng phải kêu anh tớ già đi theo vương-tôn mà hỏi ; thì anh này nói thuở trước có đau một lần, nhờ tâu vua Sở bắt tù xử tử lấy óc cho uống hết liền chớ nay đây óc đau mà uống, thời chắc chết rồi. Diên-thi nghe nói phải chết thì quỳnh-quyển, mới hỏi ước như óc người chết có đặt hay không ? Tờ già nói chưa



quá bốn-mươi-chín ngày thì còn dung được. Diên-thí nói : «Chồng trước tôi là Trang-Tử chết mới có hai-mươi ngày, mà còn quán đo ; thôi đề tôi bữa hôm, rồi đập sọ mà lấy óc cho.» Nói rồi xách bữa chạy đi bữa hôm.

Ai đề bữa hôm vừa về thì thấy Trang-Tử trong hôm ngồi đây. Diên-thí hoảng hồn mà leo mấp lùn. Trang-Tử hỏi đều chi cũng nói xuôi hết. Nhưng đến chung Trang-Tử họa hình Sở vương-ton và tờ gia-lai cho coi, thì mới hiểu bao nhiêu công cuộc là phép của Trang-Tử làm ra. Chờ Trang-Tử dần có chết mà tờ gia-voi Sở vương-ton dần coi. Vay Diên-thí bèn thút cổ mà chết. Trang-Tử mới lấy cái hôm bẻ đó mà bỏ thấy vợ vò ; rồi cổ bòn ca một bài về nhưn tình thế sự hay lắm. Bài ấy lưu truyền rất nhiều đời, để làm gương trong phong hoa. Vay bài ca này xưa là một bài chữ, ca theo lối cổ-âm. Nay bòn ban diễn nom lai ý nguyên không sai một chữ mà lại an theo bản đen đời nay, thật là chí khôn, công phu lựa chọn tư chữ mới thanh. Xin chư quý vị hãy nán lại nghe chơi. Bốn bài ấy ở sau, nên sợ nhiều vì thấy gần văn mà lớn xộn bo về, làm cho những người ở lại không ngheặng. Thật là rất tiếc.

Đây là giải tất cho đủ hiểu mà thôi, xin đến coi trong trong mọi tia vẽ mấy mún dạng. Thuet là một tuồng đã đại hữu ích mà thêm hay là phi thường.

Vì tuồng hát này rất dài, nên xin quý vị đến cho đúng giờ, nếu trễ thì rất uổng lắm.

KINH TỎ

Cung chư quý vị dạng hẳn rằng . Bốn ban đã hát tron sáu tháng ở Sai-Gion này ý theo lời hứa ngày mới lên, dặng giúp vui cho chư quý vị đây. Vay nay chỉ có một lần này nữa mà thôi hát đây.

Chúng tôi vắn đã hết long lo lắng mà cố ý giúp vui cho chư quý vị tại Sai-Gion này đã dung sáu tháng rồi; thật là tàn



tâm, tâm lực chẳng nề công lao, chẳng hề dậm hát nhát lại một thư tuồng nào hết. Nay còn một lần chốt nữa, vì nhiên vì nạt hát tuồng « *Trang-Từ cô bông cau* », nên tuy bốn bạn còn làm tuồng khác nữa, mà là tuồng rất dạn, nếu hát thì phải hát ba tuần mới dứt; vậy nay bốn bạn dượt hát tuồng « *Trang-Từ cô bông cau* », tục gọi là *Trang-Từ thư vô đo* — đáng vui lòng chư quí vị, rồi sẽ kiêu từ.

Vậy chúng tôi trước tỏ lòng cảm tạ chư quí vị đồng bang bấy lâu đã chiến cố đến chúng tôi, sau xin kính cung chư quí vị đang rõ — kể từ ngày 2 Avril 1923, thì chúng tôi thôi hát đây nữa.

Chúng tôi cũng kính chue cho chư quí vị dâng phước — lộc song toàn.

Giá chỗ ngồi :

| | |
|---------------------------|-------|
| Thượng hạng | 1\$20 |
| Hạng nhất | 1, 00 |
| Hạng nhì | 0, 60 |
| Hạng ba | 0, 40 |
| Hạng ba con nít | 0, 20 |

Cảm tưởng của tôi khi xem tuồng « Trang-Từ cô bông » của gánh Thầy Năm Tú. —

Tôi xin có vài hàng về buổi xem hát hiếm có này. Năm 1923, tôi học năm thứ tư tại trường Chasseloup-Laubat, nay là trường Pháp Lê-Quí-Đôn. Và đây là năm chúng kết phải học rúc cho kịp thi ra trường gồm hai chứng-chỉ — bằng ra làm thầy giáo mới bỏ ăn lương 80\$, gọi bằng *Brevet élémentaire* và bằng thành-chung cũng gọi *Diplôme de fin d'études complémentaires*, thì cũng khó như thi bằng trên, khi thi đầu còn thi thêm kỳ thi thơ-ký chánh-phủ nhưng lương tập sự chỉ có 55\$ mỗi tháng. (Nhưng ai ai cũng ham làm thầy thông thầy ký vì có tiền ngoài tiền lì-xì hối-lộ, hơn làm thầy giáo lương chai ngắt. Cũng có người ưng làm thông ngôn ký lục và trọn đời không nhận



của hồi, nhưng ít có lắm). Tôi đã mê hát từ nhỏ, nên tôi làm nòng làm nã kiểm thế xin ra cho được đêm thứ bảy 31-3-23, và ngủ đêm ở ngoài để có dịp xem tuồng Trang-Tử thử vợ, vì có tụi học Mỹ-Tho khen tuồng hay lắm, nên và đáng xem lắm. Đêm đó, thầy Bảy Thông đóng vai Trang Tử, chít khăn đen, mặc áo dài xuyên thắm, ngoài mặc thêm một áo rong xanh lam có dây lưng cột thắt ngang lưng xem gọn và oai ngầu lắm. Cô Cúc, ở ngoài đời là vợ thầy Bảy, nay đóng cặp với chồng thủ vai Diên-thị, chít mặt rô hoa mè nhưng đang người thanh bai đã có duyên lai thêm ca hay lắm, đêm ấy một tay chỉ cầm búa (búa gỗ) một tay cầm cây đèn sáp lớn, vừa đập vào sang vừa ca bài gì đó, hôm vừa vắng nấp, thì thấy Trang Tử y phục chỉnh tề, vừa ngồi dậy vừa ca một bài cũng gì gì đó nay không nhớ... Thầy ca thêm bài « cổ bồn » tay nhịp trống cơm... Tôi vô trường học lại những gì nghe thấy, có thằng Đ. mại dịch ngao tôi « cái trống cơm nó kêu quần... giũt, giũt. . quần, quần... quần... giũt. » Tôi đỏ mặt và có cảm tưởng dân ông « tàn nhẫn », chớ chỉ tôi đóng vai Trang-Tử thì tôi tha ngay Diên-thị, vì lỗi tại mình gài bẫy, nên người ta mới mắc...

Bài « cổ bồn » tôi sao lục được một bản chữ và bốn bản dịch, nhưng không có bản nào là của Mạnh-Tự Trương-Duy Toàn.

Mặc dầu vậy tôi cũng sao lục ra đây để làm tài-liệu.

Và đây là bản « cổ-bồn » nguyên văn chữ Hán :

Kham tha phù thế sạ
Hữu như hoa khai tạ
Thê tử ngã tất mai
Ngã tử thê tái giá
Ngã nhược tiên tử thì
Nhứt trường đại tiểu dã.
Diên vị tha nhưn canh
Mã vị tha nhưn khôn
Thê vị tha nhưn luyến



Tử vị tha hơn ma
Dĩ thử đồng thương tình
Tương khan lụy bất hạ
Thế hơn tiểu ngã bất bị thương
Ngã tiểu thế hơn không đoạn trường
Thê sự nhược hườn khốc đặc chuyển
Ngã diệc thiên thu lụy vạn hàng.

Bản dịch ký nhút

Nên than ôi thế sa
Dường hoa thơm lại rã
Vợ chết ắt ta chôn
Ta chết vợ cái gia
Vi bằng ta chết trước
Một cuộc cười ha hả
Ruộng phải người khác cấy
Ngựa mắc tay cỡi lạ
Vợ để lại người xài
Con bị người rửa thỏa
Nghĩ lại chạnh tấm lòng
Nhìn nhau không lả chả
Đời cười ta chẳng có bị thương
Ta cũng cười đời luống đoạn-trường
Cuộc đời khóc mà vắng hồi được
Ta cũng ngàn thu khóc muôn hàng.

Khuyết danh

(Trích Diễm-lục cổ-tích Huỳnh-Hữu-Phát,
1912, cuốn nhút, tr. 30)

Bản dịch ký nhì :

Đáng thương cho cuộc đời
Như hoa nở lại rơi
Vợ chết ta chôn cất



Ta chết vợ theo người
Vi bằng ta chết trước
Còn lắm chuyện buồn cười
Ruộng bị người khác cấy
Ngựa bị người khác nuôi
Vợ bị người khác lấy
Con bị người khác sai
Lấy đó động thương xót
Trông nhau lụy khó rời
Đời họ cười ta không xót nhau
Ta cười đời họ uổng công đau
Việc đời vì khóc mà xong được
Thì ta đây cũng chưa chán sầu.
Vô-danh-thị

Bản dịch kỳ tam :

Dáng thương cho cái trò đời
Khác nào hoa nở rồi tàn luôn.
Vợ về ta phải lo chôn
Ta về vợ lại nước non với người
Vi ta chết trước đi rồi
Còn nhiều câu chuyện nực cười đến ngay
Ruộng ta người khác cấy cày
Ngựa ta người cỡi chuyển tay một mình
Vợ ta người dỗ người dành
Con ta người mắng người khinh đến đều
Nếu ta thắm thía trăm chiều
Trông nhau thôi cũng khôn đao mach tương
Người cười ta chẳng xót thương
Ta cười người khác đoạn-trường hoài hơi
Vi chững khóc chuyển việc đời
Thì ta đây cũng sụt sùi gấp trăm.
Vô-danh-thị



Bản dịch ký từ :

Việc đời nghĩ luống thờ than
Vĩ như hoa nở hoa tàn dẫy thời
Vợ ta chết, ta chôn vùi
Ta mà chết ấy, vợ thời lấy trai.
Nếu ta chết trước hơn ai
Lại còn để làm trò cười thiệt hay
Ruồng ta người khác cấy cấy
Ngừa ta người khác coi ngay là thương
Vợ ta người khác yêu-dương
Con ta người khác chàng thương đau ma
Nỗi niềm nghĩ luống xót xa
Nhìn nhau lẽ chẳng chán hoa chut nào
Đời người ta chẳng thương đau
Ta cười đời chỉ buồn rầu luống công
Việc đời nếu khóc mà xong
Thì ta cũng đã muốn dong lệ sa.

Vô-danh-thị

Nghĩ cho một bài « *khúc thơ* » Hán-từ mà có đến bốn bản dịch, xẽch xẻc tôi cho đều hay cả ; hai bản sau lại viết trên giấy bao bìa sách, trong ấy viết ra chưa có bản nào là bản của Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản. Duy biết toàn là tác-hiện hiếm có, thậm chí tôi không dám phá bìa đóng mới, vì sợ mất dấu-tích người bạn cũ trường tỉnh Sóc-Trang, ông Dương-Văn-Minh quê ở Lịch-Hội-Thương (Ba-Xuyên), đã tặng tôi bộ Diem-lục cổ-tích hiếm có này. Và chàng tôi vốn là con một sách, tuy không biết làm thơ nhưng gặp thơ nào cũng dễ danh. Nay bình tâm ngồi chép lại, như Ai kia, phải chàng có chút tâm-sự gì nên mới gia công chép hai bài no trên bìa sách và phải như Ai đây, cũng muốn tránh làm chữ mà đã bao phen gặp gái « lấy võ đập sảng ». Đời là thế.

Cái câu chúc nhau « *bach niên giai lão* », « *nói tóc đến già* », tôi cho là thừa. Thương nhau lấy nhau không đợi lập



hôn thú mới gọi là thương. Va tha một đũa chết sống, — mới nghe như tàn nhẫn, — cho đũa kia có dịp tiếc thương hoài, chờ sống nhân trăm tuổi mà cách mãi kiếp già đời « năng như hủ-lô » thì có ích gì cho nhau ? Mấy hàng làm cảm, xin tha thứ cho.

V.H.S.

(28-5-1968, vãn dành nhau Đồng Ông cộ, nhà chay, dân tản cư... chưa về).

XVII. Trích chương trình gánh Thầy Tu Mỹ-Tho đêm 16-12-1925.

(từ chương trình thứ 4 của gánh Thầy Tu)

Hát tại rạp hát bóng EDEN-CINEMA ở đường Tổng-dốc Phương
Chợ-Lớn

Ban hát cải lương của thầy Nam Tu ở tại Mỹ-Tho

Hát một tuần lễ mà thôi. — Mỗi đêm đều đổi tuồng khác
luôn luôn.

CHƯƠNG TRÌNH

Đêm thứ tư 16 decembre 1925, Đồng tám giờ ba khác khởi
sự hát

Hát cải-lương, Tuồng KIM-VÂN KIỀU, hát hai xuất

Xuất đầu : Hồi thứ nhất

Tuy-Kien du Thanh-minh ngộ Kim-Trọng

Thanh-minh tiết Kim-Lang phùng thục-nữ

Hoan-nan thu Vương thái ngộ ma-dầu

.
.

Xuất sau : Hồi thứ nhì

Kiều-nữ mai thân cứu phụ



Và lang chủ, chàng Kim tình phải đoạn
Bởi cứu cha, nàng Tuy nghĩa không tròn.

.
.

Ngày thu năm 17 Decembre 1925, sẽ hát tuồng

KIM-VĂN-KIỀU (tiếp theo)

Hát hai xuất

Xuất đầu . . . Hồi thu Ba . . . Kiêu nhập thành lầu

Xuất sau . . . Hồi thư Tư . . . Hoan-thư ghen bắt Tuy kiêu
Tơ chương trình này gần y tờ số 1 (xem XVI,
tr. 184) (Sự lịch năng Kiêu xin miễn đang)

XVIII.— Trích lục tờ chương-trình thứ 5 đêm hát 3 và 4
tháng 11 đl 1923 hát tuồng *Lục-Văn-Tiến* tại Rạp Hát Tây
dường Tự-Do do hai ông Cao-Quỳnh-Cư và Cao-Hoai-Sang
tổ-chức

(hát quyền tiền cho hội Khuyen-Học Nam-Kỳ và hội Ngời
Sao Gia-Định)

(và cho hội Patronage laque Cochinchinois)

| | |
|------------------------------|------------------------------|
| Sở-vương.....Lê-Quang-Lời | Bãi-Kiểm.....Lê-Quang Nhuận |
| Thái-sư.....Nguyễn-Văn-Chá | Tiểu-dồng....Đương-Văn-Long |
| Thượng-thơ..... Nguyễn-Thái | Trình-Ham...Nguyễn-Văn-Toại |
| Sang | Ngư-lâm-quản.....Nguyễn-Văn- |
| | Lời |
| Lục-Ông.....Nguyễn-Văn-Thủ | Lão-bà.....Cô Bảy Huệ |
| Kiều-Công.....Võ-Bửu-Nguyễn | Nguyệt-Nga..... Cô Sáu Tô- |
| Văn-Tiến.....Phạm-Trung-Ngọ | Ngọc-Điều |
| Tử-Trực.... Nguyễn-Đạt-Khanh | Huỳnh-Trang.....Cô Tư Quyền |
| Hơn-Minh... Nguyễn-Tấu-Phát | Phi-Loan.....Cô Hai Ngọc |

Giàn dờn : qui ông Hậu, Lãng, Thành, Phú.



Màn thứ nhất.— Lúc này là lúc Văn-Tiên vừa thoát xong tai nạn, nên trở về quan Đông-thành mà tham tồ-quan. Mấy năm xa cố-lý, nay về thấy nhà cửa của cha mẹ đang tồ-rang hỏi thăm lai, thì mới hay nhờ có Nguyệt-Nga trông hầu đem tiền bạc châu cấp mà báo đáp ơn xui. Vì cảm nghĩa ấy, nên Văn-Tiên lát đặt tư tá cha là Lạc ông đang qua Tây-Xuyên nói nhà của Kiều Nguyệt-Nga mà tạ ơn. Đến nơi thì Kiều-công mừng tồ-chang cùng, đoán nhạc lai chuyện Nguyệt-Nga cống Hồ thì Kiều-công càng thêm rau buơnchang ngọt. Người mới cảm Văn-Tiên ở lai nơi đó mà chuyện cần den sách, đang cho người thấy Văn-Tiên, họa may có gian hột chut long phiến đi chung ?

Qua nam sau vua nghe mở hỏi khoa thi, thì Văn-Tiên tư tá Kiều-công quyết long xuống kinh sư ứng thi.

Lời ly biệt, tiếng đàn do trong lúc Văn-Tiên thượng lộ.

Màn thứ nhì.— Văn-Tiên thi do Trang nguyên, vừa gặp lúc Phiên-quốc cử binh xâm lấn coi bộ, nên Sở-vương sai lãnh ấn Nguyên-nhung mà dẹp trừ đảng giặc. Văn-Tiên liền xin vua tha tội trước cho Hồn-Minh, đang theo mình lập công chuộc tội. Chỉ triệu Hồn-Minh về triều, phong làm Phó-trưởng, chung phát binh mã rồi thì hai anh em đồng khởi binh dẹp loạn.

Màn thứ ba.— Lúc này Nguyệt-Nga lánh nạn ở nơi nhà Lão-bà, giữa chốn rừng xanh. Đêm kia nàng trong lòng bất xốn xan bức rức, ngủ không đặng, nên chong den ngồi mà than thân trách phận. Nhâm lúc Văn-Tiên rước giặc lạc đường nên kêu cửa mà xin nghỉ nhờ. Lão-bà ta mở cửa, rước vào nhà, chừng thấy bức tượng, hỏi thăm ra mới hay là Nguyệt-Nga. Vợ chồng mừng nhau không xiết kể. Hồn-Minh vừa dẫn binh đi kiếm Văn-Tiên, tới đó anh em lại hiệp nhau. Vì việc nước, nên Văn-Tiên phải tư giả Nguyệt-Nga, hứa chừng về



trào sẽ xin tội cho nàng, và sai quan tới rước.

Bין rìn trong lúc phản lý

Màn thứ tư. — Văn-Tiên về tào, đứng bức tường cho Sở-vương và kẻ sứ-tách thư-hàn coi. Thái-sư mà xin tội cho Nguyệt-Ngà. Sở-vương, hơn ba mươi tuổi, thì nổi giận lết trước quờn của Thái-sư đuổi về dầy dẫm, xua, khiến tha tội Nguyệt-Ngà và sai quan rước về phòng lại quan chầu. Con Văn-Tiên thì dâng phép về bái tổ vinh qui cho rõ ràng quê-hương.

Màn thứ năm. — Trình Hàm là chú xô Văn-Tiên xuống sông buổi trước, nên Sở-vương cho về cho Văn-Tiên phản xử. Vì nghĩ nó là đàn em như, có gột cang nước công nên Văn-Tiên rộng lòng tha cho nó trở về có lý. Lạc do thư anh em đồng một trao với Văn-Tiên đến tâu tui chue mừng và đưa Văn-Tiên về vinh qui bái Tổ.

Màn thứ sáu. — Văn-Tiên về tui Đại-Đề, lên dòng lòng như Tiểu-dồng là lên nghĩa bực khi trước bị cộp ăn nơi đó, nên đứng binh ba trái đang don bay cuộc tế tiểu-dồng. Chẳng dè tiểu-dồng thoát nạn, ở đó đã trôi ba năm mà giữ mô hoang vì tưởng là mồ của Văn-Tiên khi trước bị đau giữa đường mà thác, nên lần hồi ngày tháng, đi xin mà cũng quải cho cậu. Trong lúc tế tiểu-dồng thì thầy tổ gặp nhau nổi mừng không viết kể. Dẽ-huê nhau về bái tổ vinh qui, tới nửa đường gặp mẹ con Huỳnh-Trang, vì nghe rề là Văn-Tiên thì dàu nên tìm tới xin thứ lỗi mà doai vì tình trước. Văn-Tiên nghĩ «nước đồ rồi khó hốt lại», nên nhắc các điều bạc bẽo trước cho hai mẹ con nghe. Huỳnh-Trang nghĩ hồ then trăm bề dẫn con trở lộn về chưa tới nhà thì bị cộp tha hết cả hai.

Màn thứ bảy. — Chúa tui, cha con, chồng vợ, đều dâng hiệp một trào. Luân đến công trận thì các quan đều dâng ban thưởng.

CHUNG



XIX. — Trích chương trình buổi « *Tối đọc phú nhưn tâm* » do sinh-viên trường Trung-học Huỳnh-Công-Phát diễn trong ba đêm 20-1-13, 24-1-23 và 27-1-23 (số 208 trong tập Hồi-ký II):

Diễn-viên :

| | |
|--|---------------------|
| Phan-Hữu-Chi | Đặng Tấn-Sửu |
| Lý-Ngọc-Thơ | Lê-Văn-Thiện |
| Lý-công | P. Nguyễn-Hiệp-Nghị |
| Lý-nương | Hồ-Văn-Chữ |
| Hoan-Thế-Trung | Lê-Văn-Mừng |
| Câu Hai-Vân | E. Nguyễn |
| Thăng Quyết (hệ-dòng của Phan-Hữu-Chi) . . . | Lê-Hữu-Diên |
| Từ-Bảo | P. Nguyễn-Hiệp-Nghị |
| Tiểu-công | Nguyễn-Văn-Khuê |
| Thăng Bưởi (hệ-dòng của Câu Hai-Vân) | Nguyễn-Văn-Khuê |

Màn thứ nhất. — Phan - Hữu - Chi mới thi đỗ, song nhà chẳng dư dả, nên khó bề được bỏ đi làm quan. Có Lý-nương là người giàu lớn, đến nói chuyện muốn gả con là Lý-Ngọc-Thơ và hứa bao gồm các chuyện. Hữu-Chi thật tình, nên tin lời ưng chịu, mới thưa lại với cha mẹ mà lo định việc hôn nhưn.

Màn thứ hai. — Gả con rồi vợ chồng Lý-nương không nói đến chuyện lo cho rể làm quan. Hữu-Chi viết thư nhắc nhiều phen cũng không thấy trả lời, túng thế phải đi làm việc đẽ mà chờ vãn. Thấy cực khổ mà không bao nhiêu tiền, Hữu-Chi buồn lòng mới tính đi xuống kinh-thành, học thêm đặng lấy chức cao, phòng để bề làm quan.

Màn thứ ba. — Tuy phiền cha mẹ vợ, chớ Hữu-Chi cũng đề huề với vợ trở về mà tỏ công chuyện cho nhạc-đường



nghe và doi lời bari biết. Thấy chuyện khó khăn được, vợ chồng Lý nương hát-dac-di phải tính xuôi theo, mới đưa cho Hữ-Chi chút phí lo gọi họ, hứa ngày sau sẽ có đền đáp thì ơn ấy không mất.

Màn thứ tư.— Đường học xa, công việc nhà sanh lộn, cha mãi phần thể nhà học rồi Hữ-Chi phải bỏ học trở về. Suốt lay học nạn nỉ vợ con mẹ vợ xa xa ơn giúp giúp. Thấy người chat lòng, không khum giúp đỡ. Hữ-Chi mới trở ra kinh-thanh quyết tâm học, đang thì cho đại khoa cao hầu để bề lo việc nhà.

Màn thứ năm.— Bên vợ thấy rề bị suy vi, nên không ngó tưởng đến, chẳng giúp tiền bạc đi học, cũng không thư từ thăm viếng Hữ-Chi. Rồi thấy thời vận còn diễn đảo nên khiến Hữ-Chi thi rớt. Đến chung về bỏ mình chàng đến thăm cha mẹ. Ngọc-Thơ giả chước mời quí lai đang diễn sĩ nhưc Hữ-Chi gian bỏ đi. Ngọc-Thơ kéo lại, buộc làm tờ đề đang lấy chồng khác.

Màn thứ sáu.— Hữ-Chi sắp đặt việc nhà yên rồi, nhớ lại chuyện của mình nên không ngọt buồn rầu, mới bỏ đi lính đình cho khuấy lảng. Vào quan gặp Đoàn-Thế-Trung là bằng hữu ngày xưa, mới tỏ hết sự nhà. Thế-Trung khuyên loan hơn thiệt và giúp tiền bạc cho Hữ-Chi đi học nữa.

Màn thứ bảy.— Ngọc-Thơ có chồng khác tên là Câu Hai Vân. Câu Hai nguyên là tay phu hồ, song thanh luống chơi bời; chẳng những theo cờ bạc điểm dăng hoải, lại còn thường uống rượu say sưa về hân hủ vợ. Đêm kia thua hết tiền bạc ben về lấy vòng vàng của Ngọc-Thơ dâng di cầm bán. Ngọc-Thơ rầy rà lớn tiếng, Câu Hai Vân nổi giận mới đánh đập tung bưng và đuổi đi; mình không. Ngọc-Thơ chẳng dám về với cha mẹ bên danh liễu xuống kinh-thanh mà tìm chồng cũ.



Màn thứ tám.— Gặp thàng Quyết giữa đang hỏi thăm thi hay chồng cũ mới thi đầu đương về bái tổ vinh qui. Ngọc-Thơ than thở với Hữu-Chi thuật hết chuyện mình lao khổ, Hữu-Chi thấy vậy cũng đồng lòng, song nghĩ « nước đổ rồi khô hốt lại » : mới cho Ngọc-Thơ chút ít bạc tiền biểu lấy lăm phi-lô trở về cha mẹ nàng. Ngọc-Thơ thấy tình cảnh như vậy thì ăn nan song đã muốn, nghĩ tức tối thẹn thứa nên liều mình.

XX.— Trích chương trình của gánh *Nghĩa-Hiệp Ban* năm 1926 (số 211 hồi-ký II)

Théâtre moderne NGHĨA-HIỆP-BAN, SÀI GÒN

Directeur : NGUYỄN - VĂN - DẦU

Hát tại rạp.

Đêm 192

Khởi sự hát đúng tám giờ rưỡi

Chung các vai kép đào trong tuồng

Hát tuồng « LỤC - MẪU - DỖN » (thứ nhất)

Redacteur : Nguyễn-Công-Mạnh

(Dựa theo bản dịch của Nguyễn-Trọng-Quyền)

Tôi không trích lục cốt truyện ra đây vì choán giấy.

V.H.S.

XXI.— Sao y bản chương trình gánh *Phước-Cương* năm 1926 (số 209 Hồi-ký II)

GÁNH HÁT KIM-THỜI PHƯỚC-CƯƠNG (SÀI-GÒN)

Đêm thứ ngày 1926

Đúng tám giờ rưỡi sẽ hát tại



CHƯƠNG - TRÌNH
THUYẾT - ĐỒNG

Dương-Nam-thanh, Ngũ-Vân-Thiện bị vây
Chấn chiến tương, Giả-thị thọ độc-tiền

Màn thứ nhất.— Khi Tuy Dương Quan giết cha đoạt ngôi mà tặc vi, muốn cho khỏi dấy binh di-nghị nên kiếm người viết biểu-văn ma khuyến dụ dân. Lúc ấy tại triều có Ngũ-Kiến-Chương là quan trung-thần chánh trực thấy việc bất bình bèn viết chiếu ma nhue Tuy hèn-quân, vì giữ chữ tột ngay mà lão phải bỏ mạng, khi giết lão rồi Dương-Quảng chưa vừa lòng, nghe lời sàm tấu sai Hàng-Cầm-Hổ cùng Võ-Vân Thành-Đô ra Nam-Dương-thanh mà trừ Vân-Thiện cho tuyết đồng họ Ngũ.

Màn thứ nhì.— Ngũ-Vân-Thiện vừa nghe tin chẳng lành, muốn xuất hành đem binh báo hân, kể quân báo binh trào đã đến, tuy sự hờn oán rất nhiều, song binh tướng thì ít, nên khó bề cự đương, vợ chồng phải cố thành bề thủ, cầm binh như Hàng-Cầm-Hổ, còn xuất trận như Thành-Đô, làm sao Vân-Thiện chịu cho nổi, chẳng bao lâu thành lũy đều bị phá tan nát.

Màn thứ ba.— Thương thay cho Giả-thị tuy quần vận yếm mang, song gặp cơn ngặt nên phải cầm thương lên ngựa, rồi cho nàng vì binh trào như kiến cỏ lai tên bắn như mưa bất làm cho nàng tài năng gì cũng khó chạy cho khỏi nên phải thọ độc tiền lạc mã nơi chiến tràng. Vân-Thiện thì lo chống cự cùng binh giặc nên vợ lạc không hay. Chứng biết dặng mới hết lòng tìm kiếm, đau đớn cho chàng biết mấy, mong gặp vợ mà rán hết sức ra cho khỏi trùng vây, không dè gặp nàng thọ tiền thương khó bề di đứng, buộc chàng phải chịu đau đớn lòng mà nhờ tên cho vợ. Thường có câu « họa vô đơn chí », nên nạn kia vừa khỏi, tai no lại liền, khiến cho nàng nữ nhụy khai huê sanh dựng một trai mà trao cho chàng rồi vì thắm thương mà phải bỏ mạng, ai thấy Vân-Thiện lúc này mà chẳng



đau lòng, phần vợ mồi bỏ mình nơi trần, lại còn không mẹ kho
liên toan, kể trìn tối nhớ hồn nang đưa khơi trung vậy.

Màn thu tư.— Lạc này Châu-Xang vào rừng đón cưới,
thấy ân-nhân của mình là Văn-Thiền bị gặc rước, muốn ra
tay cứu cấp song, không khu vực, gặp chàng phải vào miền là
thanh-long.

Màn thu năm.— Thương-Sư-Dô thu Văn-Thiền là lúc nguy
hiểm, nên đem binh đoàn theo rất mạnh mẽ, không để thành
lĩnh gặp Châu-Xang bỏ trống đi kỳ lạ cam Thanh-Long, nên
trưởng Châu-Xang là Châu-Xương giao thế mà cứu Ngũ gia,
nên lão truyền thâu binh.

Màn thu sáu.— Văn-Thiền thấy có người cứu cấp, song
chàng rõ là ai nên mới vào miền mà trốn, rồi do nơi nguồn
cơn mới rõ là người lành, nên xin gởi con mà b rnan.

Tới đây vẫn.

Lớp tuồng này kếp như Bầy Nhieu bỏ làm Văn-Thiền
thiệt phải vai tuồng, khi buồn coi thiệt buồn, lúc thắm coi thiệt
thắm. Tuy vậy lúc ấy sự dóm của Văn-Thiền, chàng chẳng
mất. Còn vai tuồng Giả-thủ thi Nam Phi lấy sự hi-nó ai-oán đều
đủ mà tỏ cái cảnh tình của nàng trong lúc đó thì ai thấy cũng
phải đau lòng ứa mắt.

Kính mời chư quý vi khán quan đến xem, bốn ban tất
đội ơn.

Giá chỗ ngồi :

| | |
|---------------------|-------|
| Hạng nhất | 1\$00 |
| Hạng nhì | 0, 60 |
| Hạng ba | 0, 30 |

Chú.— Từ chương trình này in trên một mặt giấy khổ
21×38 tại nhà in Trung Ương ấn-quán Sài-Gòn. Như đã biết,
ông Nguyễn-Ngọc-Cương, song song với gánh cải-lương, mà
đây ông gọi « gánh hát kim-thời », do cô Năm Phi làm đào
chánh, thì ông có một gánh hát bội khác của thân-mẫu đề



lại là gánh Cò Ba Ngoan và do vợ lớn là Cò Năm Nhỏ làm đào nhứt, thủ các vai chánh. Ông Nguyễn Ngọc-Cương là người dẫn tiên biết áp dụng các điệu bộ tuồng tích của ngành « hát bóng nói », ông cũng biết phổ biến qua các hương những gì ông thấu hiểu được trong tiền thuyết và tuồng hát Tây ông từng đọc hoặc đi xem diễn. Chính ông vừa rút các tuồng cup lạc gáy của hát bội của-biến qua các hương, diễn hình nhứt là tuồng « *Việc an Bàng Quê Phá* », tức tôi không giữ được chương - trình Ông Nguyễn - Ngọc - Cương cũng khéo phỏng theo tuồng Pháp mà diễn các tuồng xã hội trước tiên như « *Từ đồ lương* », « *Từ nương dân thực* », v.v. Ông cũng là người sáng trí biết và gọi là kinh doanh, nên thuở đó duy gánh ông biết đánh mạnh vào túi tiền khán giả bằng cách bày ra hàng « *thương-hương* » 1820, hơn hàng nhứt hai các bạc và gồm ba hàng ghế gần sân khấu nhứt. Vốn là tay câu, biết ăn chơi, trong tay cầm hai đoá hoa huệ nói « *dễ nhứt danh-ca* » mà chưa vừa lòng...

Kỳ-nữ tài-tuấn, cô Kim-Cương là ái-nữ của ông.

Ông Nguyễn-Ngọc Cương mất lối cuối năm 1915, tôi tưởng không còn tiếc hối điều gì trên thế-gian này.

Cò Năm Phì, cũng đã mất từ lâu, vòm trời sân-khấu thiếu một ngôi sao sang và hữu duyên dễ nhứt, và cũng đa tình dễ nhứt.

Một điểm son chót chừa lại cho anh bạn già Bảy Nhiều. Có ai triết lý hơn. Cần gì ghê ông kia no, nay anh lui về dưỡng nhàn, khi pha tách cà-phê phin, khi tán gẫu bạn góp chuyện cò kim với các bạn trang lứa dưới mái đình Phú-Hoa đường Trần-Quang-Khải. Không nợ tuy không nhiều tiền, duy đầu anh bạc trắng, như lúc này lý loan không ngọt, ai ai đều lo mất của mất mạng, duy anh... thiệt sướng như tiên.
V.H.S.

(Ngày 30-5-1968, tại Gia-dịnh còn nghe tiếng sùng).



XXII. — Một vát kỷ-niệm đang đề dành . Thiệp mời đi nghe nhạc đêm 25-12-1942 của hội Trao-đổi Sinh-viên Đông-Dương.

Hội Trao-đổi Sinh-viên Đông Dương xin trân-trong mời ngài đến dự buổi nói truyện và hòa nhạc do các anh em sinh-viên trường Đại-Học Hanoi và các anh em học-sinh Bắc kỳ tổ chức tại Nhà hát Tây ngày 25 tháng 12 (1942) hồi 5 giờ chiều.

Chương-trình cuộc nói truyện :

- 1) *Thanh-miềnhout-dông* . Huỳnh Van Tiêng.
một đại biểu của AGEI
- 2) *Trần Bạch-Đường* : Nguyễn Ngọc Minh.

AGEI là tên gọi tắt Pháp-văn của hội Trao-đổi Sinh-viên Đông-Dương.

XXIII .— ĐẠI HỘI CHỦ BAN

Tối thứ tư 13 Janvier 1943 tại rạp NGUYỄN-HẢO

M. NGUYỄN-NGỌC-CƯỜNG nhờ các chủ-nhơn và nghệ-sĩ trứ danh giúp đề tổ-chức một đêm hát đặc biệt mà đã lâu liệt qui chưa có dịp dự kiến.

Tên các chủ-nhơn và nghệ-sĩ đóng tuồng trong đêm ấy:



Cô Nam Phi (chủ nhơn)
và Tám Mèo, Năm Đinh gánh Nam-Phi
M. Bảy Nhiều gánh Nam Phương
Cô Thanh Tùng gánh Thanh-Tùng
M. Tám Danh gánh Danh-Dang
Cô Mười Truyền gánh Song-Phụng
Cô Bảy Nam và toàn ban gánh Phước-Cường.

21 giờ khai diễn

- 1.— Chưng lớp cháo thông chè Petam
- 2.— Gánh Phước-Cường và Song-Phụng diện tuồng Tàu
«Ngọc-nữ báo phu-cửu.»

Cô Bảy Nam, Mười Truyền, Miss Phước-Cường và M M
Ba Thành, Chín Lo, Năm Nuân, Tư Rô, Ba Lân đồng xuất
sắc thủ bốn.

3.— Từ-dỗ-tường

Là một tích tuồng rất có giá trị để răn đời lai được các
nghệ-sĩ đại tài kể sau đây đồng tuồng thì qui quan sẽ
được hài lòng :

Cô Nam Phi, Tư Tùng hiệp cùng Bảy Nhiều, Tám Danh,
Tám Mèo, Năm Đinh, vãn vãn... hiển liệt qui một đêm hát
hay vô cùng.

Kính thỉnh

Có ban giấy tại rạp trọn ngày 13-1-43

Giá chỗ ngồi : 2p00, 1p50, 1p20, 0p70, 0p40

Chú.— Vì năm Nhựt chiếm đóng nên giấy khan, chương trình
in hai mặt cỡ 11×14



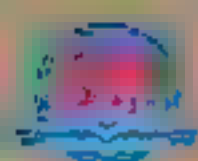
XXIV.— Một vật kỷ-niệm khắc qui không thua tờ XXII
trương 210 :

| | |
|---|------------------------|
| | Poste de Soctrang |
| N ^o 1897 | Soctrang le Août 1944 |
| Reçu de M. Vương-Hồng-Sễn | |
| demeurant à Soctrang-ville | |
| la somme de Trois piastres trente cents | |
| pour contravention : Tapage nocturne | |
| | Amende 11 fr |
| | Procès-verbal |
| Le Commissaire | |
| de Police | Citation |
| (signature et cachet) | |
| | Jugement |
| | Total 11 fr |

Dịch :

Số 1897 Bốt Sóc-trang Nhận của ông Vương-Hồng-Sễn
ngụ tại châu-thành Sóc-trang số tiền là Ba đồng ba cắc
nộp phạt . làm náo động lục ban đêm.

| | |
|----------------------|-----------------------------|
| | Tiền phạt 11 quan |
| | Vi bằng |
| Cảnh-sát trưởng | |
| (ký tên và đóng dấu) | Giấy đòi ra pháp-định |
| | Ấn tòa |
| | Tổng cộng . . . 11 quan |



Nguyên đêm 9-8-1944, binh Nhứt ở đây chợ Soc-Trang. Chung tôi một nhóm anh em tương đặc hơn ấy tề tựu nhau lại đơn ca chơi cho đến khuya, cố nhiên có rượu mạnh, có thịt, có gạo, có cườm, có lon tiêng. Sáng ngày mới đưa chung tôi bị đòi lại sổ san-dầm và bị phạt như trên, về tội làm mất trị an trong đêm. Ban đầu tôi cự nự cứng đầu không chịu nộp phạt, viện lẽ tự-tập thu cò mà làm mất trị an thì không. Ông Cò muốn cho êm thuận, xuống nước và nói thiệt yếu : « Ông Sên không tiền tôi lấy tiền tôi ra đóng phạt giùm cũng được, miễn ông cho phép tôi làm tờ biên-lai thấu nhân. » Tôi không muốn tho ơn lão Cò, thành thử tôi xuất tiền nộp phạt và cắt biên lai làm ký niệm. Sau đó tôi trở lại có người đi thưa chúng tôi là vì đêm ấy vì bọn tôi cười giỡn to tiếng quá, khiến cho họ ở bên kia vách không đánh «phê» được, nên sáng ngày đi thưa Cò, chung tôi bị phạt cho biết oai.





M U C - L U C

| | |
|--|----|
| Bài tựa của Anh THUẦN-PHONG đề ngày 9-12-1966 | 5 |
| Bài tựa tiếp theo của tôi đề ngày 6-5-1968 | 7 |
| CHƯƠNG THỨ NHẤT.— | |
| Độ chừng năm sanh và nguồn gốc cái-lương | 11 |
| Mình nói mình nghe. - Lần thân chút chơi | 13 |
| Ở đời có hỗn cái ngu | 15 |
| Tôi biết gì về gốc tích cái lương | 17 |
| Bài thơ khen phong cảnh Mỹ-tho của Hoc Lac | 19 |
| Tư Triều, Bảy Triều | 20 |
| Bài Hành-Văn «Tứ Hải» «Mắt yêng hùng» | 22 |
| Nay thử hỏi người đứng đầu công buổi tiên khởi là ai | 22 |
| Tổng-Hữu-Dịnh | 22 |
| Kinh lịch Huân hay Quờn | 23 |
| Phạm-Đặng-Đàng | 23 |
| Bài Tư-dại khen Tổng-Hữu-Dịnh sùng tu Văn-thánh-miếu . . | 24 |
| Hồ-Văn-Trung | 26 |
| Đặng-Thúc-Liêng | 27 |
| Thơ «Quá Sài-Gòn hỷ viện cảm tác» (Đặng-Thúc-Liêng) . . | 27 |
| Nguyễn-Thành-Phương | 28 |
| Thơ «Tùng-khuyến-quyên kịch xã» (Nguyễn-Thành-Phương)...28 | |
| Thơ vịnh hát bội (Nguyễn-Thành-Phương) | 28 |



| | |
|---|----|
| Thầy Hoài | 29 |
| Số Nam-Phong số 19 tháng giêng 1919, đăng ảnh Phạm Quỳnh, ảnh Nguyễn-Văn-Cư và gánh hát nhà báo Nam-ky . . . | 29 |
| Hát bội hay hát bộ ? | 29 |
| Lịch-sử cải-lương (bài của Trần Văn Khải) | 31 |
| Bài Tứ-dại-oan « Bui-Kiem thi rớt » | 33 |
| Ông Hai Khi, Bạc-Liên | 37 |
| Trở lại Trần-Văn-Triều | 38 |
| Trần-Ngọc-Viện | 38 |
| Nguyễn-Tri-Khương | 38 |
| Năm Chung, Tư Bồn, Sáu Sên, Nam Nhỏ, Ba Quyên . . . | 39 |
| Phan-Hiền-Đạo, Tôn-Thọ-Tương | 39 |
| Bài thơ khen Phan-Hiền-Đạo và Tôn-Thọ-Tương | 40 |
| Lộc, Lễ, San, Nghĩa | 41 |
| André Lê-Văn-Thần | 42 |
| Manh-Tư Trương-Duy-Toản | 42 |
| Đỗ-Văn-Y, Cường-Đề | 43 |
| Thầy Năm Tú (Châu-Văn-Tu) | 44 |
| Hào, Tong, Thông, Cang, Cúc, Thoan, Mão, Tấn | 45 |
| Lần đầu gặp tiên-nữ | 45 |
| Bài Bình-bán-văn « Bui-Kiem thi rớt » | 46 |
| Ba giai đoạn đánh dấu buổi phôi thai cải-lương | 47 |
| Câu liên tặng gánh hát thầy Thần | 48 |
| Ba Nhàn, Hai Nhỏ, Ba Theo, Bảy Cư, Tư Út | 49 |
| Thầy tuồng gánh hát thầy thuốc Minh (Trần-tấn-Chức Quyên, Quốc) | 50 |
| Cô Kiều, Bảy Cảnh | 50 |
| Toàn-nữ-ban Trần-Ngọc-Viện | 51 |
| Gánh ông Hai Cu | 51 |
| Bài của Sỹ-Tiến về Hai-Giới, Năm Phi | 51 |



| | |
|---|----|
| Trần-Ích | 54 |
| Gánh Tân-Thịnh | 54 |
| Tư Long, Năm Phôi, Hai Thiên | 54 |
| Cô Hai Đàng | 55 |
| Van-Hu-ban, Võ hu-ban | 55 |
| Gánh Phước-Cương | 55 |
| Bảy Nhiều, Nam Phỉ, Ba Lạn | 55 |
| Tập bản đồn tranh Phụng Hoàng-Sau | 57 |
| Bảng kê khai các bài ca trong tập Phụng-Hoàng Sau | 58 |
| Bài Tư-dai « Lục-Vân-Tiên » của Thanh-Phong | 60 |
| Tập bài ca « Lục tài-tử » 12-6-1915 (kê khai các bài ca) | 61 |
| Tập bài ca «Thập tài-tử» 15-6-1915 (kê khai các bài ca) | 63 |
| Tập bài ca «Tứ tài-tử » 16-6-1915 | 65 |
| Tập bài ca của Nguyễn-Tùng-Bá dat 29-8-1915 | 67 |
| Trở lại bản phỉếm | 69 |
| Nguyễn Tùng-Bá | 69 |
| Nguyễn Liên-Phong | 69 |
| Nguyễn-Van-Vinh | 70 |
| Tập bài ca Mạnh-Tự Trương-Duy-Toàn | 70 |
| Tập bài ca Nguyễn Trung-Hậu | 70 |
| CHƯƠNG THỨ HAI.— | |
| Biết bao nhiêu, nói bảy nhiều (Hồi-ky) | 75 |
| Ngày 11-11-1922 | 77 |
| Ngày 31-3-23 và 1-4-23 | 77 |
| Tư Lung, Chín Tưng, Nam Hy, Tư Mầu, Tư Nhon, Huyện Đước, Sáu Nhiều, Sáu Ngọt | 78 |
| Bảy Nhiều thuật chuyện đi nghe nhà tài-tử Ba Lễ ca | 78 |
| Anh Bảy Nhiều, ông bầu Cường | 87 |
| Tuồng Lục - Vân - Tiên diễn trong hai đêm 3-11-23 và 4-11-23 | 90 |
| Lối ca ra bộ đưa lên sân-khẩu | 92 |



| | |
|--|-----|
| Một năm quan trọng đánh dấu tiền-đồ cải-lương | |
| 1921-1922 | 93 |
| Tỷ tê tâm-sư | 95 |
| Bài bát cú « Tự thân » của cô Trần-Quốc-Anh | 95 |
| — — — « Nhứt điểm tàn dương » | 96 |
| — — — « Một bóng đèn khuya » | 96 |
| Bài bát cú « Hien gió thê trang » | 97 |
| — — — « Nhứt dạ tri tình » | 97 |
| — — — « Đen bạc xưa nay » | 97 |
| Bài tứ tuyệt « Nguyệt khuyết » | 98 |
| — — — « Nguyệt ầng » | 98 |
| Qua được trường trước còn trường sau (gặp cô Nam Phi)... | 99 |
| Cô Nam Phi qua mặt bác-sĩ Anh-Tuấn | |
| (Ngôn-Luân 18-9-1962) | 101 |
| Cô Năm Phi, bài của K. Q. S. viết (Tiếng Dội 28-10-1948) . . . | 103 |
| Văn-hí-ban | 107 |
| Cô Hai Niêm, Nam Thiên, Hai Nữ, Sóng Chung, | |
| Cô Bảy Ph. H. | 108 |
| Mộc-Quốc-Anh dâng cây | 108 |
| Năm 1924 | 109 |
| Gặp cô Ba Trà | 110 |
| Bài thơ khen cô Ba Trà | 110 |
| Làm thơ-ký cho B. T. | 111 |
| 1926—. Gánh Phước-Cương | 111 |
| Năm 1943 | 112 |
| Đêm 13-1-1943 | 112 |
| Năm 1926.— Nghĩa Hiệp-ban.— Nam-Hưng-ban | 113 |
| Năm 1927.— Nam Châu, Cô Bảy, Phước Georges | 114 |
| 1928-1929.— Núp cạnh ga xem dít móc rau | 115 |
| 1932-1933.— Câu Nam Thương Dục | 116 |
| Gánh Hồng-Nhứt | 117 |



| | |
|--|-----|
| Gánh Huỳnh Kỳ. — Cỏ Bầy P II. Cánh Tư Phước G. | 117 |
| Câu chuyện đốt tờ giấy rách kiếm tờ giấy eo công (Bạch-Hắc công-tử) | 119 |
| Câu chuyện bán Cù Nền ở Sóc Trăng | 120 |
| Năm 1938, Gánh Phước-Cương ra Bắc | 121 |
| Các đĩa hát thân năm 1938 | 121 |
| Năm 1940. — Tương Tư-vương đến thạc | 121 |
| Trích một tập tư dân ca « Dân khêu vô duyên » | 125 |
| Trong đời mấy mặt chơi (xang-xir-lu) | 126 |
| Con người phải mua vui (xang-xir-lu) | 126 |
| Bữa hoa tảo của hai trao-dôi sanh viên (năm 1942). | 127 |
| Tôi lui về quê nhà chơi Sóc-Trăng (năm 1943-1946) | 127 |
| Tư Chơi khóc Tư Út (tử tuyết) | 128 |
| Tư Thanh-Tung Cỏ Kim-Thoa, Cỏ Sáu Ngọc-Sương Cỏ Trường Vi | 128 |
| Cỏ Tư Hélène | 128 |
| Năm 1947 | 129 |
| Cùng tổ năm 1948 | 129 |
| Phép truyền nghề khi hấp hối | 130 |
| Hội Nghệ-sĩ ái-hữu tương-tế | 131 |
| Năm 1949 | 131 |
| Lễ giỗ tổ 6-10-1949 | 131 |
| Trăm Trinh-Ann (23-10-49) | 132 |
| Kỷ yên đình Tân-An (22-4-52) | 133 |
| Giỗ Lê Thương-công, hát tuồng Sơn-Hàn | 133 |
| Phụng-Nghi-đình và Sơn-Hàn (12-9-51) | 133 |
| Giỗ thân Võ-Di-Nguy ở đình Phú-Trung (10-2-1952) | 133 |
| Hội Khuyến lê cò ca ăn lạc thành (8-12-1952) | 133 |
| Gánh hoa Sen và gánh Năm Châu Việt-kích. | 134 |
| Tuồng Na-Tra lóc thit (4-1-1953) | 135 |
| — Trương-Phu thủ cò thành (9-1-1954) | 135 |



| | |
|---|-----|
| — Trưng-Nữ-Vương (Thân-Văn soạn) 15-5-1954) | 135 |
| — San-Hầu lớp ba (7-1-1956) | 136 |
| Quán Gà Quay hát Phụng-Nghi-Định (10-11-56) | 136 |
| Tuồng Ngũ biến báo phu cứu (Hội Khuyến lệ cổ ca tở chức) 20-1-57 | 136 |
| Cô Năm Sa-Déc thủ vai người con đi hành khất | 137 |
| Cô Ba Út vai lão-trượng | 137 |
| Cô Cao-Long-Ngà vai Huệ-hòa-thượng | 137 |
| Cô Năm Đồ vai Sơn-dòng mãi võ | 137 |
| Kép Hành thiện nghệ vai Trương-Phi | 137 |
| Ban ca vũ Huế diễn tại rạp Thống-Nhất (12-4-58). | 137 |
| Ông Nguyễn-Văn-Cứng xây châu tại rạp hát lãg Tả-Quản (2-9-59). | 138 |
| Tuồng Tống tửu Đơn-Hùng-Tin (hội Khuyến lệ cổ ca) (10-1-1960). | 138 |
| — Dãi yển Đoàn-Hồng-Ngọc (17-1-1960). | 138 |
| Ông Trần-Văn-Khê hỏi tại liệu về miêu-nồi (30-10-1960). | 138 |
| Tuồng Hoàng Phi-Hồ qui Châu (8-10-61) | 138 |
| Nhóm đại-hội nơi hội khuyến lệ cổ ca (28-1-62) | 139 |
| Tuồng Nguyễn-Huệ đại chiến Gò Đống Đa (Tân-Sửu) (1-1962) | 139 |
| Tối viếng mộ huê-khởi Pháp «la Dame aux camelias» (5-5-1963). | 139 |
| Gặp nhóm kịch-sĩ Phap de la Comédie Française (6-1963) | 140 |
| Một bữa đi xem hát ở Paris (6-1963) | 142 |
| Đại-hội thi-ca-vũ-nhạc-kịch rạp Hưng-Đạo (18-7-1964) | 143 |
| Gánh Thanh-Minh Thanh-Nga ăn mừng được 15 tuổi (29-5-65) | 143 |
| Xã Bình-Hòa (Gia-Định) cúng giỗ đình-thần | 143 |
| Hát tuồng Dịch Thanh ly thợn (5-10-1965) | |
| — — Mạnh-Lệ-Quản thoát hải (6-10-1965) | |
| Tuồng Đoàn-Hồng-Ngọc đá cổ-nhạc (7-10-65) | 144 |
| — Tiêu-Anh-Phụng loan trao (8-10-65) | 144 |



| | |
|---|-----|
| Hội chầu hát Phụng-Nghi-dinh (9-10-65) | 144 |
| Xuống Mỹ-Tho xem hát Phụng Nghi-dinh (14-12-65) | 144 |
| Năm 1966, Năm Châu cho ra đời gánh Ánh-Chiến-Dương . | 145 |
| Lắm cảm thêm mấy hàng | 145 |
| Hội nghề-sĩ được thành lập | 146 |
| Thương ai tiếc ai ? | 146 |
| Các vai hề không quen nhưng như nhau có duyên : | |
| Ba Vân, Sáu Được, Tư Róm, Vân Trinh, Hề Ty, | |
| Lê Tâm, Phúc-Lai, Tư Vững, Hề Giác, Hề Minh, | |
| Hai Vinh, Hề Được, Hề Lũ, Hề Lu, Tấn-Lộc | 147 |
| Các kép đẹp trai đang thời xuân-sắc | 149 |
| Út Trà-Ôn | 149 |
| Bảy Cao, Bảy Xê, Thành-Được, Minh-Chí, Hoàng-Giang . . | 150 |
| Hữu-Phước, Việt-Hùng, Thanh-Nga, Thanh-Thanh-Hoa . . | 151 |
| Ngọc Nuôi, Kim Hoàng, Út Bạch Lan | 152 |
| Nam Phi, Thanh Loan, Cờ Bảy P. H. | 153 |
| Khóc các bạn đã không còn : Tư Anh | 153 |
| Huỳnh-Thủ-Trung tự Tư Chơi | 155 |
| Cờ Kim-Huì, cờ K.T. | 156 |
| Tuồng «Tôi xin chữa», «Hai mặt còn trơ», «Tiếng nhạn | |
| kêu sương» «Em muốn tự do», «Nợ dầu» Mã-Lê công- | |
| chùa, Buồn tan thu, Đêm đông, hồn Vong-Phu | 157 |
| Tư Út Phạm-Thế Đầu | 158 |
| Tư Út qua gánh Tân-Hưng gặp Tư Thạch, qua Tái- | |
| đồng-ban gặp Năm Châu, Tám Meo | 159 |
| Tư Út làm chủ gánh Văn Phước, kép làm reo cao | |
| trọc đầu | 160 |
| Tuồng Một đêm trăng trong ngự uyển | 161 |
| Tuồng «Mộng Hoa-vương» của Trần-Hữu-Trang sau | |
| đổi làm Một đêm trăng trong ngự-uyển | 161 |
| Vai Nguyên-dế và điệu múa trên cột Mạnh-Lệ-Quân | |
| dưới cội liêu | 161 |



14-5-1961 mai táng hài cốt Tư Út trong Nghĩa-địa

| | |
|--|-----|
| Hội Nghệ-sỹ | 162 |
| Còn sơ sót nhiều | 162 |
| Paul Tấn | 163 |
| Tấn-Thành, Năm Bé | 163 |
| Cô Sáu Ngọc-Sương | 164 |
| Nhạc hình ảnh cũ . Cô Năm Phỉ, Cô Bảy Phụng-Hà | 165 |
| Hồi-ký II (các bài ca cũ từ 1909 đến sau này) | 167 |
| Hồi-ký III (tôi biết gì về hát bội) | 167 |
| Tổng luận .— Thử danh dấu lịch trình tiền tiền của cải lương | 167 |
| Đại cương trong mấy hàng | 176 |
| Phần phụ-lục | 179 |
| I — Bài Tứ-dại «Phụng-Nghi-dinh» (trích tập Thập tài-tử) | 181 |
| II.— — — «Ngô trăm Trinh-Ann» (tập Bát tài-tử Ng. Tùng-Bá) | 183 |
| III.— — — «Ngô trăm Trinh-Ann» (tiếp theo như trên) | 186 |
| VI.— — — «Vợ Ngũ-Thiệu bi tên» (Bát tài-tử Ng. Tùng Bá) | 188 |
| V.— — — «Vân-Tiên» (tập Tứ-tài-tử) 16-6-1915. | |
| Thanh-Phong | 191 |
| VI.— — — «Vân minh» của Hoàng-Huấn-Trai (thập tài-tử 5-6-15) | 193 |
| VII.— — — «Tây-Nam đượ» (bài ca pha nhiều tiếng Tây) | 196 |
| VIII -- Bài ca di Tây (Thập tài-tử) 15-6-1915 | 198 |
| IX.— Bài ca «khồ sai Côn-Nôn» (Bát tài-tử) | 201 |
| X — Bài bình bán văn «Cổ đồng tranh thương» của Nguyễn-Tri-Khương | 204 |
| XI.— Hành-Văn «Kiều khóc Tử-Hải» của Quốc-Biêu (1923) | 205 |
| XII.— Hành-Văn «Kiều ăn cắp chuông» (theo tập bài ca Mỹ-tho) | 206 |
| XIII.— Tiếng nhạc trong tù | 207 |



| | |
|---|-----|
| XIV.— Chương trình gánh Thầy Năm Tú hát 2 ngày 11 và 12-11-1922 | 209 |
| XV.— Trích sao chương trình gánh Thầy Năm Tú diễn 25 và 26-11-22 | 216 |
| XVI.— Sao y nguyên văn chương trình gánh Thầy Năm tú : «Trang-Châu mộng hồ-diệp» | 217 |
| Cảm tưởng của tôi khi xem diễn tuồng | |
| Trang-Châu mộng hồ điệp | 221 |
| Bản Cổ-hồn-ca bằng Hán-tự và bốn bản dịch nôm . . . | 223 |
| XVII.— Trích tờ chương trình còn giữ được của gánh Thầy Năm Tú diễn đêm 16-12-1925 «Kiều du thanh-minh», «Kiều mai thân» | 226 |
| XVIII.— Trích chương trình đêm hát tuồng Lục-Vân-Tiên tại Nhà Hát Tây Sài-Gòn đêm 3 và 4-11-1923 | 227 |
| XIX.— Trích chương trình ba đêm hát tuồng «Tối độc phụ nhơn tâm» do sanh-viên trường trung-học Huỳnh-Công-Phát diễn . 20-1-1923, 21-1-1923, 27-1-1923 | 230 |
| XX.— Trích chương trình của gánh Nghĩa-Hiệp-ban năm 1926. | 232 |
| XXI.— Sao y chương trình gánh Phước-Cương năm 1926 | 233 |
| XXII.— Một vật kỷ-niệm đáng đề dành : tấm thiệp mời của hội Trao-đổi Sanh-viên Đông-Dương 25-12-1942 | 236 |
| XXIII.— Đại-hội chư ban diễn đêm 13-1-1943 | |
| rap Nguyễn-Hảo | 237 |
| XXIV.— Một tài liệu khác qui không thua tài-liệu số XXII | 238 |





ĐÍNH-CHÍNH

| <i>Thay vì</i> | <i>Xin đọc là</i> | <i>Số trang</i> | <i>Dòng</i> |
|---|--|-----------------|---------------|
| gắn | gấm | Tựa | 21 |
| | | Th.Ph. | |
| thê | thuở | 19 | 22 |
| : # đơn giới rồi.. tuổi đã # | : cô là Trần - Ngọc - Viện (tr.109) bà này thiện nghệ đàn tranh ; 10 tuổi đã đơn giới rồi, và cha mình là | 20 | 8 và 9 |
| hay | nay | 24 | 32 |
| trước nhà | trước nước nhà | 25 | 1 |
| cảm xúc cũ | cảm xúc việc cũ | 27 | 15 |
| lại lặp | lặp lại | 28 | 1 |
| trầu lộn | trầu lộn | 28 | 17 |
| thuộc | chước | 33 | 1 |
| Sễn và | Sễn làm mụ và | 37 | 15 |
| làm tang | làm tàng | 38 | 2 |
| xử dụng | sử dụng | 38 | 26 |
| tốt | tốt | 40 | 10 |
| và ông. | và ông Mạnh-Tự Trương- Duy-Toản | 42 | 22 |
| địa-diễn-chủ | đại điển-chủ | 43 | 1 |



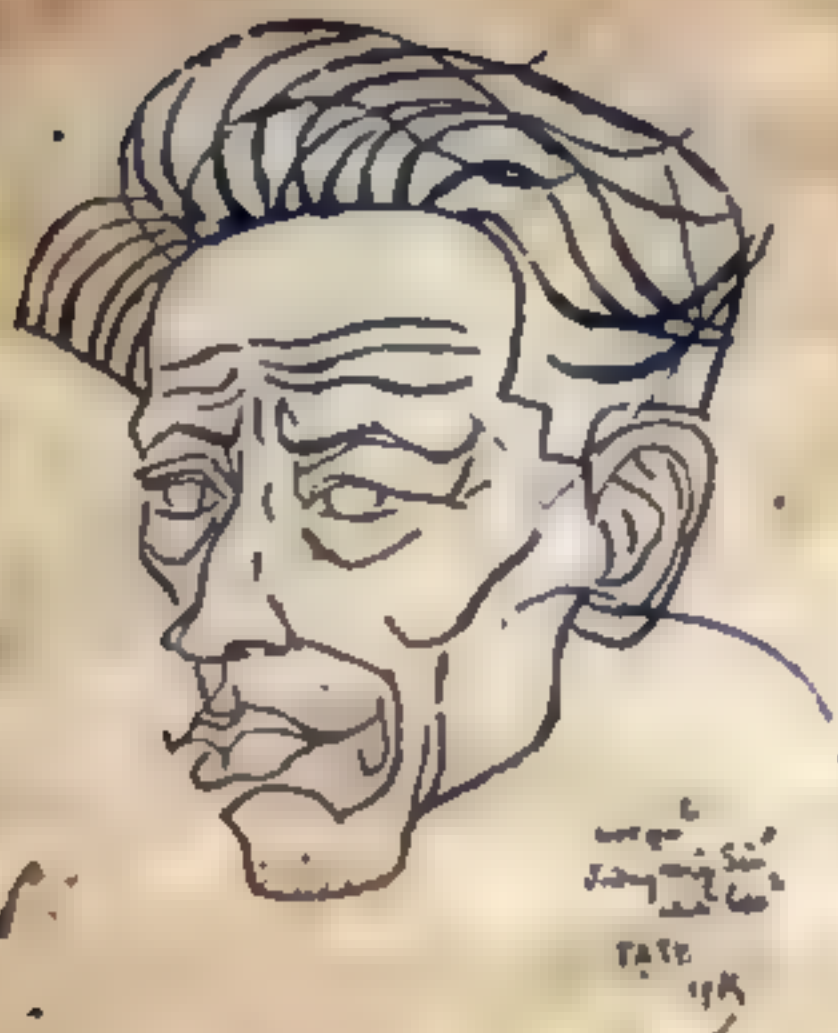
| | | | |
|-------------|----------------|-----|-------------------|
| 1020 | 1920 | 44 | đồng chót |
| bờn | hờn | 46 | 21 |
| Năm Nho | Năm Nhỏ | 47 | 25 |
| hầy | Thầy | 48 | 10 |
| thờ | thời | 49 | 3 |
| đó. | đó.) | 49 | 11 |
| làu | lầu | 53 | 28 |
| ngĩ | ngĩ | 54 | 4 |
| thần nào | thần cây nào | 56 | 9 |
| Hồn-Liêu | Liêu-Hồn | 58 | 9 |
| trừ bài | trừ vài bài | 60 | 3 |
| (tr. 16) | (tr.26) | 60 | 3 |
| phép | chép | 60 | 16 |
| Tong | Tổng | 61 | 7 |
| Rao | Rao | 67 | 12 |
| núi | niú | 67 | 18 |
| Trl | Trà | 78 | 21 |
| sòng | sống | 80 | 27 |
| sòng | sòng | 81 | 15 |
| ăn nhập | ăn rập | 83 | 2 |
| nghe | nghe | 83 | 26 |
| khan | khen | 91 | 18 |
| cũng đội | cũng đội | 97 | 10 |
| trương 122 | trương 165 | 103 | chót (phụ chú) |
| 1624 | 1924 | 109 | 1 |
| ràn rở | căn rở | 109 | 14 |
| sau cùng | sau còn | 111 | 3 |
| ưa bề, | ưa bề. | 111 | 4 |
| màu bộ tịch | màu mè bộ tịch | 112 | 3 |



| 1927.— Năm 1926. | 1927.— Năm 1927. | 111 | 17 |
|------------------------------|------------------|-----|----|
| cây diệp | cây diệp | 117 | 28 |
| Thầy | Thầy | 119 | 28 |
| bản c.t tao | bản con c. tao | 120 | 4 |
| cá xóc | cá xóc | 120 | 10 |
| đĩa | đĩa | 123 | 8 |
| Cò ba đĩa | Cò ba đĩa | 123 | 26 |
| giồng tổ | dòng tổ | 125 | 27 |
| Nó càng thêm | Nó thêm | 125 | 28 |
| bống kèn | bống kéo | 127 | 28 |
| Huấn | Huấn | 129 | 17 |
| Đồ | Đồ | 133 | 14 |
| Hình | Bình | 133 | 18 |
| năm | Năm | 137 | 9 |
| Tổng | Tổng-Ngọc-Long | 141 | 9 |
| Ngọc-Long Tiều- Anh-Phụng | Tiêu-Anh-Phụng | 144 | 10 |
| (Đất Hộ | (Đất Hộ). | 154 | 17 |
| khí ếm | khiểm | 163 | 27 |
| 18 tháng | 28 tháng | 167 | 16 |
| đĩnh ngộ | đĩnh ngộ | 167 | 27 |
| lý lấy | lý đã lấy | 173 | 20 |
| Đồ | Đồ | 181 | 7 |
| phen | phe | — | 8 |
| Trường-an | Trường-an | — | 14 |
| ừa | ừa | 187 | 20 |
| tổ | tả | 198 | 8 |
| nếm | mềm | — | 9 |
| mène | mème | — | 9 |
| manh dệm | manh dệm | 208 | 11 |
| hươi | huoi | 211 | 25 |



| | | | |
|------|-------|-----|----|
| chân | chẳng | 212 | 6 |
| hèn | nèn | 213 | 11 |
| đông | động | 214 | 3 |
| đôi | đối | 214 | 25 |
| choi | cho | 219 | 23 |
| Minh | Minh | 225 | 25 |
| XVI | XIV | 227 | 11 |
| 184 | 210 | — | 12 |
| Diễn | Diễn | 230 | 11 |
| 210 | 236 | 338 | 2 |



VƯƠNG-HỒNG-SẼN

Sinh năm 1902 thật tên là Vương-Hồng-Thành hay Thịnh. Ngày 4-11-1904 khi làm giấy khai sinh người giữ sổ họ-bộ ghi làm thành Sên. Học ở trường Chasseloup sau làm công chức và hưu sớm để chuyên về văn-nghe thích khóa cửu và hát bội và cải-lương; đã từng cộng tác với Đài Phát Thanh ký bút hiệu là Anh Vương Văn Đường Đem-Lỗ-Trai, và làm việc tại Viện Bảo tàng Saigon từ 1947 đến 1964.

Sách đã xuất bản :

- Thơ chơi sách (1960)
- Saigon năm xưa (1960)

Vương-Hồng-Sên còn ưa thảo cửu và các trò chơi cờ truyền như đá dè chơi gà chơi cá chơi chim trông kiếng cung và nghệ thuật chơi cờ ngoại; nghiên cứu về chuyện lâu đời xưa và nay; rất sành về đồ-cổ.

HÌNH ẢNH

CÁC THỂ-HỆ NGHỆ-SĨ

CẢI-LU'ÓNG



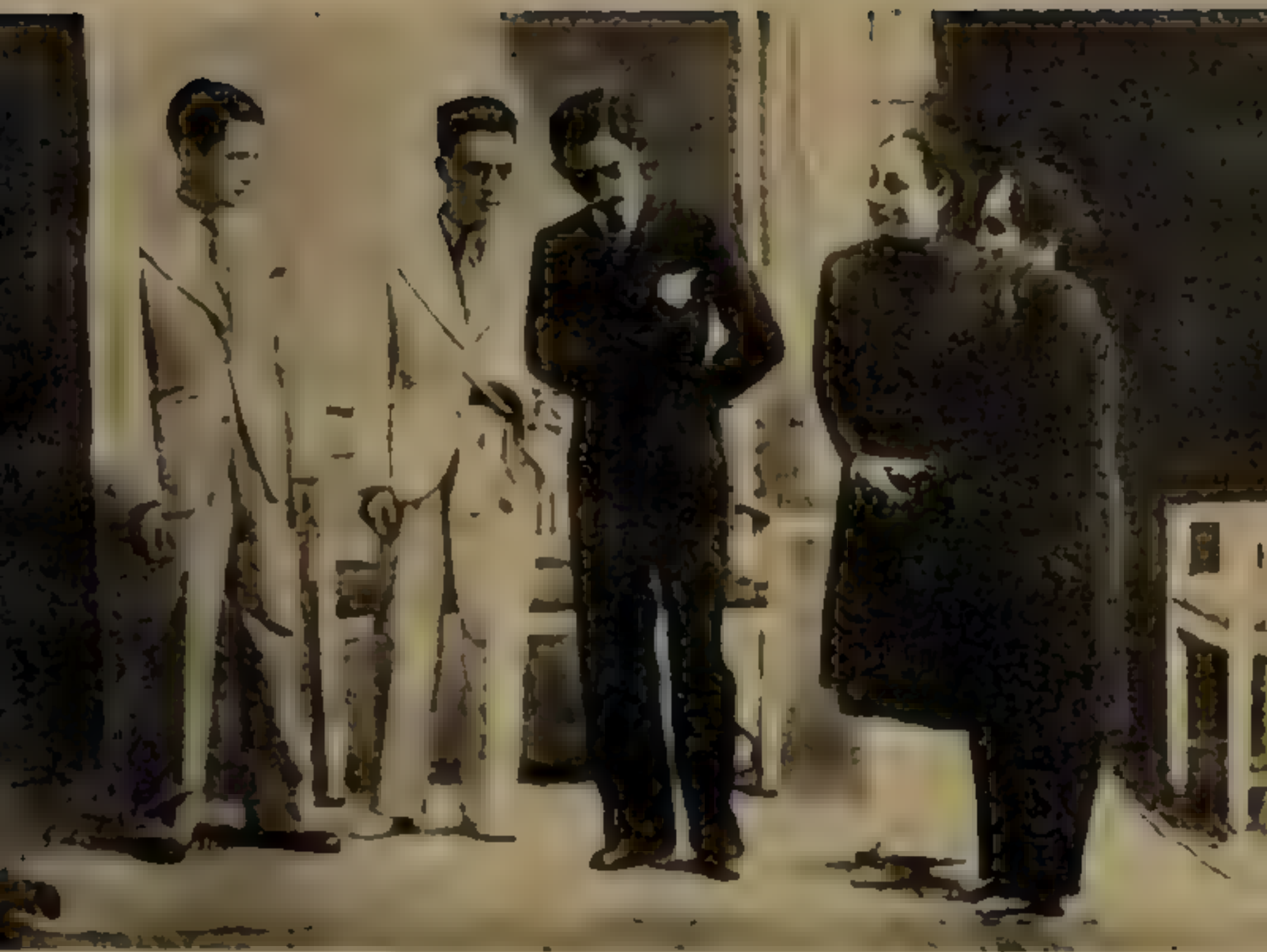


Cô Lê-thị Phi tự Cô Nam Phi (†), vai Si-Van công
chùa (lời năm 1931)

(†) = đã tự trần



Sĩ Văn công-chúa (Năm Phỉ †) và ông hoàng tinh-tu
Cô Bảy Phùng-Há (lời năm 1931)



Ảnh các tài-tử gành Trấn Đạc (Cần Thơ) trên bia tập tuồng "Ven màn hi
mặt", sau đổi thành "Khúc oan vô lượng" do Huỳnh Thủ Trung (†) tư Tư
Chơi soạn (lời năm 1931)

Tư Anh (†) Nam Châu, Tư Ut (†) Cô Phụng Hạ, Cô Ba Liên, vợ kếp Tư Anh (†)



Ảnh bia tập tuồng . Khúc oan vô lượng của gành TRẦN-ĐẤT
(lời năm 1931), tác-giả vở tuồng là Huỳnh-Thủ-Trung tự Tư Chơi

Hàng 1 . Nam Châu, Cô Ba Liên (†) Nam Châu, Tư Ut (†)

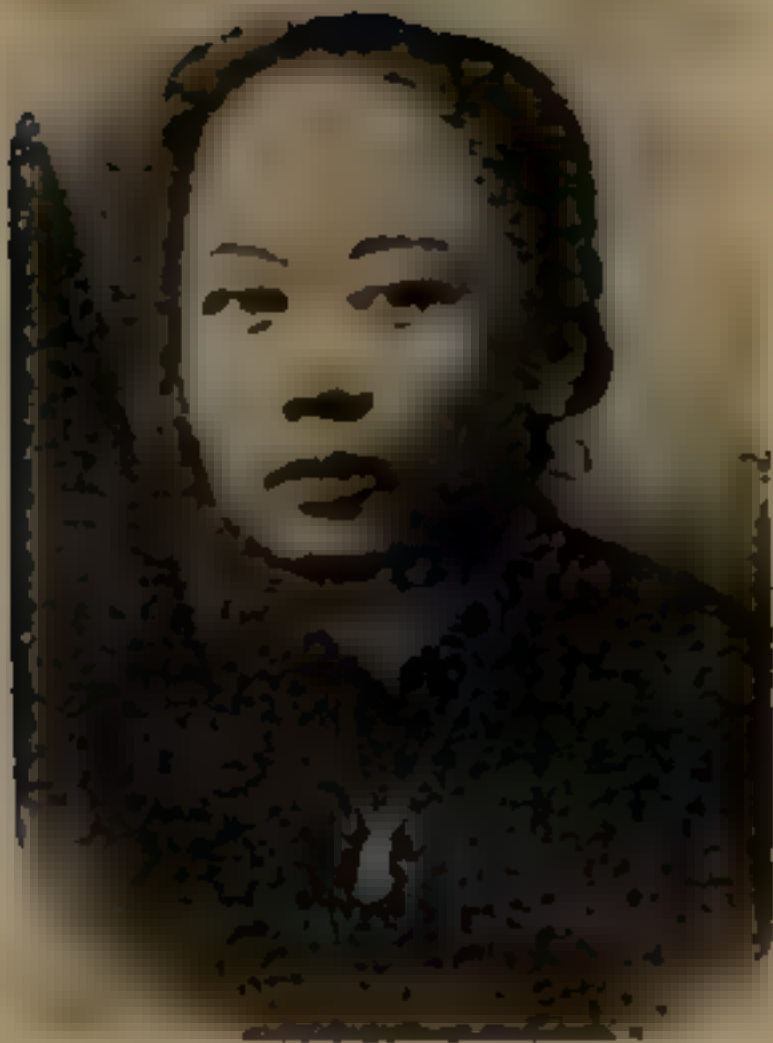
— 2 Tư Chơi (†) Cô Phụng-Hà, Cô Phụng Hà, Cô Phụng Hà,
Cô Ba Liên (†)

3 . Cô Ba Liên (vợ kếp Tư Anh) (†) Tư Ut (†) Cô Phụng Hà,
Cô Phụng-Hà, Cô Ba Liên (†)

4 . Nam Châu, Cô Phụng-Hà, Tư Anh (†) Nam Châu,
Tư Ut (†) Cô Phụng-Hà

— 5 Tư Ut (†) Tư Chơi (†)

HAI THỂ HỆ : HÁT BỘI VÀ CẢI LƯƠNG



1) Thẻ hệ Hát bội :
nghệ - sĩ quá cố
Huỳnh-thị-Tân tự
Cỏ Nấm Nhỏ (mất
năm 1938) (ảnh
năm 1931).



2) Thẻ hệ Cải - lương : nghệ - sĩ
Ngọc-Xứng, mới mất gần đây.

HAI SAO SÁNG GÁNH PHỤNG-HẢO

(ẢNH CHỤP LỜI NĂM 1947)



Cô Sáu Ngọc Sương



Cô Tư Thanh-Tùng



Kép Tư Anh (†) đang được
Van-Ngân giúp sàm tống

BỐN NỮ NGHỆ-SĨ HÁT BỘI:



Cô Cao Long Ngai (1930)



Cô Ba Uí (1960)



Nguyễn-Kim Chung tự Cô Nam
Sa-Đéc (ảnh năm 1931)



(ảnh năm 1961, tự trần năm 1968)

BỒN NAM NGHỆ-SĨ TIỀN-BÓI :



Nguyễn Thanh-Châu
từ Nam Châu (1938)



Huỳnh Nùng-Nhiều
từ Bảy Nhiêu (1938)



Ba Văn (1940)



Duy-Lân (1955)

BỐN NỮ NGHỆ-SĨ TIỀN-BỒI :



Cô Phùng-Hà vai
Mông-Hoa Vương



Cô Kim-Thoa
và kếp Ba Văn



Cô Bảy Nam



Cô Bảy Ngọc (Bảy Vinh-Long,
1960)



THÀNH ĐỨC
Huy chương vàng giải Thanh Tâm



HUU PHUOC

Huy chương vàng giải Thanh-Tâm



ÚT TRÀ ÔN





HÙNG CƯƠNG



Cô NGỌC BÍCH



THANH NGA (1958)

Huy chương vàng giải Thanh Tâm lần đầu tiên năm 1958



KIM CƯƠNG (1967)
Ái nữ của cô Bảy Nam



Cỗ Kim Chung



Cỗ Bích-Hợp



Cỗ Thanh-Thanh-Hoa, Kép Thành-Được